

CÓ MỘT NGƯỜI KHÔNG MUỐN ỒM NỮA

Đêm vừa rồi, Nguyễn lại lên cơn sốt rét. Cứ cách một ngày, sốt và rét lại trở về. Vào những ngày cắt cơn, Nguyễn nhớ đến bệnh tình đêm trước cả xác lẫn hồn bị lạnh và nóng kế tiếp nhau mà dày vò, chàng lại tưởng như đây chỉ là một cơn ác mộng. Thật vậy, không ai ngờ rằng người ta đang khỏe khoắn tươi tỉnh như thế này, ăn ngủ đều như thế này mà lại là tội nhân của một thứ bệnh giam lỏng mình đây. Trông thấy Nguyễn vững vàng như thế không ai dám bảo rằng hôm qua hẳn đã là một thằng ốm và ngày mai đây hẳn sẽ lại ốm như thế, nghĩa là rét và sốt, rồi bỏ cơm cháo, rồi chê thuốc chê thầy và rồi nói mê rất nhiều câu quái gở. Cứ thế những lúc tỉnh táo, vào những ngày chẵn, bệnh cắt cơn, nằm tĩnh dưỡng mà nghĩ đến những ngày lẻ, bệnh nổi lên để hành con bệnh, Nguyễn tưởng những cử chỉ ấy của mình chỉ là những trò đùa và ngày mai đây - là cái ngày lẻ mà sốt rét đã hẹn hò về lại với mình - không khi nào chàng lại có thể diễn lại những trò giống như hí lộng ấy được.

Cái gì mà đêm qua, trời nóng làm tử và giường gỗ cứ xê dọc thớt gỗ từng tấm một, tiếng kêu nổ như bể sành củi khô, mà chàng lấy cả một cái chân dày những sáu cân bông trùm kín cả đầu lẫn chân, nằm phủ phục, chống hông lên trời rên hừ hừ và kêu la mãi vì vẫn thấy lạnh ở hai vai và buốt ở sống lưng. Sau một trận đại hàn thì tiếp đến một cơn nóng mà cơn bệnh tưởng chừng như gió nam ở tất cả những

buổi chiều mát của cuộc đời này cũng không thổi tan được. Những ông lang và những sách thuốc quả quyết rằng bệnh sốt lên cơn nóng ghê nhất là chỉ đến ba mươi chín độ rưỡi. Nguyễn không tin. Nguyễn cho rằng đây là lời nói của những ông lang chưa bị ốm lần nào. Nóng cháy người lên như thế mà lại không tới bốn mươi độ là nghĩa lý gì?

Những lúc sốt, Nguyễn có những ý muốn gì ấy à? Lúc bấy giờ, kẻ đau ốm đã quên cả lễ phép đối với những người khỏe mạnh chung quanh trông người nào cũng đạo mạo trịnh trọng cả, kẻ đau ốm đã cởi cả áo lẫn quần, vút tung hê hết lũ vải lụa che đậy hình hài và trả lại manh quần áo cho sự văn minh phiền phức xong rồi, thì Nguyễn muốn nhảy tùm ngay vào cái bể nước kinh niên ngoài sân, hoặc chạy vụt sang chú Khách bán thực phẩm trước cửa, xin ngồi lọt thõm vào cái máy nước đá ướp các đồ ăn và rượu bia trong mùa viêm nhiệt. Nguyễn đã nóng đến phát điên lên chứ chẳng phải là chuyện chơi. Người ốm ấy gắt, hét, chửi, nguyên, doạ nạt cả những sinh vật hèn mọn ở trên trần, nơi vách và dưới nền nhà. Nằm trên giường bệnh, phỉ nhổ thuốc, xỉ vả ông thầy vắng mặt, Nguyễn có nhiều phút thấy mình cần phải giết người thì trong người may ra mới đỡ nóng. Ai dám bảo sức nóng chỉ có không đầy bốn mươi độ. Nguyễn tin rằng giữa cơn nóng, chàng loã lồ thân thể, cào xé bất cứ cái gì bận mắt chàng, giữa lúc ấy đem hàn thủ biểu đo cặp vào nách chàng, thì cặp đến cái nào là phải vỡ bung cái ấy. Thủy ngân phọt ra hết. Sức nóng phải là hơn nước sôi, phải là quá một trăm độ. Ghê quá. Lại còn mưa ra giun sống nữa. Lại khóc cả người chết lẫn người sống nữa. Cả nhà Nguyễn đâm sợ.

Cơn nguy kịch đã qua.

Bệnh nhân được nghỉ đúng một ngày, để ngày mai lại chịu lại những cực hình của bệnh sốt rét cách nhặt.

Nguyễn bắn khoăn, nằm mở mắt thao láo, đem mãi cái nhõn tuyến mệt mỏi của mình ra mà đuổi theo mấy cặp muỗi ngày đang vì vu ôm yêu nhau qua một vùng không gian sặc sụa mùi ký ninh

lẫn vị thuốc bắc. Vợ Nguyễn đưa quần áo cho chàng thay.

- Nay, hôm qua mình lên con sốt dữ dội hơn tất cả những cơn mọi ngày. Mình chửi cả cụ Hai lại thăm và biểu cân táo trắng kia kia. Minh lại gọi tội là Dung. Lại còn Dung nào nữa? Người bạn học của tôi mà mình vẫn ca tụng là người đàn bà lý tưởng ấy mà.

Nguyễn hơi ngượng. Xấu hổ vồn lên khuôn mặt xanh rờn chàng một chút lòng dào. Nhưng Nguyễn vẫn nghe vợ kể tiếp:

- Chắc lúc mê sốt thì chẳng nhớ lại được những câu mình nói. Tôi vừa sợ vừa buồn cười khi thấy mình mồ hôi ra như tắm, rồi mình bắt cuốn hết màn lên và lại gọi con gió là chú. "Ai gõ cửa đấy? Chú gió đấy phải không?".

Nguyễn đổi chiều nằm, nhếch mép cười:

- Ai lại nói mơ đến như thế. Chỉ bịa.

Vợ Nguyễn nguyền và muốn tỏ cho chồng biết mình không có ý vu cáo một người ốm, nàng bèn tương ngay chứng cứ ra: một tờ giấy có những dòng chữ chì xanh ngùng ngoằng. Trong cơn sáng sốt không rõ Nguyễn đã mê thấy gì mà viết nguệch ngoạc những câu tối tăm ma quái như: "... Cái người lái đò chở những linh hồn tội nhân sang ngang bên sông Hắc thủy ấy, có hai con mắt đỏ rực lỗi hằn như hai cái đèn bin soi xuống một vùng nước đặc như bùn lầy. Những vết ánh sáng nơi mắt người lái đò chiếu ra, đỏ và rung rinh như những con chạch máu oằn oài. Mùi nước tanh hơn mùi hột vải bỏ bếp và mỗi phả vào mặt, lại hâm hấp nồng nồng như hơi lửa lò vôi. Cái bát cháo lú của bà cụ già cho ăn vừa rồi thế mà đủ làm cho ta quên mất đường về. Bên kia bờ, không một tiếng chó, không một tiếng gà, lạnh tanh, đen và buồn quá..."

Nguyễn đọc đi đọc lại, tự cho những dòng viết trong cơn mê sốt như thế là hay lắm, nếu lúc ấy chàng đã cố ý dùng sức mạnh của trí tưởng tượng để vẽ nên một cái gì trong loại văn huyền ảo. Nguyễn lại tự nhủ: "Nếu ở cái đời khoa học đều thiết thực cả như thế này,

mỗi đứa chúng ta đều ghi nhận lại được kết quả những ảo cảnh và cảm giác của mình khi tinh thần rối loạn vào lúc bệnh tình khủng hoảng, thì sẽ có rất nhiều bức họa kỳ dị quái đản lưu lại cho cái đám hậu thế khỏe mạnh lắm đây"! Vợ Nguyễn vẫn nói:

- Mình thấy những cái gì mà lạ thế? Bà cho là mình đã lỡ trêu phải cô cậu ở đền phủ hoặc cây đa miếu thiêng nào, nên đã đem khăn áo của mình ra ngã ba để hù hồn. Hôm nay mình tỉnh nhiều lắm. Có lẽ đúng đấy. Tính mình ngỗ ngược kia. Chồng có khỏi rồi lại đưa anh đưa em đi rừng đi bể, nhờ trêu vào ma mường thì khốn đấy.

Nguyễn thấy nhạt tai, nhạt mồm, nhạt cả mắt. Con mắt nhạt lại nhìn vào giữa một cái phòng nhạt. Nguyễn bảo vợ đưa cho mình cả tập báo ứ trệ lại mấy bữa nay không giờ đến. Thế giới độ này nhiều việc biến cải quá. Cuộc đấu bể giữa nhân loại. Cuộc đấu bể trong lòng người phải làm chúng cho thế kỷ. Bức dư đồ bình diện lại có sự thêm bớt.

... Lại có một Kinh thành nữa gặp vạ.

Gập tờ báo lên ngực, Nguyễn thấy ốm đau lúc này là một điều đại sỉ nhục cho một trang thiếu niên. Chưa bao giờ hơn lúc này. Nguyễn thấy khổ vì thiếu sức khỏe và thèm tiếc cái sức khỏe cũ của mình bị mòn mất đi vì những ngày trác táng xưa xa.

Nói gì chuyện xa. Mới năm ngoái đây thôi chứ đâu xa. Những bạn phùng trường tác hỉ đã ganh ghét với Nguyễn bởi vì họ thấy Nguyễn càng chơi bời càng khỏe, càng lầy dềm làm ngày thì lại càng tỉnh táo, lại càng ăn nhiều, uống nhiều, hút nhiều, nói chuyện ở đám đông người lại càng có duyên và vào những lúc trác táng sa ngã liên miên như thế, hễ gặp một việc làm ăn gì phải tính toán bằng tài bằng trí, thì Nguyễn chưa hề vấp hoặc hớ lầy mây may. Những lúc được cuộc sống hậu đãi như thế, Nguyễn cũng thừa hiểu rằng chẳng qua là do sức khỏe lồi dần đi hết. Phong, sương, cảm, mạo của cuộc đời bừa bừa khinh địch hãy gửi tội Nguyễn đấy, đợi lúc nào cái

máy lớn ấy gặp giờ thiếu một cái đinh ốc thì chúng sẽ nhao nhao nổi dậy để phá cái đại cục trong người Nguyễn một thể. Dầu đổ, bìm leo, quả có như sự tiên tri của Nguyễn.

Hơn một năm nay chàng hay ốm vặt. Lưng mỏi, vai mỏi, xương sống lỏng lẻo và ông chân buồn như có giò đứt. Chưa có tuổi mà mỗi lúc tiết trời giao nhau, là cơ thể chàng lại xộc xệch mấy buổi. Người ta bảo chàng có chứng phong thấp. Và người ta lại bảo rằng mười người chơi bời thì có đến chín kẻ thể nào cũng phong thấp. Nguyễn cũng chẳng lấy thể làm tức mình mà lại còn cho là phải, là đúng nữa. Con người ta sống cho có điều độ thì đã vội việc gì đến thể? Cái quả ngày này bao giờ cũng do cái nhân ngày nọ kết nên. Chính chàng đã tự tạo lấy sự suy đồi đọa lạc, chứ nào phải tiên thiên kém hay thiếu gì cho nó cam. Vậy cho nên không dám oán trách và chỉ biết có hứng chịu, Nguyễn đã bình thân mà hắt hơi, mà sổ mũi, mà nhức đầu, mà buồn bã nơi chân tay và cả nơi tâm tư. Hơn một năm như thế. Ốm đã là một thói quen. Một cơ thể suy mòn vốn hay gây cho người ta một cái tinh thần uỷ mị, Nguyễn đã thấy những dịp mình được ốm như thế là một cái cơ để mà chính thức tuyên bố một cái tính lười. Lười một cách chân chính, phải có người nói ngọt, cho ăn ngon, nâng giắc và chiều những cái ẻo oẹ nũng nịu, Nguyễn còn muốn cái gì nữa! Lúc ốm, lại còn là một dịp để đình chiến với cuộc sống; bỏ dở những công cuộc làm chung với những bọn ngu tợn bướng mà lỡ gặp phải trên đường đời, không phải thực hành những lời hứa đã đến kỳ hạn, và đuổi những chủ nợ ra khỏi nhà mình, nói nhăng nói cuội nói lớn mà không ai dám ngăn cấm. Nguyễn đã cho những ngày ốm một cách nhẹ nhẹ như thế tức là một lối xa xỉ trong cuộc sống của người muốn sống bằng tình cảm. Mỗi tháng ốm độ một kỳ. Mỗi kỳ độ hai ba ngày, cứ ăn rồi lại nằm dài như kiểu anh đồ thể hệ trước lúc chưa hiển đạt, nằm ườn ra đấy mà đợi cái thời của mình. Làm phí hao thời giờ, người ta bảo lại còn là một nghệ thuật nữa kia đấy. Tưởng phải tranh đầu, hoặc kiến thiết gì bằng những tư tưởng tích cực thì Nguyễn hàng,

chứ cái lỗi tiêu cực như thế thì Nguyễn giỏi lắm. Cái nghệ thuật tiêu phí thời khắc của mình, thật không có ai truyền cho mà chàng đã tỏ ra là một người có nghệ chắt chiu và tinh vi lắm.

Nguyễn đã trau dồi hết sức cái tính hiếu tĩnh của mình và để đối đáp lại với chung quanh, lắm khi chàng chỉ ngâm miệng.

Nguyễn không hiểu tại làm sao lại có những người mà mặc kệ một mình họ, họ cũng cứ họp được thành một cái chợ mà sự ồn ào nhộn nhịp không có thể chê vào đâu được.

Thấy được cái cảm giác thú vị rất quý phái của những ngày mình bắt buộc mình phải ồm để thoát ly khỏi cuộc sống trong giây lát, để duyệt lại cuộc sống bên trong của mình, Nguyễn lại lấy làm ái ngại cho những người ở đời chưa hề bao giờ dám ồm hoặc được ồm lấy một ngày. Họ rầm rĩ nó quen đi rồi.

Nguyễn nhớ lại cái lần ấy phải đấu cờ tướng với Trường, người bạn cũ tự phụ là kỳ hầu. Trường đánh cờ cao, đi quân rất nhanh và trong mười sáu quân, quân nào Trường cũng phải đụng đến và trừ tướng sĩ, tượng không kể, còn thì anh đều bắt chúng nó đổi chỗ khắp cùng cả bàn cờ. Chiếu tả chiếu hữu, chém trước chém sau, ván cờ ấy Trường vẫn không làm gì nổi Nguyễn, mặc dầu những quân gỗ kia đã mệt nhọc mà vẫn phải cố chiều người cầm quân đang thích tấn công. Cờ Nguyễn vẫn vững vì có con mã ba đứng giữ đấy từ lúc mới xuất quân. Nguyễn hóm hỉnh chỉ con ngựa lặng lẽ ấy và nói chọc Trường: "Đấy anh xem con đứng vẫn hơn con đi và ở đời nếu cái thằng ồm không xương hay nằm như tôi, đây lại vẫn còn hơn được thằng ngồi một trật nữa".

Những lúc Nguyễn ồm, chàng thấy sức sống của mình lại được tăng thêm vì những thèm thuồng, thương tiếc và mong chờ. Ồm là nghỉ ngơi, là nằm mà suy tưởng đến những ngày về trước và định lấy những ngày về sau. Nhưng cái thú ồm đầu ấy thường là đặt tiền nên ít người dám màng đến.

Và cả ngay đến Nguyễn, đạo này chàng cũng không dám đùa cợt với cái siêu thuốc nữa rồi.

Cũ này, tiếng vang những việc từ ngoài đồn dập đưa vào xứ đã nhắc nhở các từng lớp người ở đây phải nghĩ đến một cái gì, phải tính làm một cái gì để định lấy phận mình và giữ lấy giá mình. Hình như có những âm thanh huyền bí xao động trong lớp không khí mới. Và trời đất năm nay lạ quá. Cái gì mà đã cuối tháng tư sang tháng năm rồi mà có lắm buổi sớm mát lạnh như mùa xuân, có lắm buổi trưa đìu hiu như mùa thu và có lắm buổi tối, trời mưa gió nồm nùng như tiết Thất tịch. Sự mưa nắng trong một ngày rất là thất thường và trái hẳn với thời tiết. Các ông già bà cả bảo đây là cái trời của loạn ly. Nhiều người đang khỏe mạnh và đều gầy gục xuống cả. Khác với quan niệm cũ, bây giờ thấy người chung quanh đau yếu, chàng lại thấy lúc này mình cần phải khỏe. Khỏe để mà gánh lấy việc. Cái việc lấy tai mắt mình ra mà làm chứng cho thời đại. Ôm lúc này, tức là một điều tối bần tiện, người ta bỏ phí mất nhiều sử liệu, người ta hệt tay đánh sống mất cơ hội làm người. Những lúc này người ta nên giữ đủ sức khỏe để nhận lấy một cái sứ mệnh gì. Nguyễn nghĩ đến những đứa con trai thời loạn. Và tin rằng mình là đứa nạn nhân cuối cùng của thời bệnh.

Sớm nay cái cây lim cổ thụ ở vườn Bách thảo chỗ vườn du nhà kèn ấy, rụng hết lớp lá già. Nguyễn ngồi xem cây đổi lá, đổ lá xuống như mưa. Nguyễn thấy đây chỉ là một cuộc lia rụng không thể không có được. Lớp nhựa giấu trong lằn vỏ cây già sù kia đang đẩy lộc non chồi nhiều và giục cây cao lớn, mạnh hơn nữa lên. Nguyễn thấy lớp nhựa xuân trong người mình cũng đang chảy nhiều lắm.

Trung Bắc tân văn số 21(21-7-1940)

CON SƯ TỬ MỘT NĂM QUÍ SỬU

Họ là bốn người hình thù kỳ quái, ngồi bên một chậu tiết đánh đứng đỏ như son, trong một căn nhà lá ở ô Đống Mác, một buổi sớm Tết Trung nguyên.

Cái làng chơi sư tử giấy rằm tháng tám ở đất Bắc vào đời hai vua Thành Thái và Duy Tân vốn đã quen với bốn cái tên ngộ nghĩnh của bốn vị tay chơi này. Ấy là Ngồ Béo, Vạng Sài Goòng, Trương Lỡ và Sường Sáu Ngón.

Nhân vào kỳ tết rằm tháng Bảy, Ngồ Béo cho họp mấy bạn đồng chí lại để dự định việc làm đầu sư tử và tổ chức đám rước vào ngày Trung Thu chỉ còn trong có một tháng nữa thôi.

Ngồ Béo là người không có học, tính ngỗ ngược, lực khỏe lắm và đã từng ghi tên tuổi mình vào xã hội hỗn loạn thời ấy bằng một huyền sử đem về từ một cái bãi lau sậy lịch sử đất Hưng Yên. Ấy là người đồng thời nói thể và cũng chưa từng thấy Ngồ Béo cải chính một lần nào. Trong cái đời Ngồ Béo, nhất sinh, kẻ thất phu ấy chỉ lấy việc múa sư tử làm một điều khoái hoạt nhất. Đời sống của Ngồ Béo, cả một năm hình như chỉ có một ngày rằm tháng tám là đáng kể. Y đã nói rằng "Nếu đức Thánh Tản Viên có hạ sơn mà cho em một cuốn sách ước thì em sẽ ước rằng đời em ngày nào cũng được là một ngày tết Trung Thu. Tết Trung Thu, họp thành đảng đi múa sư tử, đánh trống trận, bật hồng, cướp cờ và đón bánh nướng, thú lắm các chú ạ".

Ngô Béo có một người vợ chuyên làm nghề bán thịt ở cửa ô. Thấy người đàn bà đồ tể ấy, chọc tiết lợn, cạo lông lợn và những lúc liếc lưỡi dao bầu vào cán cân sắt tiếng nghe rít rít mau mau như tiếng mảnh vỏ chai cạo ống giang, nhiều nhà hàng xóm lấy làm rờn rợn ở trong lòng mình, ở đằng sau gáy mình. Họ phỏng đoán trước đến những cuộc xô xát giữa vợ chồng Ngô Béo. Có một lần, người chồng bạo thiên nghịch địa ấy, một buổi say rượu, đã muốn đem vợ ra để làm sinh vật tế cờ. Ngô Béo bắt luôn con dao bầu sáng nhoáng của người vợ lẳng lơan đang cầm ở tay vừa tuột xuống vì bàn tay nhầy nhụa những mỡ. Vợ Ngô Béo tránh miếng đoản dao, thuận tay vớ được chai rượu, ghè mạnh đít chai vào thành giường cho mất hẳn cái cù lao ở trôn chai đi. Đường chai vỡ, lổm chổm những răng cưa sắc muột. Vợ Ngô Béo cầm lăm lăm cái khí giới bằng thủy tinh mà chuôi là một cái cổ chai, thử thách chồng: "Mày tài giỏi thì cứ vào đây với bà". Cuộc đổ máu ấy không xảy tới và sẽ không bao giờ xảy đến nữa vì hai vợ chồng Ngô Béo đã biết nhau là xứng đáng kết làm đôi bạn. Vợ chồng phục lẫn nhau đã đành mà ngay đến các "chú nó" cũng thường ca ngợi cái đức tính gan dõm của vợ Ngô Béo.

Cái chậu tiết hãm kia là của vợ Ngô Béo để lại cho chồng trước khi đội mẹt thịt nhà ta góp với cái nhầy nhờn của buổi chợ sớm tại cửa ô. Nàng đã bảo chồng:

- Hôm nay là ngày Tết, buổi chiều ai chả phải cúng và đón các cụ ở "dưới ấy" lên. Vậy nhà nên mời các chú ấy ăn uống vào buổi sáng. Tôi hãm tiết rồi đây. Nhà mượn chú Trưởng Lữ giúp cho tôi một tay. Tôi phải đi bán thịt chợ Tết, chứ nếu được rồi mà ở nhà thì phải biết, gái này mà đánh tiết canh thì cứ xâu lại mà treo.

Buổi sớm ấy, có bốn kẻ thất phu ngồi uống rượu với tiết canh ở cửa ô Đống Mác. Máu đông món nhắm có màu sắc một chậu huyết ăn thề. Gọi đến việc múa sư tử năm nay, Ngô Béo nhắc lại chuyện năm trước và trách luôn Sường Sáu Ngón:

- Chú hồng. Năm nay không cho chú chặn hậu nữa. Chặn hậu thế nào mà năm ngoái chú để bọn Bạch Mai nó cướp mất đầu sư tử, và để cho chú Trưởng Lữ bị ba nhát xềng chém vào trán.

Trưởng Lữ xoạc miệng ra để nói to, làm răn rúm lại ba cái sẹo bóng phía trên lông mày.

- Mấy vết thương của em dạo ấy cũng chả có gì là đáng kể. Chơi dao thì phải có lúc đứt tay chứ. Có cái đáng phàn nàn là chúng ta đã đánh mất một cái đầu sư tử rất quý. Khởi thủy là tự tay anh Ba tôi làm ra nó. Đến đời chú tôi múa là được 4 năm. Tôi kế nghiệp vào, vừa vận cộng lại được là chín năm. Giá năm ngoái không bị kẻ kia cướp qua tay, năm nay ta làm một cái lễ thập chu niên cho con sư tử của bọn mình thì vẻ vang biết mấy.

Sường Sáu Ngón muốn cho anh em đừng lỗi mình ra mà trách móc nữa, bèn kiểm một câu chuyện làm quạ với Ngõ Béo:

- Các anh đều biết lão Sập Vây làm tài phú ở hiệu Đông Hưng Viên đấy chứ. Chú ấy muốn anh em mình năm nay lại lên múa ở hiệu chủ. Hôm nọ gặp em trong ngõ Sầm Công, chú có bảo đã để dành riêng một quây thịt lợn rừng sấy Quý Châu để làm riêng mấy cân bánh nướng treo giải sư tử cho anh em mình.

- Ủ thì múa. Bánh nướng Đông Hưng Viên ngon có thể quên nguy hiểm được đấy. Năm nay anh lại cất công từ dưới này lên tận Hàng Buồm một chuyến nữa. Chả phải vì tham mấy miếng bánh, nhưng chính là để cho những đám khác chúng nó biết rằng đây mình bất chấp đến cả chúng nó vì chúng cứ tưởng rằng giang sơn nào là của riêng anh hùng ấy. Để rồi năm nay ta thử xem cái bọn thằng Thiềm Thứ Sắt ở ô Quan Chương có còn giữ độc quyền nữa thôi. Nó thường bảo phố Hàng Buồm là riêng của nó, đũa nào dám đem sư tử lên đến "giang sơn" nó mà múa thì nó cho một nhát xềng và một manh chiếu bó xác.

- Sập Vây lúc ấy thích anh lắm. Lão bảo anh múa hay lắm. Đến

nay bọn tùy tướng quân Cờ Đen đóng ở tỉnh Đoài, ngày xưa mùa cũng chỉ hay đến thế thôi. Lão còn khen anh về cả cái tài ăn bánh nướng nữa. Mỗi cân bánh chỉ ăn có bốn miếng. Vừa mùa vừa ăn. Đứng công kênh trên vai bốn năm người nổi lên nhau làm cái thang đã chênh vênh rồi mà anh chỉ múa đầu sư tử đỡ có một tay, còn một tay thì thò từ trong mồm sư tử ra giật bánh giải mỗi cái vừa một miếng ngòm ngòm.

Ngô Béo cười khi khi một hồi, xong rồi bèn nhìn ra phía cửa mà kêu:

- Quái, sao cái tên Lương Con bây giờ chưa thấy mò tới nhỉ. Anh đã nhắc đi nhắc lại đến ba bốn lượt để hẩn nhớ ngày mà xuống rồi kia mà.

- Lương Con nào? - Vạng Sài Goòng hỏi.

- À, một đàn em. Con một ông đồ! Thế mới thú chứ. Có chú Vạng đây chưa biết đến hẩn đấy nhỉ. Để anh kể chuyện cho mà nghe. Nguyên ông cụ để ra chú Lương Con là một người đi thi mãi mà không đỗ. Ông bèn theo lũ cháu sang Hà Nội ở luôn ở Hàng Bạc với những người làng làm nghề vàng bạc. Chín phần mười những người Hàng Bạc là thuộc về phường Châu Khê tỉnh Hải Dương cả đấy chứ. Ông ta bây giờ ngồi viết chữ cho những người thợ chạm khắc vào vàng bạc và gần ngày Tết thì mang chậu mực và cây mực ra đình Hai Ông Tướng Hàng Bạc mà viết câu đối thuê. Một ông bố hiền lành như thế mà lại đẻ phải một ông con chỉ thích múa gậy và nhảy đá bì cát. Lương Con hay xuống đây học võ, thụ nghiệp cụ Cử Miên, tập chuyên lắm nhé. Có y làm đàn em, năm nay làm đầu sư tử cũng đỡ được một khoản giấy bản. Y có khoe rằng Cụ Đồ Châu Khê có những mấy chục chồng sách nhò tẩn vào mấy cái níp sơn đỏ cứ chắc cứng lại. Chỗ ấy mà đem ra dùng thì có bồi đến một chục cái đầu sư tử đại mới hết được giấy bản... Năm nay có bồi, ta cho bồi độ mười lăm lượt giấy. Khí nặng một tí nhưng tha hồ cho

xéng cuốc chém xuống.

Gần tàn tiệc, Lương Con mới tới. Để trả lời một câu hỏi bằng mắt xéch của Ngò Béo, chàng buồn rầu nói rất khẽ:

- Ngày mai mới có dịp đưa xuống được. Em rình cả đêm hôm qua, cả sớm nay mà vẫn không cạy được mấy cái níp sách.

Ngày mai, đúng hẹn, Lương Con đưa xuống nhà Ngò Béo có đến hai bồ con sách chữ Nho.

Đã sẵn cái cốt gỗ đầu sư tử mượn từ đâu và đưa về từ bao giờ, bọn Ngò Béo xoay tròn ra bắt đầu bồi đầu sư tử để kịp chơi rằm tháng sau.

Họ tháo sách, để riêng ruột sách ra một tập và bìa phiết cạy ra một tập. Họ bỏ bìa cạy ngâm vào những nồi nước và sau khi bìa đã sưng nước thì đem bỏ vào cối mà giã như giã giò. Những nắm bột giấy lẫn chất cạy nâu nâu ấy, họ dùng để đắp mũi, đắp gò má và mi mắt và sùng sư tử.

Người ta gỡ những tờ giấy bản ruột sách, căng phẳng ra và đắp lên cốt gỗ một lượt lại một lượt. Dưới sức thấm tẩm của làn hồ vữa, những chữ son, những chấm son chấm câu đã hết cả tươi thắm và xạm mãi màu xuống. Hôm cái đầu sư tử thành hình đắp bồi thì cái mùi thơm của những cuốn sách chữ Nho của Ông Đồ Châu Khê đã là một cái mùi ung ung như mùi gỗ ngâm nước bùn. Tháng bảy hay mưa dầm, khí trời lại nồm, mùi ung ung ấy càng bốc mãi.

Đây là cái kết quả mười năm đèn sách của Ông Đồ Châu Khê. Bao nhiêu công phu của Ông Đồ Châu Khê ngồi gầy lưng chấm câu cho mấy bộ Kinh giờ chỉ còn là thế. Trong cái đầu sư tử giấy, có cả một bộ Kinh Thi, một bộ Kinh Thư, một Kinh Lễ, một Kinh Dịch, thêm một tập thơ của Ông Đồ những lúc than thân, những lúc than trời. Cái thời của Ông Đồ Châu Khê đã hết từ năm ngoái kia rồi, nghĩa là năm Nhâm Tý, nhà nước mở một khoa thi cuối cùng cho người theo chữ Hán. Năm Nhâm Tý khoa thi cuối cùng, Ông Đồ

Châu Khê cũng lại bay. Và năm nay là năm Quý Sửu, Ông Đồ ấy vẫn chỉ là một Ông Đồ ngồi ăn ốc trông giăng ở một cái gác tầu mã phố Hàng Bạc, với một ông bạn già cũng lỗi giờ sinh như mình.

Đêm rằm tháng tám ấy, trước khi vào tiệc rượu thưởng giăng - có rượu cất hương sen Hồ Tây, có ốc gác mỡ hóng bếp, có xôi vùng nén - Ông Đồ Châu Khê pha một ấm chè hạt, nước sôi đun bằng những mẩu vầu chẻ lạt bẻ khuôn vàng còn thừa lại, tàn than trắng xóp như bông. Để thi vị hóa cảnh mình thanh bạch, Ông Đồ gọi chè hột là chè từng viên - hột từng! - và cái than hoa loài tre kia là than bạch tuyết. Ông nhìn trắng và tự nhủ rằng đem *than bạch tuyết* mà nấu *chè từng viên* thì còn gì thơm ngon bằng. Phường Châu Khê, người Hàng Bạc, xưa nay vốn lại có tiếng là pha chè hạt rất ngon.

Ngoài đường phố có tiếng ồn ào của những đám rước sư tử diễu qua và tiếng trống, thanh la vọng mãi vào cái gác sâu này.

Ông Đồ Châu Khê, vẫn chưa biết là Lương Con, con mình đã rút mất mấy phần ruột sách quý của mình, bèn chỉ mấy cái sách son son cũ màu, nói với người bạn già bằng một giọng cảm khái:

- Chữ Nho bây giờ hết thời rồi. Sách thánh hiền bây giờ chỉ còn là đám giấy loại. Mỗi vụ Trung Thu, bọn làm đầu sư tử phá hại không biết bao nhiêu là sách của cổ nhân. Một cái hồi loạn Văn Thân, bọn ta đã bị cái nạn ấy rồi. Bao nhiêu sách giấy bản là đem ra làm áo giáp hết... Bác không tin lời tôi nói thì hôm nào thử lấy một mũi mìn đâm xem có thể thấu qua được một cuốn Tính Lý này không. Hết làm áo giáp trần thủ đồ mũi nhọn đánh nhau lại đến làm cốt bồi đầu sư tử múa chơi, cái công tiền nhân đeo một cái bỏ "Kính tích tự chỉ" sau lưng những lúc lượm giấy rơi ngoài đường, nghĩ mà lại tiếc quá bác ạ. May mà tôi còn giữ lại được hết cả ở trong kia.

Cụ tự đắc, nhấp chén cười khà.

Cũng một đêm rằm ấy, vào cùng một cái giờ cảm khái của Ông Đồ Châu Khê, ở phố Hàng Buồm, có một đám múa sư tử to quá,

đang đòi ăn giải thưởng.

Nhiều tay anh chị quen, búi tóc giấu trong một vuông nhiều xanh trông như đức Thánh Quan, cũng nghỉ một buổi xe cao su, con bộ ngựa; phụ vào đám rước Ngõ Béo để trợ lực lúc động dụng.

Ở trước con sư tử do Ngõ Béo múa rất dịu dàng, Lương Con đánh côn, múa ngọc để dư con thú càng quay cuồng nhiều. Trông Lương Con không ai ngờ đây lại là con một Ông Đồ. Ở trán chàng có một cái sỉ mẩu gắn kính, ở ngực chàng có một cái thần hồng bằng nhiều điều, ở bắp chân chàng có một đôi xà cạp vằn hổ rất ăn với đôi giày Tàu điểm một quả bông hỏa diệm sơn. Lương Con thỉnh thoảng lại cho bật hồng, ngậm một ngụm dầu tây phun vào búi giẻ cháy nơi đầu que sắt. Lửa bùng lên, soi sáng con sư tử, soi rõ vào mặt Lương Con mồ hôi chảy ròng ròng. Chàng hét, chàng lộn. Tiếng trống và thanh la lúc thưa lúc mau làm cho mọi người đều say với cái đầu sư tử râu bạc phơ phơ. Nhưng mọi người đều lăm lét nhìn nhau khi hai cái xe bò kia đã đun từ cuối đám rước lên đến gần chỗ múa. Một xe bò toàn chiều cỏi. Một xe bò toàn xềng bóng nhoáng. Và đuốc nứa. Và đuốc giẻ tẩm dầu.

Nhiều người nghỉ trước đến lúc hai đám du côn cướp đầu sư tử của nhau và chém nhau bằng xềng và liềm tử thi nhau bằng chiều, nhiều người tự hỏi xem có nên bỏ dở cuộc vui mà về ngay bây giờ hay không.

Trung Bắc chủ nhật
số 29 (15-9-1940)

GIÁ ĐỒNG QUAN GIÁM SÁT

Người tôi bây giờ xấu lắm rồi. Cả đến cái giọng cũng kém. Còn ăn được nhau chỉ có một vài ngón đàn. Nghĩa là cũng chẳng hơn gì ai. Chữ ai đây tôi muốn chỉ người đồng nghiệp của tôi. Tôi nói rằng cả một đời vẻ vang của tôi - tôi, một anh cung văn trước đẹp giai, đẹp giọng hát - giờ tuy còn tài giỏi ở một vài điệu đàn, nhưng cũng không dám lấy đó làm chắc chắn cho sự mưu sinh, làm đảm bảo cho những ngày còn lại với sự lo hồ khẩu, bởi vì đến cái môn đàn châu văn thì hồ như ai cũng đàn hay hết cả, cũng đàn được hết cả. Cái tài đánh đàn của một kép cung văn hình như không có chia cao thấp, non già như là bên đám đàn đáy hát ả đào chẳng hạn.

Nói đến cái đàn nguyệt châu văn trước bệ thờ các Phủ Mẫu có những chiếc nón quai giấy mã lòng thông cùng treo rủ với những đôi hài hoa cánh phượng, có những ngai bạch xà, hoàng xà uốn khúc châu bên linh vị thì hình như thiên hạ thấy đều đã trông thấy trước mặt mình một cây đàn, cầm dọc ngược cần đàn lên, người cung văn mồm há hốc ra và ề a với những tiếng tơ: phành, phanh phanh phanh.

Vậy ở một người cung văn, cái tài nắn phím so dây không là đáng kể.

Đáng cho người ta chú ý là cái giọng hát của mình làm thế nào mà nó trong như rót cong được câu văn châu vào tai người gần mình. Trong các làn hát, hơi hát, điệu hát, có lẽ châu văn là khó nhất, vì nói ít có những hơi đệm, giọng mớm như là bên chèo, tuồng, ả đào,

trống quân, vân vân. Lên xuống và chuyển giọng không khéo, dễ bị đám ngang và giọng thành ra bỏ cứng lại.

Ngày trước, giọng tôi còn tươi gọn, tôi sống rất phong lưu, quanh năm, ngoài những lúc ôm đàn mà hát thờ, là tha hồ mà đánh tổ tôm, góp có khi hai ba chục một hội. Một cái nghề tinh, một cái thân được vinh nhân, có đúng!

Tất cả con cái nhà thánh thời ấy đều chuộng đèn tôi. Những giá đồng do những người đàn bà trung lưu ngồi hầu các đèn phủ thì không kể; chứ còn như các bà cô ấy đã sắm nổi vài hòm khăn châu áo ngự bằng tơ thật với những thẻ bài bằng vàng thật, thì đều có triệu đến Trướng Bùng này cả. Họ tranh nhau mà mời tôi đi đàn, nhiều khi phải đi theo các bà, các cô ấy đến những ngôi đền cùng những cái phủ lọt vào tận giữa rừng, hẻo lánh quá, đi cứ mất hàng mấy ngày đường, bộ có, thủy có, lắm lúc tuy không được cùng nằm một chiếu nhưng được ăn cùng mâm với các cô, các bà ấy, lúc cùng thừa huệ thánh, cũng thú đáo để. Cái tên Trướng Bùng hồi ấy chừng có như là một cái đàn đất tiền chỉ có đám phụ nữ phá của thì mới sắm nổi. Chưa có người đàn bà hầu bóng nào mà dám ném que nhang thương tiền cho tôi, dưới ba hào một thẻ nhang. Cái giá ba hào một thẻ nhang thương đã thành một ước lệ. Nhiều khi tôi vừa đàn vừa cười thầm, mỗi lúc có bà nào đã tiết kiệm mà vẫn cứ muốn làm ra mặt hoang, cũng ném thẻ nhang thương, nhưng độ vài que nhang nguyên vẹn, thì lại chêm vào một số rất nhiều que hương bẻ đôi. Lúc tan cuộc hầu bóng, Bùng tôi trình hương mà lĩnh thưởng; và chỗ que nhang bẻ đôi, thì cứ hai cái bẻ gảy tính làm một thẻ ăn ba hào.

Cái hồi ấy, quanh năm thôi thì hết tháng tám giỗ cha thì lại đến tháng ba giỗ mẹ, hết tháng sáu hội Gai thì lại đến tháng hai hội Mía. Rồi ngày vía đức Mẫu này, rồi ngày đàn đức Thánh nọ. Tôi cứ đội một chiếc nón dừa chóp bạc cần hoa vàng, quai lụa, trong áo cánh lụa, ngoài áo sa tây khuy ngọc thạch, ai gọi đến đâu là xách cây đàn

khâm xà cử đi theo đến đây. Thành thử tôi quen rất nhiều bà hầu bóng. Và các bà ấy nhả mặt tôi đến nổi nhiều khi tạ xong Thánh Mẫu, các bà ấy còn bông phèng với tôi nữa. Ô, có nhiều người ăn nói có duyên và nũng nịu đáo để. Nó cũng là cái tật của người hay hầu bóng các ông Hoàng ngả ngớn, lả lơi hay sao ấy. Họ cong cớn ở miệng, họ lại cong cớn ở mấy ngón tay cầm một miếng thuốc tổ sâu kền ướp huê sỏi, huê ngâu. Nhiều bà lại còn thích cung văn nịnh mình một cách vụng dại nữa, càng ngờ nghệch bao nhiêu thì các bà ấy càng ưa bấy nhiêu.

Tương đến một người cung văn như Trương Bùng tôi mà nịnh hót một bà có tính đồng bóng thì không ai cử ký tôi mà tôi cũng cứ đòi cười đến lặn ra như mỡ. Chiều nịnh một bà hầu bóng lúc bà ta lên giá đồng ông Hoàng Bảy ăn thuốc phiện và chim gái, nói và cười hé hé và dặng háng, đã là một sự khó tròn được. Đến như chiều nịnh được bà ta lúc bà ta đã giải đồng rồi, lại càng khó quá.

Vậy mà tôi đã ra tâm mà chiều một bà hầu bóng, suốt một năm ấy, đèn phủ nào có khoá hội là tôi đều kè kè bên cạnh bà để đàn liên thoảng, hát châu một cách liên miên và lúc "ngài" về đồng xong và "ngài" thăng rồi, thì tôi lại ton hót bà ta nhiều câu trơ trên quá, cho đến một đêm, trên cái bệ gạch trước điện cái phủ riêng lập ở nhà bà, bà ta buộc tôi phải nhận lấy những đặc ân cuối cùng (!) của bà.

(Kiếm duyệt bỏ)

Tên bà ta là bà Chánh K.. Trước bà lấy một quan Đoan, nên mới thành ra cái tên Chánh K. nhưng vì tiếng K. là chữ Tây khó đọc nên mọi người đều gọi gọn thon lón là Chánh. Chả cần phải khai thêm tên, cứ gọi là bà Chánh không thôi thì cái làng đồng bóng ở đây cũng hiểu là ai rồi. Đèn phủ nào mà bà Chánh chả đã cúng một số tiền lớn.

Bà là người xấu lắm, khô gầy như xác mắm. Răng vầu, mặt rỗ, mũi tẹt trũng xuống, tóc đã ngắn mà lại cứ đòi để mãi cái đuôi gà. Chỉ được cái bà Chánh lúc lên đồng thì đẹp đẹp ít ai bì. Tôi đàn hầu

Thánh cũng đã nhiều, nhưng chưa thấy người nào hầu bóng có đáng đến như bà ta. Mười ngón tay bà ta đẹp như mười cái tháp bút. Cổ chân bà ta tròn. Ngón chân dài và không hở kẽ. Gan bàn chân đầy mà không vướng. Với con người kém sắc và kém dòn ậy, hình như trời ban riêng cho đôi bàn tay và đôi bàn chân ậy để mà lên đồng, để mà múa và nhảy và phô khéo.

Tôi nói rằng lúc bà Chánh lên đồng thì bà đẹp vô cùng. Cái thân hình gầy đét ậy đã có áo ngự rộng che kín. Cái mặt rỗ và cái bộ răng vẩu ậy đã có khăn châu phủ kín. Tơ lụa đã đắp điểm cho những khuyết điểm trên người một người đàn bà luống tuổi. Cứ kể vua Mẫu còn để cho bà Chánh làm người thì năm nay bà cũng... cũng phải đến bốn năm, bốn mươi sáu gì đó. Thành ra lúc bà hầu bóng, bà chỉ phải phô trần ra hai cái tay ngón búp măng và đôi bàn chân gót đỏ như son và tròn như gót người phong lưu và đài các.

Bà vốn mình cao số nặng. Vua Mẫu bắt ra làm lính từ lâu lắm. Trước khi đội bát nhang, bà đã tìm lên ngàn xin làm bà hộ ở một ngôi chùa trên vùng núi Quảng Yên. Nhưng rồi bà lại không ở chùa cho chọn được mà quét lá ăn mày Phật. Phật chê bỏ thì đã có Mẫu thương. Bà bèn làm con Thánh. Ngoài những kỳ đi trẩy các hội, tháng tháng ngày tuần, bà đều có hầu bóng ở điện riêng lập ở nhà. Rằm, mồng một nào, tôi cũng tới đây để hát châu văn. Bà trả tiền đàn cho tôi theo lương tháng, tính theo tháng ta, cứ mừng một thì lĩnh lương. Nhiều hôm bà lại cho cung văn uống sâm banh nữa. Nhiều bà bạn bà Chánh, hay ngồi hầu dâng để đưa ống nhổ, chén nước, phiến gương và thay quần áo cho đồng lúc hết mỗi giá, đều nhắm nháy và đưa mắt cho tôi một cách gian giảo lạ. Thậm chí có bà còn bỏ nhỏ vào tai tôi rằng bà Chánh mê tôi và xin tôi nên lợi dụng và lạm dụng những thiện cảm đó đi. Thỉnh thoảng bà Chánh lại còn dắt tôi đi ăn cơm cao lầu nữa và hay đưa cho tôi những tặng phẩm đắt tiền. Bít tất phin tây hàng tá, rét đã có *bun-o-ve*, nực thì hàng tơ. (Đây này, đôi bít tất *ba-ghét* trở rua rách tôi đang đi đây là

vật còn sót lại của hồi ấy). Cái nhẫn quả tim một đồng cân vàng tôi đeo ở tay, nguyên là của Hội đồng chấm thi châu văn năm Tý ở đền Cổ Linh (?) ban giải thưởng cho, bà bắt tôi cất đi, chê rằng ít vàng quá. Bà đánh cho tôi một chiếc những ba đồng cân. Bà bảo có to thế, lúc bấm đàn, trông nó mới khéo...

... Đêm hôm ấy, bà Chánh hầu bóng lâu quá, như cái lối quen của bà. Chả giá đồng nào bà bỏ. Các thứ giá đồng các ông Hoàng, bà lên không sót, giá nào, từ ông Hoàng Cả, cho đến ông Hoàng Bơ, Hoàng Bảy, nghĩa là có bao nhiêu ông Hoàng thì bà hầu hết. Hết mỗi giá, tôi lại kéo rê giọng ra: "*Xe giááá... hồi loaaan*". Bà Chánh hết làm ông Hoàng bắn chim, rồi đến ông Hoàng đi ngựa rồi đến Cô Chín Giếng bơi thuyền rồng. Đêm đã khuya lắm rồi. Các bà hầu bóng đỡ mãi gương bạc, lược bạc, ống nhổ bạc, cũng đã mỏi mệt lắm. Vậy mà mỗi lúc con đồng bị hành, đâm ngực thùm thụp, họ đều cứ phải kêu nhao nhao: *Tẩu có, có đẹp chín nghìn... Tẩu cô, người trần mắt thịt...* Bà Chánh lại cười the the, múa que hương, nuốt lửa hương như thầy phù thủy phần sài nhà.

Rồi bà Chánh lên ngay một giá đồng quan Giám Sát. Giá đồng này dữ dội lắm. Người nào nặng cân thì mới hầu đến quan Giám Sát. Trông con đồng búi tóc ngược lên, mặt đỏ dừ như chín vì rượu, thất lưng điều thất lấy bụng con, mỗi người hầu bóng cầm một đầu ghì thất mạnh lại như lúc liệm phải buộc bụng tử thi, trông sợ lắm. Bà Chánh nhảy hét vang cả điện. Bà nhảy mãi. Nhảy chồm chồm trên tiếng đồng hồ, cứ như là đánh ghen với Thánh.

Không hiểu tại sao mấy bà hầu bóng đêm ấy lại bỏ về cả, bỏ bà Chánh nhảy một mình trên chiếu hoa. Trước khi ra về, các bà ấy hình như có nhảy tôi thì phải. Tôi cứ việc đàn. Dịp đàn lúc này mau lắm. Đêm ấy tôi lại không đem người phụ cung văn đi theo để gõ dịp, thành ra đàn mệt hơn mọi ngày.

Đèn nền trên điện nhiều nơi tắt dần vì thiếu người nối sáp. Tôi

bận với đàn, hát khô cả họng mà cũng không có ai rót cho chén nước. Tôi chỉ mong cho bà Chánh chóng thắng. Tôi đang lim dim. Bỗng bà Chánh hét lên, con đồng giải đồng và lăn vào người tôi. Cái cần đàn gãy đánh rắc. Tôi sắp đỡ bà Chánh dậy, thì bà đè rần tôi xuống, miệng bà tìm miệng tôi... Lúc ấy tôi chỉ nghĩ thấy mùi khét của khói nến, lẫn với mùi nhang và mùi huệ ngát. Tôi không hiểu tại sao lúc ấy tôi không chạy và chỉ nằm yên trước cái bệ gạch lạnh, bên tai văng tiếng bà Chánh hỗn hển: "Cô ban tài cho, cô ban lộc cho, cô ban phúc cho Trường Bùng nhé!". Bà cười sằng sặc lên rồi bà thiếp đi. Tôi lên ra về, sau khi đã lấy vuông khăn châu lụa bạch đắp phủ lên một cái mặt rỗ và một bộ răng vầu vừa rồi đã ập mãi vào mặt tôi. Từ đó tôi kinh tởm, không lai vãng đến nhà bà nữa. Bà Chánh ấy hơn tôi đến tám, chín tuổi.

Trung Bắc chủ nhật số 32, 13-8-1940

MỘT CẢNH RƯỚC DÂU CHẠY TANG

Cũng như cụ Hàn Ông, cụ Hàn Bà lấy làm mừng thầm trong bụng. Cái khổ người này thường là cái sướng của người khác!

Bà cụ Trưởng Hàng Bút khỏe mạnh thể mà chết ngay, không ốm một trận nào, không uống một thang thuốc chén nào, thì thật là việc trời - việc trời không biết sao mà nói trước được. Nhận cái tin này, vợ chồng cụ Hàn Cửa Nam lại đâm ra mừng ron.

Cụ Trưởng Hàng Bút và cụ Hàn Cửa Nam vốn là chỗ thông gia với nhau đã từ mấy năm.

Định xin cô Bình Hàng Bút cho cậu Bé nhà, vợ chồng ông Hàn kể đã dày công đi lại với đảng cụ Trưởng. Sêu tết tốn kém và mệt quá. Tháng năm đậu xanh và ngổ, tháng chín tháng mười chim ngói và cốm và hồng, rồi thì động dăng ấy có ngày kỵ và cả đến một cái giỗ dúi, chả một tuần nhang nào giỗ dưới ấy mà trên này không góp nên, úi chào ơi! Có những người nào đã từng trải trật vì đi hỏi vợ cho con rồi thì mới thấu đến những cái bực mình của vợ chồng ông Hàn Cửa Nam.

Nhưng bố mẹ không lo cho con trai - cậu Bé lại là con một nữa - thì định lo việc cho người thiên hạ sao? Lo lẽ cưới nay mai cho cậu Bé mà vợ chồng cụ Hàn cứ khô héo dần. Sự gầy sút ấy, nào giấu được ai. Cả xóm Cửa Nam đều thấy rõ.

Tiền cưới nay mai đã đành rằng tốn. Nhưng thỉnh thoảng, những việc đầu đầu xảy đến cho nhà gái lại còn thêm cho nhà ông Hàn một ít tiền nữa. Những sự tiêu pha ngoại phụ, lắm khi ông Hàn Cửa Nam phải bỏ bạc ra khỏi tráp mà càng thêm giận cho nhà thông gia sao lắm ách nạn thế. Thôi chẳng qua chỉ vì thằng Bé. Xử được cho nó đẹp như thế thì tức là đẹp mặt con mình một khi nó làm rể nhà người. Cụ Hàn vừa tự an ủi, vừa tiêu tiền. Vậy cho nên cái đạo cụ Trưởng ông dưới ấy ốm, cụ Hàn phải gửi xuống cho thông gia một ông đốc tờ chữa hiệu thuốc thang mạch lạc có giới không, nhưng chỉ biết rằng cái ông bác sĩ ấy tính tiền đi thăm bệnh rất đắt. Một ông lang kê đơn đắt, ông Hàn lại vì tính sĩ diện, được trả những tiền đắt đồ ấy, thế là đủ rồi. Ông cụ Hàn có cần gì nhà gái có người sẽ mau lành mạnh; ông chỉ cần cho dưới ấy biết rằng ông đã phải tiêu cho họ một số tiền. Xử thế cho được lịch sự, cuộc xã giao nào mà chả tốn! Và khi người ta đã là một ông thông gia nhà nhận với mình đến bậc cho mượn đốc tờ, thì khi gả bán con gái, cụ Trưởng Hàng Bút cũng nên liệu mồm mà thử thách sính lễ. Rồi ra cũng còn hơi chán. Đồng tiền đi trước vẫn là đồng tiền khôn. Ấy là cho được đúng với lòng mình cụ Hàn đã nghĩ thế. Chứ xưa nay cụ Hàn có làm được một cử chỉ nào gọi là hay, là tốt mà ở trong tuyệt nhiên không có ý cầu lợi.

Vậy thì nhận được cái tin dưới thông gia đưa lên, nói rằng cụ Trưởng bà vừa mất, cụ Hàn ông bèn bảo ngay vợ:

- Bà mày và tôi còn đợi gì mà không nhân dịp này đi xuống xin luôn con Bình cho thằng Bé nhà. Vào lúc nhà gái đang bối rối thế này, mình cố xin cưới chắc phải cho và nhất định là không dám bày vẽ thách thức như lúc bình thường. Bà phải biết mình giảm được cái khoản ô tô và cỗ bàn đi cũng đỡ nhiều lắm. Thôi, thế mà cũng là may.

Trong đám thân tình, có lẽ bà Thông là người thứ nhất đến chia buồn với ông Trưởng Hàng Bút, trước khi sự chủ cho chính thức phát tang cáo phó. Bà Thông vốn là một cái gạch ngang nối nhà ông Trưởng Hàng Bút với ông bà Hàn trên ấy. Bà Thông lấy danh nghĩa là một bà mối đến chia buồn với nhà gái.

- Sống chết thực là lẽ đời, cụ Trưởng ạ. Cụ bà nằm xuống như thế, hưởng thọ cũng gần năm chục tuổi đấy cụ nhỉ? Nhân sinh thất thập là một điều khó lắm. Cứ kể cụ bà về như thế cũng là đến cõi rồi, không sớm quá và cũng không muộn quá.

Ông cụ Trưởng chả biết nên có một nét mặt thế nào cho khỏi tiện khi có một người đến phân ưu buổi đầu tiên, chỉ biết ngồi thừ ra và gọi người nhà rót nước đưa trà. Bà mối bồm bẻm khẩu trà gây gây và phảng phất cái mùi tanh người chết còn nằm trong nhà chưa liệm, nói tiếp:

- Như cụ bà nằm xuống, dâu con đã đủ cả. Chỉ còn thiếu chú rể. Tưởng cụ nên nghĩ đến. Việc lúc này ở nhà ta là việc buồn, là việc lo liệu cho người chết. Nhưng cũng vì đây mà phải tính luôn đến chuyện người sống ngày đi thôi.

Nhân có cụ Hàn nhà trai đến để chia buồn - đây là bà mối và cụ Hàn đã thông đồng mưu tính với nhau đến phân ưu sao cho được cùng một lúc có mặt tại nhà gái, chứ nào phải ngẫu nhiên gì - bà Thông bèn nói nốt câu chuyện ngắt quãng, chỉ luôn sang phía cụ Hàn:

- Luôn thể có cụ Hàn tôi ở đây và được hiểu rõ ý tứ bên nhà trai, chúng tôi muốn được cụ cho cưới chạy tang. Về việc cô Bình nhà ta và cậu Bé trên cụ Hàn, miệng tiếng thiên hạ thấy nói ra nói vào nhiều lắm rồi. Vẫn biết hai nhà đi lại với nhau, từ ấy đến nay, cụ bà

đã thương nhân nhờ cho thì cũng chả ai làm gì cho ngang trở được. Nhưng không may cụ bà nhất đán hết lộc, phải theo về với Trời Phật, công việc giờ thêm khó ra nhiều quá. Chờ cho được hết cái tang ba năm, chúng tôi sợ về sự gièm pha của bên ngoài thì rồi tội cho đám nhân duyên đôi trẻ về sau này lắm cụ ạ.

Bà Thông nín bật. Cụ Hàn và cụ Trường ông nhìn vào cái rỗng tuếch của phòng khách. Nhà cụ Trường Hàng Bút đã lạnh vì người vừa chết, phút này lại giá cứng thêm vì câu chuyện khó nghĩ.

Bà Thông bầm cụ Hàn ra ngoài một lúc; trở vào bà đặt vào lòng đĩa khay trà một chiếc phong bì trong có ba tờ giấy hai chục.

- Đây là chỗ cụ Hàn chúng tôi gọi là đưa cụ, đòi được góp một phần vào việc ma chay cụ bà nhà. Xin cụ cho chúng tôi được coi việc dưới nhà đây cũng như là việc trên cụ Hàn. Chả có gì là nhiều nhõ. Gọi là góp vào đám cụ bà một cỗ xe đòn đám ma bốn ngựa.

Sự chủ vốn nghèo, biết nói thế nào, nếu không là nhận phút số tiền sáu chục của nhà trai giúp mình rất đúng dịp.

Và phải trả lời cho dứt khoát về chỗ người ta đến xin cưới con gái. Cưới xong con gái rồi hãy chôn bà vợ. Việc hỷ đã rồi hãy tính đến việc hiếu. Người chết đâu đã bằng người sống - đang sống một cách lung tung.

Cụ Trường trả lời về chỗ xin cưới chạy tang mà bà Thông vừa nhắc lại đến lần này là thứ ba:

- Vâng thì thôi, cụ Hàn tôi trên ấy đã định như thế là phải, chúng tôi lúc bối rối, cũng không dám nghĩ khác. Nhưng cũng nên để tôi hỏi qua lại con bé cháu xem đã.

Cô Bình khép nép bên cửa, bị những ba người lớn hỏi dồn như quan lấy khẩu cung, mặt dài ra theo với dòng nước mắt. Sự chết mất mẹ đã làm cho người cô thon đi. Trước kia cha mẹ còn song toàn, cô Bình hơi phục phịch. Cái chết của bà cụ, đã làm cho cô xinh đẹp hơn

mà cô không tự biết. Bà mới nhìn cô, cười:

- Cụ nhà định hỏi ý kiến cô. Cô nên trả lời sao cho tỏ ra mình là một người con gái đảm đang và biết đỡ đần được cha mẹ bằng lời quyền biến lúc này.

Cô Bình nhìn xuống gấu quần lấm láp, nói rất khẽ:

- Thừa bà, về việc con đã có cha và chú và anh chúng con định liệu. Chúng con là con gái út chỉ có phận vâng theo. Nhưng mẹ vừa nằm xuống, bỏ đấy mà đi sao đành... mẹ ơi!

Thế rồi cô sụt sịt. Tiếng khóc "ơ hờ hơ" chỉ chờ dịp để òa to. Cụ Trưởng thấy con mếu máo, sực tưởng lại phận quan phu của mình, thấy lòng nao nao. Bà mới là người nhanh nhẩu, biết rằng nếu không vội chặn ngay những khối buồn kia lại thì nát mất chuyện, bèn nói luôn:

- Cô nói chi phải. Nhưng thà cụ nhà còn hấp hối, cô sớm tới ở bên giường trông nom siêu thuốc và giặt giũ cho cụ; thế là phải đạo lắm. Bây giờ cụ nhà sớm quy tiên, trăm việc lo liệu, nhờ từ việc thấp tuần nhang, nhón đến việc cất đặt ma chay, tôi tưởng đã có những bậc đàn ông khác trong nhà, đâu đã đến phận con gái.

Bà quay luôn sang phía ông bố:

- Thôi thì những lúc rối reng như thế này, cụ cũng nên ừ đi cho một tiếng, để trước nữa là vong hồn linh thiêng cụ bà được yên vui vì có thêm được một cái mũ rơm con rế và sau nữa cho đàn trẻ chúng nó sớm thành gia thất. Vậy thì năm có một tháng, một tháng có một ngày, một ngày có một giờ, chúng tôi đã chọn được giờ lành tháng tốt, định đến trưa mai lại xin cụ cho cô Bình về trên cụ Hàn... Và xin phép cụ chúng tôi về, để liệu công việc. Ngày giờ kíp lắm rồi.

Cái đám cưới ấy, thật quả là một đám cưới chạy tang. Nghi lễ giảm, sinh lễ giảm, tiệc tùng giảm. Nhà trai chỉ cho có hai xe hơi đến cửa nhà gái. Một xe dành cho cô dâu không có kết hoa, một xe nhà trai đến đón dâu thì phù rể vắn vắn có một người kèm với một ông chủ hôn ăn mặc xuềnh xoàng. Lá thiệp báo hỷ của cậu Bé có chừa xuống phía dưới một dòng chữ con và ngà: *Lễ thành hôn sẽ cử hành hết sức thân mật*. Chưa bao giờ một câu văn xã giao được dùng theo nghĩa đen đúng nghĩa và đúng chỗ đến như thế.

Nhà gái cũng chẳng trang hoàng gì mấy vào dịp vui mừng. Sự bài trí trông rất đĩnh đoảng và càng ngấm, quan khách càng thấy rõ chỗ thiếu vẻ tận tâm. Những màu đỏ hình như tối ủa có nửa cốc; chén nước trà Tàu không có một tí hương thơm nào. Bởi vì mọi người đều hiểu rằng sau cái vui chiếu lệ này, và đằng sau cái bức vách ngăn phòng khách này với nhà trong, đang có một cái buồn bằng xương bằng thịt đã thiu, đã ôi, đã tanh ngòm, chỉ muốn được chóng vùi xuống lòng đất một cái huyết. Bao giờ cái xe hoa trắng đỗ ngoài cửa kia đã đi rồi, thì người ta sẽ cho đi nốt cái khối buồn này xuống nghĩa trang. Cái xe rước cô Bình chưa được lăn vòng bánh, người ta hãy tạm quàn cụ Trường bà lại đây và để cụ nằm hai tay buông xuôi trên chiếc giường. Đứng cách lá màn vải xô trắng buông rũ độ một thước, người không rõ cảnh tình nhà này, tưởng đâu cụ Trường bà đang ngủ một giấc rất ngon như mọi người sống khác thôi.

Lễ đón dâu thế là gần xong.

Người ta dặt chú rể và cô dâu vào lạy mẹ vợ.

- Thôi, cụ đang mệt, để cụ ngủ cho đủ giấc. Cụ miễn lễ cho chú rể.

Bất kể lời ông chú vợ đứng thị kiến đây, cậu Bé cũng cứ lạy như

thường. Cậu Bể vốn quý nhân cách thường xường lên cái thuyết phải bỏ cái tục người sống lay người sống ở một đám cưới. Nhưng lúc này, cậu lay mẹ vợ thì thụp bên màn, trông rất thành kính, vì cậu biết là mình chỉ đang lay một con ma mới. Cậu bằng lòng lay một cái vong hồn.

Cô Bình có mấy tiếng nắc khác thường, trong lúc biệt ly này nó làm cho cái thứ nước mắt của con gái về nhà chồng khỏi đến nỗi vô nghĩa lý như ở mọi đám rước dâu khác đã gây nên câu "*Khấp như thiếu nữ vu quy nhật*".

Đám cưới sứt sùi rời khỏi cửa nhà gái. Một tràng pháo nổ. Nó nổ một cách gắt gao quằn quại đúng như tiếng vỡ của những quả pháo tổng hung thần lúc một đám hiếu lên đường.

Cái đám hiếu ấy, sự thực, bây giờ mới rục rịch cho tiểu liệm và đại liệm, chứ cũng chưa thành phục. Đến đêm nay người ta mới cho cử ai.

Cô Bình, vào giờ nhá nhem, phải chiều cậu Bể ép mời uống một chén rượu hợp cần. Chén rượu ấy cô chỉ uống có một nửa. Lòng cô nghĩ nên để dành nửa chén rượu hợp cần ấy để lúc khuya, về Hàng Bút, sau khi nhận quần áo và mũ mấn vải xô, cô sẽ đổ xuống một bụi cỏ sa mao đặt trước linh sàng mẹ.

Trông người bạn trăm năm đang bẻ cái đầu gà một cách rất ngon lành, cô Bình - bây giờ đã nghiệm nhiên là bà Bể - lại ngậm ngùi nghĩ đến mấy mâm cỗ ở nhà bị ế hôm vừa qua. Cỗ thi cỗ bát, cũng vây bóng, long tu, bào ngư, hàu sì, do tay cô và chị dâu cô làm rất kỹ lưỡng. Vậy mà ế, thì đã nhục chưa.

Khách mời đến ăn, họ kháo nhau rằng "cỗ có mùi của hơi lạnh, các ngài ạ".

Cậu Bể tập mãi mới bịt được mồm và cất cái tiếng "ô hô" trước linh sàng mẹ vợ được rền như một tiếng bạc thông khuôn. Có người đã ghé sát vào tai một người khác đứng bên lũ thợ kèn và khen người con rể ấy tiếng khóc có hậu lắm.

Cả nhà giai nhà gái, vui nhất có lẽ chỉ có cụ Hàn Cửa Nam. Lấy tình thông gia, lúc đi theo linh cữu bà cụ Trưởng Hàng Bút, cụ Hàn tính nhằm sự phí tổn về việc cưới xin cho cậu Bé. Ông nhìn theo cậu Bé đầu đặt một cái vành rế bằng rom có một cái dải vắt ngang, ông tự nhủ như là nói thầm riêng với con trai mình: "Tao mà không nhân cái dịp người ta nằm xuống mà xin ngay nó cho mày, thì còn chán là chờ với đợi và khối là tiền chín tiền sống. Còn thằng Hai em mày, nếu tao cũng lại chộp được dịp mà xin cưới chạy tang cho nó nữa thì, những số tiền đầu cơ để được ra ấy, mua được cái xe hơi bốn chỗ ngồi đẩy các con ạ".

Cái đám cưới ấy đã đi qua. Cái đám ma ấy đã đi qua. Tiếp cái bánh dày có dán nhãn chữ Phúc đỏ và quả nem buộc lạt nhuộm đỏ chia phần, cũng vẫn những người ấy ở cùng phố Hàng Bút với cụ Trưởng lại nhận thêm được một phần biếu nữa. Nhưng phần biếu sau, nhãn bánh dày và lạt buộc nem đều nhuộm màu xanh.

Và nếu người ta chịu tò mò một tí sẽ tìm được ra tên cái bác làm bánh, làm nem ở Ngõ Trạm là người đã nhận một trăm bánh dày kèm nem của cụ Hàn Cửa Nam đặt và một trăm bánh dày nữa cũng kèm nem của cụ Trưởng Hàng Bút đặt, hai đơn hàng cách nhau có một ngày; hàng hôm trước giao cho đám hỷ thì dán đỏ, buộc đỏ; hàng hôm sau giao cho đám hiếu thì dán xanh, buộc xanh. Những điều nhỏ nhất này, chả cần phải dặn bác làm bánh thừa. Mười năm ở Hà Nội, bán hàng, bác đã quen với những cách thức buộc, dán trong các dịp vui, dịp buồn của bạn hàng tìm đến bác lúc có dịp vui, lúc có dịp buồn.

Trung Bắc chủ nhật, số 36 10-11-1940

MƯỜN CÁI VUI CỦA NGƯỜI KHÁC

Nguyễn vừa mới đi chơi xa về. Quần áo mặc luôn ở người nhàu bầm, râu tóc bừa bộn. Chàng có cái diện mạo của một kẻ ở rừng bồng chốc có dịp đặt chân lên đất thành phố! Chàng mở va li, trong đó áo quần cứ guộn tròn thành từng bó cứng chắc lại vì lớp mồ hôi của cuộc viễn du vừa khô ráo. Cái bề trong của chiếc va li, sau một cuộc đi chơi, cũng mệt mỏi như cái bề ngoài của kẻ đi chơi xa về. Đây là những cái nền nếp trong trắng, tươi thơm, sáng sủa của hành trang, của tấm lòng cõi mở và đầy mơ vọng trước một ngày khởi hành?

Nguyễn vội đi nằm, tìm sự thoải mái cho thân thể và đánh dấu lại trong đầu mình, trong tâm mình một vài hình ảnh, một vài câu nói lượm lặt được ở dọc đường. Cái việc thú vị ấy, người ta thường gọi là việc soạn lại những dòng bút ký lữ hành.

Trên bàn bụi bặm, một tập thư và báo chí chồng chất thành một bó cao đã buộc, Nguyễn dựng mình trở dậy đi ra phía bàn giấy, bóc xem ngay những trang chữ viết, những trang chữ in nó dính buộc chàng với cuộc sống ở đây. Cuộc sống ấy, hơn một tuần lễ nay đã đánh xổng mất Nguyễn và vẫn đợi chàng trở lại để mách bảo cho chàng biết đến những cái gì "đã" xảy ra ở đây.

Đọc qua loa tập báo chí ghi lại một vài tình trạng vụn vặt của xã hội vẫn không có gì là mới, và những biểu diễn linh tinh của lòng

người ở đây vẫn chịu yên ổn thấp hèn với những thỏa mãn phù phiếm, Nguyễn thất vọng.

"- Thế mà mình tưởng đã có một cuộc biến cải gì lớn lao có thể đem lại một chút hăm hở cho mình".

Soạn đến tập thư, không thấy một chiếc bì thư nào có đường viền đen của giấy báo tang, Nguyễn cho ý nghĩ của mình theo ra sau một tiếng ngáp dài:

"- Trong chỗ giao tình tân lẫn cựu, từ hôm ấy đến giờ, vẫn không có một người nào chết bớt đi cho. Đã sốt ruột chưa? Nếu bây giờ vì một phép thần bí gì, trong sự sống của loài người, sẽ không có sự chết chóc, sẽ không có một người nào chết, mọi người đều cứ lù lù sống mãi ỳ ra đấy, thì không biết rồi cuộc sống của con người ta sẽ nặng nhọc đến bực nào nhĩ! Từ xưa tới giờ, ai ai cũng đều bạc đãi Thần Chết cả. Đã mấy người biết cảm ơn cái Chết".

Nguyễn vẫn soạn thư. Cái gì mà lại có cả một tấm bìa hồng bỏ vào trong một cái bì thư cũng màu phấn hồng thế kia hờ giời! Thiếp báo hỷ! A ra có một người quen sắp thành người... đứng đắn đây. Hôn nhân. Thành gia thất. Hạnh phúc. Kiến thiết. Hoài bão. Nguyễn mỉm cười, để tất cả hoài nghi vào một tiếng cười.

Nhưng mà ai lấy vợ thế này? Nguyễn nhìn kỹ cuối lá thiếp. Ồ, ra anh bạn Song Dục. Cái người bạn lành như hạt gạo trần mễ và hiền đến nỗi chưa từng ngút đầu một con nhặng xanh, ừ, người bạn ấy sắp lấy vợ, nghĩa là sắp làm lại cuộc đời, nghĩa là sắp thành một cái bản ngã khác, - càng nghĩ đến, Nguyễn càng không muốn nghĩ nữa. Thôi thì cũng cứ cho là vui đi. Và Nguyễn đang đem tất cả thông minh của mình ra để cố tìm trong đầu lấy một cái đồ vật gì hay hay, có ý nghĩ để mừng người bạn. Và chẳng ngày cưới cũng cận kíp lắm rồi. Ừ, ngày mai ngày mốt gì đấy là ở dưới nhà bạn sẽ cho nổ những cối pháo toàn hồng xác rụng xuống xô bồ như một rừng đào lúc gió ngàn hạ hết cánh hoa khai xuống thảm cỏ lau.

- **K**ìa, anh Song Dục. Tôi đang định thân hành đưa cái gói kia xuống mừng anh... Lấy vợ! Vui nhỉ! Anh ngồi xuống đây. Sao trông anh xanh thê? Trung một cái mặt thiếu máu vào giữa một ngày trọng đại, giữa một ngày vui nhất trong đời mình, hồng lắm đó.

Song Dục cười, và nói luôn cho Nguyễn biết rằng mình đã cắt chàng đi phù rể hộ đấy.

Nguyễn tưởng bạn mình muốn đùa:

- Anh bảo tôi đi phù rể? Có lẽ anh cũng thừa hiểu tôi đã là bố sáu đứa con vừa trai lẫn gái. Còn son trẻ gì nữa mà đi phù rể.

- Cái đó không hề gì. Trong bốn bạn phù rể tôi chọn, thì đã ba bạn là bố trẻ con. Tôi có cái ý chường chường như thế, anh chiều tôi vậy.

- Thế nhưng mà rồi ăn mặc ra làm sao?

- Áo gấm. Tôi đã mượn đủ áo gấm cho các anh đến một chục bộ, rộng hẹp dài ngắn đủ cả, các anh thử cái nào vừa thì mặc.

Thế là Nguyễn phải đi phù rể, không còn chối cãi vào đâu được nữa. Chàng nằm khăn chờ đợi cái không khí náo nhiệt một buổi ăn cỗ bát, dọn đường trước cho một ngày tốt lành đi rước dâu, chàng sẽ xúng xính mặc một cái áo gấm, chui vào một chiếc xe hơi hòm kính.

Nguyễn dí mặt vào tấm gương, tin rằng hôm ấy mình sẽ buồn cười lắm.

Mà quả như điều Nguyễn dự đoán, buổi sớm hôm ấy chàng ngấm mình trong gương nhà anh bạn Song Dục, thấy mình là đáng buồn cười thật. Nguyễn đang sống một ngày mới với một tâm hồn mới quá. Cả mấy người bạn chàng cũng vậy. Cái khăn mượn, cái áo

gắm mượn, đến cả cái áo trắng dài cũng mượn trông cả bọn như một đám lễ sinh. Trương, Đỗ, Đức và Nguyễn, cả bốn "anh" phù rể ghé đầu khít vào nhau như là lúc đi chung một tấm ảnh bán thân, ngắm lẫn mặt nhau trong tấm gương mới của một người vừa đưa mừng nhà đám, cùng nghiêng ngửa và cùng cười rộ. Trông hay đáo để. Đức có vẻ một ông Ấm cuối mùa. Đỗ trông như một viên Tri huyện hậu tuyến. Trương có cái phong thái một ông Lãnh binh lúc phải cất bộ giáp trụ để khoác một tấm áo thường phục của quan văn. Đến lượt anh em phẩm bình cái đầu Nguyễn nghiêng ngả trong gương thì ai nấy đều bảo nhau là "trông hấn như một tên đề lại già". Còn Song Dục thì ái dà! Thật là một ông tân lang, mày râu nhẵn nhụi, áo quần phẳng phiu. Khi mà người ta sung sướng, thật cũng khó mà giấu diếm không cho lòng mình dừng tiết lậu ra ngoài bằng quần áo được. Mỗi người lại còn vẩy cho nhau vài giọt nước hoa *Cái điều mà người đàn bà muốn* và xóc lại cho nhau một cái cổ áo đồ.

Chưa bao giờ Nguyễn đi phù rể, chàng thấy mình say sưa với cái vui của bạn lồng vào trong một cái tâm trạng rất mới của mình.

Nhưng mà dưới kia nhà đám đã bóp còi inh ỏi giục cả bọn mau xuống mà đi đi thôi. - "Dạ xin các ngài lên đường cho, được giờ lắm rồi". Cái ông chủ hôn - cả một thân áo trước xệ xuống vì đám huy chương bằng bạc, bằng vàng, bằng đồng, bằng chì - hí hửng nói thế.

Ừ thì đi. Nguyễn khom khom chui vào cái xe hòm kính. Thế rồi cái đoàn xe ấy - cái nào cũng rộng rãi - vù vù qua cầu Bồ Đề. Trời phẫn phẫn mưa. Nguyễn hút si gà, hút thuốc Ảng Lê, hút thuốc Hoa Kỳ, đến thuốc Ai Cập, rồi đến thuốc có hương vị Thổ Nhĩ Kỳ. Dịp cầu thì dài và gọi cảm một cách cầu kỳ, trời thì cao rộng và lòng sông thì... thì nước xoáy những vòng tròn rất đẹp mắt. Lòng Nguyễn vui nhộn như người ta đang rước đèn hội Tây ngay trong bụng mình. Chàng cảm thấy được sống là một cái vinh dự hơn là một cái lụy. Chàng không ngờ mình lại hoan lạc được đến nhường này. Hoan lạc

một cách thành thực vì kỹ chứ không phải là vì cách thù thế của trường hợp này.

Anh bạn Song Dục thấy Nguyễn vui trong tấm áo gấm nên huyền như một bà già được một bát canh, nở những nụ cười cảm ơn thâm; từ hôm trước, anh chỉ sợ lo Nguyễn chiêu đãi vì phải dựa vào cái đám rước này mà có lẽ chỉ có vai chính là mới thấy đẹp mắt đẹp lòng thôi.

Theo sau một cái xe hoa trắng, thu gọn mình trong một tấm áo hàng tơ dệt hoa ngũ sắc, Nguyễn không chờ đợi đến sự phục hưng đột ngột này của một tấm lòng hồ đã héo cạn. Một buổi sớm ấy, đi phò tá một người bạn đang tìm hạnh phúc ở người đàn bà, trên con đường nhựa Hải Phòng nhẵn lì, Nguyễn ngờ ngợ hình như chính mình cũng vừa thoáng chớp được cái bóng của Hạnh Phúc. Một tí Hạnh Phúc xối thì. Một giây lát Hạnh Phúc trong hiện tại. Khi mà người ta cảm thấy mình được vui một cách không cần xếp đặt! Nguyễn có cần gì nhiều. Chàng muốn nói to một câu hoặc giơ tay giơ chân lên để tỏ thêm rằng mình đang lấy làm bằng lòng cái buổi sớm đẹp tươi này. Lúc này, Nguyễn lại thấy cần tha thứ cho một người nào nếu không thể tha thứ cho tất cả xung quanh.

Đến phủ Mỹ Hào, đoàn xe dừng lại trước cổng làng cô dâu. Nguyễn ngà ngà say vì không khí béo ngậy một buổi mai mát đặc đang tràn ngập hai buồng phổi, vì tốc lực trong hơn nửa giờ đồng hồ, vì khói các thứ thuốc lá thấm tẩm bộ lòng thanh tâm. Chàng ngây ngất, loạng quạng bước xuống xe, nhìn lữ tre già ẩm bụi phủ lấy cổng gạch làng, rũ vạt áo gấm nhàu, tưởng đâu như mình là một kẻ nào hiển đạt được về thăm lại quê hương một ngày xuân tiết, sau những năm lang bạt kỳ hồ. Nguyễn lấy bộ điệu, đứng cho các bạn chụp tấm ảnh kỷ niệm ngay chỗ cổng làng, bên lề đường cái quan. Những lúc này chàng khó mà giữ cho tự nhiên được.

Một tràng pháo nổ, khói mù mù. Nhà trai vào đến ngõ. Một

tràng pháo nữa lại làm lũ chim bồ câu trắng lồm lộp bay vung lên khoảng gò xanh. Cô dâu lên đường về nhà bạn Nguyễn.

Con đường về, ồ, sao mà chóng thế. Đã đến cửa nhà Song Dục rồi. Vừa đứng ngó. Cái ngày vui đã đến đoạn giữa, đã hết một nửa. Một quả ăn đã đến lúc chín và quá một tí nữa, chỉ quá một lúc nữa thôi, nó sẽ mồm, sẽ nẫu! Nguyễn hơi nao nao vì cảm thấy một ngày đẹp sắp tàn.

Nguyễn muốn người ta đốt pháo nữa cho nhiều lên, để khỏi cứ đùn lên mãi mãi làm cho những người ngồi đây nhìn chẳng được nhau, tuy là gần nhau trong tác gang.

Cô dâu và chú rể đi lễ các bàn thờ. Bốn ông bạn phù rể và bốn cô phù dâu đi dài ra như là giai nhân tài tử của một ngày chơi hội xuân. Giá cuộc sống của Nguyễn cứ ngày nào cũng là một ngày đi phù rể?

Cả một cái phố xóm ngoại ô nhìn cái đám cưới dài có đuôi ấy mà cười một cách thân thiện. Cái cười của hàng xứ, lúc này, giấu dấu cho hết độ lượng bao dung!

Giữa đường, Nguyễn bắt gặp một người bạn đứng trên tàu điện đi ngược lên phố. Người ấy cười nháy và nói lóng bằng mắt. Hôm nọ Nguyễn và người ấy đều có chung dự một đám cưới và một đám ma luôn trong một ngày. - "*Buổi sớm cùng đi chấp phát theo một cái xe tang người tội nghiệp; buổi chiều cùng đi nâng cốc để mừng một người sung sướng; anh và tôi có thể mãi mãi làm thứ người của hiếu hỉ thiên hạ không?*" Nguyễn vừa nhìn cái gấu quần xa tạnh trắng phủ kín hở gót chân tròn một cô phù dâu đỏ như son đi trước, vừa nhớ đến câu nói khó chịu của người bạn vừa gặp kia.

Thế rồi là bây giờ mọi người đều ngồi vào bàn tiệc. Rượu vào, Nguyễn trở nên bạo dạn. Chẳng dám nhìn thẳng vào mặt vợ bạn. Vợ bạn không có tính bẽn lẽn. Bất giác, Nguyễn nhớ đến một câu thơ cổ: *Khấp như thiếu nữ vu quy nhật...* Vốn có tính lắm cẩm hay

lo nghĩ trước cho đoạn-chốt của mọi việc, Nguyễn vẫn vợ ngồi tưởng đến một ngày rất gần cái ngày nhậm nhíp này, có những người thiếu phụ chỉ còn đẹp được bằng cái đẹp của Đức hạnh thôi. Và khói lửa củi trong bếp cùng với tiếng khóc bú của một hòn máu lọt lòng sẽ giục người ta chóng già hơn là một người đàn ông giang hồ khi phải nghe mãi, hàng mười lăm năm một, cái tiếng gà gáy pha trộn với tiếng móng ngựa dồn trong hơi sương đậm khách.

Bàn tiệc đã tỏ vẻ mỗi mệ.

Nguyễn cảm thấy mình sắp là người thừa ở chốn này, bèn xin lui về. Sang gác nhà bên cạnh thay áo, trả lại chiếc áo gấm hoa vàng dát bạc cho nhà đám, Nguyễn lại sắp trở lại với những cái bình lặng quen thuộc mọi ngày của chàng. Hơi men ngà ngà và dư vị ngày vui làm cho Nguyễn đang tưởng đến bây giờ là bao giờ. Dẫu sao cái ngày vui kế ấy cũng là một giấc mơ bằng vàng điệp. Nguyễn đã đi gần cái sung sướng của chung quanh!

Chiều già đám, Nguyễn và ba người bạn phù rể rẽ rẽ đều gối lên đồng áo gấm mà bàng hoàng. Mặt đất trước nhà Song Dục, gió chiều lật ngửa những cánh pháo tươi thắm.

Trung Bắc chủ nhật, số 37
(17-11-1940)

MỘT NGƯỜI TỈNH RƯỢU ĐỐT CHÁY RỪNG TRÚC

Bản chụp thiên truyện "Một người tỉnh rượu đốt cháy rừng trúc" bị khuyết mất đoạn mở đầu. Đoạn này có thể tóm tắt như sau:

Nguyễn ở nhà ông Chánh Năm, một thổ ty người Mường đã ba bốn ngày. Hôm nay, ngồi bên ông Chánh Năm, từ khung cửa nhà sàn, Nguyễn nhìn ra cảnh núi rừng đẹp tuyệt vời, tiếc không phải là họa sĩ để ghi lại những cảm giác của mình bằng nét và màu.

... **C**ảnh núi âm u bỗng có tiếng súng nổ vang dội từ khoảng xa kìn nào về. Ông Chánh Năm bình thản bảo Nguyễn:

- Nè, quan nè, chiều nay thế nào nhà ta cũng có thịt nai hoặc thịt lợn rừng uống rượu. Cái lộc của quan tốt lắm. Đây chắc là dân tôi đi săn trong rừng, súng dân tôi mà nổ thì sao cũng phải trúng một con gì. Nhờ cái lộc của quan, nhà tôi hôm nay sao sao cũng có sơn hào hươu đem mang biếu. Dân vùng này, bất cứ là ai bắn săn được một cái gì, không kể là xa gần, họ đều phải có mang vào đây trình biếu ít ra là một quây.

Quả như lời ông Chánh Năm, chiều ấy có hai người Mường đưa vào một quây nai, thịt còn tươi thơm ngào ngạt. Ông Chánh Năm

truyền cho người nhà làm rượu và cho đi mời một ông ký dây thép, một ông ký nhà thương và một ông giáo đến uống rượu. Cứ lời ông Chánh thì nội vùng đây, những người Kinh mà gọi là chơi được thì chỉ có ba ông này. "Các ông ấy được cái tâm điền cũng khá, còn những người khác thì xảo trá lắm; động đi lại với chúng tôi là chỉ muốn lừa lọc chúng tôi". Sự thực, ông Chánh mời mấy vị công chức ấy đến chơi là muốn làm vui cho Nguyễn, cho trong nhà được nhộn nhịp thêm một ít cười nói của họ và cho Nguyễn đỡ buồn. Ông Chánh ngờ rằng một người đã sống quen với Hà Nội như Nguyễn, một khi phải lên xứ Mường đìu hiu này, không có nước đá, không có xe cao su, không có nhà hát cùng rạp chớp bóng, làm sao mà không khỏi buồn được.

Sau bữa cơm tối, uống rượu với thịt nai bày la liệt trên mâm đồng lót lá chuối thì ông Chánh cho lệnh bày tiệc rượu cần. Theo phép xã giao trên vùng Mường, khi mà chủ nhân quý trọng khách phương xa tới chơi, lúc bày đến rượu cần, thường hay gọi cả vợ và con gái ra để bồi tịch.

Trên cái sàn nền bằng nửa đập rập, giữa bốn cái chiếu hoa can lại, là một vò rượu cấm tua tua những cần trúc. Nàng Hai và nàng Ba xiêm áo tề chỉnh, ngồi quỳ bên vò rượu, làm nổi bật hẳn tiệc rượu lên. Cây đèn đất tức tối với sắc đẹp của hai Nàng, nước ông ọc chảy xuống đèn dưới, hơi đất phun mạnh, ngọn đèn nấp và bốc sáng hẳn lên gấp đôi ba ban này.

Nguyễn đã say vì tiệc rượu mặn vừa rồi, lòng đã lão đảo, bây giờ ngồi vào tiệc rượu cần nữa, chàng thấy mệt, muốn xin lui, lại sợ chủ nhân mịch lòng. Nhưng có lẽ chàng phải ngồi vào chiếu rượu cần là vì có nàng Hai và nàng Ba. Đây, lúc chuyển choáng, ngấm mỹ nhân dưới hoa đèn, sao trông quái ảo đến thế. Nhìn hai nàng, Nguyễn dần dần nhận thấy cái cảm dỗ của Rừng Xanh. Hai nàng gọi chàng là "cái quan" và lúc Nguyễn uống thua rượu cần

họ phạt chàng và đem cởi áo chàng ra mà đổ nước lã, mà quạt như quạt bánh trắng, theo một ước lệ riêng của Rượu cần. Nàng Hai cười ngất nghêu. Nàng Ba cười sảng sặc. Nguyễn cũng muốn cười cho khéo như hai người con gái Mường. Ba người lẫn ra như mỡ, cùng cười như là đều bị ai đè ngửa mình ra mà cù ký. Trông đâm loạn quá... Hơi rượu thấm dần, tiếng cười nhạt dần, cái ngọn đèn đất độc nhất vô nhị kia tự nhiên hóa thành hai ngọn, ba ngọn rồi cứ thế mà nhân tăng mãi lên. Rồi ánh đèn nhòe, rồi những đường viền khuôn mặt và thân thể nàng Hai và nàng Ba cũng nhòe luôn. Nguyễn lim dim mắt, lầy dục vọng và thèm muốn ra mà dặt hai hình ảnh lằng lơ hai cô nàng đưa vào trong một cái tầng sâu nhất trong lòng mình. Thế rồi Nguyễn thêm thiếp trên chiếc ghế bông gạo ban nãy chàng quỳ lên để nhận cần rượu uốn cầu vòng trước cái mặt chín dừ của mình.

Lúc Nguyễn tỉnh rượu, nhìn ra khung cửa sổ nhà sàn, thấy hai cái sừng trắng hạ huyền đã cài vào một đám lá một chòm rừng phía tây rất gần tầm mắt. Trông trên chòi châu lỵ, điểm bốn tiếng đùng đục, Nguyễn thấy hơi lạnh chỗ bụng dưới và phía ngực trên thì nóng vô cùng. Cuộc rượu ban tối để lại cho lòng người say tỉnh con vào lúc sáng những dư vị băng khuâng, hồi tiếc và u hoài. Bóng dáng lả lơi ban tối của nàng Hai nàng Ba và hơi lạnh rừng đêm bí mật lúc này cho Nguyễn cái cảm giác nửa rờn rợn nửa tê mê của một người đã nhát mà lại hay đọc chuyện *Liêu Trai* ở gác trọ vắng, những đêm mưa dầm gió bắc.

Sáng hôm sau, đưa đầy tớ hầu ngựa nhà ông Chánh Năm tìm tìm gãi tai thưa cùng Nguyễn:

- Dạ đêm qua quan say rượu quá. Nàng Hai sợ quan ngộ lạnh, có ra nằm bên cạnh quan để ủ cho quan đỡ giấc. Nhưng quan đập mạnh quá, cô phải bỏ vào trong nhà.

Nguyễn trở mắt nhìn đũa ở ngay ngô kia đang hầu đóm và hầu

chuyện mình. Chàng cũng chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi ở Mường, có một người con gái con nhà lang đạo được lệnh cha mẹ ra nằm ủ cho khách một đêm. Tục lệ ở đây vốn thế. Nhưng nghĩ đến cái đêm qua đẹp như mộng, chàng lại vẫn thấy khoan khoái trong người.

Chàng bảo đưa đầy tớ thẳng ngựa đưa cho mình một cây nỏ và đi vào cánh rừng gần đây, dẫn lại người nhà: "Lúc nào ông Chánh dậy thì nói tôi không ăn cơm trưa".

Cánh rừng Bù ở cạnh con sông Luông là một nơi có nhiều trúc xe điều. Cạnh rừng có con suối Ngả Hai, thỉnh thoảng nước dòng trên lại gửi về một chiếc lá thắm. Những hòn đá giả ở đây, hòn nào cũng tròn và to như một cái sọ người. Vào rừng trúc, sớm nay Nguyễn rắp tâm phải chơi lửa một hôm cho thực thỏa thích trước khi trở về Hà Nội. Chàng đánh diêm châm vào cỏ gianh, cỏ bùng cháy và ngọn lửa dần dà liếm vào cánh rừng trúc. Trúc nổ lách tách rồi nổ đùng đùng. Một lúc nữa các mắt trúc đều liên tiếp mà nổ, đều như là tràng pháo chập ba chập tư. Thỉnh thoảng lại có một tiếng nổ đoàng rất to như tiếng ông lệnh. Ấy là một cây vầu bị vạ cháy lây với rừng trúc bị đánh hỏa công.

Lửa và khói ngùn ngụt, Nguyễn thấy nóng ran cả người. Chàng cởi hết quần áo, lội xuống suối ngàn, ngâm mình chìm lìm xuống khe, chỉ ngóc có một cái đầu lên để phì phò thở khói tẩu thuốc thiếu. Nguyễn nhìn rừng lửa bùng bùng reo, tự cho mình là con người văn minh, lúc muốn được gần tạo vật và trở lại với mọi rợ, với hoang phá, không một manh áo nào phủ thân, không một thành kiến gì sẵn trong đầu. Bên cạnh lửa, trong suối nước, Nguyễn thấy sung sướng, không muốn nghĩ đến ngày trở về. Trở về thành thị là lại tù túng, là lại giả dối và che đậy.

... Ông Chánh Năm giản dị lắm và nàng Hai nàng Ba đẹp lắm. Rượu thì ngon, rừng trúc thì nhiều và người thì ngon lành.

Nguyễn còn hơi choáng váng vì rượu đêm qua, ngón những trái ổi rừng, sim chín và ngâm mãi mình ở dưới suối, muốn thời gian đứng im như thế trên cái cảnh nước lửa và một thằng người lỏa lồ được làm sơn nhân trong một buổi đi nghỉ nắng xa khỏi Kinh thành.

Trung Bắc chủ nhật, số 67
(22-6-1941)

XÁC NGỌC LAM

Làng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời nhà họ Chu đều suýt nữa đã có lần ra làm quan. Thời ấy, nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trọng các môn ấy; về các phường làm giấy bán giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng vào đầu sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương đã cho giấy là có mặt thiết với văn chương khoa bảng của một nước sùng thượng kẻ sĩ nên liệt họ Chu lên đầu sổ. Chẳng rõ như thế có phải không, nhưng cứ cái chất giấy dó của nhà họ Chu đem ra xét thì đến giấy trúc của Tàu cũng xê ra lui chứ đừng nói là giấy dó của bất cứ lò nào xứ ta nữa.

Nhà họ Chu vốn không làm giấy moi bao giờ. Chỉ làm toàn giấy lụa và giấy lệnh hội để viết bằng, viết sắc. Và vào khoảng đầu những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu có khoa thi, thì nhà ấy mới làm đến thứ giấy để học trò đóng quyển gọi là giấy thi. Giấy của họ Chu chế ra bao giờ soi lên cũng có hai chữ Chu Hồ, in lồi thủy ấn. Hai chữ thương tiêu viết theo lối triện cổ đời Tần nhắc cho người dùng giấy biết rằng đây là giấy của họ Chu làng Hồ Khẩu. Trông đến tờ giấy dó của nhà này là ai cũng biết ngay, chẳng cần soi lên mà tìm dấu thương tiêu thủy ấn nữa. Cái đám đàn bà con gái buôn tạp hóa họ đã đổ nhau là xếp ra trước mặt rất nhiều loại giấy của rất nhiều nhà làm giấy bán ra rồi người bị đổ sẽ nhầm mắt lại, chỉ được lấy tay sờ mà phải gọi

được tên giấy của lò nhà nào ra, chẳng bao giờ các bà các cô ấy gọi sai các loại giấy của nhà họ Chu cả. Thì ra gồng gánh ăn phở ăn hàng mãi khắp kẻ chợ thôn quê họ đã hiểu hết những đức tính của loại giấy nhà họ Chu. Nó nhẵn mặt mà không cứng mình mà chất lại dai và lấm tờ khổ rộng mình dày thể mà bắc đồng cân lên thì nặng chỉ đến như cái lông hồng. Mặt giấy xốp, nghiêng giấy ra sáng mà nhìn chất cát dó thì nó như làn da má trinh nữ phẳng mịn chất tuyến của lớp lông măng. Vuốt vào mặt giấy, người ta có cái cảm tưởng được sống là một điều dễ chịu; mùa nực, sờ vào giấy thấy mát cả lòng bàn tay và về tiết đông áp tay vào giấy nhà họ Chu, thấy nó âm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi, tờ giấy thơm hơi thơm của một thứ thảo mộc còn tươi sống. Thật là một vật quý trên thế gian. Tờ giấy dó từ lò nhà họ Chu đưa ra thị trường, ai nhìn thấy cũng đều lấy làm sung sướng. Nó đẹp đến nỗi mọi người yên trí rằng dầu đưa thất phu có cầm bút vẽ bậy vào đấy thì những nét lếu láo ấy cũng vẫn cứ thành được hình chữ. Nhưng hồi ấy người ta còn trọng Nho phong và chúng nhân đều là người trí sĩ cả, nên tờ giấy nhà họ Chu còn được may hơn là phận những vách đá giờ mình ra cho người đốt thích thơ vào. Người có chữ nhưng mà văn xoàng và viết xấu thì đều không nhẫn tâm đề giấy họ Chu ra mà viết. Người đốt thì biết kiêng sợ và chỉ trông thấy giấy có thủy ấn Chu Hồ là đã chạy ra rồi. Thành ra kẻ sĩ ở vào cái thời ấy thấy ai dùng đến giấy Chu Hồ là họ tìm đến, vì chẳng được văn đại khoa thì âu chữ cũng phải có nét bút thiếp. Mà sự dùng giấy dó nhà họ Chu Hồ đã thành một lối biểu dương của riêng một phái quý tộc trong làng văn mực.

Cái lần ấy được triệu vô Kinh và được hầu hạ quan Thượng Thư Bộ Lễ để tỏ bày những đức tính của giấy dó lò nhà, ông cụ họ Chu đã làm cho bậc lão thần và tất cả thuộc nha một bộ phải kinh ngạc và trầm trồ. Ông cụ đã bày các thứ giấy các loại ra án thư và bắt những con gián, con nhậy con dòi đuôi thả vào đám giấy ấy. Thì lạ quá, cả một lũ côn trùng kẻ thù truyền kiếp của sách và giấy đều

chạy lảng xa rất nhanh khỏi chỗ giấy và lẩn trốn đi đâu hết cả. Bộ Lễ bèn làm sơ đệ dâng lên chỗ chín bệ và nhà vua bèn xuống chỉ cho ông già họ Chu sung vào một chân trong Cẩn tín Viện để ở luôn nơi thành vàng sớm tối chế giấy cung cho cả một hoàng tộc và cả một triều đình. Bộ Công đã có chỉ phải xây hai lò giấy dó bên sông Hương và ông già họ Chu sẽ là vị quan trọng dụng lần thứ nhất để coi mấy lò giấy mới mở đó. Nhưng ông già họ Chu lấy làm sợ hãi mà tâu lên rằng hiện trong mình đang mang cái tang mẹ và xin được lộn về Bắc, cứ ở nơi Tây Hồ nguyên quán mà chế giấy Ngự chỉ và thường niên đệ vào Kinh do quan địa phương săn sóc việc đưa đi theo những kì hạn nhất định. Triều đình thấy ông già họ Chu cũng thuộc về một trường hợp đình gián⁽¹⁾ nên cũng ưng, và không nghị tội.

Vậy từ ấy giấy Chu Hồ tiếng lại càng bay rộng xa. Thường niên, gặp kì Vạn thọ hoặc khánh đản Triều đình vẫn nhớ đến công người làm giấy, ban ra cho nhà họ Chu hết Tướng lục này đến Tướng lục nọ và ân tứ cho vô khối là vàng lụa. Đòi một người thôn dã lái buôn mà được đặc sủng đến đường ấy, thực cũng là một sự đáng ghi lại nơi ngoại sử của một thời trong một nước chỉ biết quý yêu có kẻ sĩ. Và cổng lò giấy nhà họ Chu làng Hồ có nhiều ngày lại vui nhộn quá cửa hầu quyền. Lối xe vệt móng trước nhà người thường nhân, hãn hữu lắm mới chịu ăn rêu đậu cò. Những bậc cao sang tài tuần của một thành đô vẫn thường lấy chỗ nhà ông già Chu làm nơi hẹn hò với hạnh phúc. Được cái nhà họ Chu có cái đức làm người bình dị rất vững, nên vẫn cứ cố giữ mực thường, không vì thế mà thành kiêu lộng và lại càng vui với cần lao và nghề nhà ngày một càng tinh xảo. Vào nhà ấy, người ta không thấy có gì là lộ ra cái lối phú quý chơi trèo. Giá vào kẻ khác thì ít ra ở đấy cũng đã điểm những vệt vàng

(1) Ngày xưa người đương làm quan mà vướng phải việc đại tang, thường phải cáo đình gián, xin lui nghỉ cho hết tang ma rồi mới lại xin ra sau để triều đình bổ dụng. Ai ần nặc bị tội nặng.

lớp son - và cũng chính đáng lắm chứ sao. Nhưng không, ở đây vẫn chỉ có cái tàu dó gỗ xù xì, tảng đá ép giấy nhẵn lạng và hòn đá nghe giấy rất khiêm tốn nằm giữa nền đất trụi. Từ đời ấy đến đời khác vẫn chỉ có bấy nhiêu. Rất cổ điển, cổ kính và đơn bạc. Cái gì mà cả dòng nhà ấy biết quý yêu thì vẫn lại là cái tờ giấy của mình chế ra, cho người có chữ dùng.

Cho đến bây giờ.

Cái tảng đá xanh xanh màu núi mùa thu và vuông mỗi chiều hai thước ta, dùng để nghe tờ giấy cho nhẵn mặt, vẫn chỉ là một vật rất thành thuộc ở với họ nhà Chu đã đến sáu bảy đời. Nó cam lạng mà phụng sự như không biết là có mình nữa. Và người ta quý nể nó như là nương nhẹ một người lão bộc, ít khi người nhà họ Chu nỗ nặng tay gieo đầu chầy xuống miếng đá của tổ phụ lưu lại, nhưng khi nghe mặt dó giấy. Mà người ngoài cũng làm nghề này thì cũng chỉ thấy viên đá là một viên đá, đánh cho nó cái giá của một viên đá thôi. Cả đến nhà họ Chu cũng nghĩ vậy.

Nhưng... hòn đá ấy vốn có một đời sống thuộc về tâm hồn. Cũng hơi lạ.

Rừng Hoàn Bồ có một nương dó. Rộng sâu lắm. Cũng gần thành một cánh rừng riêng. Gió thung lũng thổi vật vào nương dó, mỗi đợt muốn đi gấp qua hết lòng nương thì cũng phải tàn mất nửa điều thuốc quẩn. Trong cái chỗ cùng tít của nương dó, có một cây dó không rõ mọc từ đời nào mà cao vút, cành lá át cả những cây thiên niên tụng gần đây. Loài dó vốn là một loài cây trung bình thường chỉ cao hơn đầu người, mấy khi đã có được chút bóng dài. Vậy mà cây dó cổ thụ này mình to như mình lim mỗi lúc mặt trời chỉ lệch quá ngọ độ phần nén nhang là bóng nó đã rợp cả một khoảng lòng suối xa kia để làm vui cho một đàn cá bương ngư. Người trung châu mình thường hay khiếp lánh những cái gì lớn quá, không dám nhận những cái cao to là hẳn vật riêng của thế giới mình, bèn gọi luôn cây đại

thụ ấy là Gốc Dó Thần, phải nhắc đến thì chỉ dám nói thầm và mỗi lần gặp mùa bóc Dó, họ đều lảng xa khỏi gốc Dó thần. Đời ấy và đời khác, góc nương dó có Gốc cây thần, chẳng mấy mà đã thành hoang vu và trở nên bí mật như một rừng cấm, gió ngàn có lách qua được kể cũng còn là một. Chỉ có bọn thổ dân sơn cước muốn mở một lối đi tắt là còn dám lẩn vào đó chứ đến bọn người kinh đi bóc dó thuê là đều lủi cả.

Nhiều buổi rừng dó lảng gió quang mây, từ góc rừng cấm nổi lên tiếng hát, giọng không ra Bắc không ra Nam mà hơi hát thì toàn bắt chành đi cả; lúc xa lúc gần, cái thứ tiếng nói không ai hiểu là tiếng gì đó đi khắp cả nương dó. Tiếng nói, đôi khi lại có chen vào ít tiếng trúc. Bọn người kinh đi lên rừng Hoành Bồ bóc dó, nghe thấy tiếng hát giữa một nơi mênh mông đìu hiu, giá đừng có những cái lối khiếp đảm tầm thường - thấy bất cứ cái gì không quen thuộc như là cơm áo và tiền y như đã sợ - thì vào những ngày gió tạnh mây quang nơi nương dó ấy, là họ đã có dịp gần nghệ thuật và tai nghe được cái tiếng thuần túy của nghệ thuật rồi đấy. Họ nghe tiếng hát lần lần vắng lên thì cái lòng kinh hãi nơi lòng họ cũng tăng lên dần dần. Thậm chí có người ngất đi và cầm khẩu, phải đốt đến hàng đồng lá khô mới tỉnh lại. Mới hay tiếng hát u hiều và tiếng trúc tuyệt vời có khi lại cũng làm tội cả đến những kẻ đi làm thuê ăn công nhật. Rồi có bao nhiêu người Kinh đi bóc dó thuê kia lấm lét bỏ cả việc, quây quần lại sát thít vào nhau bên đồng lửa cho đỡ sợ. Tiếng hát tắt đã lâu lắm, bọn họ mới lò dò ra làm nốt buổi. Những người thổ dân cùng đi bóc dó chung với họ, lấy thể làm cười và bảo họ:

- Không việc gì phải thất đảm như thế. Cô Dó hát đấy. Cô Dó không làm hại ai bao giờ.

- Các bác bảo cô Dó hát? Ai là cô Dó?

Đám thổ dân sơn cước vui vẻ chỉ đúng cái cây gốc Dó thần ở phía xa:

- Cô Dó ấy đấy. Cô ở cái cây ấy. Cô là hồn sống của cây ấy. Chúng tôi vẫn thấy luôn. Hôm nào đi làm về, gặp cô thì y như về đến nhà, ở mãi trên kia - bọn tôi cũng đều vui và quên mệt. Cô lúc nào cũng mặc một cái áo màu chàm.

Họ còn nói cho bọn thợ Kinh nghe rằng cứ năm nào cô Dó hát trong nương thì giấy dưới vùng xuôi làm ra rất nhiều. "Chắc dưới vùng xuôi có khoa thi khoa thiếc gì, nên năm nay cô Dó lại hát." Bọn thợ Kinh tính ra thì năm họ đang bóc dó vụ chiêm đây là một năm Mão. Và nghe đám người núi nói chuyện giọng thành thực, nên bọn thợ kinh cũng đỡ sợ, và từ đây một vài người lại còn sinh ra tò mò nữa. Họ rình cô Dó ra hát. Bọn thổ dân nói đúng đấy. Cô mặc áo xanh màu lam và cứ đi đến gốc Dó Thần thì vụt mất. Nhiều lần thấy thái độ bọn thợ Kinh suông sã lộ liễu quá, cô Dó giận dỗi mất hàng mấy hôm. Bây giờ thấy nương vắng tiếng cô Dó, bọn thợ Kinh phân đông mới thấy nhớ và thấy hình như ngày làm của họ thiếu mất một cái gì. Nhưng sau đấy ít ngày rừng dó lại vang tiếng sáo tiếng hát, bởi vì vui hát là bản tính của cô Dó và cô vốn không phải là một sinh vật trong nhân loại nên lòng tha thứ ở người cô rất quảng đại.

Chuyện này đồn về đến vùng xuôi.

Có cậu Năm nhà họ Chu ở ven hồ Lãng Bạc nghe chuyện lấy làm mê lắm. Vụ bóc dó mùa năm sau cậu Năm bèn dặn dò lại công việc làm ăn cho người nhà trông đỡ lấy lò giấy làng Hồ Khẩu rồi theo luôn bọn thợ bóc dó lên rừng Hoành Bồ. Cậu tìm vào nương dó đánh tranh làm nẹp nhà bên suối, ngày ngày ăn cơm lam chấm với tro gianh tằm nấu ớt ra làm muối. Cậu Năm nhất định chờ cô Dó. Đôi khi cậu Năm có bắt chợt được tiếng hát tiếng trúc, nhưng đến bóng người áo chàm thì từ ngày vào nương, thật cậu chưa được thoáng thấy một lần nào. Thì ra, cái giống tình xưa nay vẫn là thế; lúc không thì chẳng sao, mà khi một bên đã hơi hiểu đến tình ý thì y như là e lệ thẹn lánh rồi là bày ra cái trò bắt diết đi trốn đi tìm. Biết có người trai đẹp

dưới Kinh tìm lên đến chỗ cổ cây muôn năm xanh tươi để chỉ tình cầu đến cái thanh sắc của mình, cô Dó trở nên mất hết tự nhiên rồi lãng hết lối mọi ngày tung tăng trong nường. Và giờ, có cao hứng lắm thì cô Dó chỉ ngồi trong Gốc dó thần mà hát cho đủ thành điệu thôi. Thế mà cậu Năm đã chờ bên gốc cổ thụ từ hôm nào không rõ. Cậu Năm vốn là người có chữ nên cậu ngờ rằng điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xóc vác của thơ cổ phong năm chữ ngâm bằng một giọng bi tráng khê nồng của người khách hiệp gặp đường cùng. Đến một đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa trời nổi gió. Có rộn rọc chẳng thì là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lửng âm ế ối a như lối Ma Hời đưa vọng ru con. Dứt câu hát, lại có tiếng cười gần và tiếng thở dài. Buồn cho hoang vu và cảm cho lẻ loi, tay rờ rẫm Năm ta bấm móng tay vào vỏ dó thì thấy từ ruột cây tuôn rơi xuống hai dòng lệ đặc. Trời, như vậy thì đến phải lấy nhau mới xong. Cậu Năm bèn khẩn xin cô Dó cho thấy mặt. Bóng dương đã ba lần chênh chếch bên cây to mà cậu Năm vẫn một niềm chôn chân đứng giữa trời. Cây to vẫn im lặng. Gió rừng chiều gờ một cái lá thả từ chòm cây vào lòng cậu Năm như trao cho nhau một bức thư không lời.

Ngày thứ tư, mặt trời vừa vươn lên khỏi ngàn trước mặt là đã thấy cậu Năm đứng dưới gốc dó, tay cầm một cây riêu lưỡi sáng quắc. Người tình nhân ấy bữa nay trông quả quyết như một người sơn trang sắp ngã một cây gỗ rừng rồi tay đề rồi đeo sao rồi cón nốt và thả đà. Cậu Năm vỗ vào thân cây, tiếng nói thất thanh, kêu rằng cậu không đợi được lâu nữa - trong người cậu đã thấy rề rề mầm bệnh sốt rét rừng - và nếu hôm nay cô Dó còn lảnh mặt nữa, thì cậu phải phá nhà cô nghĩa là chém cây cổ thụ mà "còn tình chi nữa là thù đấy thôi" rồi, cậu xuôi luôn về Kinh đây này cho mà biết. Đến nước này thì cô Dó phải ra. Dưới gốc, kẻ khóc người cười. Cả hai cùng e ấp rồi cùng khầu đầu tạ lỗi. Sóng vai trên cổ sương hai người bàn đến chuyện đưa nhau về Kinh. Chợt nhìn đến lưỡi tầm sét... sáng như

nước nằm dưới chân, hai người cười liếc nhau và cậu Năm cảm liêng luôn xuống lòng con suối bạc. Sợ người ta ngưng vì mình và yêu nhau kém tự nhiên đi, mấy con bướm phấn đậu ra những ngọn lau xa. Đàn chim - má cũng ửng hồng lên vì chút thẹn, lây bay đái lạc đậu trên chòm xanh, chùng chùng cho thể là phải, bèn rủ nhau đi sang rừng khác, sau khi gáy lên mấy dịp tươi nhanh để tỏ mừng; mấy bụi sim quanh quất gần đây đều cho mở một loạt cánh tím, mặc dầu mùa hoa tím hết đã từ ngày hạ.

Cô Dó sụt sùi hỏi cậu Năm rằng:

- Trên này tôi đã quen ở với thảo mộc. Về dưới Kinh anh cây cỏ cần vắng, chất xanh nghèo nàn, biết sẽ gửi mình nơi nao và ở vào đâu?

- Em sẽ ở với đá với nước. Lấy cái xanh của nước thay tạm cho cái xanh của lá, lấy cái lạnh vững của đá thay cho mềm lạnh của cây, anh tưởng cũng tiệm tiệm được.

- Đá nào? Nước nào?

- Nước Hồ Tây. Và đá phiến làng Hồ Khẩu. Nhà anh làm giấy ở kẹt vào giữa một con sông và một cái hồ rộng. Có hòn đá nghe giấy, mỗi chiều bằng vai em, tưởng em ở cũng không đến nổi chật quá. Và em vốn sinh trưởng bằng nhựa dó và dưới ấy là nhà làm giấy, sự sống hằng ngày có thêm em nữa, cũng không phiền thêm chút nào. Thế giờ liệu đã xuống núi được chưa?

Cô Dó gật gật. Rồi cô xin phép cậu Năm cho cô khóc một lúc để tỏ nghĩa với Rừng cao cả. Cô quỳ xuống lạy Ngàn Xanh hai lạy, giọt dài không khác người con gái lạy sống cha mẹ để lúc bước chân về nhà chồng. Cậu Năm mắt cũng rơm rớm. Con suối bạc cảm động quá ngừng hẳn lại, không chịu chảy xuôi nữa. Lòng suối im ả như gương tàu phản chiếu, không nhòe lấy một đường viền nào, cái bóng hai người đang lấy tà áo chùi lẫn cho nhau những lệ châu hạnh phúc sớm mờ. Hai người say sưa và mệt mỏi, đi trên một cái lối mòn ăn

ra dốc dào.

Chúa Rừng cho nổi một cơn gió nóng tiễn đưa cô Dó ra cửa ngàn. Có một con hươu đực đang vươn cổ cao nhìn cô Dó xuống đồng bằng, mỗi lúc một bé dần. Nó quật sừng nó vào cái cây đại có những cành ngang và lá to làm bận tâm mắt nó.

Cái chấm áo chàm người sơn thần nữ vu quy đã tan lẫn vào cái xanh lớn lao của ngàn già. Bữa ăn chiều ấy, hươu đực ngón tắc cổ thấy chát đắng. Nương đó mất tiếng hát từ đây. Sớm ngày sau rừng đó bỗng kêu một tiếng ầm như ngọn núi nào lở thụt ngã xuống vực. Góc Dó Thần đổ vật. Người giai nhân đã đi. Đất này trở lại những lá úa rầu. Nhưng mà từ nay ven Hồ Tây và trên dòng sông Tô Lịch lại có tiếng cô Dó bây giờ xuống hát ở dưới đồng bằng.

Hát riêng cho cậu Năm nhà họ Chu nghe thôi. Hôm về tới làng Hồ Khẩu, trời đã canh hai, cả nhà đều đã ngủ say. Cậu Năm đưa cô Dó về nhà mà không ai biết tí gì cả.

Trông thấy phiến đá xanh nghè giầy đặt chìm xuống nền đất trị, cô Dó cười hỏi chồng:

- Đây phải không?

Cậu Năm đang giờ tay đốt đèn quay vội lại vui vẻ gật gật. Thế là cô Dó lẫn mình ngay vào tấm đá, sau khi ăn hết hương thơm của mấy trăm tờ giấy sắc vừa seo xong còn ướt để ở ngoài hiên - Mấy ngày đi đường cô đói quá. Lại vừa mệt nữa. Nên chỉ kịp chào cậu Năm và nói có một câu "Đầu canh tư, anh đánh thức em dậy với" là cô đã ngủ ngay trong lòng đá.

Riêng cậu Năm thì không ngủ được. Ngồi uống rượu một mình cho đỡ lạnh, Năm thấy phải độc ầm có ý buồn buồn, bèn thành kính rót một chén xuống mặt phiến đá và tuy mới sang canh ba được có một lúc, cậu cũng đánh thức vợ dậy để cùng nhấp một chén tân hôn.

- Này em này, đã sang tư rồi. Sao tua rua tháng mười đã gần tụt

hết xuống phía dưới rồi đây. Em ngồi dậy, uống một chén mừng cho đỡ lạnh.

Từ lòng phiên đá lạnh có một tiếng ngập mệt mỗi đưa lên:

- Anh lấy ít bột dó chưa xeo rắc lên mình đá cho em kéo trong này lạnh lắm. Ngày thường, anh bắt đầu làm việc từ lúc nào?

- Cứ trời gần hừng sáng thì anh đã trở dậy nghe giấy. Đứng ngo, ngừng tay một lát ăn cơm. Mặt trời lặn thì anh nghỉ hẳn tay chầy.

- Từ nay có em về ở cùng, anh nên đổi thời khắc biểu cũ đi. Em thuộc chất âm, ít chịu được cái nóng sáng của mặt trời. Em muốn từ bây giờ, anh thay đổi giờ làm việc, lấy đêm ra mà làm ngày. Như thế nó tiện cho em những lúc phải đỡ đàn anh một tay. Vả chẳng cái việc em về làm bạn với anh, cũng không nên cho người khác biết, cả đến người nhà nữa. Muốn giữ bền được hạnh phúc, chúng ta nên mai ẩn ít nhiều tung tích mình đi để tránh những việc dòm dò của chung quanh. Lại còn thế này nữa: là thỉnh thoảng em có muốn lách mình ra khỏi đá để hát cho anh nghe hoặc đánh bóng mặt giấy cho anh mà phải lộ tám hình hài cho người ngoài thấy thì thực là một điều không những là bất tiện mà lại còn nguy hiểm cho hai mình nữa. Nào anh đổ xuống mặt đá cho em một chén rượu nữa, người em vẫn còn mệt lắm, nhưng đã là ngày vui nhất trong một cuộc đời thì phải say và phải hát chứ. Em sẽ hát một bài ngắn thôi, rồi đi nằm. Lúc nào gà gáy canh một đêm nay, em sẽ dậy. Anh cũng đi ngủ, để tối hãy làm giấy.

Cậu Năm nghe theo lời vợ hiền. Và từ bây giờ, cả nhà đều phải để ý đến những giấc ngủ ngày triền miên của cậu Năm. Hồi, cậu bảo rằng cậu vừa tìm được một phương pháp mới để chế giấy cho tốt hơn: Giấy nghe vào lúc đêm hôm thì mặt bóng hơn, chất chắc hơn vì... vì có hơi sương và tia trắng tia sao! Cậu nói thế mà cũng có khối người trong nhà nghe được đấy.

Ở ven Hồ Tây, giờ canh đêm đông không còn lạng lạnh như mọi

khi nữa. Trong sương, dùng đục những dịp tiếng chày nhà cậu Năm giã dó và lấm buổi còn lẫn một thứ tiếng hát, âm thanh lơ lơ và nhịp lúc mau như khổ dụng dụng nhà Tơ và lúc thưa thì giống hết lối ngâm thơ Thiên Thai rồi ngân dần dần lên và lại dần dần ngân mà xuống đúng như hơi hát cung bậc lúc đổ con kiến. Đêm đêm, cậu Năm làm giấy và cô Dó cũng lách mình ra khỏi đá, nghe giúp chồng. Cả ngày chỉ ngủ không ăn, giờ-bữa cơm chính của cậu Năm thường lại là một bữa sủi dề có điểm mấy chén rượu. Vợ chồng vui vẻ, nói khôn nên lời. Ái tình và cần lao. Lắm khi ngà ngà mà say, phát phơ mà đi, nhìn đêm lạnh trắng sương, nhớ rừng cũ cô Dó lại càng hát nhiều nhiều. Khuya im một bầu sương muối, cỏ cây dùng đục vẫn trong sữa giăng loăng, trời đất trông ra như lúc hỗn mang, cô Dó đánh bạo ra ngoài. Đêm đông trường, chỉ có một thứ tiếng hát của cô Dó chập chờn đi từ giới hạn một bờ Tây Hồ đến bờ một khúc sông Tô Lịch. Tiếng huyền diệu và mờ mù bao la.

Từ đấy, lò chế giấy nhà cậu Năm họ Chu làng Hồ Khẩu biết một kỷ nguyên mới - giấy tự nhiên thơm đẹp lên và bỏ xa sự cạnh tranh của nghìn vạn người sống bằng vỏ dó. Loại giấy Chu Hồ có từ bấy giờ. Áp tờ giấy đẹp vào lòng, biết nó là do công ơn của người vợ hiền nhiều đêm đã cần cù vì mình, cậu Năm mê mẩn vì chân hạnh phúc và thú cần lao, nhiều phút ban ngày sượng quá, ngắt đi và tỉnh cơn cuồng lại vỗ mái vào phiến đá nghe có ý đánh thức vợ dậy mà xem mình đang khóc vì... hoan lạc.

Có một lần cô Dó đỡ gùi khó ở mất đến một tuần, giấy Chu Hồ tự nhiên xuống hẳn mặt. Đã có bao đêm liền, cậu Năm bó gối gác chày bên phiến đá, nghiêm và rầu như kẻ sắp gieo mình xuống dòng. Dưới lòng đá, có tiếng phào phào đưa lên:

- Em rõ chứng bệnh em rồi anh ạ. Ra em không chịu được cái mùi hoa hòe nhà ta vẫn mua để nhuộm giấy sắc. Đổ cái chất vàng ấy lên mình em, em ăn phải cho nên đầy và cứ phù dãn người ra. Anh

thử bỏ vút bột hòe đi em xem.

Có như thế. Sau khi cậu Năm cho đổ hết hòe xuống hồ - làm vàng ố cả một vùng xanh trong - thì cô Dó cắt cơn ngay. Lò giấy nhà họ Chu thôi hẳn việc chế giấy sắc vàng, lại cũng từ đấy. Ngày tháng. Hai người càng yêu nhau trong ca vui và cần lao; trăm năm cũng già. Không, cô Dó vẫn trẻ. Chỉ có cậu Năm là già đi vì cậu vốn thuộc chất dương và vốn bị thời gian chi phối. Cậu Năm chính là ông cụ tổ ba đời của ông cụ họ Chu được nhà Vua cho quan bộ Lễ vời vào Kinh để sung một chức ở Cẩn Tín Viện đấy.

Cậu Năm trăm tuổi đi rồi, cô Dó đêm đêm ra ngồi ở ven Hồ Tây và ven sông Tô có mấy tháng liền, sự nhớ thương lại biến thành nhiều khúc hát buồn và những bài ca điệu ấy cô có chép một tập đề là "Chu Ngũ Lương Hoài Nhân Khúc" giữ luôn dưới lòng đá và nét chữ cô Dó lờm chờm nhọn hoắt và so le như ngọn cỏ bông. Mấy mươi đời sau, đâu có một người tài về môn cách vật trí tri bảo đấy là thứ chữ không phải của loài người chế lấy mà dùng; nó là thứ chữ Sơn Hoàng của Chúa Rừng truyền dạy cho các hồn cây hồn quả hiển viết lúc dâng bài Chúc Thọ và chỉ có những người nào có số hỏ vồ là đọc thông được thôi.

Phiến đá xanh nghề giấy, từ cụ Năm về trời bỗng trắng toát ra. Phiến bạch thạch lẫn vãi bố góc bàn thờ mới. Sau ba năm cô Dó rất có thể lộn về rừng - cái quê hương cũ muôn năm xanh vui của mình. Nhưng không, cô vẫn còn thương cậu Năm nhiều lắm và thề ở lại giúp và dựng cho lũ con lũ cháu và lũ chất nhà chồng, có cái định kiến là đến bao giờ dân trung châu hạ bạn tuyệt nghề làm giấy bán thì cô mới bỏ nhà chồng mà lộn về rừng. Từ ngày theo chồng về Hồ Khẩu cho đến quá về sau cái thời chồng chết, người quả phụ ấy chỉ có một lần tìm đường quy ninh về rừng thăm lại Mẹ Ngàn. Cô Dó quy ninh đâu vào cái khoảng người cháu bốn đời nhà cậu Năm.

Từ cậu Năm mất đi, con cháu nhà họ Chu lại trở lại tập quán

cũ, nghĩa là nghề giấy vào lúc ban ngày. Dưới đá trắng cư tang, nghe những âm chầy non đại đồ xuống đó ướt, cô Dó mỉm cười. Thương lũ trẻ, đêm đêm cô lại lên hiện ra hà ít hơi mình vào giấy và lấy tay vuốt từng tờ một. Giấy Chu Hồ vì thế mà vẫn giữ được vẻ quý mà riêng lũ con cháu nhà cậu Năm thì vẫn không hề biết mây may về sự hiển linh nhà mình. Đời ấy và đời khác.

Năm 1925 vào lúc cuối đời Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế đất Nam kì, trấn Gia Định... có một ông Huyện... tên là Khỏe. Ông Huyện Khỏe là một người phú quý tốt bụng; hay gây ra nhiều điều phúc đức. Lúc trẻ tráng, cái nông lối hóm của ông Huyện Khỏe lại... vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thuở ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một giới và đến ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thấy đều xanh cả mắt... Khoảng đời thiếu niên của ông Huyện Khỏe, thật lúc nào cũng là vui như hồi Tây. Đây, ông Huyện Khỏe vào lúc thiếu thời. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chăng trong cử chỉ hằng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa rộng như một đất phong cường và các nhà máy xà phòng, gạo và dầu cù là của ông rải rác ở khắp lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già lại còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là cổ và đẹp nếu là độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông Huyện Khỏe cũng bỏ tiền ra mua. Và những bức có tài xem đồ cổ, ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi. Trong đám thực khách nhà ông Huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng Phủ Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, có chỉ vào cái cầu Phụng mà thề độc rằng "bất thừa xa mã bất quá thử kiều". Ở Sài Gòn được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn... Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh để bên lòng và tự nhủ

trong suốt một đời thế nào cũng phải tìm lấy dịp trả ơn lại ông Huyện nghĩa là lúc nào cũng nghĩ đến việc đi tìm vật báu cho ân nhân. Xứ Bắc Kì cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đôi ba năm Chiêu Hiện lại lộn về một lần để sục mót xem có thấy được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà Nội, không hiểu tại sao Chiêu Hiện lại thuộc cái sự tích phiến đá nghe giầy nhà họ Chu làng Hồ Khẩu, tìm có lần la rồi không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đó, đem về cho ông Huyện Khỏe.

Thâu ngày thâu đêm, dù đã qua hết các giang khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo, về đến biệt thự ông Huyện Khỏe, đá bờ ngõ với thời tiết ở đây quanh năm nóng như lò nung vôi, đã bỗng đổ mồ hôi. Cảm chén rượu rữ bụi lúc đã thông dong, ông Chiêu Hiện mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiện nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiến đá có tiếng người hát giọng buồn. Không rõ lời, nhưng nghe cái âm tiêu sái ấy đến như ông Huyện Khỏe mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiện bèn dẫn giảng rằng đây là một trong những bài thương ở tập "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc" của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tính hay khoe của, ông Huyện Khỏe ngay ngày hôm sau, gửi luôn thiệp danh đi mời các khách quý đến ăn tiệc và "xem một hòn đá biết sụt sịt trong đêm". Tàn rượu tiệc, có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiện mặc đồ lễ... ra xin với quan khách chỉ nên vui nhộn đến đúng giờ Tý thôi, nếu có bụng chân thành muốn nghe những tiếng thương xót của hòn đá "nó là cái cơ đẹp của buổi họp hoan này". Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét có một ngọn đèn cầy. Sau đây một giờ lòng đá lại như đêm trước bật nổi lên những tiếng tương tư thê thảm. Tân khách thấy đều rơi châu. Tờ mờ sáng, họ ra về và bắt chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đây phải cho họ được xem đến mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp theo bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay, chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng li khổ của

hồn một phiến đá lương thiện có tình lại còn là cái cơ vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa cô Dó phải nhảm lẫn về hoàn cảnh mới gắt để thỉnh thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông Huyện Khô cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm dòng sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tính theo lối nhà nước ngăn đắp đập. Ngày lạc thành cái mẫu hồ bên sông và cái khúc sông giả vờ đó, lại tiệc yến. Những tân khách của những kì dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo ước cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, cô Dó hiện ra thật, mình vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xưa, nhưng dưới gấu đã xé xờ ra cho nó thành tấm áo trảm thôi và mớ tóc tang rồi như xờ dó vừa vắn vội. Có bao nhiêu người bùng bùng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khẽ trầm trở với nhau là đẹp và đoan chính đến bực ấy là cùng.

Cô Dó chập chờn trên nước sông đào, trên nước hồ đập, tỉ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đấy. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đây chỉ là những lá cành của kẻ, cọ, dừa xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ sợ đến một sự nguy hiểm của một thung thổ lạ, cô lại vội lẫn ngay vào lòng đá trắng. Từ đấy không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng nhớ cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiện bỗng nắc lên mấy tiếng rồi là dần đi. Vực vào buồng bệnh, thấy Chiêu Hiện cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một đêm. Ông Huyện Khô biết là chứng bệnh cũ của người quân gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phen vào nước, cứ mỗi giờ lại đổ cho uống, chứ tịnh không phải thuốc thầy gì cả. Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phiền hơn; là đã quá mười ngày rồi mà Chiêu Hiện không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm thôi. Bệnh này trong sách thuốc *Y Dược Đại Toàn* gọi là bệnh Miên

nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, Chiêu Hiện đã tỉnh lại. Nghe ông Huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình ngủ đã mười hai đêm ngày có dư, Chiêu Hiện đã bốc đứng người dậy, kêu xong hai tiếng "hồng rồi" thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch, mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì "hồng rồi", ông Huyện Khỏe mặt như chàm đỏ, sợ sệt nhìn con bệnh bây giờ đang lăn lộn như có ai cầu rồn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt đại đột Chiêu Hiện chán chường nhìn vào khoảng không và miệng - tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại: "Hong rồi", đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiện tập tễnh bước lại chỗ đặt phiến đá trắng, áp tay vào mặt đá, áp tai vào mặt đá vầy ông Huyện Khỏe lại:

- Đến phải đập vỡ đá này, thì may ra mới chữa được người trong ấy. Cô Dó không khéo chết mất rồi ông Huyện ạ!

- Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối với.

- Nguyên là thế này. Hòn đá này phải ăn chất vỏ dó. Thiếu dó thì cái người nằm khóc trong đó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhiều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về, tôi đã mang theo về bao nhiêu là bó vỏ dó để ngày ngày áp lên đá cho người trong đó ăn. Gần hết, tôi lại đánh giầy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không kịp dặn ai thay cho việc bón đá, đến nay là quá mười ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

- Vậy bây giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đá thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bắn vung lên. Hòn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quý thần ôi! Có một người đàn bà rất xinh bé đang nằm ngủ. Nàng mặc một cái áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiện

đã nhẹ nhàng ẵm nàng ra đặt lên giường thì mảnh dưới phiến đá vỡ vẫn còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trống xuống như chỗ đựng nước trong một cái nghiêng dùng viết đại tự.

Chiêu Hiền rờ vào ngực cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình đem cái bó vỏ dó ông cất trong kho ra ngay mau. Chúng đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thứ dây dợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hi vọng cuối cùng lại tắt nốt. Ông Chiêu Hiền dẫm chân kêu giời, nước mắt đỏ như máu, tiếng mất hẳn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cùng ông Huyện: "Ông phải làm ngay hai việc: nhất diện là cho đánh xe đi lên Sài Gòn về các miền Lục Tỉnh vét lấy hết những giấy bản của ta, chứ giấy moi và giấy tàu của các Chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh ngay dây thép ra Bắc - theo địa chỉ này - bảo phải gửi ngay vào cho đảm kiện vỏ dó theo lối đại tốc".

Trong lúc chờ giấy bản, vợ được mười quyển chép dở những thi ca của mấy chỗ thế gia ngoài Bắc, ông Chiêu Hiền đem xé vỏ ra, chất thành một đồng to, đốt sưởi cho cô Dó hồi lại. Người đã chết là đã dần dần tỉnh lại, ngón tay động làm buột rơi một cuốn sách nhỏ ngoài bìa bằng lá cây có nét kim khí vạch sáu chữ "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc". Cô Dó mắt vẫn còn nhắm nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang hé cười. Nhưng những luồng khói đặc ở đồng giấy bản đã thừa loãng dần. Khói tắt, hương giấy tan đi, người cô Dó càng lạnh, lạnh thêm mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khúc cười không kịp nở hết. Cô Dó đã trở nên người thiên cổ. Cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lam trong sáng.

Bên tử thi đá lam, có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiền tưởng còn có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình vên vện được bộ ba trăm tờ hoen nhàu với một

câu: "Dạ chúng con đã cho xe lên Sài Gòn và về cả Lục Tỉnh mà cũng chỉ vơ vét được có bấy nhiêu. Dạ bẩm trong này ít dùng cái thứ giấy này. Việc quan và tư thầy đều dùng có giấy Tây thôi.". Ngẫm nghĩ một hồi lâu, Chiêu Hiền trấn tĩnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông Huyện Khỏe có cái số không được làm quý nhân nên quý vật nó mới không chịu ở với. Và cô Dó đã nhất định đi, giá cô nán nà lùi lại đến lúc này chờ giấy về kịp, thì cái tập giấy khốn nạn mỏng và biến lộn kia cũng không đủ để sưởi nóng cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vó ở Bắc gửi vào theo lối đại tốc. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thì hải đã lạnh, Chiêu Hiền thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết chết mất một thứ ngọc sống. Vì có biết thế này thì đã không khi nào ông diu ngọc vào đất Sài Gòong để đến nỗi dấp tội với ngọc đá và đánh hỏng của cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiền lại khóc lên ba tiếng để sau ba tiếng của mình khóc ngọc tị trần vừa dứt thì tiếp nghe đến ba tiếng cười của ông Huyện Khỏe. Ông Huyện Khỏe đã ôm lấy xác cô Dó vui reo ồn ào:

- Trời, té ra là ngọc thạch. Thuý ngọc, ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vẹn một phiến ngọc vì bán đi thì có thu về được cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc ví có còn sống để lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tửu đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái di hải này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi... Thôi nín đi mà, bác Chiêu.

Chiêu Hiền đã nín thật. Nghe giọng lười ông Huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu. Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay, ông đã thờ nhầm một người có nhân cách dè hạ quá. Đã thấm chưa! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà

ông Huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán xác Ngọc, cũng là cho Ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn có sự tuyệt tình nào phụ bạc được hơn nữa. Nhót đến thế là cùng... Một người đã vô sở bất chí đến như thế thì còn cái gì ở thế gian này mà hấn không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về với ông ta, chẳng may xấu số về giờ sớm, Ngọc đẩy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, hướng chỉ là mình. Ở ngay sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi không còn lấy mấy may tình ý về kỷ niệm; cứ ở gần kề đũa bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đẩy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiên đã bỏ ông Huyện Khoẻ. Lúc bỏ đi, không thềm chào, không thềm đeo theo một vật gì là tặng phẩm của ông huyện vẫn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư, trong nói là về Bắc để chữa cho khỏi ít cổ tật trong người; không dám hứa là có quay lại với ân nhân cũ không, nhưng dấu sao ơn ngày trước tưởng cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.

Mười mấy năm bỏ làng đi vào miền trong làm... cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm áo vải đắp lên cái thân dầu dãi đã cuối châu, ông Chiêu Hiên qua sông Hát Giang lại nhớ đến lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Phụng đây mà lộn về Phủ Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đầu khi Chiêu Hiên lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của nhà họ Chu. Thì ra từ khi bị đánh tráo phiến đá nghe, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bây giờ đã là một chuyện gần như cổ tích, một chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.

Để duy trì cái sống hằng ngày, nhà họ Chu bây giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi...

Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiên có chép lại việc này, đủ

ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả, tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dặn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá, tảng đá, hòn đá nào; mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.

Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ Miên nhất khí bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn Tây huyết đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lởm chồm lổn nhổn những đá tổ ong.

RƯỢU BỆNH

"Ấm già lưu kỳ danh"

*Kính gửi: Vong linh ông bạn rượu
Nguyễn Khắc Hiếu*

Người ta không rõ ông cụ ấy tên là gì và người ở đâu. Mỗi buổi sớm lúc giờ đất còn lờ mờ, ông cụ đã ngồi sẵn ở các cửa ô Hà Nội, không ai rõ người có tuổi đó làm nghề gì. Nếu là đi buôn thì sao lại không có tay nải. Nếu là xem số hoặc là thầy bói thì sao lại không có tráp. Và làm nghề gì mà đóng chỗ sớm thế? Tất cả những đồ vật đem theo, nếu người gặp ông già ấy luôn mà chịu để ý nhận một chút, thì chỉ vền vền có một cái ghế gỗ và một cái chén gỗ to gần bằng cái lồng gỗ mít đóng oản của nhà chùa.

Mỗi buổi sớm, ông già ấy ngồi ở một cửa ô. Ông cụ không bỏ ngõ với một cửa ô nào cả, ô Chợ Dừa, ô Cầu Giấy, ô Yên Phụ, ô Quan Chưởng, ô Đống Mác, ô Cầu Rèn, mỗi buổi mặt giờ gần hừng, cửa ô nào đối với ông già cũng đều là một cái quê hương trong chóc lát của mỗi ngày. Ông cụ đó là một đứa con nuông già nua hom hem của tất cả những cửa ô vào Kinh thành. Nhưng có một cửa ô ông cụ thích nhất: cửa ô Quan Chưởng. Mỗi buổi tỉnh mơ ngồi ở một cửa ô, đi hết một lượt thì lại lộn vòng lại. Nhưng đến cửa ô Quan Chưởng

thì bao giờ ông cụ cũng đóng chỗ ở đây liền hai buổi sáng để đón rượu, thứ rượu làm ở bên kia sông. Thứ rượu ngon cất ở tả ngạn sông Nhĩ, đưa qua bán bên đất Kinh đô, các cô gái vùng Bồ Đề bao giờ cũng ghé dò ngang đi vào lối cửa Quan Chương này.

Giờ còn nhạt mặt người ông cụ đã đặt ghế gỗ xuống nền cạnh chân tường cửa ô, ngồi xuống đây rồi bày ra trước mặt mình cái chén gỗ tùy thân. Ông già cử động rất trịnh trọng, mặt ngóng ra phía bờ sông lắm buổi sương mù dềnh dang mãi không chịu tan. Thấy có bóng nào của quang gánh tiến lại cửa ô thì ông già bắt đầu xoa tay. Cả người ông cụ lúc bấy giờ là sự vui sướng hồn nhiên. Bốn cô hàng gánh rượu đã chọc thùng màn sương gần lướt qua mặt, ông lão dặng hắng, gọi: "Có rượu ngon, cho lão mua vài cân", rồi ông lão liền đưa cái chén gỗ cho cô hàng rót đầy vào để nếm thử. Nếm xong, ông già kêu nhạt hoặc chê là khô, xua tay cho cô hàng đi. Buổi sớm mai đi hàng, gặp người khách khó tính, cô hàng đành chịu vậy, lặng lẽ nhấc gánh đi nốt con đường vào kẻ chợ, lẫn mất vào mù sương. Ông già nhìn theo cô hàng móc túi lấy ra một cái đinh đóng thuyền chắm vào chén rượu mút đánh chọt một cái rất gọn và làm tiếp mãi như thế. Trông rất ngon lành. Một cô hàng rượu, hai cô hàng rượu, dăm bảy cô hàng rượu đã qua đều đều. Mỗi cô là một chén gỗ rượu nếm thử. Mỗi lần nếm thử các thứ rượu cất các thứ nôi nấu khác nhau không phải trả tiền và nhắm bằng cái đinh đóng thuyền ấy, ông già lại khoan khoái nhìn theo những đám quang gánh xinh gọn kia nhòe biến vào sương khói dày đặc bên hữu sông như những nhân ảnh của một giấc chiêm bao thú vị chợt tỉnh là muốn nói lại ngay. Đến lúc ông già đã đủ chuẩn choáng để giác quan thừa sức mà nhầm lộn về cuộc đời thực tại quanh mình, thì đám sương khói cũng vừa quét tan. Cửa ô Quan Chương đứng sững trước giờ hừng đông. Cũng đã vừa cho bụng ấm rồi, ông già liền đứng dậy, cho chén gỗ vào túi và cắp ghế gỗ vào nách chập chững trên đường vào phố như trẻ mới tập đi. Những tia lửa đầu tiên của vùng hồng đuối theo cái lưng cong một

người say đang ra về đâu? Mấy ai đã rõ được cái chỗ nằm chết giấc của một người say! Và cả ngày cả tối ấy, đồ phổ phùng có thấy mặt ông già này. Muốn tìm ông lão ấy, tìm để mà nhìn qua nhìn chơi cho biết thế thôi, chứ còn ai dại gì tìm ông để làm ăn và chữa chắc ông cụ ấy đã chịu tính chuyện làm ăn gì với ai - thì lại cứ đầu canh năm, đi lục hết sáu cái cửa ô của Hà Nội. Bao giờ cũng chỉ có thế. Một cái chén gỗ lớn, một cái ghế gỗ con, phục sức chưa tã rách nhưng cũng đã quá tầu tầu, ông ngồi thu hình trên nền đất lạnh của buổi sớm tinh mơ, rình những gánh men lướt trong màn sương: đáng điệu lúc thì khuất nhục, ngôn ngữ lúc thì hóm hình, chơi chơi thật thật cứ y như là tiên hiện hình xuống để thử lòng những người đi qua. Mỗi buổi sớm ở mỗi cửa ô, ông già đã lại ra ngồi bày hàng ở đấy để đánh thuế rất khéo vào những gánh hàng các cô bán rượu quẩy vào chợ tỉnh. Và ngày tháng của bậc lão tửu đồ ấy đi qua một cách rất nhàn đậm có như là giọt sương mới thấm rơi trên một cái chén gỗ nông. Rồi có buổi, các cô gái bán rượu đều nhận rõ ông già nọ. Mỗi lúc đi hàng vào kẻ chợ, gặp cái người ngồi ghế gỗ và đưa chén gỗ đòi nếm rượu, họ sưng người ra mà kêu: "Thế ra lại cụ. Ở cửa ô nào cũng thấy cụ nếm rượu. Lúc nào cũng cụ. Cụ là cái chức gì ở Hà Nội mà ngày nào cũng phải đánh thuế vào lũ rượu chúng tôi? Thế này thì mấy lúc mà hết vốn chúng tôi, hả cụ tiên?". Buổi sớm mai đi hàng các cô gánh rượu không dám nói nặng với bất cứ ai trên ám mình, sợ rông buổi hàng, nên họ đã dùng những lời nhẹ nhàng như thế để vãn lại một người có tuổi và có cái tật cứ đi nếm chằng rượu để rồi không bao giờ mua thật cả. Và có lẽ vì họ thấy ông khách không đứng đắn ấy tóc trắng râu trắng mặt trắng lông mày trắng mà họ trêu là ông tiên. Được thế ông tiên bèn xoay câu chuyện đùa gọi là xí xóa cái việc làm bậy của mình: "Lão nghèo, các cô buồn trăm bán nghìn, các cô tiếc chi lão một chén rượu nếm. Những lúc rơi vãi đong hàng, còn gấp mấy ngàn cái chén gỗ con con này ấy chứ. Đòi các cô còn dài rồi còn tha hồ mà hưởng lộc giới. Lão không có con, không có

vườn, lại không có rượu nữa thì lão buồn lắm. Lão sống cũng chẳng mấy nữa. Sự thiệt thòi và chịu khó của các cô cũng không đến nỗi lâu lắm đâu". Thấy lời ông già quen nếm chắt rượu kia có vẻ hữu lý và nghe nó cũng tội tội, từ bấy giờ họ nhận lấy việc mỗi buổi mai mỗi người cấp cho ông già đầy một chén gỗ rượu là việc dĩ nhiên. Rồi họ bèn đặt tên luôn cho cái ông già đánh thuế rượu một cách kỳ dị đó và gọi đùa là Bố Ô. Bố Ô, từ sau đó, đã thành một hình ảnh quen thuộc đối với họ. Bắt đầu mỗi ngày, chờ đò chợ bên sông sương, họ bàn tán về ông khách hàng nghèo và già của họ.

- Không rõ hôm nay, Bố Ô ngồi ở cửa nào? Có ngồi ở cửa ô Quan Chương để chị em mình cùng mỗi người một chén không?

- Mà này, có cái lạ là hôm nào gặp ông cụ ấy nếm rượu là đất hàng ra phết nhá. Mặt giới độ con sào là đã vơi cả hai đầu gánh. Các chị ấy cũng đều nhận thấy thế.

- Hay ông cụ ấy đúng là người Giời!

- Trông Bố Ô uống rượu ngon tẹt cứ ngọt xớt đi thôi. Chẳng bao giờ thấy nhăn như mọi người khác. Uống đẹp quá. Nếu tôi mà không neo vốn thì có buổi chợ, tôi dám đưa không cả gánh hàng cho Bố Ô nếm đấy.

- Ông cụ uống, em trông thấy ngon lành và thêm thưởng quá. Minh cứ tưởng như đây là đang uống nước đường. Có lẽ chuyến này em cũng tập uống và nghiện được rượu đấy.

Và về sau này, thân thuộc nhau quá, buổi đêm trước, lúc làm hàng chợ sớm sau, nhân nhà sẵn những be nậm sành con con, thậm chí có nhiều cô lại còn đóng sẵn một be nhỏ cho Bố Ô, để lúc gánh hàng qua cửa ô, sẽ dúi vào tay ông già, không phải dùng gánh lại nữa cho nó đỡ mất thêm thời giờ. Cái nghề buôn bán, thời giờ bao giờ cũng vẫn là phải quý hơn hết mọi thứ khác. Dúi nhiều be đựng sẵn rượu vào tay Bố Ô là cô Cóm người bên bãi Bồ Đề. Cô Cóm mồ côi cha mẹ và Bố Ô vốn có khổ người và nét mặt phảng phất giống cha

mình, nên trong bọn bán rượu gánh, cô Cóm là người có thiện cảm nhiều với ông già. Riêng về phần ông già thì cũng chỉ có đôi với cô Cóm là ông hay lộ cái tính vui của ông và nhiều khi bằng giọng đùa cợt của bề trên - ông bảo ban lắm điều hữu ích về lẽ xuất xứ của một cô gái ngồi hàng ở chợ, một nơi mà người thì không biết là bao nhiêu đáng và của thì không rõ là bao nhiêu loại. Sớm nào, ông già gặp bọn người bên Bồ Đề thấy chợ là ông cũng hỏi thăm nhiều nhất về cô Cóm, nếu cô chậm gánh qua hoặc nghỉ buổi hàng để trông nom việc đồng áng. Kể đến một hồi, cô Cóm không thấy qua đồ ngang vào chợ tỉnh nữa. Có đến hai ba phiên chợ rồi chứ chẳng ít. Ông già hỏi ra thì mới rõ cô Cóm vừa bị vướng vào một chuyện hăm hiếp và không rõ tính mệnh và danh tiết cô giờ có còn được toàn không? Cậu Tư con quan Thượng mà cho lính bắt đi thì không phải là chuyện chơi. Cậu Thượng tuy là chính trực, nhưng cậu Tư vốn là cậu Ấm con quan về ngành thứ, thường hay ý thể cha để làm phiền nhiều chuyện bậy giữa cả lúc ban ngày trong đám dân gian. Cậu có cái bệnh thêm sự gần đàn bà và hay cho lính vào lòng gái quê trong chợ, người nào coi chừng gòn gợn và sạch sẽ là bọn lính lôi luôn về phủ riêng của cậu. Cái thân người thôn nữ một vào đây thì mỗi ngày ở cái phủ đầy mùi dâm bôn ức hiếp ấy là như nghìn thu ở ngoài và nhiều cô gái bị hãm vào đây thì tự coi là đành cướp công đáng sinh thành rồi. Kêu oan cùng quan Thượng thì ông kiến làm gì được to hòng và cửa hầu thêm một nỗi là sâu như rốn bể.

Được tin cô Cóm gặp nạn, ông lão cũng biết vậy. Sớm tinh mơ hôm ấy, ông lạc quyền các cô hàng một số rượu gấp đôi mọi lần, đổ tất cả vào miệng, ngồi lịm đi ở cổng ô như một khối tượng đá. Chờ cho mặt trời thối tan hết mù mai vươn lên độ nửa con sào, ông lão bèn đi thẳng vào dinh quan Thượng, gạt phăng cả lính canh cổng ngoài và bắt chấp cả lũ lính hầu vồng trong. Chẳng rõ giáp mặt quan Thượng - quyền trấn một góc giới lấy đầu người trị hạ cứ để như bốn - ông lão đã nói những câu gì. Đứng ngoài vòng dinh, mọi người chỉ nghe tiếng

quan Thượng quở lính sao canh phòng không được nghiêm cẩn để giữa ban ngày có thích khách lên vào và ngài quát tả hữu trối tên giặc lại để chút nữa bêu đầu ngoài cổng tỉnh. Mọi người lại còn nghe tiếng ông già la hét om sòm giữa chốn thâm nghiêm. Không rõ người ta có làm gì ông già không, nhưng hôm sau ông già được thả ra. Mọi người thấy ông già được tha ra về, mới lấy làm vững lòng và ngay sau đó cô Cóm cũng được trả về cuộc đời cũ nơi thôn ố.

Người ở kẻ chợ được biết tin này đều lấy làm thần phục cái người say rượu có tuổi vừa làm được việc lộng hiểm có hiệu quả. Chẳng rõ đây là lòng can đảm nghĩa khí đã xui ông cứu cô hàng trẻ hay đây chỉ là cái sức phản động mãnh liệt dĩ nhiên của chúng rượu lúc lên tới cùng độ ở một người liều mạng, nhưng đám đàn bà quang gánh trẩy rượu vào các cửa ô, từ bấy giờ, càng lấy làm quý Bó Ô không còn để vào đâu cho hết nữa. Họ càng lấy làm kinh ngạc thêm là từ hôm xảy ra việc đại náo dinh quan Thượng thì cái ông già uống rượu chẳng mọi khi ấy, cũng biến mất. Ô, một người kỳ dị. Riêng cô Cóm thì càng lấy làm nghi nhiều quá. Ông cụ đi đâu? Sao vào những lúc này thì lại không ngồi ở cửa ô mà đưa cái chén gỗ ra để cho người ta và các chị em cùng đi hàng rót vào đấy gấp năm gấp mười mọi khi! Mà tìm ông cụ thì tìm vào đâu? Muốn hỏi thăm thì hỏi vào ai?

Bỗng một buổi mai, lúc các cô đang quẩy gánh tiền vào cửa cổng ô thì từ trong màn sương hiện ra một đứa bé đầu còn để trái đào, một tay cắp cái hũ sành lớn bằng nửa người nó, một tay giơ ra một cái chén, miệng lắp bắp: "Bác tôi nói các cô đổ rượu vào đây cho đầy". Và nó chìa luôn hũ cùng chén ra. Cả bọn gánh rượu, nhận ra cái chén gỗ quen thuộc, bèn reo to: "Bó Ô đây rồi!" và hỏi dồn đứa bé xem ông cụ gì ở đâu và sao lại không ra đóng chỗ như mọi ngày. Đứa bé lắc đầu, trả lời là ông cụ bác nó giờ hai chân không đi được, người không đứng dậy được, cả ngày chỉ nằm bệt trên chõng tre, đã lâu không ăn uống gì, chỉ nói mê, mãi đêm qua mới tỉnh lại và dặn nó đưa hũ chén ra chờ ở đây để xin rượu. Hỏi thêm về căn

trạng ông lão bí mật, đứa bé không biết thêm được điều gì nữa. Cả bọn gánh rượu càng thêm ngạc nhiên. Bàn qua loa, họ bèn vui lòng lỡ một buổi chợ sáng để theo đứa bé tìm đến thăm ông già tại nhà.

Bây giờ họ mới có dịp biết nhà của Bố Ô. Đây là một cái túp nhà gianh dựng bên một ông đồng ở phía sau một nếp đình cổ. Đây một cái cổng cảnh tre gai, qua một mẩu sân con là vào đến nhà. Nhà rộng độ một gian, kê vèn vèn chỉ có một cái chõng. Trên chõng, Bố Ô nằm cứng đờ, chân tay duỗi thẳng. Một cổ màn nhuộm nâu rủ thông xuống trùm lên thân hình Bố Ô không khác gì một cái nhà táng. Trên tường đất, treo một bức tranh *Thập Điện Diêm Vương* có những màu đen tối của địa ngục tương phản với vàng chói của mũ quan tòa luận tội, với màu đỏ của lửa vạc và của máu tội nhân. Cạnh bức tranh cũ là mấy bức liễn giấy viết bài *Tương Tiến Tựu* - mấy dòng trên bài phú bị rách nát mất đi thành thử bài phú lại mở đầu bằng câu: "Minh kính bị bạch phát, triều như thanh ty...". Trên tường đất sòng với tranh và liễn là một cái nỏ mán và một cái ống địch trúc Hồ quân. Tất cả chỉ có thế. Nồi quạnh hiu và cô đơn ở gian lều cỏ này, đến kẻ nghèo khổ nhất - dưới mực đứa ăn mày một tý - cũng phải rung mình vì nỗi đơn lạnh. Thấy các cô hàng rượu để ý ngắm cái nỏ Mán, đứa bé chỉ ra phía bụi chuối ngoài hàng rào, trở vào một cái nồi bọng đất úp ngang lên đầu một cây tre cụt: "Ấy mọi khi còn đi lại được, mỗi buổi sớm bác tôi đi uống rượu - không biết ở những đâu - về là lấy nỏ Mán ra tập bắn vào cái nồi đất có vẽ mặt người đó. Phát nào đâm thủng con mắt vẽ vôi kia thì bác tôi lại mang ống trúc ra thổi một lúc rồi bung mặt khóc cho tới lúc lặn mặt giờ. Mỗi lần bắn thủng mắt ở nồi, thì lại thay nồi đất khác. Cả đêm không ngủ, mỗi lúc có tiếng gà gáy lại ngồi cười một mình trong bóng tối và tặc lưỡi thì với con mối trên vách, hoặc mang cái bát sứ xanh rộng miệng ra, - không biết bác tôi cất cái bát đó đâu rồi - lấy lòng bàn tay nhỏ nước bọt vào rồi vuốt nhanh vào lợi bát, uốn vòng lòng tay ướm theo đường tròn thành bát, tự nhiên cái bát kêu vo vo như sáo

điều. Gắn sáng thì lại ra đi, và lúc nào về cũng say mèm". Ông lão cựa mình mạnh rung lá màn, rên hừ hừ. Đứa bé tắt câu chuyện. Thấy gọi đến nó, nó liền thưa:

- Thưa bác, có các cô hàng rượu đến nhà.

- Ôi chào ôi. Quý hóa quá. Các cô lại còn nghĩ đến nghĩa rượu cũ mà tìm đến thăm lão nữa kia. Lâu lắm lão không được ra cửa ô. Nhà nước có dựng thêm cửa ô nào nữa không? Phải thêm cửa ô chứ! Ô, lại có cả cô Cốm nữa đấy à? Cháu bé đưa chén gỗ ra xin ngay cô Cốm một chén đầy cho bác.

Cô Cốm lom khom rót. Một chén. Bốn năm chén. Mười chén. Ba mươi chén. Chén nào Bó Ô cũng chỉ làm có một hơi. Nhanh và ngon như kẻ khát đường vớ được nước suối rừng, vục nón xuống mà mức lấy mức để. Và rượu vào đến đâu, là chân lông ông già lại dãn tuôn mồ hôi ra đến đấy, làm dầm dề cả vải gối. Nhiều dòng nước trắng cứ theo mỗi chân tóc mà tuôn mạnh ra. Hết cả hai đầu gánh cô Cốm mà Bó Ô còn gào rượu nữa. Rồi ông già bèn cười sảng sặc, nét mặt thất nhặn lại thanh âm càng rộn lạnh mãi lên - diện sắc lúc ấy chếp đúng biến chuyển của mặt các bạo chúa lúc được đặc ý về những việc phá hoại báo ân báo oán vừa gây nên với sinh linh. Lũ hàng rượu sợ quá, không biết đứng ngồi ăn nói bấy giờ thế nào cho phải với chủ nhà.

Bó Ô mới thu nét cười bạo ngược lại, giọng trở nên ôn tồn van vớ:

- Lão đã tỉnh lại rồi. Bây giờ là buổi sáng hay buổi chiều các cô nhỉ? Hay là trời đất đã đến lúc được trở nên vô thể rồi đây! Mà trông ra cứ mờ mờ nhân ảnh cả thế này. Tôi chẳng nhận rõ cô nào vào với cô nào cả. À, mà các người ơi, nay còn họp đông đủ mặt với nhau đây, lão muốn phiền các người hứa chắc với lão rằng từ nay sớm, nào các người cũng ghé vào lều cỏ này, mỗi vị đổ vào cái hũ kia cho lão một chén đầy. Lão bây giờ nửa phần dưới thân hình tự nhiên dầm trệ hẳn đi, phải nằm bệt ở đây không lê người ra các cửa ô như mọi buổi sớm trước để ăn mảy rượu các người nữa. Bây giờ lão không nuốt được

miếng gì ăn gì cũng thổ ra hết và thiếu rượu thì bị chúng nôn khan, ruột gan đảo lộn cứ như có người sàng sẩy trong lòng mình. Bụng dạ lão chỉ còn chịu được cái chất ngũ cốc dầm trong nước men thôi. Các người gắng chia phiên nhau mà cấp nước đó cho lão đến ngày lão chết. Cũng chẳng lâu lại gì đâu. Khéo lắm là hết vụ xuân năm nay.

Miệng Bô Ô lúu lại, bọt mép ông già phồng bong bóng lên, to như bọt giải ông kểnh lúc say giấc. Tay Bô Ô phác họa trong khoảng không trước mặt vài cử chỉ đại nghệch, mắt đỏ rực những tia máu và con ngươi như muốn phọt ra ngoài. Bọn gánh rượu tưởng ông già hóa dại đến nơi, sóc gánh muốn ra đi ngay thì Bô Ô kêu to: "Rồi hãy đi. Tôi đã chết đâu. Đứng đấy mà xem. Thằng cháu tôi đâu? Mày đưa cây nỏ cho bác". Ông già vớ giắt cây nỏ khỏi tay đứa cháu, cong cánh tay lên và lồng khuỷu tay vào tấm dây nỏ, lấy gân căng dây. Gân mặt ông già hằn oẹ lên những đường đau găng. Khuỷu tay căng dây mạnh quá, một bên cánh nỏ gãy đánh rắc một cái. Ông già cũng ngất người đi, nằm thiếp trên gối ướn. Chùng đứa cháu cũng được thấy bác nó thỉnh thoảng lại có con ngất người đi như thế, nên nó không lấy gì làm thảng thốt và bảo luôn các người gánh rượu: "Thế này là bác tôi ngủ luôn có khi hai ba ngày và lúc dậy không có ăn gì cả. Chỉ có uống thôi. Và số rượu uống lại dùng tăng gấp bội số hàng ngày. Hình như có bao nhiêu, uống cũng cứ là thiếu. Vâng, các cô cứ rót rượu đầy vào hũ đó cho bác tôi. Vâng, tôi trông nom bác tôi quen rồi. Bác tôi không việc gì đâu".

Đám quang gánh rượu ra đi. Bô Ô vẫn lịm giấc. Đứa cháu lặng lẽ ngồi đánh cờ chân chó một trên nền đất trệ. Lúc nào đói khát thì nó lại lẩn vào trong làng xin ăn xin uống những bà con trong họ chứ ở cái nhà Bô Ô này, lâu nay quanh năm, không có thổi nấu gì cả. Bô Ô đã không ăn cơm ăn cháo mà lại cũng không uống nước nữa. Cái người lạ ấy không bao giờ thấy đói và chỉ có biết khát thôi. Mỗi lúc tỉnh bữa rượu trước, thấy khát thì lại đem luôn rượu của bữa sau ra mà giải khát. Rất tiện. Cái bếp nhà ấy, giờ cỏ mọc um tùm, bó kín

lấy mấy ông đầu rau lạnh. Ở đây không bao giờ có khói. Và cũng tỉnh không bao giờ có lửa nữa. Tối đến chẳng cần lên đèn, chẳng cần chặn cổng - nhà còn có gì nữa mà sợ trộm - đưa cháu lăn ền ra ngủ. Trước khi đi ngủ, bao giờ nó cũng mắc một mũi dây vào đầu ngón chân cái nó và buộc một đầu khác vào tay ông bác, phòng lúc khuya khoắt, ông bác có cần đến nó thì cứ việc giật dây gọi. (Cái trò này sinh ra từ lúc ông già ấy trệ bại hẳn nửa người).

Tật cũ của Bố Ô ngày một thêm biến chứng. Có người biết việc ông già đại náo trong dinh Ông Lớn đầu tỉnh, ngờ bệnh hoạn của ông bây giờ là khởi nguồn từ ngày ấy. Biết đâu lúc bị cầm ở đấy hai hôm, người ta đã chẳng dùng đến ngón đòn âm mà hình phạt trả thù cái tính bộc trực của ông. Nhưng có người lại bảo rằng tất cả cái thâm kịch bây giờ của ông già chỉ là cái kết quả rất đau buồn của chứng rượu trả nợ cho rượu. Đây là bệnh rượu. Họ nói gọn thế.

Bệnh rượu ghê thực. Giờ nó đối được cả diện mạo và thân hình Bố Ô. Ai là cố nhân của ông già, giờ gặp lại cũng không nhận được ra nữa. Mặt Bố Ô bị rượu chuốt theo hình một cái hũ - cái cằm dài ra đúng đường lượn của cổ hũ - bụng chửa uốn lên như dáng chöße và hai cái chân thì thật là một đôi nậm: bắp đùi thu ngắn và bạnh phồng lên, ống chân thì thót ngắn dài mãi ra. Những đường cong, có bao nhiêu đường cong nơi thân thể con rượu là đều rập đúng những đường lượn của những đồ vật bằng sứ bằng thủy tinh vốn dùng vào việc đựng rượu xưa nay. Hai tay người uống rượu ấy trước kia còn cử động được để với một cái hũ, nghiêng rót nó ra chén rồi đưa vào miệng. Nay nó cũng theo cặp chân mà trệ nốt và cứ buông xuôi thế. Sự chết bất đầu sống trong người Bố Ô. Ở khắp mình kẻ có tật nguyên kia, những thứ ung thư rất kỳ quái cũng bắt đầu phát ra. Nó to bằng quả trứng ngỗng. Có đến hàng chục cái trứng ngỗng nổi rõ trên khắp thân thể. Lúc nó nung chín, nổ vỡ bực ra; rồi theo sau... phì phì là một thứ nước trắng như sữa dừa. Quẹt vào mũi không thấy tanh. Chỉ thấy hăng sè. Nước cay ấy nhảy nhồm nơi lá màn,

chăn gối và áo quần. Lũ ruồi nhặng tưởng bỏ đậu xuống đưa vòi ra hút phải đều say ngất đi như bị thuốc mê cánh cụp lại và chân căng co ngửa lên giời rung ngã xuống mặt chiếu. Đứa cháu vốn hay nghịch được một dịp lấy ngón tay gầy lỗ trùng ấy lăn ra, vun chúng lại thành đống rồi thả vào những cửa tổ kiến lửa ở chân tường. Cái thứ nước trắng nhờ ấy xông lên cay thực. Đến ngày đưa cháu, nhiều khi con người cũng xót chảy nước mắt ra, những khi nó phải đứng hầu cạnh lâu quá. Từ ngày ông bác nó lại trệ thêm cả hai tay nữa thì cái việc phục dịch ở nó cũng thêm phiền khó nhiều ra. Bác nó vốn không nói được nữa từ luôn với ngày không dùng được tay, nó bèn nghĩ sẵn ra một cách rất gọn để bác nó lên tiếng những lúc muốn nó đến hầu rượu. Đứa cháu mua ngay một cái còi đất cắm sẵn vào miệng ông bác. Lúc nào cần đến nó thì ông già liệť cả người kia chỉ việc thổi mạnh vài dịp là nó đã chạy vào. Đạo sau này, đứa cháu họ Bồ Ô đâm buồn, càng dần dần đông dài tẻ. Nó bỏ nhà luôn, suốt ngày chơi quay đánh đáo ngoài sân đình, ít khi ở bên cạnh người bác phế nhân. Lâu, khi ông già huýt còi đến ba bốn dịp nó mới chịu bỏ dở trò chơi với trẻ làng mà chạy về, hầu rượu xong một cái là nó lại tung ra đường ngay.

Trông đứa cháu bốn rượu cho ông già tê liệť kia thì không còn ai ở đời này muốn nghiện rượu nữa. Thảm quá. Bồ Ô huýt xong mấy dịp còi, mắt thao láo chờ đứa cháu, mũi thở phì phò, môi môi mà không dám há miệng, sợ rơi mất còi mà nó chưa về thì làm thế nào mà gọi tiếp. Thành thử cả ngày đêm Bồ Ô cứ phải ngậm còi liên miệť. Bồ chỉ rời cái còi ra khỏi miệng mỗi khi nào đứa cháu nghe hiệu chạy về đổ vào mồm cho vài chén rượu. Nuốt ực xong rượu, ông già mắt đã lim dim đứa cháu lại cắm lại cái còi vào miệng méo xong là nó lại đi ra sân đình ngay để khi nào còi hiệu thì nó mới lại chạy về, có ngày đến bốn lần. Trước, chỉ mỗi ngày một bữa thôi. Vào hồi này, Bồ Ô uống càng tợn. Đến cô Cóm mà cũng phải kêu lên là sự không vừa. Cô tưởng giá Bồ Ô mà trường thọ mãi thì có ngày vốn

của cô đi hàng cũng đến cạn hết. Mà chẳng lẽ lại đi nuốt lời hứa với một vị ân nhân mang tật!

Nhưng giờ đã thương cô Côm và sớm gở cho cô một lời nguyên. Bó Ô đã tận số và cuối mùa xuân năm ấy. Bó Ô chết cháy.

Chả một hôm, không hiểu tại sao lại có tên dân cày nọ đem nùn rom vào cái nhà lạnh vắng này mà thổi bùng lên để thắp một điều thuốc Lào. Lửa ấy bắt ngay vào chăn màn quần áo của ông già Ô và thiêu luôn cả cái túp ấy ra gio. Ngọn lửa xanh lè vờn lấy mình ông già đang say mềm. Xác Bó Ô nứt đến đâu là mùi thịt thui ấy thơm lừng như mùi cá mực nướng bằng rượu không có chút gì là hôi khét cả. Và lúc mà lửa đã hoại xong cái xác kia thì cỗ xương ấy bệch ra như thạch cao ải vụn ra trông trắng nhỏ không khác gì thứ bột để luyện những hòn men. Ngủi cái vụn xương vô tự ấy, lại còn thấy thơm và ngậy ngất nữa, trong khi sờ tay vào thì thấy nó ấm như tinh bột men. Gắn đồng gio xương ấy, cái chén gỗ của Bó Ô dùng mọi ngày vẫn nguyên vẹn, không bị sém tí nào. Lửa chỉ trắng lên toàn thân chén một lần men khói bóng. Biết chén ấy có công dụng kỳ lửa, một người làng chuyên buôn đồ châu bảo bền nhứt về bán cho một bậc cự phú nọ lấy trăm nén bạc và chén đó sau tiện thành một bộ khay và lạc vào tay một vị Thái bộc mang theo luôn trong người để phòng việc hỏa hoạn.

Thời nhân, có kẻ rồi thời giờ, ngồi điều tra vụ chết cháy này, bảo rằng đích nhà Bó Ô phát hỏa vì lửa đã bắt đầu bén vào những khí rượu ở miệng mũi tửu đồ phì ra, ở những đồ dùng bằng vải của tửu đồ đã tẩm chất nước men khô đóng lại. Không khí túp gianh ấy nặng những hơi men như thế gặp được tia lửa nùn rom làm gì mà chẳng cháy vèo. Cổ nước thác đổ cũng không cứu kịp.

(Rút trong tập *Yêu Ngôn*)

Am Sông Tô 23-2-43

ĐỐI - ROI

Một đêm giao thừa nọ, chúng quý sắp y ước mà vút xôi oản vào đất mình, Phật mới hiện ra mà bảo rằng: "Đây là Hậu thân của con".

Ân Ngũ Tuyên

Kính Sám Hối

Cái ông khách đứng tuổi đến chơi uống nước nhà bác Téch Già chi tiền châu hát tất niên hôm kia nhìn theo một người gầy ốm mặc áo vành tô vừa ra khỏi cửa, hát hăm hoi nhà chủ:

- Tôi trông cái bác vừa vào bán roi châu cho bà đây có vẻ mặt quen lắm. Hình như tôi đã có gặp ở những đâu đây.

Sau một giây lát suy nghĩ và dè dặt, bác Téch Già:

- Dạ thưa đây là cậu Đái.

- Đái nào? Cậu Ấm Đái con cụ Bố Nam ấy à?

- Vâng chính là cậu Đới đây ạ. Tên cậu, chữ Đái cứ theo lời mấy cụ nhà Nho hay xuống hát ở đây giăng ra thì là đẹp lắm - đâu là cái đai hay cái dải mũ gì ấy - nhưng tất cả chị em trong giáo phường đều gọi chệch đi là Đới.

Ông khách mỉm cười. Rồi liền nhắc đến một đoạn tình sử cũ thuộc Ấm Đới.

- Tôi còn nhớ ngày trước cậu yêu cô Tám - cái cô Tám ở Ấp ấy mà - say như điên. Hồi ấy người ta còn có cái thói là cứ được nằm giường Hồng Công thì mới cho là giàu sang kia. Cậu bèn về nhà đánh lừa vị trưởng họ mở nhà thờ, làm thế nào mà thó ngay được bộ chén ngọc liệu, đem bán đất bán rẫy đi sắm giường Hồng Công để Tám ngủ cho đỡ đau lưng.

Chủ nhà hát nguyền ông khách:

- Ông cũng hay nhớ những cái chuyện nhảm quái ấy nhỉ. Tôi tưởng chỉ có chị em chúng tôi trong giáo phường là biết thôi.

- Bà đừng nên tưởng như thế. Bởi vì tiếng lành đồn đã xa mà tiếng dữ đồn thì lại càng xa lắm. Với lại những người đi chơi hay tọc mạch như bọn tôi thì cái gì mà lại không biết. Để tôi kể chuyện tiếp về cái bộ chén. À, cái bộ chén ngọc liệu ấy đâu bán cho cái chú Khách đứng chủ hiệu cao lâu Nhật Tân được gần ngàn bạc. Cậu Đới liền sắm giường cho tỉnh và còn bao nhiêu thì uống sâm banh dần với tỉnh... Thú lắm. Nhưng trong họ cậu, có tí hơi phiền phiền. Là mỗi lần có giỗ họ, tổ tiên, những ngày chính kỵ và tiên thường, không có cái gì khéo khéo để uống một chén nước cúng cho ngon.

- Bây giờ cậu Đới khổ lắm Ạ. Tài tình như thế mà hoá ra hão huyền. Giờ sống bằng nghề chuốt roi châu và vót gọng ô nan hoa xe đạp làm tiêm bán cho các tiệm.

Đứng lên ông khách vẫn giữ cái giọng đùa:

- Ra cái người đi chơi xóm lúc xuống cũng chóng quá bà nhỉ. Thôi về bà Ạ. Qua năm, có lẽ đến giữa giêng, tôi mới xuống ăn cuốn được ở đây với bà.

Một buổi chiều giáp tết, nhẵn nha ngoài đường nghĩ về chuyện cậu Đới, lòng ông khách đi chi tiền hát cũ ra về, giờ mới thấy ngậm ngùi cho cuộc sống của làng chơi lúc xế chiều, tiền hết sức khỏe hết, cái tài hoa còn giữ lại được thì cũng chỉ là thừa. Ông nghĩ hộ cho

người, ông nghĩ luôn thể về riêng ông. Ông thấy rằng ca và nhạc và cái thanh cái sắc ở người đàn bà là thú thực đấy, nhưng đã có bao giờ những cái ấy có thể trở nên một cái bền tốt cho một đời sống của tình cảm. Ở đây gió giời chúa hay gió mặt, nước nông mà lại hay có sóng ngầm. Qua Cổng Trắng, một đợt gió tàn năm tạt ngang tai. Ông khách rùng mình. Một tiếng đàn bà trẻ gọi giật lại:

- Này, vào tôi hỏi cái đã.

Cô Nhẫn! Ông khách ghé vào nhà cô đào Nhẫn.

- Lạnh quá Nhẫn ạ. Gió phố ta lạnh quá.

- Đời bọn tôi còn lạnh bằng vạn cái gió ngoài đường ấy... Qua năm anh xuống hát mở hàng cho Nhẫn nhé. Anh xuống đốt cho em một bánh pháo để mừng cho cái đời có chồng của Nhẫn lại được ngắn bớt đi một đoạn nữa nhé.

Người đàn ông từ chối, viện cớ để không mở quả mứt đầu năm; người đàn bà nói lại rằng một người vừa lành đến nhường ấy thì cứ phải xuống "Vớ lại đầu năm, ai cũng thế, khai hoa, rồi mới khai bút anh ạ. Sau đó, có làm gì thì mới làm. Anh vốn là người hiểu biết nhiều". Lòng cái ông khách chơi vừa se lại cách đây mấy phút, giờ lại mở toang. Ông cười hà hà như một người được đời sống cho mình có rất nhiều tiền để đem tiền ra mà cười với mọi người. Ông nhận nhời hát mở hàng nhà Nhẫn.

Một kẻ đói rách khúm núm tiền vào. Lại vẫn là cái người mặc áo vành tô bán roi châu ban nấy tại nhà bà Téch Già.

- Bà mua cho một trăm. Hai bó này là đủ một trăm roi.

Rất tử tế, cô Nhẫn mở xác gửi người bán roi ba đồng, không đếm số roi ở hai bộ xem thiếu hay đủ và cắt nghĩa về phía ông khách:

- Bác Đới là chỗ quen. Nhà vẫn còn nhiều roi. Có đến hàng chục ông thầy khoán tới đây đánh trống cho giãn gân cốt tay cũng không gãy hết được. Nhưng tôi cũng cứ mua để bác Đới lấy tiền tiêu

hết. Bác vẫn ở trong ngõ Liên Hoa đấy chứ? Bác xem hể lúc nào cô Hương hàng xóm dọn đi thì bảo tôi ngay, để cậu lý nó và các cháu vào trong ở kèo ngoài này chật lắm. Độ này, cứ hai ba cháu một đêm là thường.

Ông khách vui tay rút một cây ra khỏi bó roi vừa mua. Ông thử roi và mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi uốn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo. Bác Đới tiến gần lại:

- Dạ thưa đây là gỗ ruối.

Ông khách lại uốn đến cái roi khác ở bó thứ hai. Roi mới uốn được có một chút đường cong thì kêu đánh rắc, gãy đôi.

- Thế cái này hẳn là gỗ găng?

- Dạ bẩm ông tỉnh lắm. Gỗ ruối thì dẻo bền hơn. Nhưng thường bán ra, tôi vẫn đưa một nửa ruối và một nửa găng. Được cái các bà các cô ở xóm vốn có bụng thương nên đều vui lòng nhận như thế cả. Với lại các ông tỉnh, chúng tôi làm nghề chuốt roi chầu mà đánh đến một nghìn bài Thét Nhạc rồi mà đòi một cái roi bán ra ấy vẫn cứ lành vện thì chúng tôi sống thế nào được, nếu không liệu thay nghề đi.

Ông khách gật gật, cười hóm hỉnh:

- Nhưng ngộ tôi muốn có một cái rất bền có thể dùng hết đời mình và lại còn truyền đến đời con tôi sau này nữa mà không gãy thì liệu bác có cái nào không?

- Dạ ông đùa kẻ hèn mọn này hay là ông nói thực?

- Tôi nói thực đấy.

- Dạ thế ông cứ ngồi đây, tôi về nhà lấy đem ra. Ông uống tàn ấm trà với bà Nhẫn thì tôi ra đây.

Người bán roi đi rồi, chủ nhà nói chuyện về người bán roi:

- Anh có biết rõ về cậu Đới này không? Hát từ hồi còn Hàng

Giấy kia đầy. Độ chị tôi dọn trên ấy cậu thường đến phá luôn. Tôi còn bé bằng này. Giờ thì cực lắm. Bán roi châu cho mấy xóm. Nên gọi là Đới - Roi. Này, tài hoa lắm nhé. Cậu ta mà đánh ba tiếng trống gọi rất tròn rất đỉnh đặc thì đến bà cụ Trưởng Bầy đang ngủ cũng phải chồm dậy mà ra xóc phách.

Những lúc say đùa mà cậu nhại lối hát Ấp thì cứ bỏ ra mà cười. Lại đánh được cả đàn đáy nữa. Giả chịu khó uốn nắn thêm ít tiếng nữa thì ghim đàn đáy được rồi đấy. Chúng tôi thỉnh thoảng có khuyên cậu nên xoay tãi ra mà làm kếp còn hơn là chuốt roi thì cậu kêu rằng giờ cậu lấy làm sợ những tiếng tơ tiếng trúc và nếu có tập thêm để đàn quanh đây thì rồi lại cũng chỉ đến thành một anh kếp một để mà đắc tội thêm với tổ, nên cậu không muốn. Chữ nghĩa như thế mà không thành một cái danh phận gì thì cũng uổng và cũng tội. Cái bài *Tỳ Bà* chữ, chữ viết lối triện treo trên gác là chữ bác Đới - Roi đấy. Chị tôi cho mượn treo đến hai năm nay và giờ tôi có ý chiếm hẳn. Người vậy mà hay khải lắm đấy nhá. Cô Vy - Đồng - Bóng mê lắm. Mà xem cậu Đới thì hình như cứ làm như không biết ấy. Thế có lạ không?

- Vy nào? Hay là Vy lấy cái lão người Cự Đà mà nó cứ gọi là Mặt-Thủ-Lợn ấy phải không?

- Chính. Tính con bé cũng ngang lắm. Nên mấy lần dọn nhà hát đều sập cả và giờ thì chỉ đi hát mảnh thôi. Khối người chấp chơi. Mà nó vẫn gan.

Đới-Roi đã lộn về, xách một cái túi vóc lam đựng đôi roi châu. Ông khách xem qua, biết ngay là thứ roi quý. Một cây bằng gỗ Khổng, một cây bằng gỗ Nguyệt Quế. Roi gỗ Khổng khắc cả một bài *Hữu Sở Tự* chữ lệ và riêng mấy câu "Mỹ nhân hề mỹ nhân - Bất chi vị mộ vũ hề chiêu vân - Tương tư nhất dạ..." thì viết theo lối hành thư. Roi gỗ Nguyệt Quế khắc một câu Thiên Thai: "Thanh đài bạch thạch dĩ thành trần". Đều là nét khắc của cậu Đới cả. Ông

khách lấy làm đắc ý lắm, ngắm mãi và uốn mãi, luôn tay thử mãi vào mặt trống.

- Tôi phải lấy hai cây này. Bao nhiêu?

- Cái đó tùy ông. Tôi giờ thất thế, có giữ thì cũng chẳng dùng đến nào. Nhưng ông cũng chỉ nên lấy một cây thôi. Còn cây có khắc câu Thiên Thai tôi giữ lại làm kỷ niệm.

Ông khách là người biết điều, đưa ba chục, lấy cây roi *Hữu Sở Tự*.

Lúc tỉnh rượu, giờ Tết lúc ấy ánh chùng độ năm giờ. Ngoài ngõ, vẫn mưa phùn. Đới - Roi vào nhà trong tìm không thấy Vỵ đâu cả. Con sen vừa đi đâu về đưa ra một bì thư. Thư rằng "Anh Đới ơi, em phải yêu anh...".

Đới - Roi ngồi lặng người đi. Lời thư quyết liệt lắm.

- Mợ con dặn khi nào ông dậy thì nói là mợ con phải đi hát mảnh hát đầu năm. Một mảnh chúc thọ dưới Ấp và một mảnh mở cửa hiệu trên Hàng Ngang. Mợ con dặn đun nước hạt mùi để ông tắm. Và tối thì mợ con về cùng đi ăn với ông.

Đới - Roi gật. Mặt người bán roi lại nghiêm trang và xa vắng hơn cũ. Thế này thì ra Vỵ nó muốn lấy mình và đêm nay là một tối tân hôn của nhau đây. Vỵ nó thương một anh bán roi không muốn cho anh bán roi phải khổ nữa! Đới - Roi hút hết ba xu thuốc Lào. Miệng Đới - Roi cười ra chua chất và mắt thì ướt dần. Từ lúc sa sút, chưa khi nào chàng thấy bận lòng hơn phút này. Đới - Roi hiểu Vỵ thương mình lắm. Nhưng gấn cái thân mình vào đời Vỵ chàng thấy là buộc một quả chì vào đời người ta để rồi mà chịu ơn đời đời. Mà từ sau phút này, từ chối Vỵ nữa, chàng thấy sống là một sự hết cả vui. Mà nếu không lấy người tri kỷ thì lấy ai? Mà cứ đi chuốt roi mãi như thế này, tết ấy qua tết khác, sống bằng sự thương hại của một giáo phường thì cũng là một điều hờ. Đới - Roi vừa nghĩ ra được một việc rất hay phải làm ngay, không thì chẳng có lúc nào làm được. Đêm

ấy, không để một chữ gì cho Vy, gọi là đáp đền nhau một cái tri ngộ, Đới - Roi đã men ra phía Cổng Trắng treo cổ lên ngành tre bên dòng nước tù.

Và rồi càng về sau này, cái người trai không vợ ấy đã thành một ông mãnh rất thiêng thường hiện ra để quấy nhiễu nhà chủ cô đào ở Khâm Thiên dám vô lễ với vong hồn mình vẫn oán kết gần quanh kỹ viện. Nhiều nhà hát, những đêm không có khách, đã khoá trái cửa gác rồi mà vẫn cứ nghe thấy có tiếng đánh trống trên đầu. Cúng thì lại hết.

LỬA NỀN TRONG TRANH

Tên thực ông Tây già chủ đồn điền ấy là Rê-Bít-Xê. Nhưng người mình đã Đông phương hoá cái tên ông Rê-Bít-Xê từ hồi ông còn là quan cai trị xứ này. Trước khi được về hưu để vỡ đồn điền giống cả phê ở hai vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, ông Rê-Bít-Xê đã làm chức công Sứ ở nhiều tỉnh Trung Bắc lương kỳ và, sự thực, cái tên Rê-Bít-Xê được hoá chệch ra là Lê Bích Xa là từ cái hồi ông Tây đó bắt đầu lĩnh chức Đại Pháp Lưu Trú Quan ở tỉnh Quảng Ngãi. Quan Tuần vũ Quảng Ngãi là người hoàn toàn cự học, mỗi lần có giấy má gì ở bên tỉnh đưa sang toà mà không có tính cách công văn lăm, lại viết lên đầu thư riêng: "Lê Bích Xa Công Sứ đại nhân..." Quan Tuần lấy làm thú lắm. Chữ Lê Bích Xa, nghe nó Tầu lăm, không có tí gì là Tây nữa. Và chẳng ngại không có chút nào là dính với cái học mới nên chữ "Rê" mà đọc ra "Lê" nghe nó cũng tiện lợi: ngại và thuộc hạ phải cái bệnh là không uốn được tắc lưỡi. Cho nên mỗi lần có quan Công Sứ nào mới đổi đến mà tên có vần "r" là vần tên ấy sẽ biến cả ra là Lê hoặc La, Li, Lô, Lu, vân vân. Có lẽ cũng vì thế mà đại danh quan nguyên Toàn Quyền Rôbin đã biến thành Lỗ Bình đại thần.

Nhưng mà chúng ta nên trở lại với cụ Tây đồn điền Rê-Bít-Xê nguyên là Lê Bích Xa Công Sứ đại nhân. Và muốn tránh sự bỡ ngỡ của chúng ta mỗi khi đọc những ngoại âm, trong truyện này, vai chính của chúng ta sẽ được mãi là Lê Bích Xa.

Vậy thì cụ Lê Bích Xa là một vị chí sĩ làm đồn cả phê vùng

Hoài Hoan. Cụ Lê doanh ấp lập trại ở đây từ bao giờ thì không rõ nhưng những gốc cà phê thấy đã to lắm, Cụ đã cho trẩy hạt bán ra ngoài không biết đến mấy vụ rồi. Vị hưu quan đó giờ là một lái buôn chính hiệu và thỉnh thoảng lại cho lộ ra cái cốt tủy của mình những lúc chơi tranh xem tranh hoặc bày tranh. Cụ Lê không vẽ tranh, nhưng cụ buôn tranh. Hình như tôi đã quên không nói ngay ở đầu rằng cụ Lê Bích Xa là một người buôn tranh cổ. Nhiều bức lạ lắm. Đã đành là đẹp. Nhưng nhiều bức quái lắm, quái lạ như là trò phù thủy dính vào ấy. Nhiều người được cụ lấy tinh thần cho xem những bức tranh cổ - những bức quý như thế, cụ Lê ít khi cho bày ra chỗ công chúng thành hẳn một cuộc triển lãm, lúc trở ra đều ngơ ngác ít nhiều và cụ Lê là một người có ảo thuật hoặc không thì cái người vẽ tranh cổ đó cũng là một ảo thuật gia.

Nhà riêng ông Tây già Lê Bích Xa nhiều tranh quá. Người ta phải tưởng đây là một nhà bảo tàng chứa tranh Tàu. Tiền của mỗi vụ cà phê thu về rất nhiều nhưng chủ nhân đều cho đi mua tranh hết...

Người ta ngờ việc mở đồn điền của vị Tây già này chỉ là một cái cớ và mục đích muốn đạt được thì phải là một bảo tàng viện cổ họa Trung Quốc kia.

Cụ Lê Bích Xa có dùng một vị Tây lai trẻ tên là Dăng để giúp cụ những lúc soạn tranh tìm tranh. Có người lại bảo cậu Dăng này ngày trước có làm phóng viên trường Báo Cổ Viễn Đông. Cái điều chắc chắn nhất là cậu Dăng người rất ít tuổi nhưng sức học nặng lắm. Không rõ cậu học môn khảo cổ từ bao giờ mà môn học so sánh của cậu sâu rộng đến nỗi các niên hiệu, các tên vua lịch triều bất kể nước nào và tên các nghệ sĩ bất kể thời gian nào xứ nào, cậu nhớ vanh vách rồi, thì là kê khai so sánh, suy luận. Giá có viết ra thì thành từng pho sách được đấy. Ờ, người cậu thành ra là cả Đông Tây Cổ Kim rồi còn gì nữa. Suốt một vùng Nghệ Tĩnh ai cũng biết cậu Dăng. Nhưng họ chỉ biết đây là một người Tây lai hạnh kiểm rất khá, không

có gì là mất nét, bao giờ cũng nhớ đến mẫu hệ, rất có hiệu đối với mẹ với người bên ngoại, thường vẫn lấy lễ ra mà xử. Dân gian gần đó chỉ biết về cậu Dăng có bấy nhiêu thôi, chứ thực không rõ một tí gì về cái tài đọc tranh và cái sức đi tìm tranh của cậu ở khắp vùng quê Bắc Kỳ.

Một lần ấy cụ Lê Bích Xa gọi cậu Dăng lên buồng riêng và sau một tuần cà phê đặc có chế rượu rôm:

- Nay Dăng, có lẽ cũng nên sắp mà đi Hưng Yên đi thôi. Về chuyện cái bức tranh *Hàn Kỳ* ấy mà. Hình như có một lần vào rừng săn hươu, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe rồi. Lúc ấy đang cùng mãi tìm lốt chân hươu, cậu có nghe và nhớ không? Nhưng tôi cũng cứ kể lại. Nguyên hồi tôi còn ở chức Chủ hiến vùng Hưng Yên, có một người Chánh tổng huyện Ân Thi đem dâng tôi một bức tranh để gỡ mình khỏi một vụ án hình. Hồi đó tôi còn quý cái lương tâm nhà nghề lắm. Và lại lúc ấy còn trai khỏe, tôi chưa để bụng vào chỗ chơi đồ cổ. Tôi bèn đuổi lão Chánh tổng đó đi và dọa bỏ tù nó thêm về cái tội đòi hối lộ thượng quan. Cái thằng cha táo bạo thế? Bây giờ tôi mới biết bức tranh đó là quý. Nó vẽ một ông Tướng già đang ngồi xem sách đêm trong quân trướng. Trên án sách có một ngọn nến cháy trên đế sơn. Góc phải bên án, có vẽ một thanh bảo kiếm tuốt trần ghếch lên cái hộp tướng ấn. Trông thì bừa thiu lắm. Lụa bồi đã bong rách và lòng tranh nhiều góc gấn đã nhám nhiều. Nhưng mà tranh đó... (nói đến đây, Lê Bích Xa ngừng lại, tọt thêm một ngụm rôm, đôi mắt già sáng bừng lên bao nhiêu là thèm muốn)... nhưng mà tranh đó, cái chỗ quý giá thì không biết thế nào mà nói cho hết được. Mua được về rồi con mắt người Mỹ mà nhìn thấy là chúng ta sẽ có một cái cơ nghiệp để hưởng chung, Dăng ạ. Tôi tin rằng cậu và tôi, bao giờ cũng sống gần nhau mãi mãi. Tôi rất tin và yêu cậu như là con. Rồi dần dà tôi sẽ truyền hết cho Dăng những cái sở đắc của tôi về cái bí thuật tìm tranh cổ.

Sớm ngày sau, dân hàng áp đã đánh sẵn xe ngựa cho cậu Dăng xuôi tỉnh để đáp tàu ra Bắc - xe ô tô; tài xế ốm nặng. Cậu Dăng đánh thức cụ Lê Bích Xa dậy.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

Cụ Lê dụi mắt ngáp:

- Hôm qua tôi uống nhiều quá. Có lẽ gần chai rôm. Ít khi cao hứng như thế.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

- À, tốt lắm. Đi đi.

Cụ Lê rút ở tủ két con thóc vào mặt tường, phía trên thành đầu giường một cuốn sổ in, ký vào một tờ vẽ hoa rêu, lẳng nhặng và xé đưa cho Dăng.

- Tạt vào nhà Đông Pháp ngân hàng Hà Nội mà lấy tiền. Đi Hưng Yên lấy tranh xong rồi tiện đường, sang luôn bên Cổ Am hỏi xem dân làng đã chịu bán hay chưa, cũng cứ đưa cho dân làng trước một nghìn bạc cho họ tiêu chơi. Mà phải lấy dấu Lý trưởng và cả một vài chữ ký của bộ lão nữa nhá. Thôi, đi cho được nhanh chóng. Tôi ngủ lại, có lẽ chiều hôm mới dậy.

Cụ Lê Bích Xa ngáp, vươn vai. Thấy Dăng vẫn còn ngán ngủ, cụ tưởng là cụ đã hiểu một điều gì, bèn cười:

- Cái séc ấy, bốn mươi ngàn phật - lằng, cha tưởng là thừa thãi lắm chứ còn gì nữa. Một nghìn đồng đưa cho dân bên Cổ Am và còn ba nghìn đồng thì mua bức tranh. Có lẽ mua tranh, đến ba ngàn đồng, cũng là nhiều lắm rồi.

- Không phải thế. Tôi muốn ông cho tôi cái địa chỉ của người Chánh tổng có tranh đó kia.

- Tôi cũng không nhớ là về làng tổng nào và tên người đó tôi làm thế nào mà nhớ lại được. Vả lại tôi tưởng một người như Dăng thì có cần gì phải hỏi kỹ đến như thế mới tìm đến được nhà người ta.

Cậu làm như xưa nay chưa bao giờ thuộc lầu địa dư hàng tỉnh của xứ Bắc ấy.

Cụ cười. Cậu Dăng cũng cười theo. Cụ Lê Bích Xa chia tay ra, lắc mạnh tay Dăng: "Thôi đi cho tốt" rồi chui luôn vào chăn.

Ngoài cổng đồn điền tiếng móng ngựa, dịp nhạc và sát vòng bánh thừa và bé dần.

Sau đó độ dăm hôm, dân vùng Ba Tổng Lê ở Hưng Yên nhao nhao lên với nhau rằng hình như có quan Đoàn về sục rượu lậu. Có người lên mặt thông thạo lại thì thầm rằng đó là quan Tây khảo cổ về đào mã Tàu đấy chứ. Cái việc Dăng về một làng vùng Ân Thi tìm mua tranh, đã là một việc náo động cả cuộc đời an nhàn càn cù và bình dị của đám dân quê. Người ta sợ sệt lo lắng cũng mất đến một ngày tròn. Mãi sau ông Lý sờ tai mới cắt nghĩa rằng đấy là quan Tây về mua cái bức tranh quái gì của cụ Chánh Thuận "đâu giả những mấy nghìn bạc" thì cả làng mới thở đánh phào một cái và lại cày cuốc gánh gồng được như cũ.

Cậu Tây Dăng mà tìm đúng được nhà cụ Chánh Thuận kể cũng tài thật. Thì ra đối với những người đi tìm vật báu trên đời thật không có cái gì là khó là không làm được cả. Có thể thôi, chứ dẫu có đến thiên nan, họ cũng chẳng coi là mùi gì. Về những cái gay go trên con đường tìm đồ cổ, đâu có lần Dăng đã có nói chuyện đến những cái vất vả lúc vào tụy đạo dưới mặt đất Ai Cập để tìm vào lăng tẩm các vua Pha-Ra-Ông.

Đứng trước bức tranh cổ của cụ Chánh Thuận vừa cho treo lên một cây cột mẹ gỗ mít giữa nhà thờ, Dăng ngắm mãi vả ngò ngợ. Lòng tranh thì cũ xưa mà lần vóc bồi thì tươi sáng.

- Tranh này, hình như tiên sinh mới cho bồi lại.

- Dạ bẩm quan, có thể. Mới bồi độ dăm năm nay. Vì nó đã nát lắm rồi.

Dăng trầm ngâm trước tranh, cố tìm cái quý giá trong những nét vẽ đã gần bay hết đường bút lông. Cậu ngắm mãi hình người trong lòng bức tranh trung đường. Cậu chỉ thấy nét mặt ông Tướng Hàn Kỳ là tươi đẹp quắc thước. Chỉ có thế thôi. Nét chỗ khỏe, chỗ mềm dẻo tài tình. Nhưng chẳng nhẽ cả giá trị bức cổ họa lại chỉ có thế? Đã gọi là vẽ thì họa sỹ nào hẳn cũng phải vẽ đến được như thế. Phải có những cái gì khác thế nữa kia chứ! Thì cụ Lê Bích Xa mới chịu trả ba nghìn đồng và tỏ lòng thêm muốn như đi mua ngọc biết nói. Cụ Lê Bích Xa, về môn cổ họa, Dăng đã phải tôn lên làm bậc thầy học mình kia mà. Cái tài học ấy, Dăng đã được bái phục về cái lần đó cụ Lê giảng cho Dăng về màu phẩm huyền ảo của những bức tranh sơn môn bên Tây Tạng.

Dăng đứng rồi Dăng lại ngồi. Sau khi đặt cái ghế bành hướng vào bức tranh cách tranh độ ba thước để "quan" - Dăng ngồi thẩm tranh, cái ông cụ Chánh Thuận, cả một buổi sớm ấy cũng mất cả công ăn việc làm, và chỉ biết có nín thít mà ngồi túc trực đó xem người mua tranh có cần dùng hỏi han gì không. Cái ông Tây trẻ đó cũng là lạ. Ngồi suốt một buổi, bên cạnh cụ Chánh Thuận, ông không nói lấy một câu. Ông chỉ có vòng tay trước ngực, ngồi đực ra và dán chặt mắt vào tranh. Ông hút không biết bao nhiêu là thuốc lá. Tàn tro và mẩu đầu thuốc dưới chân vị Tây trẻ, đã đùn lên thành một đồng rác. Ông lim dim mắt, nhìn bức họa qua vòm khói, say sưa và thắc mắc và có lúc nét mặt người trẻ ấy xa vắng như khuôn mặt một nhà sư già nhập thiền lúc tĩnh tọa. Dăng càng ngắm tranh, càng thấy mình bất tài. Chàng ngán ngừ, lúc đứng dậy cầm ví đếm tiền, chàng có ý không muốn trao nó cho ông Chánh Thuận. Không phải Dăng có ý tiếc tiền, đâu rằng cái tiền ấy không hẳn của mình lấy may. Từ đi vào con đường khảo cổ, Dăng đã được dùng tiền nhiều gấp bao nhiêu ngàn ấy kia. Có khi chỉ đổi lấy một mảnh sứ vỡ. Dăng cũng đã bỏ ra một số tiền bằng tiền mua một nếp nhà lầu rồi kia mà.

Nhưng thôi, lời thầy đã dạy như thế, Dăng chỉ có biết tuân theo,

Dăng đưa đủ số cho ông Chánh Thuận và lên đường về lĩnh mệnh cụ Lê Bích Xa.

Cụ Lê Bích Xa đã nhận được điện tin của Dăng trước ngày về, đem tranh về. Cụ liền soạn sẵn một bữa tiệc lớn cho riêng chỉ có hai người: cụ và Dăng. Và đám dân đồn điền lấy làm lạ về việc cụ cho họ nghỉ luôn những ba ngày luôn mà vẫn cứ cho ăn cả lương. Không những thế, họ lại còn được chủ đồn điền ban cho gạo thịt, rượu, cà phê và đường; cứ bốn người một chai rượu và tám người một kilô cà phê. Người bảo rằng hay là cụ Lê Bích Xa lại ăn mừng sinh nhật. Nhưng có kẻ thông thuộc việc nhà ông chủ, lại nói rằng lễ sinh nhật mọi năm thường làm vào giữa mùa lạnh kia mà. Có đâu một người trong một năm lại ăn những hai lễ sinh nhật mình. Cả đồn điền cà phê xao xuyến - Cụ Lê Bích Xa vui.

Cái buồng riêng của cụ Lê Bích Xa đã được kê dọn lại. Cụ cho cất bớt đi rất nhiều thứ. Mọi khi gian buồng này, không mấy ai được vào. Thân tín đến như Dăng mà đâu cũng chỉ được để chân tới vền vền hai lần. Đây đã gần như một nơi chính tẩm một ngôi đền. Đây chứa rất nhiều của lạ trên thế gian thuộc về đủ các loại. Những kỷ niệm lữ hành. Những vật quý tích trữ được, sưu tầm được. Linh rinh quá. Và có nhiều vụn vặt bé chỉ bằng khay áo mà nói đến là y như là cơ man tiền bạc. Mỗi vật đều có trước số theo thứ tự phân loại, kê khai vào một cuốn sổ và được chụp ảnh lại dán riêng vào một cuốn an bom, dưới mỗi ảnh đều có cước chú hình dáng cân lượng màu sắc, và cả tên tuổi những vị tiền chủ các vật đó. Thật là cả một cuốn sổ căn cước, một sổ bộ lý lịch. Thường mọi ngày, cụ Lê Bích Xa, mỗi đêm vào phòng này, đều phục sức rất trang nghiêm, tay cầm nến rọi vào từng vật, dáng đi chậm chạp thành kính; đứng ngoảnh nhìn cái bóng chậm yếu ấy cử động dè dặt, ta tưởng đây là một kẻ tu hành đang thắp kính làm một lễ dâng hương vào những giờ u tịch của đêm Áp.

Dăng đã đưa bức cổ họa về. Bàn tiệc đã bày sẵn. Lê Bích Xa không cho Dăng có thời giờ đi thay quần áo và tắm gội, cụ liền nâng mừng Dăng một cốc ứt-cây tẩy trần và đòi xem ngay tranh. Tường đã đóng sẵn một cái đinh mới. Cái đinh ấy chờ bức tranh cổ đã từ mấy bữa nay. Hai thầy trò loay hoay mắc lên đấy. Ngồi đối diện bức họa xưa thốt tha trên nền tường, sự chăm chú của Lê Bích Xa bị nghi ngờ tràn mãi vào. Lòng hoài nghi ấy càng tăng thêm mãi. Kính tuổi, có khi đeo hai ba kính trông lên nhau. Đến lúc mà cụ đi gần lại tranh rọi kính hiển vi lên nền lụa cũ một hồi lâu xong rồi, cụ quay lại Dăng và chậm rãi:

- Hồng mắt rồi Dăng ạ.
- Thừa thầy tranh này vừa bồi lại. Họ cũng nói thế.
- Chính vậy, họ đánh tháo mắt ruột tranh rồi. Chúng ta bị lừa to rồi.
- Thầy muốn nói đây, không phải là nguyên bản bức tranh? Đây chỉ là một bản sao bức cổ họa.

Cụ Lê Bích Xa không trả lời. Mặt người sư tầm đồ cổ có những nét chìm đường nổi của suy nghĩ và thương tiếc. Lại cho người ra Ba Tổng Lê đòi lại tiền lão Chánh Thuận? Máy ngàn bạc, tuy là một số tiền to tròn đầy, nhưng đòi lại để mà làm gì. Cái đáng giữ lấy, đâu có phải là tiền. Bức tranh cổ kia chứ. Rủi bị tranh giả, Lê Bích Xa chỉ hận tiếc mình đã chẳng có duyên với vật báu, giờ biết nó lạc vào đâu mà săn tìm. Người đã biết chơi cái ruột tranh xưa đó, hẳn không vì vàng bạc mà thuận nhường lại cho, vì có biết mà tìm đến cầu thân.

Một đêm ròng ấy, chủ không ngủ.

Ông già ngồi đối diện bức tranh có đèn măng sông ba trăm nến soi tỏ. Ánh sáng mạnh và xanh trong càng làm tỏ thêm những thờ dài tiếp thêm của chủ áp không ngủ.

Ngày sau, Dăng lên buồng thỉnh an thầy và hỏi cụ Lê Bích Xa xem giờ nên xử trí ra sao với bức tranh bị đánh tráo và chàng xin chuộc lại lỗi bất tài vô học sơ suất của mình bằng sự bỏ tiền ra đền lại cho cụ, nếu Chánh.Thuận mạnh tâm không hoàn lại mấy ngàn đồng.

- Thầy bắt đền con mà làm gì. Thầy cũng không đến nỗi nghèo thiếu. Và bị mua nhầm tranh này, lỗi cũng không hẳn tại con cả. Vì cái học lực xem cổ họa của con, dẫu sao cũng chưa được vào mực cao đẳng. Mà lúc con đi lấy tranh, thì thầy lại không dặn kỹ về cách thử. Ai biết đâu rằng trong thế giới chơi tranh lại cũng có người quái quỷ như mình. Kẻ kia đánh tháo ruột tranh, thực cũng là người có mắt tinh đời, đáng nên gằn lắm.

- Có lẽ người ấy là tên khách bồi tranh.

- Rất có thể.

- Con muốn được nghe thầy giảng cho về cái quý giá của bức họa.

- Thầy sắp nói đến mà. Con hãy ngồi xuống đã. Uống đi. Và cũng không nên tiếc nữa. Vô ích. Thế gian còn vô khối cái khéo cái quý. Chỉ sợ mình không có mắt xanh đối với những vật có bề ngoài của vô hồn. Chỉ sợ mình kém đức để được làm bạn với vật báu thôi, con à.

Cụ Lê Bích Xa từ tốn đặt xuống bàn một bộ đồ hút thuốc lá chưa quện, lấy ở giá điều ra hai cữ pip, đưa cho Dăng một. Mùi thuốc thơm ở hai ống điều tỏa khói dần. Nước bọt chốc chốc chảy từ họng điều xuống tàn lửa mỗi thuốc, đánh dấu thời khắc qua bằng những tiếng xèo xèo gọi cảm. Lê Bích Xa đứng lên đi mấy vòng, bắt đầu giảng về bức cổ họa Trung Quốc, giọng đĩnh đạc trong trẻo. Buồng người chủ Ấp có tuổi, phút đã trở nên một giảng đường mà Dăng là một thanh niên chăm chú.

- Con có biết tác phẩm này là của ai không? À của Lỗ Hường Diên người tỉnh Vân - cái tỉnh Trung Quốc nổi tiếng về môn hội họa quái ảo, hẳn con đã tường! Như con trông thấy đó, tranh vẽ một ông

Tướng và một ngọn nến cháy soi xuống một cuốn sách mở của ông lão Tướng. Tất cả giá trị huyền ảo của tranh là thu vào ngọn nến. Ngọn nến ấy, nếu cha đánh diêm châm vào thì nến sẽ cháy sáng như một ngọn nến của cuộc đời thật tại chúng ta. Con hãy cứ bình tĩnh ngồi xuống mà nghe cha nói tiếp. Cha nói cái gì nhỉ? À nếu châm lửa vào đầu nến đỏ của tranh thì tranh sẽ sáng bừng lên. Và, chỉ có nến cháy thôi, chứ tranh vẫn âm u nguyên vẹn; lửa nến sáng vẫn không làm hại gì đến đời vật chất của tranh. Muốn cho tranh trở lại vẻ bình thường của tranh thì chỉ có thổi tắt phụt ngọn nến đi thôi.

- Thưa cha, con đi vào con đường cổ họa Trung Quốc kể cũng đã lâu ngày nhưng chưa từng nghe chứ không nói gì đến sự thấy nữa - tới những việc quái dị như vậy.

- Dăng, con hãy đứng lên ghé kia, đánh hộ cha một que diêm và châm ngay vào đầu nến tranh.

Tranh tự nhiên sáng bừng lên. Nến bốc dần sức sáng, soi xuống trang sách và khuôn mặt hồng hào vị tướng già quốc thước ngồi trong lòng cổ họa. Giá lúc này, lửa nến lả lay ngọn đi một chút theo với tí giao động của phòng khách đây thì Dăng đã tưởng Tướng Hàn Kỳ ngồi kia là người của cuộc đời này và đang là một vị quý khách ngoài thời gian của chủ Ấp đây. Dăng lùi mãi ra xa, nhồm tuyền bị sự hiển linh của trang sáng chi phối. Chàng dụi mắt. Giữa không khí kinh ngạc kinh sợ thâm lặng đem lại bởi quái ảo, giọng cụ Lê Bích Xa cũng phào phào xa vắng như từ một thế giới nào gửi về - Lụa vẽ tranh, nguyên có những hai lượt. Vỉ còn cả cái ruột tranh không bị người có mắt tinh đời nào đó lấy mất, thì ngọn nến sáng của chúng ta cháy mãi mãi. Ta có thể treo mãi tranh này trong nhà, dùng ngọn nến này mà chơi thay đèn, đêm đêm thắp lên. Nhưng uống quá, chúng ta chỉ còn có một lần lựa ngoài của bức tranh nên sự thần diệu này chỉ có được trong giây lát thôi. Thắp lâu nữa thì cháy luôn cả tranh mất. Con lại chịu khó đứng lên ghé thổi tắt nến tranh đi rồi cha

sẽ giảng tiếp về cái bí thuật của lối họa xưa tỉnh Mân này.

Nền tranh tắt. Phòng giảm hẳn sức sáng - cái cây bạch lập nơi tranh lúc sáng tỏ, sức sáng vốn ngang bằng một ngọn măng - sông nhỏ. Mùi cà phê tỏa trong sáng dịu của phòng lặng.

- Lỗ Hường Diên vốn là một họa sĩ nổi tiếng về môn vẽ và lại kiêm cả khoa thôi miên nữa (Tỉnh Mân vốn lại là quê hương của môn Hư linh học). Cứ chỗ thầy biết thì lúc tạo nên bức tranh này, Lỗ đã phải đi hành hương mãi vào vùng Ma Thiên Nhẫn để tìm nguyên liệu như chất lân tinh và diêm sinh ở những mỏ hoang gần đấy - Núi Ma Thiên Nhẫn, vốn là đất cổ chiến trường - và chất thạch nhung ở đáy lòng sông Bộc Lý. Con cũng thừa biết công dụng hóa học của mấy loài khoáng này. Lân và diêm sinh thì cháy sáng và thạch nhung thì không cháy, mặc dầu bỏ thẳng vào lửa. Lựa vẽ tranh, dẹt bằng tờ loại sơn tằm đánh sẵn lại với thạch nhung cán nhỏ ra. Vẽ đến ngọn nền, họa sĩ dùng chất lân và diêm Ma Thiên Nhẫn trộn lẫn với thuốc vẽ. Vẽ xong, họa sĩ thôi miên vào đầu ngọn nền. Đây là ruột tranh. Cái lân trong. Lân lựa vẽ ngoài, chỉ là cái lượt hoa mỹ của màu sắc và hình vẽ phủ lên để giữ vững cái cốt kỳ diệu ở trong. Tranh cổ lâu ngày, lượt lựa ngoài cũng hấp thụ được cái thần diệu của cốt trong. Và thấp vào ngọn nền ngoài cũng có cháy. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc thôi.

- Thừa cha, những lối hiểm hóc này của môn hội họa, cha sở đắc được ở nguồn khảo cứu nào? Sách không có nói đến.

Cụ Lê Bích Xa sẽ cười mỉm không trả lời thẳng vào câu hỏi của Dăng. Cụ kể sang một chuyện khác:

- Cái lối vẽ lấy chất lân trộn vào thuốc để điểm ngọn lửa tranh và lấy thạch nhung để làm nền tranh, đâu có cái bức vẽ tích "Phục Nữ Thổ Thù" cũng gần như thế. Nguyên tranh này diễn lại việc nàng Phục Hy Nga đọc cho Thượng thư lệnh Triều Thổ đòi Hán chép lại những lời của lữ sách bị mất đi về đời Tàn Thủy Hoàng phần Thuê

khánh nho. Lúc Phục Hy Nga đọc cho Triều Thổ ngồi chép, bên án sách có hai người quỳ nâng đèn lồng soi sáng trong sách. Ấy lửa đèn lồng, cũng điểm theo cái thuật ấy. Nhưng không rõ tranh tích sau này có phải là sản phẩm của Tỉnh Mân không.

Cụ Lê Bích Xa ngừng một hồi lâu rồi bàn với Dăng:

- Bây giờ cha nghĩ thế này. Là cũng không đòi tiền cái lão Chánh tổng ấy nữa. Và cũng không giữ tranh này để chơi riêng nữa. Cha sẽ tổ chức một buổi nói chuyện về cổ họa Tàu và đem đan cử luôn tranh Hàn Kỳ này ra và châm lửa nền thí nghiệm ngay cho công chúng xem. Sẽ làm một tiệc trà tại Câu lạc bộ Pháp Việt ở Vinh. Mời cả thân hào và những bất cứ là ai người Pháp người Nam có cảm tình với Nghệ thuật. Của báu, có khi cũng không nên giữ lấy một mình. Cha sẽ phí bức tranh cổ đó, đốt cháy cho thiên hạ đây xem chơi.

Tại tiệc trà đi kèm vào buổi nói chuyện về tranh Tàu tổ chức ở Vinh, công chúng Việt văn văn có năm người. Bất chấp cả cái thiếu số đáng là một cái cơ để hoãn lại ngày nói chuyện, cụ Lê Bích Xa vẫn bình tĩnh giảng về cổ họa học Trung Hoa và cứ cho châm ngọn lửa nền trong bức tranh ba nghìn đồng của mình treo ở tường câu lạc bộ. Lửa nền cháy, nhiều người trầm trồ cảm động. Phép kỳ diệu đó chỉ đúng được có hai mươi phút nghĩa là bức tranh đã cháy ra gio trước khi diễn giả nói đến câu cuối cùng của đề chuyện mình.

Lúc ra về, bằng một giọng trào lộng, ông già phàn nàn với Dăng:

- Cha đã hy sinh bức tranh một cách không được xứng đáng. Ra người ở địa phương này họ chỉ biết quý có những cái học thiết thực quá, - thiết thực nghĩa là có ích lắm - đến nỗi gần như dùng dung với Nghệ Thuật.

Sự thiên này cũng là do cái bệnh ngu bướng mà ra. Họ phải chịu lấy sự hình phạt nặng nhất là suốt đời chỉ là những người thô tục. Thật cũng không nên tiếc.

LOẠN ÂM

Ông Kinh Lịch họ Trịnh quán làng Phú Giang tỉnh Đông, ở chức tại tỉnh Bắc, được cáo đình gián về quê giữ tang mẹ mới có chưa đầy một năm, lòng bận vô cùng, phần vì việc triều chính đổi mới, phần vì việc nhà lạc gần hết thời cũ. Thường đêm - nhất là bắt đầu vào tiết hè này - ông thức rất khuya chong một ngọn đèn thổ hà, làm khuấy bụng mình bằng những lời sách của người ngày trước. Cuốn sách in bản gỗ bìa đánh cạy gáy gần son, có khi quá canh ba vẫn chưa chịu rời tay ông Kinh Trịnh. Một đêm, nằm giữa sân, ngả mình trên trường kỷ tre, nằm ngửa mặt lên nền trời rất cao và rất trong gắt để luyện thêm về khoa chiêm tinh, ông Kinh bất chợt ngửi thấy một mùi khen khét rất lạ trong không khí. Không phân rõ là mùi gì, nhưng linh khiêu bảo ông nên đi vào nhà đi chứ không nên kéo dài việc nằm ở ngoài giờ độc nữa. Ông thấy các lỗ chân lông khắp mình như mở rộng hơn lúc thường để đón lấy những đợt gió gây gây lạnh. Bầu trời sáng cao khi này bắt đầu tỏa sương và trở nên thấp tức. Giữa ngày hè, sương! Mà lại sương có chất mặn, thế có biến không? Ông Kinh liếm mép khô, chặc lưỡi, đi vào nhà đóng cửa. Trong nhà càng lạ nữa. Nồng lên một mùi khói chổi sể và khói đốt rác. Mùi lan buồn sách của ông bật đi đâu mất cả. Ông chạy lại án sách, thì hai giò Chu Mặc Lan vẫn còn tươi nơi ống bút. Ông định gậy một lư trầm và pha một ấm nước. Xuống bếp định gọi đứa tiểu bộc dóm lò than thì ra nó bỏ nhà đi đâu từ bao giờ, cửa cổng mở toang. Và cũng phút nghỉ ngơi này, từ các

lối xóm đồn về không biết bao nhiêu là tiếng chó sủa vang. Ông Kinh chặn cổng rất kỹ, lòng nghĩ đến những tai biến có thể đang xảy ra giữa nhà ông và quanh nhà ông. Dưới ngọn đèn khuya, ông thao thức không ngủ. Đọc sách, chữ không vào, mà đêm thì còn dài. Nguy hiểm nhất là lúc khuya vắng, đọc sách mà chữ thánh hiền không chịu vào. Cái lòng người có chữ, lúc ấy đã là biến lắm. Ông Kinh biết lấy gì mà thức? Mà ngủ ngày được? Ông đành nằm đếm suông những dịp ngắn dịp dài tiếng một đục khoét lòng chiếc cái gỗ son son đỏ cái bát nhang thờ trên cái tín áp tường. Có tiếng sột soạt khô nỏ và cứ cách quãng một. Lắm lúc tiếng ấy lại đều đều như tiếng lá khô bị gió ru chạy trên mặt đường nỏ. Soi đèn tìm mãi, thì ra đây là một con mối vừa đớp được một con gián, nuốt chưa hết - lớp cánh gián còn xòe tung ngoài miệng - và quật mãi cánh gián đập vào nền giấy một bức tử bình mép rách cong cứng lên. Ngoài ngõ đưa vào tiếng bụi tre già cọ mình vào nhau, tiếng kêu kéo kẹt y như tiếng nước xiết vận thùng cọc mái chèo một con thuyền mới chèo nghỉ ở bến nước khuya. Hình ảnh một con thuyền nghỉ nơi bến thường hiện lên luôn luôn trong đầu ông Kinh - một người làm quan sống một đời lãnh hoạn và chỉ thèm được lùi hẳn về nghỉ với vườn quê hương.

Đêm vắng nỏ lắm. Ông Kinh lại như nghe thấy tiếng sáo lúc xa lúc gần. Ấy là tiếng sáo thiên nhiên của bụi tre già ngoài ngõ. Chả bụi tre già bị kiến đục nhiều lỗ thùng trên từng đốt tóe cằn, mỗi đợt gió lùa qua bấy nhiêu lỗ thùng suốt, mỗi lỗ lại vang lên một âm thanh cao thấp khác nhau và bụi tre già đã là một cây phong cầm vang âm trong gió đêm tiết hạ. Mọi ngày vui vẻ trong lòng, ngà ngà mấy chén rượu thuốc, nghe điệu sáo bụi tre ngõ nhà, ông Kinh lấy làm thú và ví nó với một khúc địch Thiên Thai. Nhưng lòng ông Kinh giờ này tràn ngập những ngờ sợ, ông chỉ thấy tiếng gió lùa qua lỗ tre là một thứ thanh âm đủ những cung bậc quái đản của một thứ nhạc huyền bí tấu từ một thế giới u linh nào lạc về. Thêm vào ngón sáo ma quái ấy, ngoài hiên, đợt gió lả lay mỗi lúc đổi chiều lại ru cái

ống bơ sắt văng vào thành cong nước đầy. Cái ống bơ nổi lênh bênh trên mặt nước vại bị gió xô quanh thành ang sành có những tiếng rẹt rẹt lên lút. Đêm quanh hiu lẽ bóng, nghe mà thêm gợn. Nghe nó cứ như ma mức nước trộm và nghịch cái gáo ấy. Ông Kinh muốn tìm pho Kinh Dịch ra đọc để trấn vững lòng mình. Ông nghĩ thế thôi, chứ chưa kịp trở dậy lấy sách thì mí mắt đã thấy nặng. Ông mệt quá, muốn thiếp đi.

Bỗng hai cánh cửa lùa từ từ mở rộng, gió ủa dlan vào. Ông Kinh nghe mình dậy rất nhanh như một người có nghề võ tự vệ lúc ngờ có ai định xúc phạm vào thân thể mình. Rất rõ rệt, có hai người lính áo dẫu nep đỏ, đầu đội nón sơn, hiện hình trong khung cửa. Họ từ tốn bước vào, cung kính đặt giữa bàn một khay lễ vật rất xinh và cúi đầu nói qua vào trong lá màn ông Kinh:

- Thưa ngài, Ông Lớn chúng con hành hạt qua vùng đây, có chút lễ vật truyền cho chúng con đưa đến hầu ngài. Ông Lớn chúng con có lẽ sắp tới bây giờ.

Ông Kinh không rõ là Ông Lớn nào, lòng phân vân mà tay thì đã với áo dài thâm mặc vào mình. Vừa quần xong mấy vòng khăn rồi thì quý khách đã bước vào. Ấy là một vị thượng quan, bằng trạc tuổi mình, mặt tròn và đen và không râu không ria, đầu đội mũ đuôi cá, chân đi hia, mình mặc áo bào màu cánh hạc đỏ - lưng và ngực thêu một con giao long đen, dát bạc. Cứ phẩm phục ấy, thực ông Kinh cũng chưa thấy có vị quan nào ở Triều đình thế gian này như vậy. Vị quý khách và ông Kinh vãn vòng tay kính cẩn, hai bên lặng nhìn nhau trong lạ lùng và lễ độ. Sau cùng, ông Kinh chợt nhớ chưa mời khách ngồi, vội kéo ghế và tạ lỗi:

- Tôi vốn là một chức tiểu lại của Triều đình vừa cáo đình gián về cư tang mẹ được hơn năm nay. Tính lại vốn quen với việc thôn ổ, ít khi được đi tới những chốn tử các lệ viên. Nay Quan Lớn lại không hiềm nhà gianh vách đất mà giáng lâm lúc khuya khoắt, ắt hẳn có

điều chỉ giáo.

Bây giờ vị quan áo bào xanh mới lên tiếng, giọng sang sảng như chuông đồng:

- Anh quên em rồi à? Chỗ anh em trong nhà cả, anh xưng hô làm gì như thế cho nó cách biệt ra. Quan là quan với chỗ âm phủ và chỗ dương gian có việc thôi chứ, còn riêng đối với anh thì em đâu dám thế.

Ônh Kinh Trịnh lại càng không hiểu, gương đôi mắt nhìn không chớp, trong sự ngỡ ngàng giờ lại pha thêm ít e sợ.

- Quan Lớn có thương yêu kẻ thôn dã áo vải này được điều gì trong đức hạnh liêm cần hoặc trong tính tình cao khiết mà giảng lâm để luận đàm đôi chút về lời chư sự chư hiền nói cổ thư vào lúc tịnh vắng đây thì kẻ thất phu tôi xin được hầu chuyện và kể cũng đã là may lắm rồi. Còn như chuyện Quan Lớn nhận cho là có tình ruột thịt thì trong họ tôi đây, cả bên nội lẫn bên ngoại, thực cũng ít người có chữ mà được điều hiển đạt. Xin Quan Lớn nghĩ lại, e có điều nhầm lẫn chăng?

Vị quan áo bào xanh cả cười.

- Anh để em nói thêm. Anh em cách biệt nhau đã mấy chục năm và lại âm dương cách biệt - em giờ làm quan dưới âm - anh không nhận được ra em là phải lắm. Số là em vốn học trò cụ Đắc. Hồi còn nhỏ em vẫn được hầu điều đóm thầy. Anh tức là thể huynh của em. Được cùng anh học chung đèn đến lớp đại tập thì em chẳng may không được làm người nữa. Em rất tiếc rằng không được học nốt năm ấy để làm rạng cửa thầy. Thầy vốn thương em như thương anh và tin em sao cũng lấy được ít ra là cái Cử nhân về cho thầy. Em chết xuống dưới âm ty, Diêm Vương nhận ra em là oan uổng và thấy tư chất thông minh, lại thêm có sĩ hạnh, nên cho em làm quan luôn dưới ấy, giữ về việc kiêu lương đạo lộ. Một đôi năm, những lúc có việc đại công tác, thiếu phu phen lính tráng để hưng công hoặc trùng

tu đình đài miếu võ và đường sá đi lại thì lại cho em lộn về dương thế tuyển linh và bắt phu. Như năm nay chẳng hạn. Năm nay dưới âm em mở rộng đoạn đường nối từ bến đò U Minh đến Quán Cháo Lú, thiếu phu đầu đất, nên em lại được lệnh trở lên đây bắt phu. Công việc đem đủ người xuống phải làm cho xong trong vụ hè này. Phần việc của em nặng lắm. Chậm trễ sơ suất, sẽ bị khiển trách to. Nói qua để anh biết rằng sự giao thông ở dưới âm giờ bận rộn lắm. Các oan hồn thác xuống nhiều quá, không tiêu tan hết, chừa vào ngục tối thì không có quyền, nên ngày đêm họ nhan nhản trên đường. Nên năm nào, cũng phải tu sửa và mở thêm.

Vậy ra cái anh khóa Lương - ông Kinh Trịnh nhớ ra rồi. Ông nhớ cả cái tật hay ăn khoai lang sống của người bạn đồng song đáng yêu của cha mình - vậy mà khóa Lương giờ làm quan dưới âm, có áo bào xanh và lính áo nẹp đỏ đứng vòng tay hầu sau lưng. Ông Kinh Trịnh hơi rùng mình khi hiểu rằng giờ người bạn học cũ lĩnh chức Quan Ôn và cử học này, quanh vùng đang có bệnh dịch tả phát hiện. Giữa lúc ấy, tiếng chó các lối xóm sủa vang lại dội về inh ỏi.

Vị Quan Ôn ngược nhìn hai tên lính và truyền khế:

- Bay ra truyền cho quân đội trong hàng ngũ quanh ta hãy nghỉ tay làm việc, chớ làm kinh động làng quan Kinh đây vội. Nói Ông còn dở tí chuyện với Quan Lớn đây. Khi nào Ông xong câu chuyện, sẽ hay, nghe.

Hai tên lính lĩnh mệnh đi ra. Vị Quan Ôn bèn nâng khỏi lòng khay lễ vật lấy ra hai vật xinh xinh và nói với ông Kinh:

- Thừa thế huynh, em ăn mày được ít chữ của thầy và gắp gửi được cái đức của thầy, nay được xuống làm quan dưới ấy. Làm quan nơi xa và là chỗ quanh năm lạnh lẽo, quà cáp đưa được lên, gọi là có mấy vật mọn này, xin thế huynh nhận hộ em thực lấy làm vạn hạnh.

Đó là một cái ghiên bút bằng đá đen và một cái thủy tri cầm bút nho cũng bằng đá đen. Vị Quan Ôn chỉ lấy thứ văn phòng tứ hữu

đó, nói tiếp:

- Thứ đá làm nghiên và làm thủy tri này lấy ở lòng sông Hắc Thủy. Nó có cái đức tính là ướt quanh năm. Chẳng cần cho nước mà lúc nào mài mực cũng được, chẳng cần đổ nước mà lúc nào cầm bút vào, ngòi cũng mềm dẻo.

Ông Kinh Trịnh còn do dự chưa biết nên nhận vật tặng hoặc viện lẽ từ chối thì vị Quan Ôn lại rút thêm ở trong túi ra một cuốn sổ con mở đưa cho ông Kinh, tay bấm sẵn vào chỗ trang có tiêu tên làng Phú Giang quê ông Kinh lên đầu số mực.

- Công việc em làm năm nay, riêng về vùng Hải Dương này, phải bắt cho đủ một nghìn phu. Sẽ lần lượt đi qua khắp các làng mà nhất phu, nhất được đến đâu sẽ có áp tải quân đưa về dưới ấy trước. Làng ta, tức là ở vào chặng thứ ba nơi chương trình tuyển phu của em và phải cung mất... mất - anh cho em mượn lại cuốn sổ em quên mất rồi - ừ, phải mất chín mươi nhăm tên phu, kể cả già trẻ đàn bà con trai. Em đưa trình thể huynh xem kỹ sổ này. Tên tuổi, nghề nghiệp và quê quán mỗi phu định bắt đưa xuống đều có ghi rõ cả, không thua gì một cuốn sổ bộ trên thế giới anh. Vậy anh nhận cho kỹ tên họ từng người và tìm xem trong sổ đó, có ai là ân nhân riêng của thể huynh, hoặc người trong họ gần họ xa hoặc những người mà thể huynh biết là hay tu nhân tích đức làm đình chùa xây cầu quán và hay tô tượng đúc chuông thì xin thể huynh kê riêng ra mảnh giấy này. Em sẽ liệu cách châm chước. Nghĩa là sẽ lại để nguyên cho họ làm người. Và số phu thiếu hụt ở làng ta, em sẽ cho quân đi bắt ở các làng quanh mà điền vào cho đủ.

Ông Kinh chăm chú đọc hết tên những người làng mình bị bắt đi phu xuống âm phủ vào cỡ vụ dịch tả năm nay. Đến lúc này thì nét mặt ông bình thản vô cùng. Đây là việc Giời. Việc số mệnh. Ông vẫn giữ nguyên được vẻ điềm đạm của nhà Nho, mặc dầu ông vừa thấy rõ số tên và tuổi đưa tiễn bọc của ông. Nó mười sáu tuổi. Thấy ông

Kinh đọc đến hai ba lượt trong sổ rồi mà không nói gì, vị Quan Ôn bèn giục:

- Thế nào, ý thế huynh ra sao, xin cho biết, để tôi còn liệu chằm chước. Cũng nên định cho chong chóng đi. Thời giờ của em ngồi được với anh, không thể dềnh dàng ra được. Vào thăm anh thế này cũng là đủ lắm rồi. Để em còn cho đám tuý tòng họ linh mệnh mà làm việc rồi còn trẩy xuống làng dưới. Quân án mãi ngoài ngõ đã lâu cũng bất tiện. Và chẳng đêm đã gần nhạt. Canh đã gần cuối tư rồi. Xin thế huynh nhất định đi cho. Có thể để sống lại cho làng anh chừng hai mươi kiếp phu. Nhiều hơn số đó, em không dám nhận.

Ông Kinh mới thùng thảng:

- Thừa Quan Lớn, trong cái đời liêm chính của tôi, chưa lúc nào tôi có làm điều gì khuất tất trong lòng. Nay Quan Lớn hành hạt qua đây, lại nghĩ đến cái tình đồng song cũ và thứ nhất có nghĩ đến cha tôi mà vào chơi, thế là quý lắm rồi. Việc Quan Lớn gia ơn cho làng Phú Giang này, tôi rất thâm tạ, nhưng thực không dám xin cho ai. Xin Quan Lớn cứ thừa thiên mà hành đạo. Việc sống chết của chung quanh tôi, xin Quan Lớn cứ phải mà làm và người áo vải này không dám nói thêm vào lấy nửa lời.

Sắc mặt vị Quan Ôn bỗng tái hẳn đi. Sự giận dữ quả đã là rõ rệt.

- Thế huynh thực phụ bụng tôi nhiều quá. Lòng cổ nhân ngay thẳng quá, điều đó thực là đáng quý. Nhưng từ sau phút này chia tay, lộn về dưới âm, bụng tôi không đánh chút nào. Và như thế này tức là thế huynh không muốn cho tôi lui tới cửa nhà thầy nữa đây.

- Tôi đâu có dám nghĩ như thế. Tôi sợ dĩ không nhận xin sống cho một ai ở làng đây vì sợ điều này sẽ biến thành một chuyện ầm nặc có thể gây lụy cho Quan Lớn lúc thừa hành công vụ. Để tỏ rõ lòng tôi vẫn có chỗ quyến luyến với tình đồng song cũ, tôi xin nhận cái nghiên bút và bình thủy tri đá đen và trân trọng tưởng nhớ mỗi khi dùng đến.

- Vậy anh cứ nhất định không xin cho một tên phu nào? Cái thể tôi có thể làm được thì mới dám nói.

Nói xong vị Quan Ôn định rũ áo ra đi. Ông Kinh nể lời bèn lấy móng tay nhọn gạch sang bên chỗ tên tuổi đưa tiểu bộc hầu mình.

- Vậy thì xin Quan Lớn tha phúc cho tên này. Nó mới có mười sáu tuổi. Nó cũng lanh lẹn. Nhà vốn lại neo người. Mặt nó hầu, kẻ cũng hơi bận. Và đâu trong họ nhà nó, nó lại là con một.

- Một tên ấy thôi?

- Tưởng như thế cũng là đủ rồi. Cổ nhân gia ơn cho mà không nhận thì thật là lỗi với đạo bằng hữu.

Vị Quan Ôn mỉm cười, xin cáo biệt. Ông Kinh vừa tiễn ra đến sân thì thấy biết mất. Trống canh chòi phủ phía trên điểm bốn tiếng. Ông Kinh lộn vào, lòng nghĩ ngợi liên miên. Chuyện gì mà như chiêm bao. Ông đang ngấm nghiên mực đen, thì từ lối xóm dưới, chó sủa không ngớt tiếng và lại có tiếng người nhón nhao chạy qua lối ngõ nữa. Mà hình như có ai mở cổng. Tên tiểu bộc đã hốt hải chạy vào, mặt cắt không ra giọt tiết. Nó nói ngay nghe chữ được chữ không.

- Ghê quá, ông ạ. Làng ta chuyển này bị bắt phu nhiều quá. Các quan và lính tráng đóng chặt cả đình làng. Con chắc kỳ nước năm nay rồi sẽ lên to lắm và các quan tuyển sẵn người để đi đề vụ nước sắp tới đây.

Thì ra tên tiểu bộc vẫn chưa hiểu gì. Ông Kinh giả vờ như không hay chỉ hết, hỏi thêm nó:

- Sao mày biết? Ai bảo mày rằng nhà nước bắt phu đi đề từ bây giờ?

- Dạ thưa ông, thì con vừa ở đây về. Lúc tối, nóng quá, con trộm phép ông ra sông tắm rồi thiếp ngủ luôn ở nền quán đầu làng. Con ngủ được một giấc kể cũng đã dài. Bỗng có nhiều người đánh thức

con đây, bảo con đi theo. Đến đình làng, con thấy các quan đóng ở đây ra từ bao giờ ấy. Ông nào trông cũng tợn cả, ông ạ. Các quan cho gọi tên từng người. Nhà xã bên hàng xóm nhà ta cũng có hai người phải đi. Lại cả vợ chồng Nhiên Hữu ở xóm Cầu cũng đều phải đi cả. Con nghe thấy tiếng hai vợ chồng khóc to lắm và kêu xin tha, nhưng mà không được. Đông lắm ông ạ. Tiếng khóc như ri. Gọi đến tên con, thì thấy có một ông mặt đen ngồi giữa, mặc áo xanh, trông rất tợn - bảo tha cho con. Vậy là con chạy luôn về đây, xem ông có sai bảo gì không. Nếu không có gì bận - thưa ông, nước con gánh đầy cả các vại và cong rồi-, ông cho phép con lại chạy ra đình. Nhộn nhịp lắm. Mà sao con lại không thấy ông Lý đâu cả?

Tẻ ra cái tên tiểu bộc vừa thoát chết dịch này vẫn không hiểu gì cả và nói chuyện âm phủ như chuyện dương gian. Ông Kinh bèn quát nó không được đi đâu và xuống dóm ngay lò đun nước cho ông.

Giờ đông hừng dần ngoài con sông trúc. Ông Kinh uống ấm trà thấy lạc vị. Từ nãy mãi nghe chuyện tiểu đồng, ông quên đi, chứ thực ra, từ một lúc lâu rồi, đã im hẳn những tiếng chó cắn gà gáy. Lò than quạt nước còn ừng hồng, ông Kinh bỏ vào đây ít thỏi trầm Tử Đàn Hương và giờ bài *Chính Khí Ca* ra tụng. Những lời lẽ chính trực trong bài văn đầy nghĩa khí của Văn Thiên Tường được ngâm lên đồng dạng như lời kệ buổi niệm của sư chùa làng. Theo một thói cũ nhà Nho, ông Kinh Trịnh tin rằng những buổi đọc giờ xấu giờ, giờ *Chính Khí Ca* ra tụng thì những tà khí tản đi hết.

Tụng *Chính Khí Ca* xong, ông uống ba chén rượu thuốc để giữ độc rồi khăn áo đi xem động tĩnh trong làng.

Lúc ấy, bóng dương độ con sào.

Quanh co qua các ngõ, ông Kinh ngửi thấy toàn một mùi khói bồ kết và chổi sể. Một vài nơi trong lối xóm đã nổi lên tiếng khóc. Đúng là tiếng khóc người chết. Ông Kinh tìm đến gần những nơi có tiếng khóc để dò xem ai chết ở nhà ai. Một nhà, hai nhà rồi dăm bảy

nhà, "Thảo nào, mà ẩm trà buổi sáng chẳng đi hết nhang!" Ông Kinh nhớ lại cuốn sổ vị Quan Ôn đưa đọc tối qua. Thì những kẻ xấu số vừa thiệt mạng kia đều là những người có tên ở đây cả. Ông Kinh gật gù. Cứ lời Quan Ôn nói thì làng Phú Giang này phải cung mất những chín mươi nhăm suất phu kia. Ông Kinh đi vòng hết làng, và một buổi sớm dữ dội ấy, không thấy ai chết thêm nữa, ông bèn lộn về nhà. Trên con đường về qua các ngõ hẻm có tiếng tiếc thương người chết miệng ông kinh lẩm bẩm: "Chín mươi nhăm, chết mất bảy rồi. Chín mươi nhăm, trừ bảy còn...còn tám tám". Bước vào đến sân nhà, nhìn thấy thằng bộc đang lom khom quét sân, ông à một tiếng và tiếp: "Thế nghĩa là còn tám mươi bảy mạng nữa. Nhưng quái sao không bắt nốt cả đi, trong một đêm qua? Có lẽ thiếu người làm việc, còn đợi bắt dần chăng!".

Giữa đêm ấy, ông Kinh Trịnh đem kinh Phật ra tụng, tiếng chày nện xuống cái mõ con cúng cháo nghe đều đều. Và những tiếng kèn Lâm Khốc của bảy nhà bất hạnh lại chốc chốc dội về như muốn hòa theo đánh bạn với những điệu siêu sinh tịnh độ.

Cho đến hết một cái tháng tư.

Và qua tháng năm. Ngày nào, làng Phú Giang cũng có ít người qua đời. Qua một cách nhanh chóng quá. Chỉ đi có một hai lần, chỉ nôn có vài lần, thế là đã xong một kiếp người.

Ông Kinh Trịnh cứ ngồi đây mà tụng kinh và cộng dần số người chết dịch. Ông tự nhủ rằng làng ông còn được kinh động chán, kỳ cho đủ đến cái số gần một trăm mạng kia. Việc bí mật này ông giữ mồm giữ miệng, tịnh không hề dám ngỏ với một ai. Ông vốn là người kiêng dè đến những việc của quý thần. Nhà sẵn có ít cây cau liên phòng, mỗi đêm ông lại bẻ ở buồng cau xuống một quả đặt lên cây hương ở ngoài sân với một lá trầu, rồi đứng ra giữa giới khăn vái cầu bình yên. Sớm mai dậy, buổi nào cũng vậy, ông đều nghiệm duy chỉ có bát nước cúng là không có vắng, còn như mặt nước các ang cong chum đều

nhờn vàng như có ai rỏ giọt dầu xuống. Ông hiểu đây là những lệ khi của một bầu giới loạn âm. Ấy, nhà mà không có âm phù dương trợ, kém âm công, nhờ mà uống phải những nước vàng ấy tức là "đi phu" dưới âm phủ đấy. Ông Kinh lại còn nhận thấy điều này nữa là từ độ vào hè đến giờ, các thứ quả thời chân mua ở chợ về, là đều có vết móng tay của quan quân bấm vào vỏ, lấm vết đánh dấu rất sâu, cứ đỏ như máu tươi chứ không chịu tối thâm xuống.

Như thế này thì làng Phú Giang còn làm ăn gì nữa.

Chợ làng vắng hẵn đi. Đầu tiên tuy nắng nỏ và nhân tâm nao núng, chợ vẫn có người. Nhưng buồn và lạnh ghê lắm vì trong số người gồng gánh có mặt ở đây thì đến quá nửa là chít khăn trắng. Có người, trên đầu đeo ba bốn cái tang dòn trong một lúc. Ở chỗ đám đông, số khăn trắng tăng mãi. Trông xa cứ như là cò đậu. Người sống họp chợ cứ vội dần mà ma mới thì cứ thêm mãi. Chết nhiều quá. Sau cùng đến cả những người đội khăn trắng cũng chết. Âm thịnh mãi mà dương thì suy dần. Rồi có một buổi, chợ làng đến ba phần tư là ma họp. Thậm chí, còn một số ít toàn ông già bà cả, vì đói kém mà không còn biết sợ là gì, số đem quanh gánh đi họp vào ngày phiên. Nhưng tan rất sớm. Đầu giờ mùi mà đã không còn một ai ngồi đây. Chông ghế lỏng chỏng, bên những nổi nước lã đầy có những đồng tiền nổi lênh bênh trông rất là gở quái. Từ ngày có việc loạn âm, ma quỷ được dịp lên nhiều người dương gian cả giữa ban ngày, các bà ấy đi chợ bèn sinh ra cái tục là thử tiền của người mua vào chậu nước. Ai trả đồng nào và mua bán gì là họ đều quăng luôn vào chậu nước để bên cạnh, những đồng nào chìm thì mới vớt ra đếm đến. Còn những đồng nổi thì coi là tiền của ma và không kể. Có bà cụ bạo là thế mà cũng đã có hôm chết ngất đi vì suốt một buổi họp chợ từ đầu Ngọ đến sang mùi và toàn nhận có những đồng tiền nổi thôi. Giận quá, ngược mắt lên hỏi thì đám người trả tiền nổi ấy phá lên cười, ù té chạy, chân không sát đất và biến vào cái lùm tre xanh đầu đình chợ. Eo ơi, bà cụ lẫn đùng ra. Mọi người ù té chạy. Thế là tan

chợ. Như lúc có loạn dương vậy. Kể đến những ngày chợ làng không còn ai họp nữa. Và đường lối trong làng, lắm hôm mới quá ngõ được có không bao lâu mà đã không có bóng một ai. Mặt giới chưa chéch hắt bóng mà nhiều nhà đã sập hẳn cửa ngõ xuống rồi. Ai gọi cũng không thưa nữa. Mỗi khi có ai kêu đúng tên mình ngoài lối ngõ, người trong nhà, già bảo trẻ rằng chớ có lên tiếng vì đó là ma nó gọi đi đấy. Lên tiếng là mất, là không được làm người nữa. Ngoài đường, trên những con đường rác rưởi bừa bộn vì thiếu người quét, giờ nhiều nhất thì chỉ là lũ chó đuôi cụp lưỡi lè, vằn vơ như đi tìm bóng chủ cũ, lớp lông thưa phờ trên một lớp da gầy hằn lên những bộ xương đói. Ấy là những con chó vô chủ của những gia đình bị "đi phu" cả nhà. Cả làng không có tiếng gà gáy sớm trưa nữa. Nhưng chiều giới vàng mặt, đã có những tiếng chó già thay vào. Nó kêu như tiếng người bị bóp cổ kêu cứu sống. Cảnh tượng làng Phú Giang vắng quanh và thê thảm vô cùng. Trông những bóng rợp, to rộng từng miếng đen mát rượi nơi đường vắng mà lại càng rợn lòng. Mọi khi, đây là mát, đây là có sinh khí vì nó che cho vô số bóng người nghỉ chân dưới gốc. Bây giờ những bóng râm ấy chỉ gọi đến lạnh lẽo. Không một ai dám đến đây mà nghỉ chân, tin rằng quan quân đóng cả đó, nhớ tới mà chạnh phải via các ngài thì khôn to.

Không khí khô nỏ. Giếng làng thầy đều ngót voi hết nước. Và ở các rãnh cống ăn ra ao hồ hoặc lạch con, nhan nhản những thuyền bát nhả bị rêu nhờn nước tù gấn chắc chèo lái lại. Những thuyền giấy mã của những đàn tế cúng hung thần ấy khô quắt lại trên những tảng nước giả vờ đang cho sủi những cái bọt xanh đặc mỗi nổi cục là to bằng cái ung thư. Khấp dọc các lối ngõ ngang đường chính, cứ vài bước là lại có một cái que nâng lấy một chiếc lá đa khoanh tròn đựng ít cháo thí cho chúng sinh cô hồn. Nắng ngày dịch đã cô đặc cháo cúng giữa giới và rút dần mực cháo xuống, để lại từng ngấn tròn trong lòng lá khoanh chứa thứ nước ngũ cốc đã trở nên sền sệt như mủi. Kèm vào sát ngay mỗi lá đa cháo cúng là những lá cờ đuôi nheo

xanh đỏ chói loè và muôn thuở không lung lay giữa một giờ đứng gió. Bầu giờ nỏ, chốc lại vang về ít tiếng vọng âm u những hơi thở của vong hồn oan khổ. Ngoài các đầu ngõ, trên những đồng gio mới, ngổn ngang các mẩu chõng tre và cối chiếu cháy dở.

Ghê thảm nhất là cảnh đò ngang làng Phú Giang không có người chở. Trên con đò chợ bên dưới, chỉ có hai chị em đưa bé ngồi khóc bên mạn thuyền vắng, trên đầu mỗi trẻ, lòi thoi một giải khăn ngang.

Cha mẹ chúng nó vừa chết chưa đầy một tuần cơm cúng đầu. Bây giờ ai có việc muốn qua sông sang bên kia huyện dưới thì có bước chân xuống thuyền nhưng phải cầm lấy sào mà chống đẩy. Sang bờ sông lạ bên kia, trẻ càng bơ ngỡ và khóc nhiều.

Lắm buổi có chút gió dưới xuôi về, ông Kinh Trịnh nghe tiếng khóc của đôi trẻ ấy mà lấy làm ái ngại vô cùng.

Một hôm ông Kinh đang nghĩ có nên đem hai đứa cô ai tử ấy về mà nuôi không thì có người vén rèm bước vào. Ngọn đèn thổ hà lay ngọn, ông Kinh giật mình, nhìn lên thì té ra ông quý khách ngày nọ. Vẫn mặt đen, áo bào xanh, nhưng lần này không có lính đi hầu theo.

- Kính chào thế huynh. Lâu nay thế huynh vẫn mạnh giỏi?
- Kìa Quan Lớn đã lại đến. Hẳn lại có điều gì chỉ bảo nữa.
- Thấy vẻ mặt ông Kinh có vẻ lo sợ, vị Quan Ôn vội cười:
- Thế là gần một tháng nay, em đã làm xong xuôi mọi công việc ở vùng làng anh. Đêm nay, em xin trở xuống các làng xa phía dưới. Đến để cáo biệt cùng anh. Và có chút vật mọn này, gửi anh gọi là đồ kỷ niệm buổi chia tay.

Vị Quan Ôn đang loay hoay lấy ra khỏi tay áo rộng từng cái gói quạ xinh xinh và đen bóng - lấy ra từng cái một - thì đứa tiểu bộc nhà ông Kinh mang hoà lò nước lên. Nó nhận rõ mặt khách này chính là cái ông quan ngồi bắt phu ở giữa đình làng đêm tháng trước,

nó sợ quá, đánh rơi hoả lò than xuống nền vỡ tan và chạy mất.

Vị Quan Ôn, bình thân ra khép kín cánh cửa lại. Rồi ghé sát vào tai ông Kinh: "Thôi em xin đi. Cốt lại chào anh và báo luôn cho anh một tin này. Là qua năm, vụ hè, anh sẽ cùng làm việc với em. Em đã tâu với Diêm Vương. Diêm Vương cảm cái đức lớn của anh, định để anh làm Chánh Tuyển Quan và em làm Phó Tuyển, mỗi kỳ có việc tuyển phu trên này".

Vụ hè năm sau, Ông Kinh Trịnh vẫn còn ở vào thời hạn đình gián tại làng Phú Giang, lấy lời chữ sách và gió giảng chỗ quê nhà mà khuây khoả lòng nhớ mẹ khuất. Và về câu chuyện Diêm Vương mời làm việc âm giúp - cứ vào lời vị Quan Ôn nói từ hè năm ngoái - ông Kinh Trịnh cũng quên hẳn.

Một đêm nóng nực ấy, phải thức quá lệ thường để làm dở cho một hiệu chủ hàng xóm, ông lắng thấy có tiếng móng ngựa nện ngoài sân đất trỉ, rồi lại có tiếng nhạc rung. Vội mở cửa thì thấy có đông người tiến vào nhà, ông vội kêu đèn to thêm, hai con bắc nữa. Trời ôi, cổ nhân. Lại vẫn vị Quan Ôn ngày năm nọ nhưng năm nay lại không mặc áo bào xanh mà lại mặc áo bào màu ô bóng. Và dáng điệu có phần e dè hơn mấy lần trước. Những người tùy tùng đã khệ nệ đặt nhiều hòm con lên mặt bàn xong xuôi đâu đấy rồi, vị Quan Ôn mới xoa tay vào nhau và thưa với ông Kinh một cách rất kính cẩn.

- Dạ thưa anh, đây là áo mũ Diêm Vương ban để anh dùng lúc làm việc. Nói để anh biết rằng anh không thể vin lẽ gì mà từ nan được đâu. Từ nay có anh đỡ đần cho một tay, công việc em chắc sẽ được nhẹ nhàng hơn trước nhiều.

Thấy ông Kinh nói hốt hoảng, vị Quan Ôn hiểu ý, nói đón:

- Thưa anh, anh không phải xuống hẳn dưới ấy mà làm việc đâu. Anh vẫn cứ ở nguyên dương thế với những bốn phận và những dật lạc của cuộc đời trên này. Một vụ hè, cứ mỗi thượng trung hạ tuần mỗi tháng, anh dành cho ba ngày giúp em. Vậy xin ngày mười

tới đây, em sẽ trở lại thỉnh anh đi điểm hộ ít phu và soát sổ bộ. Thôi, lạy anh.

Vị Quan Ôn vụt ra cửa. Tiếng nhạc ngựa thưa dần trong gió khuya. Ông Kinh ngồi ngẩn người ra trước bộ áo bào ô xanh mới nguyên để giữa bàn mình với một đôi hài và một cái mũ đuôi cá.

Gió khuya vẫn còn đưa lại cái tiếng lạnh lạnh thưa thớt của nhạc ngựa. Ngọn đèn thổ hà lụi một con bấc, kém hẳn sáng đi. Một con thiêu thân bay ập xuống, cánh đập tắt nốt ngọn đèn dầu. Cũng như đêm hè năm ngoái, ngoài hiên, gió sang canh lả lay lại du cái gáo mức nước văng cùng vào thành ang nước đầy.

NGUYỄN(*)

(Tập truyện)

(*) Xuất bản năm 1940, gồm 7 truyện vừa và ngắn. Song ở đây chỉ in 6 truyện vi truyện *Chiếc áo gấm mượn* chính là truyện: *Mượn cái vui của người khác*.

NHÀ NGUYỄN

Tặng Nguyễn và Thống

I

- **Ê**, ê, Nguyễn, Nguyễn.
Cái xe tay dừng lại. Một người xuống xe, mặt ngơ ngác, tay ôm một chiếc cặp da phẳng. Cái người vừa gọi giật giọng ấy lại nói tiếp:

- Lâu nay mắt mắt ông bạn hiền. Chúng nó đồn rầm lên là anh đang làm nhà. Nguyễn làm nhà? Vậy chờ chuyện anh làm nhà là chuyện chúng bịa ra để điều anh, phải không? Làm gì có, phải không?

Nguyễn - người đang ôm cái cặp da to phẳng - không trả lời ngay. Chàng lặng thinh, tất cả người toả ra vẻ buồn rộng như cả một cái khí buồn rộng rãi của mùa đông năm vừa qua. Khuôn mặt Nguyễn đượm một màu dắng đặc của hối lỗi.

Nguyễn lặng im đứng giữa phố, cạnh người bạn vừa bắt chàng xuống xe.

Im lặng là vàng. Nhưng bây giờ im lặng chỉ là thú tội. Im lặng lại còn là ăn cắp, là lừa đảo nữa. Nguyễn im lặng cố tỏ cho người bạn đứng đấy hiểu rằng chàng hiện đang làm nhà, và những điều "chúng nó đồn rầm lên..." là rất đúng. Chàng im lặng đứng chôn chân xuống gạch lề đường như thế, nghĩa là không dám cải chính.

Chàng im lặng để nhận lấy tội, để sám hối. Hối cái gì? Tội với ai? À, chuyện dài dòng lắm.

Hoàng và Nguyễn thấy đứng lâu ở hè phố là không tiện, bèn rủ nhau vào một quán cà phê gần đấy. Thực ra cái người rủ vào hàng chính là Hoàng. Những việc tra hỏi về đời sống tinh thần nhau như thế này phải mất hàng buổi, hàng ngày, có khi hàng tháng chứ đứng với nhau một lúc ở ngã ba ngã tư thành phố ồn ào đâu có xong.

Nguyễn đã theo Hoàng vào cái quán ăn ấy, bước đi khuất nhục như cái bước của một tên tù đầy rập theo vào cái bước trước của một người lính dẫn mình trên con đường phát vãng.

Hiệu cao lâu ấy đã vắng người. Thêm được hai vị thực khách vừa vào, vẻ im lặng lại tăng thêm. Để chiều lòng người bồi bàn, Hoàng hỏi Nguyễn:

- Anh ăn gì?
- Tôi chẳng ăn gì cả.
- Thế uống cái gì vậy?
- Uống rồi, anh dùng gì thì cứ gọi. Kệ tôi.

Sau cùng người bồi bàn đã lấy làm chán cho hai ông khách hàng ngớ ngẩn và bung ra một ấm nước trà Tàu trồng và ủ ngay ở xứ mình. Nước rót ra chén đã bay hết khói. Chẳng ai nhấp môi.

Ấm nước vô duyên ấy, hỡi ơi! Chỉ là một cái cớ. Đã lâu Nguyễn không gặp Hoàng. Chàng đã cố tình như chàng đã cố tình không gặp lại những bạn cũ khác. Nay bỗng ngồi đối diện với Hoàng, Nguyễn bề bàng như một thiếu phụ đã tuyệt giao với một lời thề ước rồi mà vẫn còn phải gặp lại con người tình xưa, trên một cái ngã tư cuộc đời mình đang bắt đầu đổi mới.

Nguyễn định mở miệng nói.

Hoàng cũng định nói.

Nhưng mở bằng một câu gì? Câu nói đầu tiên để làm vỡ một cái

im lặng vẫn là một câu khó đưa ra cho gọn được. Nặng nề lắm.

Chiếc cặp da phòng của Nguyễn để ở mặt bàn, gọi đến tính tò mò của Hoàng. Hoàng nấn mãi rồi không thấy bạn nói gì, Hoàng bèn mở. Xưa nay Nguyễn và Hoàng vẫn không giấu nhau cái gì. Có cái gì cũng mở lẩn cho nhau xem. Mở túi, mở ví, mở cặp, mở tấm lòng. Mở ra, mở hết. Thế mà có lúc hai người còn lấy làm giận và phàn nàn "rằng cái bụng mình, tiếc chưa được là một củ khoai..." - vào những ngày trên tinh bè bạn, phát phơ mấy làn mây ngờ vực.

Nguyễn để im cho Hoàng mở cặp thăm dò mấy ngăn da. Hoàng yên chí sẽ lôi ra được, như mọi khi, một vài cuốn sách mới chưa rọc có những nhan đề cảm dỗ, có những tên tác giả rất quen. Mọi khi, vớ được những vụn vặt như thế, sao Hoàng cũng tranh lấy đòi rọc trước cho kỳ được và lúc nào cũng nói thêm một câu rất thừa, nghe mãi nhảm cả lỗ tai: "Thế nào tao cũng bọc bìu lại cho mày, mày cứ yên tâm".

Hoàng đã lôi được ra khỏi ngăn cặp những vật gì? Một cái thước gấp bằng đồng, mỗi đoạn gấp là mười phân tây.

Một cái phong bì to, nào là địa đồ và kiểu nhà, giấy nhượng đất có áp triện Lý trưởng, giấy xin lục lộ và những mẫu giấy vụn vặt khác chi chít những con số nhân chia trừ cộng.

Và mấy gói đinh: đinh năm phân, đinh ba phân, đinh ốc, đinh khuy. Và các thứ bút chì rất to của thợ mộc. Lại có cả một viên ngói nữa. Những hai viên ngói kia. Gói vào hai mảnh nhật trình.

Nguyễn nhìn cái tay Hoàng dờ mó đến những vật ấy. Mặt Hoàng tư lự vô cùng. Nguyễn mặc kệ cho Hoàng tự hiểu lấy. Bấy nhiêu vật linh tinh đủ bảo cho bạn chàng biết rõ hiện nay chàng đang làm những gì. Chàng đang làm một cái nhà.

Giữa Nguyễn và Hoàng, chiếc cặp da ấy vẫn lù lù ra đầy như một cái bình phong ngăn mỗi người ra một phía tư lường. Lòng Hoàng thấy chán. "Vậy ra những điều chúng nó đồn rầm lên là đúng.

Nguyễn nó làm nhà thực. Người bạn giang hồ của tôi đang làm nhà. Trời ơi!".

Xưa, không có nhà thì không sao. Nay thấy Nguyễn làm nhà, Hoàng trở nên nghĩ ngợi.

Ngậm ngùi đứng dậy trả tiền ấm nước, chàng hỏi Nguyễn.

- Bao giờ thì chúng mình lại gặp lại nhau? Tôi tìm anh ở đâu?

Hoàng lấy mắt lấy mũi, gạch đit cho hai chữ "bao giờ", một cách cay chua. Bao giờ hay là chẳng có bao giờ!

- Có lẽ để tôi tìm anh thì tiện hơn, Nguyễn đã chậm chạp trả lời sau mấy phút suy nghĩ, mắt cảm xuống nền gạch của hiệu cao lầu.

Về tới nhà buổi trưa ấy, Hoàng gọi ngay Lựu lên gác. Lựu - người vợ rất ngoan của Hoàng - đang làm cơm. Thấy chàng gọi giật giọng, Lựu đã vội bỏ cả sanh rán đậu phụ chạy lên, tay cầm đôi đũa bếp và nhảy nhón những mỡ.

- Tôi vừa gặp anh Nguyễn, mình ạ.

- Thế à? Lâu anh ấy không lại ăn cơm với vợ chồng mình. Nhớ lại. Chắc anh ấy đi chơi xa vừa về, hẳn có nhiều câu chuyện thú vị lắm. Sao mình không kéo anh ấy về đây luôn? Mình, gặp anh Nguyễn rồi sao? Sao mặt mình lại thần ra thế?

- Chẳng sao cả.

Lựu lau tay bắn vào vạt áo con, ngồi xoà xuống mép giường, cạnh chồng, giọng sần sốc:

- Mình giấu tôi một điều gì. Khỏi nào hôm nay không có một người nào làm phiền cho mình. Tính tình mình nhiều khi cũng thất thường và bất công chết đi ấy mà! Ai vậy? Hờ mình?

- Em đoán giỏi đấy! Nhưng để chút nữa sẽ nói. Anh muốn nằm nghỉ một chút. Em xuống làm bếp nốt đi.

Rồi Lựu và Hoàng lặng lẽ vây lấy mâm cơm. Cái mâm cơm của

cảnh một đôi vợ chồng thèm khát mãi mà không có một mụn con, lắm lúc trông vắng lạ, trông hình như là bún xin ở món ăn bày, mặc dầu trong lòng mâm có đủ các thức rán, xào, kho, luộc đến năm đĩa nhón lẫn nhỏ.

Lộ lấm lét, nhận thấy chồng ăn không lấy gì làm ngon miệng như mọi ngày. Hoàng ngồi bên mâm, và cơm vào miệng lúc này chỉ là vì cái thói quen thôi. Lộ biết là lại có chuyện gì đây.

Nàng lẳng lặng gắp, không dám đùa với Hoàng như mọi lúc, hai vợ chồng son hay nói nhảm một cách ngây thơ, giữa những miếng gắp cho nó vui thêm miếng cơm miếng mắm. Hồi còn là con gái, Lộ là một con chim sơn ca. Lúc về làm bạn với Hoàng, Lộ vẫn giữ nguyên được cái tính của chim sơn ca. Tươi. Vui. Trong cái khổ nhọc tận tụy của phận thờ chồng, Lộ đã biết đem pha vào những cái liu tiú của thân mật sơn trẻ. Các bậc có tuổi trong họ, không thể đến những cái quyến luyến ấy, nhiều khi đã cho là gai mắt và hạ xuống những lời phê bình cổ hủ và bất công: " - Chúng nó làm như là thằng Ngô và con đi". Nghe thấy thế Lộ và Hoàng chỉ đưa khề mắt cho nhau, bảo thầm nhau, rất có độ lượng: " - Các cụ già rồi. Các cụ sống với sự trói buộc tinh thần đã quen. Các cụ sống được mấy nả nữa mà đối đáp cái cọ cho nó thêm đặc tỵ với gia pháp. Chúng ta đã yêu nhau thì cứ phải cho vui vẻ. Nghĩa là có cái trước mắt các cụ, từ rầy, chúng ta nên dè dặt coi chừng, mỗi khi bộc lộ tính tình". Lộ gặt đầu, và lại cười một mình nhìn xuống khuôn mặt mặt mũi của chồng đang im lặng chờ một giấc ngủ bồi bổ.

Lộ và Hoàng trong sự chung đụng hàng ngày, dãi nhau lắm lúc như là đôi tình nhân, khi kính, khi nhường, khi xuề xòa, khi nói phiếm và vào những ngày đau khổ về sinh kế thất thường, họ đã biết giải trí lẫn cho nhau bằng những truyện cổ tích, bằng những mẩu truyện hài hước lượm lặt ở những chỗ quái quỷ nào ấy. Vào những buổi tối nặng nề, Lộ và Hoàng phải ngồi lo tiền nhà, tiền đóng họ

cuối tháng, và tiền chợ ngày tới - những lúc ấy, ở tay Lựu bao giờ cũng có một cái bút chì và một cuốn sổ con biên số xả phòng, nước mắm, củi vân vân - vợ chồng nói chuyện bù khú, uống chung một chén cà phê đặc. Thần kinh hệ đôi vợ chồng trẻ này thật khác người. Uống cà phê đặc, Lựu và Hoàng lại ngủ được ngon giấc hơn là những tối uống nước trà. Và lúc đầu gối tay ấp, vợ chồng lại càng yêu thương nhau nhiều hơn là vào những ngày thừa tiền, thừa thời giờ, thừa luyến ái. Rồi lúc đã thấy mệt mỗi một cách rất thuận lẽ trời, họ ngoan ngoãn giáp lưng lại để được ngủ cái giấc ngủ của người công bình và lòng chứa chan hy vọng, họ tin chắc vào cái ngày mai của họ sẽ đầy ánh sáng, và ánh sáng sẽ quét sạch hết những lớp mây lớp mù của một ngày lúng túng vừa rồi.

Chính vào những ngày lúng túng bế tắc như thế, Nguyễn đã giúp đỡ nhiều cho cuộc sống của Lựu và Hoàng. Phải nói ngay rằng Nguyễn là một người không bao giờ có tiền được. Tiền của của thế gian vốn là những giống tinh khôn đến điều. Nó biết chọn những cái mặt đặc biệt để mà gửi vàng. Cái mặt Nguyễn, cái giọng lưỡi Nguyễn khinh bạc thế kia, đồng tiền nào mà dám tìm đến. Nguyễn chưa hề biết quý đến nó, tuy rằng nhiều lúc thấy cần đến chúng, Nguyễn tưởng chậm một phút thì có thể đút đầu vào thông lọng mà mong được những chuyện cướp ngay công sinh thành. Nó đến có một, Nguyễn lại muốn phá tan xua đuổi gấp mười. Với cái tính hắt hủi chúng một cách vô ơn như thế, Nguyễn đã phải mang lấy cái nghiệp thanh bạch và về mặt tiền bạc, chàng đã nhường tất cả cái hay ho cho thiên hạ.

Vậy mà cái người nghèo đó đã dự một phần lớn trong sự cuu mang đôi vợ chồng Hoàng. Nếu không có Nguyễn, thật ra cái đời tình cảm của Lựu và Hoàng, nhiều lúc cũng đến lung lay. Nói là đổ vỡ thì không có, bởi vì Lựu và Hoàng yêu nhau chắc chắn đến thế kia mà. Nhưng mà... biết đâu được. Ở một cái cuộc sống phiền nhiễu này, có nhiều khi một cánh lá úa rụng của mùa đông tới cũng có thể

gieo ngờ vực, gây kinh hoảng vào giữa một cái tổ chim ấm vững.

Lựu và Hoàng vui tính và hay kết bạn, bụng dạ rất hào phóng tưởng có đến của núi đầy để ngồi lên mà tiêu thì một sáng một chiều rồi vợ chồng cũng đến kéo nhau đi ăn mày ngày mất thời.

- "Này đây người ta cũng ít cần lắm nhá. Anh phải biết cho thế nhá. Người chung quanh đã tiêu của mình, lúc mình hết, có phải vác bát vác bị đi sê lại của người chung quanh một ít thì đã làm sao chưa? Một buổi nói đùa, Lựu cũng đùa lại Nguyễn, giả vờ bắt chước những mụ nặc nô đánh song lúc cãi nhau chỗ đông người, vỗ tay đồm độp, nhảy chồm chồm mãi lên. Đùa một lúc như thế mà cũng đỏ mặt. Lựu nhí nhảnh, Hoàng cười. Được có tiếng cười phụ họa và khuyến khích của chồng, Lựu càng bỏ nhoài ra giường.

Cửa nhà vui quá.

Lũ hàng xóm quen đi ngủ sớm, động giấc trở mình, lầm nhảm chửi "Những quân dục mỡ. Sướng thế?".

Những lúc ngồi tếu tay ba ở nhà, thỉnh thoảng Lựu lại giở cái trò đùa ấy ra... "Đây người ta cũng ít cần, có phải vác bị vác bát đi sê lại của người chung quanh một ít thì đã sao chưa?" Nhưng cái gì nhắc mãi lại rồi cũng nhạt. Và một buổi tối, Nguyễn đã không buồn cười được nữa khi Lựu cười ngặt nghẽo. Chàng đã làm ra trịnh trọng nói với vợ bạn:

- Chị cứ tưởng bậy thế, chứ việc đời có bao giờ lại rập đúng vào những lời nói và ý nghĩ của chị. *Đi sê "lại" của người chung quanh một ít, thì đã làm sao chưa?* Đây này, hiện giờ đang thiếu tiền điện, ngày mai không có tiền nộp, nhà máy đèn nó đe cắt công tơ. Chị thử đi "sê" mấy đồng của những người vốn hay ?? tiền chị về mà trả đi cho tôi xem nào! Không, tôi nói thực đấy. Cũng như tôi đã nói với anh chị từ lúc chiều, hiện giờ tôi không trông được vào một món tiền nào cả. Nếu có lấy được thì tôi đã được đi Lạng Sơn từ mấy bữa nay rồi. Chẳng phải ở mãi ở Hà Nội này đến ê ẩm cả người ra.

Đêm ấy vợ chồng Hoàng rủ nhau vào màn một cách rất là nghiêm trang. Con chim sơn ca Lựu đang bận nghĩ đến một cái phắc tuya điện ngày mai.

Một mình nằm cả một gian gác ngoài, Nguyễn hút thuốc lảo vặt, ra bao lơn nhìn xuống những cái bếp lửa của bọn cà phê rong lập lóc dưới mặt phố. Đi ra chán chàng lại đi vào, ngâm thơ trào lộng, chửi xỏ cuộc sống, nghe đến là băng quơ.

Đêm sau là một đêm không có điện, phải thắp nến ăn cơm tối. Hoàng ngồi ăn vẫn thân nhiên, hình như không biết gì đến cái ánh sáng trong nhà hôm nay có thua cái ánh sáng của mọi ngày, của hôm qua nhiều. Chỉ có Lựu là thần thái khác hẳn mọi ngày.

Nguyễn dốc nốt chai rượu, hỏi một cách hóm hỉnh và đột ngột:

- Thế nào, bà Tham Thực, bà ấy không đưa cho chị mượn cái áo nhung à?

Lựu làm ra vẻ ngạc nhiên, sau cái phút giật mình:

- Áo nhung nào?

- Đang ăn cơm mà nói dối thì là độc mồm lắm đấy nhé. Tôi cảm chị chối. Mà có định chối thì đừng chối vội. Hãy ăn hết bát cơm ấy đi đã, cũng vẫn chối kịp kia mà. Đi đâu mà vội.

- Anh say rượu rồi phải không?

- Chị vừa ăn cơm vừa nghe tôi nói chuyện... Có phải sáng nay chị đã đến nhà bà Thực. Rồi, bằng giọng thân mật, chị đã nói với bà ta một câu như thế này: "Dạo này em quần quá chị ạ. Chả là mấy. Giặt lửa của hàng xóm mười lăm đồng cũng được. Nhưng sợ người ta cười. Em đành đến nói với chị, mượn chị cái áo nhung the cùng chuộc về với bọn đồ của em hôm nọ ấy mà. Không phải là em cố đòi lại số tiền ứng ra cho chị hôm vừa rồi đâu. Để trả tiền điện hôm nay đấy". Thế rồi bà Thực mới làm ra bộ rất tiếc không giúp được chị, lấy cớ rằng: "Từ rầy chúng nó có cầm mà không ăn lãi, cũng không

nên đưa áo nhung đi. Túng thì chịu vậy. Áo nhung the mà nó đem xếp nén lên thế này, thì chết hết cả tuyết chữ còn gì nữa. Có mà đại chị ạ. "Mì" lại, thật là không may cho chị, hôm nay ở nhà phải dùng đến áo này. Chiều nay nhà tôi đã hẹn cùng tôi xuống Gò Đa. Tan sớm mà lại. Ra ngoài, kém quần kém áo, khó coi lắm. Nhớ nhà tôi hỏi đến thì sao? Thôi chị rầu lòng để chút nữa tôi lấy ở nhà tôi vậy". Ấy - chị Hoàng, chị đừng ngắt tôi, tôi nói chuyện đang hay - ấy thế rồi bà Thăm Thực buổi trưa đã ăn một bữa cơm ngon, đánh một giấc ngủ cũng ngon để rồi chiều đi xuống phố Tây cùng chồng sắm hàng. Một người đang sướng trong một cái ngày rất đầy đủ của người ta, chị phải cho người ta cái quyền quên chị đi một chút chứ? Mình nên có lượng đối với chung quanh. Bữa sau, người ta có nhớ đến chị, có nhớ đến lời hẹn của chị, tình cờ nhớ gặp lại chị, người ta đãi chị một câu xin lỗi. Thế cũng là nhiều lắm rồi. Đừng có nên bắt người ta nói thêm câu nào nữa. Bắt người ta cắt nghĩa thêm nữa, tức là mở con đường cho người ta nói dối dấy. Tức là giục người ta đi vào tội lỗi dấy... Thôi nghĩa là không thấp điện, thì thấp nên đã chết ai, việc gì mà chị sụt sịt... Ngày xưa người ta xem sách bằng võ trướng đơm đóm, còn được nữa là... Ồ! Đừng khóc nữa, trẻ con lắm... Thế những điều tôi vừa nói là không bịa đặt một chút nào phải không chị?

Lạ cũng thôi không thèm giận đời nữa, mếu máo cười. Nhưng quay sang phía chồng, nàng cố lờm được một cái mới nghe. Nàng đã ngờ Hoàng thuật rõ cho Nguyễn nghe cả rồi cái chuyện mượn áo nhung của bà Thực. Bực thế đấy. Mà nàng đã dặn Hoàng hai ba lần rồi đấy chứ có không đâu: "Mình đừng nên kể lại cho anh Nguyễn nghe nhé. Anh ấy sẽ cười và chế tôi chết mất". Đàn ông thế mà cũng chúa là hay lẻo khẩu.

Để ngắt một câu chuyện vừa đủ rồi, Hoàng pha trò với Nguyễn:

- Thôi xin mời bố uống cạn đi. Và xơi cơm đi cho. Kề quá một chút nữa cơm ôi, ông lại bắt rang cơm, bếp không có đèn điện thì

khổ lắm đấy.

- Ô hơ, phải rang chứ. Cứ kê cho com nó ôi. Tị nữa rang. Uống rượu mà không kênh càng một chút thì đùng bày chai cốc ra cho xong. À này, anh chị có biết cái phong bì này là cái gì không? Đố đấy.

Nguyễn đưa cho Hoàng một cái phong bì nâu dày cộm cộm và bảo thêm: - "Thử ngửi xem".

Hai vợ chồng nhăm nháy. Lạ vừa cười vừa trách một câu đùa:
- "Hà, bác Nguyễn nhà ta có tiền. Thế mà định găm để tiêu một mình. Giá không có hơi men lồi được ruột gan bác ra, thì có mà giới khảo cũng không đưa ra đâu... Gớm, nhưng mà anh bỏ ra hai ba đồng sắm lấy một cái ví da đựng tiền cho nó có phong thể một tí. Chữ mỗi lúc rút tiền ví ra tiêu, anh cứ đưa cái phong bì giấy gói hàng, trông mất cả lịch sự đi".

- Tội gì mà sắm ví. Lấy bạc giấy từ trong ngăn cái ví da đẹp ra mà tiêu, nó có vẻ trịnh trọng lắm chị ạ. Và lại đâm ra tiếc rẻ nữa. Tôi đã thấy một người bạn tôi sắm một cái ví những ba chục, góc bít vàng tây, về nhà anh ta đem lấy bàn là điện ra là độ mười tờ năm đồng và tờ hai chục cho thực phẳng bỏ vào ngăn ví có thứ tự, trông đẹp đáo để. Thịnh thoảng ngồi buồn, anh ta nhớ cái ví, lại giở ví ra đếm lại những giấy bạc càng để lâu càng phẳng phiu. Những tờ giấy bạc ấy không bao giờ anh ta tiêu đi. Nhiều người ghét mắng anh thậm tệ. Nhưng ví thử tôi có dịch tôi vào địa vị anh ta, tôi cũng không nỡ tiêu hết giấy bạc đi; trông cái ví xinh xắn như thế, giấy bạc phẳng phiu thơm tho như có ướp nước hoa, ại nỡ lìa. Tiếc lắm, chị ạ.

Hoàng chen vào:

- *Moa* cho tiêu tiền mà sướng tay nhất, đừng nên có nhiều. Có nhiều thì phải tiêu thành từng món, tính đi tính lại, mệt lắm. Chỉ cứ có độ chục bạc thôi, giắt ở túi *gi-lê* bên phải một đồng, túi *gi-lê* bên trái hai đồng, *bốt-sét* vài đồng, túi sau quần vài đồng. Khoái lên, cứ móc bừa bừa vào các thứ túi trong người mình, tiêu cứ vung cả lên.

Húng lên là *a-lê* tiêu! Tiêu! Rồi lại tiêu. Tiêu mãi. Tiêu nhặng lên. Tiêu cho đến đồng xu chót. Tiêu tiền, nhiều khi có được như là làm thơ thì mới thích. Không nên dàn xếp trước. Thấy có cầm húng thì làm ngay, tiêu ngay.

Lựu nhìn chồng bĩu môi. Hoàng đang gắp cái đà nói rất hùng, cầm lấy cốc Nguyễn đang uống, tợp một hơi. Ngụm rượu kè làm cho Hoàng bực đồng. Chàng thấy cần tìm ra một hạng người bỉ ổi nào ở cái xã hội bố nhặng này để làm đối tượng cho cái hơi giận dữ của chàng trong lúc này. Hoàng đã lòi ra được cái thứ người hể đã tiêu xong tiền là y như là hối hận.

- Cha mẹ nó chứ. Quân nó ngu lạ. Tiêu xong để mà hối tiếc thì đừng có tiêu nữa có được không! Thích thì tiêu, ai bắt.

Tự nhiên Lựu cũng mấp máy miệng, nói một câu rất là đầu Ngô mình Sở:

- Thế nhưng mà tôi xin mình từ rầy bỏ cái lối giắt tiền vào vành mũ và mép bát tất đi nhá. Trông cở rả lắm. Này anh Nguyễn này, một hôm vợ chồng tôi đi ô-tô-ca xuống Nam. Ngồi hạng nhất. Lúc người ta giục đưa tiền vé, ông Hoàng ông ấy lòi giấy bạc ở cái vành mũ ra, em thấy ngượng quá đi mất. Cả một chuyến xe toàn người sang kẻ quý cả, họ nhìn trừng trừng vào mặt mình. Mặt em cứ chín như ra và lúc ấy, em nghĩ đâu như em là vợ một anh cờ bạc nghề vừa tan đám. Thế mà Hoàng thì cứ thản nhiên được. Trông mà cứ muốn lộn cả ruột lên.

Hoàng sắp phân trần với vợ đại về cái thái độ ít cần của mình vào những trường hợp như thế, thì Nguyễn phá ngay câu chuyện:

- Ê, cấm hai người không được cãi nhau. Hãy giương mắt ra mà trông vào đây này...

Chàng mở phong bì, chia cái thép bạc giấy dó ra làm ba phần không đều nhau.

- Chỗ này chị Hoàng giữ lấy, ngày mai đem nộp nhà máy đèn. Chỗ này của tôi giữ riêng. Ngày mai đi Lạng Sơn. Còn chỗ này là của tất cả chúng ta. Lát nữa phải đi giải trí. Xem chớp bóng và ăn đêm. Lâu nay buộc mồm buộc mắt, khổ quá lắm rồi.

Lưu châm chọc, nhưng giọng cố làm cho nhẹ nhàng:

- Anh mà cũng có tiền mặt kia à? Ai đã cho anh mượn? Anh phải khai thực đi. Kéo lỗ Hoàng và tôi lại thành ra a tòng mà tiêu vào cái của bất nghĩa nào thì hồi đến mãn đời. Anh phải nói rõ đi đã thì tôi mới đi rửa mặt thay quần áo. Tiền ở đâu thế? Hở anh Nguyễn?

- Từ nay tôi cấm chị không được đùa như thế nữa. Sợ nó thành một thói quen, ra đến chỗ lạ, cũng cứ ăn nói như thế, rồi đâm nhảm hết... Tiền này là đồng tiền lương thiện. Khi chiều, vào thư viện, gặp một người bạn khoe rằng sắp in một cuốn sách vừa làm xong. Anh ta thiết tha nhờ tôi trông nom hộ về việc ấn loát và đi chọn giấy. Biết tôi không phong lưu gì anh ấy kính biểu tôi số tiền này... Tôi định đi Lạng Sơn mấy hôm, đổi không khí. Thỉnh thoảng cần phải đổi không khí để giữ cho lòng mình luôn luôn mạnh và yêu đời và yêu sống. Để lúc về được bình tĩnh mà trông nom hộ công việc người ta cho chu đáo.

- Đưa nào in sách hở Nguyễn? Hoàng hỏi. Nếu không phải là một việc cần giữ kín trong một thời hạn, mày cũng nên cho tao biết tên, rồi tao sẽ cho mày một vài ý kiến hay. Tao có một cái linh tính lạ lắm Nguyễn ạ.

- Thăng Việt Lang. Chắc mày cũng chẳng lạ gì cái tên anh văn sĩ đầu cơ ấy.

- Nó sắp in cái gì?

- Một cuốn sách tham khảo về phong tục và lịch sử một nước quần đảo hàng xóm. Có cả những bản kèm in ảnh phụ bản nữa. Nó tin rằng sách sẽ chạy lắm! Vì hợp thời.

Hoàng cười một cách khó hiểu rồi cười mũi.

Để gỡ cho Nguyễn một cái tứ buồn ngại thoáng trên mặt, Hoàng tiếp:

- Nghĩa là đứa nào đem quân bút mình ra đánh đi thì đứa ấy xấu. Nó cậy anh chỉ trông nom việc ăn loát thì cứ làm. Tưởng là nó lại mời anh cùng đứng tên vào cạnh tên nó để mà cùng soạn sách thì là việc rất không nên.

Cả nhà, tức là chỉ có ba người - soạn sửa đi xem xi-nê-ma. Nguyễn đòi Hoàng phải đổi cho mình chiếc cà vát mùi huyết dụ, và lục tung cả tủ áo lên tìm con dao cạo.

- Già rồi mà còn cứ đòi làm dáng.

Tiếp lời vợ, Hoàng đẩy Nguyễn ra một bên, vừa tranh lấy chỗ trước gương soi, vừa đùa bạn:

- Ông nên nhớ rằng ông là bố một lũ trẻ con vừa giai vừa gái rồi đấy nhé! Cái thứ người như ông đáng lẽ ra bây giờ, chỉ được mặc toàn đồ đen và phải để râu cho nó chinh con người lại.

Lục thấp hơn chồng đến nửa đầu người, kiễng chân lên, cài khuy cổ, nói với cái bóng mảnh dẻ mình đang động trong tấm gương.

- À hôm nào chúng mình cùng đi Thanh thăm chị Nguyễn và xin chị ấy một đứa con gái đem ra làm con nuôi cho đỡ vắng nhà đi. Này, cứ kể chị Nguyễn chị ấy cũng giỏi đấy chứ nhỉ. Cả năm anh ấy đi hoài. Một năm kể những ngày ở nhà, đem cộng lại thì chừng cũng chỉ được một tháng.

Đúng cách xa đẩy vào tầm hai cái bàn, Nguyễn bắt giắc thở dài một tiếng khê, Hoàng tỉnh tai và tinh ý, lừ mắt cho vợ đừng gọi nói đến những chuyện riêng của Nguyễn nữa, rồi to mồm ra lệnh, đánh trống láp:

- Thôi đi, đi thì vừa.

Đêm ấy thành phố Hà Nội đổi sang tiết lạnh, gió hanh đầu mùa làm cho mọi người có những dáng đi rần rỏi. Lựu, Hoàng và Nguyễn thấy bước chân đang vui, thỏa thuận cùng nhau chỉ nên đi bộ.

Những đợt gió si tình náo hồ Gươm lật ngửa tà áo màu phía sau của đám thiếu phụ tân thời.

Nguyễn tưởng đến những mảnh đời thui thủi rất được đẹp đẽ trong cái lạnh lẽo của cô đơn. Hoàng thấy lúc này phải thương đời thêm một chút nữa thì mới là công bằng. Lựu thấy da thịt se dần và hơi rùng mình, nàng nghĩ trước đến một cái chăn vừa cho bật lại lần bông cũ, khép nép nằm ở góc trái chiếc giường kê ở nhà.

Nhiều cái bóng bộ hành hợp thành tốp năm lũ ba, kẻ đầu kẻ cổ theo một chiều đứng và những tiếng đế giày tây chắc chắn cùng gõ một dịp với gót đầm giày nhanh thoăn thoắt. Màu phân phát rất đều khắp cả người. Một bộ quần áo gấm, gọn ghẽ. Gió vỗ nhẹ vào một cái mặt đi chơi. Nhựa lè đường, lễ phép vang hưởng theo những bước chân nhàn tản. Hoàng và Nguyễn đều cảm thấy được sống lúc này với những cảm giác tinh vi của mình, là một cái đặc ân, là phải mang một cái ân sâu nặng đối với tạo hóa, đối với cái kỳ diệu của sáng tạo.

Và nếu cái xã hội hiện họ đang sống này được là một cái xã hội tận thiện mỹ nào của Ngày Mai thì ngay lúc này, - miệng nói tay làm ngay - người ta không giộ nạt, nhưng người ta sẽ âu yếm gọi Nguyễn và Hoàng đến mà ủy lạo rằng: "Hồi hai tên công dân kia, Chính Phủ Nhà Nước đã nhận được những tang chứng chắc chắn về cái đức tính của các người trong cái đời sống vui vẻ. Đời công cũng như đời tư. Nhà Nước ta chí nhân, chí công, chí minh, không bao giờ phụ những công dân rất xứng đáng như hai người. Từ ngày nước ta theo "hiến pháp" mới, những kẻ nào vẫn còn buồn rầu là những kẻ còn phản

* Cách Mệnh - bởi vì vui yêu là tình lý của Hiến Pháp mới - phân nhân loại, là những kẻ đắc tội với Pháp Luật. Trước khi trừng trị những kẻ không biết đến cái bốn phận vui trong phạm vi của quyền sống, ta hãy theo nhời đăng chí cao viện Hành Chính mà ban cho mỗi người một tấm huy chương gọi là làm gương cho những kẻ khác chưa biết đến cái sự được sống và vui, là một cái thú độc nhất của con người. Được đeo tấm huy chương này, tức là các người được miễn cả sưu lẫn thuế, và nếu các người cứ được mãi mãi vui và lành như thế, quá năm chục tuổi, các người đem cái huy chương ấy đến Ngân Quỹ thành phố mà đổi lấy một cuốn sổ hưu bổng.

Tấm huy chương ấy bằng vàng, trên hình tròn miếng kim khắc một cái đầu người đang cười và ở phần bán cầu dưới chới lọi một quả tim phát ra những tia sáng nhấp nháy.

II

Ở hý viện ra, Lựu, Hoàng, Nguyễn vẫn đi bộ. Cảnh đêm không có một tí gì là đáng sợ. Đêm lành và hiền từ. Đêm lại còn đẹp nữa. Vòm cây trên đường thay lá, gió trút lá lạt sạt, tiếng gieo khô, vui, đều. Tỉnh tỉnh chất phác, Lựu không phân tích được cái lòng mình hôm nay sao mà lại vui nhẹ được đến như thế. Nàng loạng quạng bước đi, dẫm phải một vật trắng trắng, vuông vuông, mong mỏng. Nhặt xem thì là một lá thư rơi, tem còn nguyên chưa đóng dấu. Theo một thành kiến riêng của Hoàng thì bất cứ nhật được thư rơi của ai ở ngoài đường, chàng đều vứt hết. (Cái ý nghĩa của thành kiến ấy có một nguyên ủy riêng mà Hoàng giữ kín, không bao giờ chịu nói rõ; đến ngay đối với Nguyễn, chàng cũng không cho biết). Nhưng lúc này Hoàng thấy mình cần phải quảng đại. Chàng đành không giữ trọn cái thành kiến kỳ quái khắc khổ đó - ít ra là một lần này - và từ tốn hỏi vạ:

- Thư đề gửi đi Bật Tâm Boong à? Mà lại chữ đàn bà? Xa xôi và yếu đuối nhỉ? Thôi, chúng ta cũng nên làm một cái ơn nặc danh cho một người nào đang ở mãi chỗ cùng tột của xứ Cao Miên. Em đưa đây cho anh.

Khi nào Hoàng gọi vợ là em tức là lòng chàng đang băn khoăn nhiều về một điều gì.

Hoàng nghĩ lá thư. (Hoàng có tính hay nghĩ và tính ấy hồ đã thành một cái tật. Hoàng nghĩ món ăn, nghĩ hương trà - đã đành! Nhưng Hoàng lại nghĩ cỏ, nghĩ đất, nghĩ khói than đá, nghĩ sách, nghĩ mặt kính đồng hồ!). Hoàng nghĩ lá thư, thấy tiết ra một mùi nước hoa cầu kỳ và phải là đắt tiền, chàng bèn đọc phong bì cốt để xem tự dạng chữ không phải tò mò đến địa chỉ. Chữ đúng là chữ đàn bà. "Lục, vợ mình nó cũng tinh đấy". Chữ viết bằng bút máy ngòi vàng chữ không phải là ngòi thủy tinh. Cuối dòng chữ có những nét tả tả kéo lê rất chán đời. "Những nét này là nguyên tính ảo lá của một kiếp con người hay chỉ là cái rã rời khoảnh khắc của phút đề bị một phong thư chán nản?"

Hoàng đã nhẹ nhàng bỏ hộ phong thư rơi ấy vào hòm thơ xếp móc cạnh tường ga tàu điện Bờ Hồ.

Nguyễn vẫn nghiêm trang, dè dặt đi bên cạnh vợ chồng Hoàng hình như không dám bạo nghịch đến những cái sống ở chung quanh. Chung quanh chàng, trên đầu chàng, dưới chân chàng, vung tỏa ra một vẻ đẹp rất thần bí.

Trong đêm vắng, sắt đường tàu điện sáng như vừa mài vào đá màu. Thổi thép lạnh bóng và dài dằng dặc tít mãi lên Hàng Bông kia nhắc đến giá trị vô song của nó ở vào cái thời đại kim khí và cơ khí này. Rồi giòn giòn nơi tóc gáy - có lẽ vì gió nơi ngã tư Bờ Hồ lộng, - Nguyễn liên tưởng đến những thổi thép luyện của những lịch sử thượng võ ngày xưa có dăm bảy lưỡi kiếm danh tiếng chém sắt chém đá ngọt cú như chém vào chuối vào bùn.

Trong đầu Nguyễn, có một cái gì muốn rụng xuống. Một cái gì như một quả chín lúc được lia cành, phải lia cành. Ấy là một câu thơ. Đêm nay người thì hiền, cảnh thì lành, âm thầm không còn là khó nhọc, tư tưởng không có nghĩa là đau thương, lặng lẽ không phải là buồn tủi nữa. Nguyễn thấy được sống cũng đủ là một cái tác phẩm rồi, chẳng cần phải làm việc gì nữa. Nếu có cần phải làm thêm một điều thiện vào giây phút này thì Nguyễn chỉ muốn làm một câu thơ không có luật. Làm xong rồi đốt đi. Đốt ngay giữa giờ như là hóa vàng lễ ấy. Đốt đi, rồi mặc kệ gió giờ đem cái bụi thơ, cái phấn thơ, cái hương thơ tự do ấy cho thật xa, cho thực rộng, đem đến những chỗ nào không có bờ bến, không có ngày tháng, không có đầu không có cuối.

Trong lòng Nguyễn, tình vui cho nổi lên một cơn cuồng. Chàng khấp vạt áo lại, đánh một que diêm, thở một hơi thuốc. Khói lừ lừ trước mặt như những cái tơ giờ dăng trên những cánh đồng mùa tháng mười lăm về chiều.

Ấm lòng, Nguyễn càng thấy cái sướng của người trai đất Việt được sinh trưởng ở những thành phố phía Bắc. Chàng lại phàn nàn hộ cho những người cùng quê hương mà lại phải sống ở những thành phố phương Nam, quanh năm chỉ có nắng của xích đạo và không bao giờ hiểu đến những luồng gió hanh đầu mùa này rất có giá trị kiến thiết cho tinh thần.

- Anh Nguyễn đang nghĩ chuyện gì mà mãi miết vậy? Tôi thấy những người im lặng, tôi ngại lắm.

Bị Lựu làm đứt mất luồng tư tưởng, Nguyễn mới nhớ ra từ lúc nãy đến giờ chàng tịnh không nói một câu gì, chỉ thực hai tay vào túi quần và đi trong yên lặng. Hoàng cũng vậy, thành ra Lựu trở nên cộc cạch, lẽ hằn ra. Đáng lẽ cùng đi bộ về như thế này, ba người cùng bàn về cái phim ảnh nói vừa xem xong mới là phải.

Nguyễn đã bắt lại câu nói của Lựu.

- Chị đừng tưởng những người im lặng đều là người nham hiểm cả đâu nhé. Cái im lặng của lũ thi sĩ có di hại cho ai bao giờ đâu? Nào, bây giờ bắt đầu ồn đi nào. Bây giờ đi ăn. Tôi và anh Hoàng để cho chị toàn quyền mà chọn hiệu ăn. Hàng Buồm, Hàng Quạt, Hàng Da? Phải uống một chút rượu vang đỏ cho nó ấm bụng, chị ạ. Nay Hoàng, vợ ông đang kêu buồn kia kia (...).

Nguyễn lùi xuống một bước, để cho Lựu tiến lên. Lựu vịn vai chồng:

- Những đêm như thế này, tôi không muốn về nhà đi ngủ một tí nào cả, mình ạ.

Hoàng và Nguyễn lấy làm thương thức câu nói ngây thơ cuối mùa đá chút lãng mạn không tự biết ấy, và khúc khích cười để cho Lựu tiếp thêm một câu kịch côm hơn nữa: "Chứ lại không ư! Các anh cho dân bà chúng tôi là tượng gỗ hay sao. Nghĩa là đàn bà chúng tôi nếu không sợ những lời hàng phố dị nghị thì... thì cũng...).

Hoàng ngắt:

- Thi, thì cũng... làm sao?

- Thôi không thèm nói nữa. Tôi đến ghét mình cứ hay về đùa với anh Nguyễn. Người ta nói chuyện đúng đắn thì cứ phá đám. .

III

Cái hiệu ăn đêm, gần bãi chợ Hàng Da chật ních những người. Thật là một việc không chờ đợi. Đêm đẹp giờ có khác. Ai cũng đều có cái ý tưởng ra ngoài, thoát ra ngoài, tìm cách mà lọt ra ngoài cái nhà quen thuộc của mình.

Vợ chồng Hoàng và Nguyễn đứng chôn chân ở giữa hiệu, tìm một chỗ góc phòng nào kín đáo. Họ phân vân, sắp quay ra thì có một

bọn ăn xong, đứng dậy. Cái bàn ở góc ấy xinh xắn. Ba người ngồi vây lấy thật là vừa quá. Ngồi ở đây lại còn lợi được hai điều nữa: là tầm mắt quán được cả một phòng ăn; và nếu có nói chuyện riêng, ít bị những cái tai tọc mạch nghe lỏm.

Hoàng hỏi Nguyễn:

- Thế nào, ăn uống ra sao đây?

- Hôm nay lại giá vờ làm thẳng giàu tiêu tiền không nhìn đến chỗ cộng ngân. Cứ gọi bữa đi. Chị Hoàng gọi đi.

- Thế anh lại hoãn cái việc đi Lạng Sơn à?

- Mai không đi thì ngày kia đi, ngày kia không đi thì đã có ngày kia. Ngày nào chẳng có hai chuyến tàu chạy lên biên giới bắc? Mình có phải là công chức đâu mà mỗi lúc đi đâu tính nhật ký cứ sát từng nửa ngày một. Tôi hãy gọi riêng cho tôi một chai rượu Médoc súc miệng cái đã.

- Ấy là tôi hỏi phòng xa anh thế; không có lại lỗ tiêu quá vào tiền vé đi Lạng Sơn của anh, nhờ công việc của anh thì khốn. Ai dám bảo anh đi Lạng Sơn chuyến này không phải là để tính đến một chút sự nghiệp cho mai sau?

- Chị làm gì mà to chuyện thế! Cái sự nghiệp mai sau nào của tôi mà bằng được cái hể hủ đầy đủ của phút bây giờ - có anh chị. Tôi chỉ quen sống với nổi ăn xổi ở thì. Ba chén mà túy lên thì việc có to bằng giò đó cũng bỏ, phải không Hoàng?

Hoàng gật gật, nở một nụ cười tòng đàng.

Rồi Nguyễn và Hoàng tí tí làm hết chai rượu vang. Món ăn vẫn chưa đưa ra. Lạu ngồi chờ cắn hạt dưa, nhìn mấy thiếu phụ mặc quần áo theo lối mới, ngoài cái áo dài bằng hàng len màu, lại có một cái ngắn chèn, bằng nhung đen phủ lên. Nàng phát biểu một ý kiến làm Nguyễn và Hoàng phải phì cười.

- Mới quái gì cái kiểu áo chèn của đám ấy hở các anh? Cũng

chả hơn gì cái áo cánh bông của các cụ bà nhà chúng ta. Đấy các anh xem.

Lưu sự phạm vào cái tội cáo giác không có tang chứng, đòi phân bua cho được và luôn tay chỉ chỉ trỏ trỏ. Nguyễn phải ngăn:

- Chị nói thì cứ nói, nhưng đừng chỉ vào mặt người ta. Xem chừng cái tội bên kia nó đã khó chịu với tội mình từ lúc chúng ta mới vào kia rồi. Chị có trông thấy cái người cao cao mặc tây theo kiểu Hồng Mao kia không?

- Ngồi quay lưng lại đây ấy phải không? Ờ, mà có chuyện chi vậy?

- Thằng cha ấy nó đòi đánh tôi nhiều lần lắm rồi đó. Trước kia y hay rủ tôi đi chơi luôn. Tính y rất hiếu thắng. Nói rất nhiều, rất to; những nhà nào có ông già bà cả nằm dưỡng bệnh hoặc có trẻ con đương ngủ thấy y xông vào nhà là sợ lắm. Tôi không nói ngoa tí nào, khi tôi bảo một mình anh ta, anh ta hợp chợ nói, chẳng cần đến hàng xứ nữa. Khiếp, người đầu mà nói như cái máy hát của mấy hiệu bào chế. Mà lại toàn nói nhảm. Ấy thế rồi có mấy đứa con nhà giời đánh nào nó mới xui khôn xui đại anh ta, bảo anh ta là một người có tài. Anh ta trẻ người non dạ, tưởng thực, khi không đòi nhảy ra gánh vác việc đời. Thấy cái cung cách anh chàng táo tợn như thế, tôi hãi quá. Từ đấy tôi không dám gần anh ta nữa. Nhưng trước khi định xa hẳn anh ta, nhân danh một cái việc chung đụng cũ, tôi có bảo thẳng vào mặt anh ta một câu: "Lời nói thẳng hay làm méch lòng, nhưng méch thì méch, tôi cũng cứ phải nói rõ cho anh hiểu rằng không bao giờ anh là người có tài đâu. Anh muốn cái đời anh được sung sướng, tất cả cái hoài bão của anh - và có lẽ cũng là cái hoài bão chung của những người sống ăn hột cơm của giời - là trở nên người sung sướng phải không? Làm sao phải giẫy nẩy lên. Muốn sung sướng, đâu có phải là chuyện xấu mà anh phải chối? Ồ! Vậy anh bằng lòng thành người sung sướng; có khó gì. Làm giàu đi, kiếm tiền cho nhiều vào.

Tiền bạc không hẳn là cả hạnh phúc nhưng là một phần lớn của hạnh phúc. Giàu là đủ rồi, việc gì cứ phải có tài mới là sung sướng? Mặc kệ cho thiên hạ tài, mình cứ giàu sự vào. Ai tài cứ cho người ta tài. Nhưng mà anh thì anh không được cho anh là tài". Anh ta đòi sùng sộ với tôi ngay lúc ấy. Tôi phải dịu lời nói thêm: "Nghĩa là thế này anh cũng có tài - tài làm giàu, - thế cũng có ích cho xã hội - ngoài cái sự vinh thân cho anh - nếu anh cứ định gánh vác với xã hội một chút (tôi không chờ ở anh những cái sốt sắng có giá trị như thế) thí dụ như lúc cái tài làm giàu của anh đã được thực hiện rồi, thì ai cấm anh dùm giúp những cái tài khác. Tôi nói những cái tài chơn. Để mà xã hội trí thức quên được những cái hành vi ấy của anh? Một cái tài làm giàu nâng đỡ những cái tài không có tiền. Về vang biết mấy. Chứ bây giờ, tự nhiên chẳng căn cứ vào đâu cả, anh xưng xưng nhận ngay mình là có tài, cũng bắt chước bĩ báng đồng tiền, khinh thế ngạo vật, tức là bỏ đứt cái sở trường của mình để vác ngay cái sở đoản ra mà đập lên đầu thiên hạ cho người ta tối mảy tối mặt lại. Thành ra anh bỏ đi một cái chỗ ngồi đích đáng của anh để nhảy sang chiếm chỗ tại miếng đất người khác. Ta không nên vụng dại thế. Anh há chẳng được trông thấy những cái thảm trạng gây nên bởi một chú lái buôn cứ đòi đốt trầm nấn phím. Anh há chẳng được chứng kiến những cuộc tàn sát thi ca của những ông lãnh binh lính làm thơ. Từ nay về sau, đũa nào cứ đến đám cửa nhà anh để mở mồm khen anh là một người có tài thì anh phải từ chối những lời xảm bậy đó và đái nó một số tiền rất hậu rồi đuổi nó ra. Nếu nó còn đến để vu khống anh ngay ở nhà anh nữa, thì cứ trối phăng nó lại. Đòi sẽ khen anh là một người có liêm sỉ. Anh đã có lúc yêu tôi như anh từng yêu những người tầm thường khác, dẫn tôi đi nghe ca hát, rồi ăn, rồi uống, rồi nói phiếm và cười suông. Để trả những món nợ miệng đó, tôi kính biểu lại anh những lời chân thành này. Nếu tôi có khinh anh, thì anh cũng nên xét và tha thứ cho tôi vì tôi đã thành thực trong cái ý tưởng đó. Tôi biết tính anh ngỗ ngược đã quen, gia dĩ lại thêm có được cái vóc người

kích thước dài rộng đều hơn chúng nhân. Mỗi lúc thất trực là anh phải đánh người ta. Không đánh được thì anh phát ốm. Tôi đã biết. Tôi biết cả. Một người lực sĩ cử đỉnh như anh mà ốm thì tức cười đến chết mất anh ạ. Tôi không muốn cho anh thành ra cái trò cười đó, tôi muốn tránh cho anh một trận ốm tổn tiền và mất thời giờ, lúc này tôi vui lòng cho anh đánh tôi. Đánh nhá. Đánh đi... Một phút. Thong thả đã. Anh hãy để tôi ngồi xuống cho nó chỉnh đốn đã. Và khi nào anh đánh tôi đủ rồi, thì phải nói lên để tôi còn đi ra đường này có chút việc cần đã chậm mất giờ hẹn".

Cái chai rượu vang thứ hai đã làm cho Nguyễn nói rất nhiều. Nếu chàng không đến nỗi nói to là vì tửu lượng chàng cũng khá, chai vang thứ hai thì mùi gì, thì đã lấy gì làm say. Lạ mãi nghe chuyện, gần như bỏ cả ăn. Chùng như Hoàng đã nghe Nguyễn nói đoạn này đến đôi ba lần rồi, thành thử Hoàng không để ý đến mấy. Chàng ngồi chề hiza các thứ nước si-dầu, lạp-chiu-chương, kíp-chấp, rưới mà-dầu thêm vào những bát nấu. Thừa tay, thừa thời giờ, chàng bồi rượu cho Nguyễn. Lạ nóng nghe nốt chuyện, hỏi dồn:

- Thế rồi người ta có đánh anh không?

- Anh ta đã giơ tay, nhưng không hiểu anh ta nghĩ thế nào, anh ta lại thôi. Tôi nghiêng mình cảm ơn anh ta, lùi ra. Hai người không bắt tay nhau. Cho đến bây giờ đã bao nhiêu lần gặp nhau lại mà cũng không bắt tay hỏi chào. Anh ta có nhả một tên du côn nhà nghề bảo tôi nên liệu hồn, "Nếu cứ còn làm bộ làm tịch thì sao anh ta cũng đánh cho mà xem".

- Thế sự thực thì anh ta dốt thật hử anh?

- Nếu thực anh ta là người có tài thì khi nào tôi nói xấu anh ta không tiếc nhờ như thế. Đứng trước một cái chân tài, thì người khinh bạc đến đâu cũng trở nên trung hậu. Tôi vốn là người biết phục thiện chứ có dám làm điều quấy bao giờ. Đây anh ta ngồi đấy. Dốt hay có tài, trông đó thì biết. Chỉ trông vào cái gương to dựng

ngay trước mặt anh ta, ở trên vách kia thì tiện hơn. Đấy chị xem, cái mặt đó ở trong gương đúng là một cái mặt không có chữ chữ?

Chẳng hiểu là bị cái tính ghét của Nguyễn đã truyền nhiễm sang làm cho cảm tình trở nên theo hùa và thiên lệch hay là nàng đã thành thực cảm thấy như thế, mà Lựu gật gù:

- Ủ, trông anh chàng ấy ngu độn và phàm phu thật. Cái trán bóng và đen, và dô như thế, chỉ có đi buôn bè là hợp thôi. Thế mà còn đòi đánh người ta thì vô lý thực. Em trông thấy nó mà ăn thia mi này mất ngon rồi đấy. Thế ra ở đời này, chỉ có một mình cái sức khỏe của hần thôi à? Ngoài ra, không còn có ai nữa à?

Lựu công phẫn với tất cả những ngây thơ của một người đàn bà chưa am hiểu đến những cái nhỏ nhăng ở cuộc đời này. Hoàng tùm tùm, nói tiếp cho vợ nghe nốt về cái anh chàng bắt tài và khỏe ấy.

- Chính hần ta có mấy lần cũng đòi đánh cả tôi nữa kia đấy. Tôi nhớ ra rồi. Tên nó là thằng Phú. Phải rồi. Thằng Phú Sài Goòng. Nó người Hà Nội này đấy chứ, nó hay hát cải lương, nên người ta mới đặt tên cho như thế. Tôi thì tôi không ra mặt châm chọc nó như anh Nguyễn, và cũng chẳng chơi bởi gì với nó. Ai chơi bởi gì với những quân ấy. Vậy tôi đổ mình biết tại sao nó lại cũng đòi đánh tôi? À, chỉ vì rằng, chưa bao giờ nó được trông thấy tôi phải mặc áo rách... ấy chỉ vì người ta luôn luôn được mặc áo lành...

- ... Mà nó đòi đánh người ta đấy! - Nguyễn tợp ngụm rượu, cướp nhời Hoàng, mặt càng vênh lên nữa. Chàng lại thủ thỉ nói cho Lựu nghe:

- Chị phải biết, ở đời có những người chỉ muốn mình khuất nhục trước mặt họ một tí là họ hả hê lắm. Họ cứ lồng lộn tức tối lên với mình, chỉ vì cái lẽ là họ thấy mình nghênh ngang không giẫy dụa gì với họ. Lắm khi không quen thuộc gì, không thù, không oán gì, chẳng ai làm hạnh làm hại gì chúng nó, mà động trông thấy mình là chúng nó cứ như nuốt chửng được mình đi. Minh đâm nghi. Thì ra

chúng nó ghét mình, chỉ vì mình lúc nào cũng có bề ngoài của người phong lưu, chỉ vì trong khi mình đang túi bụi sống cho mình, mình đã vô tình không để ý nhìn đến chúng nó một chút. Nào có phải mình ngạo gì. Nhưng mà ai biết đâu rằng nó định cầu thân với mình. Chẳng lẽ cứ phải ngồi lù lù ở giữa nhà, đóng khăn áo vào, chỉ đi ra đi vào hoài hoài để chờ tiếp những người đến cầu thân với mình hay sao, dùng làm ăn gì nữa, dùng đi đâu nữa hay sao?

- Tôi phải ngắt ông về chỗ này, Hoàng giờ tay lên - những lúc nào thân mật và vui quá, thì Hoàng gọi Nguyễn là ông. Ông bảo rằng ông không có ý phụ những kẻ kia định tìm đến cầu thân với ông. Đã gọi được là thân thì "khi thân chẳng lọ là cầu?" Vào những trường hợp này, ông phải coi chừng và tôi khuyên ông nếu có phụ thiên hạ được đến đâu thì cứ phụ đi. Càng nhiều càng hay. Hãy đem một thí dụ cầu thân ra mà nói để cùng nghe nhá. Cái buổi đầu của một kẻ thích ông, muốn gần ông và khi đã tóm đúng được ông rồi thì thường họ làm những gì để đánh dấu ngay vào cái buổi tương kiến sơ giao đó. A, một châu hát, một bữa tiệc; một châu hát mặn một bữa tiệc đại ẩm nếu thẳng cha ấy ăn tiêu rộng; một châu hát chay ở tận cuối Ngã Tư Sở và một bữa phở sách chân nếu thẳng cha ấy ăn tiêu chặt chẽ. Người ta và ông ăn chơi, cười nói cứ loạn cả lên. Người ta hỏi thăm về cái quá trình của ông, người ta tiếc hộ ông rằng: hữu tài mà vô hạnh - thua ông chữ hạnh đây là may, là gặp chữ không phải hạnh là hạnh kiểng đâu. (Tôi không tức nhỏ, nhưng được cái đã dùng chữ nào thì rất chắc, trước khi dùng đã phải hỏi lại các bậc cha anh rồi... Lạ cười cái gì?)... Vậy... thế rồi người ta kỳ vọng cho ông. Úi già, thân thiết quá. Người ta lại còn phàn nàn những là "Gặp nhau, tiếc rằng khí muộn quá. Được bắt tay nhau, trao danh thiếp cho nhau thì mặt trời đã gần lặn về tây, thì chợ đã gần tàn". Nghe chúng nó nói thế, trong đầu ông, ông đã tưởng rằng nếu sớm gặp chúng, e chúng đã cho không ông một cái tòa nhà nào rồi. Tính ông đa tình. Tôi biết! Lúc chia tay, ông dùng

dằng. Trở về nhà ông, ông nhớ đến tấm cảm tình của một người vừa chia tay. Ông nghĩ về một tấm lòng vừa rồi trong thiên hạ mà ông đâm ra hối, tự mình cứ đòi trách móc mình cho kỳ được đến thâu canh: "Té ra suýt nữa mình cô phụ đến một tấm thịnh tình của thế gian". Ngay ngày mai, ông đi tìm cái người bạn nhất kiến đem qua để đáp lễ. Rồi ông mới ngã ngựa người ông ra, khi ông biết rằng người đi vắng ấy hiện đang nói xấu ông ở một chỗ nào đó. "Tuồng thẳng cha ấy thế nào kia, chứ cũng vậy vậy thôi. Đêm qua, nó vừa đánh chén, nghe hát với *moa*. Được cái nó nói chuyện cũng hay hay. Có nó đi bên cạnh, những lúc điếu qua một đám đông, hay là ngồi bày mặt ra ở một chỗ nào, trông cũng bài trí ra phết. Nhưng mà phải cái đi lại với nó luôn luôn, thế nào rồi nó cũng hỏi vay tiền. Thằng ấy hay "đá" tiền lắm nhá". Ông đã chết bỏ đời ông chưa? Ông đã thấy ông là đại chưa? Ông tưởng là người ta yêu ông, quý ông, trọng ông, kính ông lắm, nên người ta tìm đến ông. Ông đã bị người ta lừa. Người ta đã buôn ông, đã mượn ông để đem bày ngay bên cạnh người ta. Ông đã làm vui cho người ta. Ông là một người bạn phùng trường tác hỷ của người ta. Người ta đã trả công ông bằng một bữa phở tái, bằng một châu hát trên một cái chiếu rượu rách. Vậy mà người ta đã dám coi thường ông trong buổi đầu. Một lần, hai lần, lần thứ ba, người ta lần thêm một tí đất nữa. Người ta sẽ cho người ta cái quyền gọi ông là mày. "Mày khó tính lắm. Mày phải đọc những sách này này... Mày phải làm những việc như việc này thì mới phải. Mày... mày... vân vân". Đời nó mới đóng một cái triện nhận thực ngay vào cái tình giao du đó và đời nó bảo rằng ông là người bạn thân của người ta. Ông cãi đi? Nếu không thế sao thẳng kia nó lên được vào cái đời tâm tưởng riêng của ông và dám làm cổ vấn cho ông, đòi hướng dẫn cho tính tình ông, và tọc mạch đến cả những món ăn tinh thần của ông, - Phải, tôi nói sự đọc sách - và lại còn dám lạm một bàn đến những cái thắc mắc trong đời tư tưởng của ông nữa? Ôi tại sao vậy? Tự ông

hay nhận, *hay trả lời* cho chung quanh, để cho người ta được gần ông rồi người ta rõ ràng ông, người ta sẽ chẳng coi ông ra đêch gì nữa... Ông đừng tưởng tôi ghen với ông trong tình bạn đâu nhá. Tôi vẫn biết đời ông vốn rộng lắm. Ông phải huy hoắc. Ông phải tiêu cái đời ông sao cho được hoang phí thì mới sướng tay, sướng lòng. Ông đã có một lũ con rồi. Vậy mà có lúc ông còn thèm khát cả đến những đứa con ngoại tình kia nữa. Với một người đàn bà lý tưởng. Và ông đâm ra giao thiệp. Những bức thư rất dài của ông viết cho thiên hạ, trong hồi gần đây, đã có cái lòng thù thế lắm rồi. Việc xã giao của ông, tôi đâu dám dòm ngó đến. Một thằng như tôi, tài đức còn lơ mờ, chưa được thực hiện giữa cuộc sống, tôi đâu dám can ngăn ông, tôi làm gì mà dám giữ độc quyền lấy một mình tất cả những tình cảm lời thôi của ông. Ới tôi ơi là tôi ơi! Ới ông ơi!

IV

Hoàng say rượu. Tè ra Hoàng say rượu mất rồi. Lạ lo sợ quá. Hoàng ít khi uống rượu với ai. Tầm lượng xoàng ít quá. Hoàng đã từ chối nhiều chén rượu vui đích đáng chỉ vì chàng là người tự trọng, sợ mỗi lúc uống rượu là tổ giác những cái dở trong người ra, rồi chỉ làm trò cười cho chúng nhân thôi. Nhưng những lúc ngồi riêng thủ thi với Nguyễn, chàng bằng lòng uống. Chàng thấy vững tay nâng chén. Và bằng lòng say. nhất nhẽ có phải thổ ra, có gầy gục cả ngày hôm sau nữa thì cũng không cần. Lạ sẽ nấu đậu xanh đổ vào cái miệng chàng nhặt bã. Nguyễn sẽ lấy vôi khuyen vào gán bàn chân chàng. Một bên là người vợ hiền, một bên là người bạn trung thành. Giữa hai cái thiêng liêng và thân yêu ấy là một cái cốc pha lê trong trắng đang sủi lên những cái tăm rượu - màu rượu đỏ như máu Chúa, - tăm rượu liên tiếp đùn lên như là những cái quả bóng nhẹ bằng cao su ngũ sắc mỏng của những ngày mở hội. Thích lắm, sợ gì.

Hoàng đã uống. "Bạn mình và vợ mình chẳng nhẽ lại đi cười chê mình!" Chẳng e sợ gì, chàng rót rồi chàng lại rót nữa. Xuyên qua một lần màn mỏng dệt bằng tơ của men rượu, Hoàng nhìn thấy mặt Lựu trẻ thêm mãi ra và những nét giang hồ tạc trên khuôn mặt Nguyễn thì càng thêm rắn rỏi. Chàng trở nên tin cậy trong cuộc sống. Rượu ngà ngà, Hoàng nhớ đến một đoạn truyện *Tam Quốc*, lúc Tôn Bá Phủ biết mệnh mình đã đoán, cho gọi em là Tôn Quyền vào giới giăng mấy nhời về công việc giữ gìn cơ nghiệp Giang Đông.

Sách đã cầm tay Quyền lúc sắp hấp hối: "Em ơi, gắng ở mà giữ lấy di sản của cha anh gởi lại. Anh đi rồi, việc ngoài không tính xong thì cứ hỏi Chu Du; việc trong không tính xong thì cứ hỏi Trương Chiêu". Cái đoạn đã sử nước ngoài ấy đã làm cho Hoàng cảm động vô cùng. Rồi chàng cũng bùi ngùi nghĩ đến một ngày của mình. Rồi chàng muốn so sánh, đặt Lựu vào địa vị Trương Chiêu và Nguyễn vào địa vị Chu Du trong cái lời ký thác lịch sử kia. Lúc bấy giờ, - lúc bấy giờ chàng tin chắc thế nào cũng có một đứa con, một đứa con tinh thần - một cuốn sách gì để lại cho mai sau, gọi là ghi vào Vĩnh Viễn cái giấy lát chóng vánh của mình đã đi qua. Trong đầu Hoàng bao giờ cũng có một tập tùy bút viết dở, viết đi, viết lại, viết hoài. Tài liệu của Thời Đại gởi vào cái kho lòng ấy súc tích lắm. Cảm giác, tình cảm, kiến thức, đau khổ, hy vọng, hỗn độn bừa bộn vô cùng. Nên bắt đầu từ chỗ nào? Hạ bút thế nào cho khỏi thiên vị? Hay là cuốn sách hay vẫn là cuốn sách không bao giờ viết? Không, đấy chỉ là một câu nói của một cây bút nghèo nàn, tự mình dối mình và tự an ủi mình. Trời ơi! Hoàng tự nhủ mình là phải viết. Viết như một người bị con quỷ của sáng tạo đến ám ảnh và dẫn dắt. Viết như một con đồng bị cái ánh linh của đầu đề hành hạ. Nhưng, chàng muốn cái đời ngộ nghĩnh của chàng lắng xuống, cứ lắng xuống nữa đã. Chàng còn chờ của cuộc đời một chút phèn chua nữa. Bấy giờ chàng sẽ cho đánh đùng cái vại

nước kỷ niệm, và cắm một ngòi bút thành kính vào đám cỏ đọng của những ngày qua, bây giờ chàng sẽ viết bằng tất cả cái mình mẫn của ký ức trầm tĩnh, bằng tất cả máu và tinh khí trong người chàng. Đã vội gì. Đã chậm gì?

Cả một đời Proust là một sự hoang phí đem ra đãi đằng hết cả cho người đồng thời; mãi cho đến phút cuối cùng, người ấy mới nghĩ đến sự phải sống riêng cho mình lấy ít ngày. Nằm trên giường bệnh với nỗi thê lương của tinh thần và sự quạnh quẽ đê mê của xác thịt, Proust đã để những trang giấy trắng lên ngực, rồi chống nẹ trên gối bệnh, người ấy đã viết, viết để tìm lại thời gian đã mất. Cái ngày người ấy chữa lại một lần chót cho bản thảo những nhả tập ấy, chính lại là một ngày người ấy từ giã cuộc sống. Lạnh thay, độc thay và đẹp ôi!

Hoàng rùng mình. Một luồng gió đen lạnh lùa qua mặt Hoàng. Chàng ngờ rằng viết xong tập tùy bút, chàng sẽ chết. Khi mà con tằm đã rút hết ruột rồi! Khi mà người ta đã nói được hết rồi những cảm giác, những tình cảm chỉ tới với ta có một lần! Sống thêm nữa là tham, là lạm dụng cuộc phù sinh. Chàng không hiểu tại sao có người sống lâu quá - lâu đến nỗi đã khô hết nhựa sống trong mình, - đã không biết nhục, lại còn thích được mặc một cái quần vóc điều, tự nhiên ngồi ở giữa cái nhà mình để cho người chung quanh đến chúc thọ, tế sống nữa. Sống lâu nhiều khi chỉ là mình bêu điều mình.

Hoàng tin cái phút cuối cùng của chàng sẽ là lúc chàng chữa xong mấy chục thiên tùy bút. Rồi mệt mỏi, cảm cả một thiên tùy bút, trước khi nhắm mắt, chàng cười mà bảo Lự: "Việc nhà việc dạy con là ở em. Còn đưa con tinh thần này, em đưa cho anh Nguyễn".

Chàng uống thêm một cốc nữa, cái cốc dĩ tận vi độ. "Bạn của ta sẽ in sách của ta, không phải qua tay một thằng lái buôn nào. Sung sướng thay là vong hồn ta, vào một ngày lễ tiểu tường ấy".

Nhìn thấy nơi tròn chai rượu cạn không còn một giọt máu Chúa

nào, nhô lên một cái hình cù lao đẹp đẽ và gợi cảm, Hoàng bàng hoàng đứng lên, tưởng đây cũng là một hòn đảo nào - một hòn đảo tuy đã cũ như cuộc đời, nhưng ở đây, chưa hề có ai nghe thấy tiếng một đồng xu rơi xuống một miếng đá hoang rêu.

Ấy thế rồi chàng đã được vực về nhà, đặt lên một cái giường, chết đi một giấc nặng tựa chì. Lúc tỉnh cái mộng men, Lựu bảo chàng rằng: "Mình nằm im như thế đã hai ngày". Chàng băng khuâng vui vẻ bảo vợ cho mình uống. Uống nước lã. Nước lã trôi xuống cổ họng, xuống bộ lòng, xuống dạ dày bị đốt cháy. Khoái trá thay! Những kẻ được khát.

Ấy, thỉnh thoảng chàng lại làm nũng Lựu và đem thử cái tình bằng hữu của Nguyễn bằng một buổi truy lạc có ích như vậy. Lựu cũng hiểu qua cái ý ấy nên không can ngăn. Ai lại đi can một người chồng một năm uống đầu chỉ có ba bốn lần, mỗi lần uống là đòi say cho được bằng cái đêm rượu tối tân hôn gặp mình, lòng chứa chan hy vọng và thấy đời đẹp như ở trong tranh vẽ. Thấy chồng đòi say, Lựu chỉ lo chàng nhớ gặp phải... cơn gió độc thôi. Chỉ sợ có thể thôi.

Lựu lo, thấy chồng nói nhiều khác hẳn mọi lần, nàng hóa ra nghi ngại. May mà lúc Hoàng nói to thì hiệu cao lâu đã vãn hết cả người. Thành ra Hoàng nói om, ngoài bọn phổ kê, chỉ có Nguyễn và nàng nghe lấy thôi. Nguyễn đã cho trước lữ bồi bàn mỗi đứa ít hào nên chúng vẫn hầu hạ có trật tự, thưa bẩm rất lễ phép, và không dám tỏ ra một ý phê bình rề rúng gì đến Hoàng đang ba hoa.

Lựu ngồi cùng một phía với Hoàng, cạnh chồng, lúc này cứ lúi mải đầu ra phía sau và đưa mắt cho Nguyễn lia lịa. Ý nàng muốn bảo Nguyễn nên đình cuộc rượu lại và vực Hoàng về nhà. Vả chẳng đêm cũng đã khuya lắm rồi. Nhà hàng đã cho lên cửa lùa ngoài mặt hiệu, tiếng những tấm gỗ dồn vào nhau trong đêm rạo rỏ nghe gắt và mau đến chói cả tai. Nguyễn vẫn điềm nhiên ngồi trông Hoàng say và nghe Hoàng nói, mặc kệ cho Lựu van nài mình. TỬ TỐ CHÂN TÌNH.

Hoàng ít biểu lộ tính tình. Rượu vào, nét điềm đạm của chàng không còn nữa. Đối diện với Hoàng đang bị rượu sai khiến, Nguyễn muốn lợi dụng ngay cái tình thế biến loạn tâm thần đó để dò Hoàng nói và nghĩ về mình. Chàng muốn hiểu Hoàng hơn nữa.

Một viên Tri huyện thời cũ ngồi rình một con nói mê thú tội của một tên tù giam cứu bị tình nghi giết người cướp của như thế nào thì Nguyễn cũng đang ngồi rình Hoàng bị hơi men bắt nói to những điều chàng nghĩ thầm về mình như thế. Thường ra, có một chén rượu vào người, người ta trở nên mạnh bạo hết nể nang, dám tàn ác và dám nói thực những câu ghê gớm mà lúc bình thường, lòng tự ái và tính nhân đạo hay ngăn lại không cho lọt ra ngoài miệng và cất giữ nó ở đáy lòng. Rượu đối với một cái tạng không vững, đã làm vỡ hồng mắt cái ý nghĩa tuyên thệ kín đáo của một câu "Sống để bụng, chết đem đi". Có bao nhiêu cuộc âm mưu đã bị thất bại và đàn áp oan uổng vì một chén rượu hào hùng uống trong một cái quán vô nghĩa lý. Nguyễn lẩm nhẩm: "Hà, rượu!".

Không còn gì rầu rĩ và tỏa thắm hơi lạnh bằng cảnh tượng một đêm chăm nom một người say rượu mê man, trong cái ánh rập rờn của lũ nền bị gió khuya lùa.

Giá đêm nay, vẫn có điện mà thấp, không bị nhà máy đèn cắt điện thì Lựu cũng không lấy gì làm sợ lắm. Tâm thần nàng thêm hoảng hốt, mỗi lúc thấy chồng vật vờ tựa mình hoặc thấy Nguyễn im lặng đứng lên nói thêm sấp vào cây đèn nền vật lộn.

Trên trán Hoàng có một cái khăn mặt bông trắng sưng nước. Trên bàn ngủ đầu giường, một chai nước lọc, một cái cốc, một cái bình phóng và mấy lọ thuốc con. Lựu ngồi ở chân giường, chốc lát lại ngừng mũi kim, nhìn đăm đăm cái thân hình Hoàng nằm ruỗi thẳng hai tay hai chân. Lựu không phải là một thiếu phụ lãng mạn nhưng cũng có một óc tưởng tượng thừa thãi. Lòng nàng se lại khi nàng ví cái việc Hoàng say cứng đờ nằm kia với một cái tai nạn chết

người và kẻ bất hạnh ấy đang chờ những vuông vải liệm trong cái ánh sáng tang ma của lũ nền leo lét. Giá mà có đèn điện như mọi khi thì chẳng bao giờ Lựu nghĩ nhảm như thế. Nguyễn vẫn ngồi đun nước đắp mặt cho Hoàng bên cái bếp cồn. Lửa dầu cồn, ngọn xanh lè và ma quái.

- Đắp nước nóng, thay độ hai lần khăn mặt nữa thì anh ấy tỉnh ngay đấy mà. Nhà còn trả Thiết Quan Âm không hở chị?... Nếu vậy thì tốt lắm. Chị cứ để nguyên cho anh ấy nằm im. Chị bỏ ấm chén ra đây. Lọ trà và hộp sữa nữa.

- Để tôi dính nốt hai cái cúc áo tây ngoài cho anh đã. Còn độ vài mũi kim nữa thôi.

- Lúc ấy, không vịu được tôi mà ngã thì đau lắm đấy. Lúc xuống xe, anh ấy lại còn làm bộ ra điều ta vẫn tỉnh táo lắm. Chốc nữa Hoàng nó tỉnh dậy, chị cứ ngồi yên mà ngắm cái mặt một người say tỉnh rượu đây để mà hối và tiếc; trông hay đáo để.

Ấm nước sôi, trên bếp cồn hãm nhỏ lửa, điểm những tiếng thở dài chậm chậm nhật nhật vào cái đêm đang là cà đi. Dưới mặt phố, đoàn xe vệ sinh đã lăn những vòng bánh trệu trạo trên con đường về, tiếng dội lại nghe xộc xệch lung nhùng.

Hoàng đã ngồi nhồm dậy từ bao giờ. Chàng trắng tráo nhìn. Chàng dụi mắt, chàng vuốt trán; miệng nhai không mấy cái, lưỡi nhật và đặng và ngờ hai hàm răng mình đang cắn lại những bữa đóng.

Cái ý nghĩ đầu tiên của một người choàng tỉnh rượu là một ý muốn định nghĩa về không gian và thời gian trong hiện tại. Bây giờ là đâu? Bây giờ là bao giờ? Mình hay là ai đây?

Hoàng băng khuâng, nhớ lại. Rồi xoay cái cổ, chàng nhìn chung quanh.

Bên đóng chặn, dưới chân mình, Lựu gục xuống, vẫn mặc áo

dài. Bên cây nền mấp máy ngọn, "thằng" Nguyễn đang chăm chú cúi mặt xuống cái bàn kê gần tường, tay nghỉ ngoáy.

Hoàng bước bạo xuống sàn gác, chân xéo lấm, tiến lại phía Nguyễn. Thấy có một hơi lạ thổi nhẹ vào gáy mình, Nguyễn ngắc đầu lên. Thấy Hoàng, Nguyễn không chút ngạc nhiên. Chàng đã chờ mãi cái phút Hoàng tỉnh rượu và mò lại cạnh chàng đây. Hai người tùm tùm ngắm nghía lẫn nhau.

- Ông đã dậy?

- Ông đang làm gì đây?

- Tao đang viết nốt mấy lá thư chậm trả lời cho mấy người quen. Mày khát lắm hả? Tao viết xong rồi đây. Ấy, để im tao thấp thêm cây nền nữa cho sáng, kéo mày loạng quạng đánh đổ nước rỏ xuống đỉnh màn nhà dưới, nó lại chửi ầm lên bây giờ đây.

- Tôi say quá. Đã hơn bốn giờ sáng rồi kia à?

Những bốn cây nền đỏ ngọn, lại thêm cái bếp lửa còn khêu cao bốc. Nước sôi reo to và vui hơn trước. Ánh sáng và những tiếng động của sinh khí. Thêm một người nữa mở mắt: Lựu - đang quần lại mở tóc trần.

Ba bóng người ấy lại khúc khích cạnh một bộ đồ trà sứ trắng bốc khói. Tỉnh cẩn thận, Nguyễn chưa uống vội. Chàng đứng lên, cất tập giấy viết thư màu vàng mình da đồng, nói một câu chữ Hán gần hợp cảnh. "Thủy hỏa bất cận thư".

Ấm trà nóng pha khéo. Người uống thấy thú vị nhất, người thưởng thức nhiều nhất vẫn là cái người vừa tỉnh rượu kia. Ngon miệng, Hoàng uống mãi, càng uống càng thấy muốn uống thêm. Phải gọi là uống chứ không gọi là nhấp được. Hoàng khát lắm. Khát hơn một thừa ruộng nắng hạn gặp ngày mưa bão vũ. Ấm trà được người ta vời đến nhiều quá, đã trở hương, và nguội rồi lạnh. Câu chuyện bên ấm trà cũng đã rã rời. Cái phút vui của Hoàng tỉnh rượu

và được uống trà nóng đặc ngay cũng tàn theo với hơi khói hương vắng quạnh. Cái việc say rượu lúc đêm, Lựu và Nguyễn tịnh không dả động đến. Nhưng lúc giờ đã về sáng này, dờ tay vào thân một cái âm lạnh, Hoàng đã ngồi im như một nhà sư già nhập định để tự mình ôn lại việc mình. Chàng đang rầu rĩ một cách rất văn chương. Như là không có được biết đến một việc gì đã xảy đến trong tâm tư Hoàng, Lựu đòi đi ngủ trước, y như mọi ngày, những lúc quá mệt mỏi về công việc nội trợ. Hoàng gật; Lựu đứng dậy.

- Phải đấy, chị cũng nên đi nghỉ đi, Nguyễn vừa buộc dây giày vừa nói với theo vợ Hoàng đi vào buồng.

- Anh Nguyễn không ngủ hay sao mà giờ lại đi giày tây?

- Cũng đi giày tây vào là vừa đấy thôi. Đêm, thế mà cũng chẳng dài. Sáu giờ tàu chạy. Năm giờ rồi. Chút nữa tôi đi Lạng Sơn và gửi lời chào chị trước.

Lựu cài lại cúc áo dài, quay lại:

- Vậy chờ lấy cái gì mà đi Lạng Sơn?

- Lúc đêm làm gì đã mà tiêu hết? Vẫn còn hơn một đồng bạc kia mà?

- Bấy nhiêu thì làm gì cho đủ tiền ăn đường? Thôi, anh đi nghỉ với nhà tôi đi. Mai mốt hãy đi. Ngày mai thế nào cũng đòi được tiền nợ hoặc thu được tiền họ. Tội gì mà đi hôm nay cho nó kham khổ cái thân. Thà có phải buôn đầu sông ngọn nguồn, hoặc lo chạy công danh thì cũng nên lật đật như thế.

- Chị đừng gàn tôi nữa. Phút này tôi đang cao hứng muốn đổi gió cho nó xa xa một chút. Ở lại Hà Nội đến ngày kia, cũng chẳng làm thêm được trò trống gì. Thường tôi đi, có mấy khi lấy vé cả lượt đi lẫn về đâu. Một lượt là đủ rồi.

Hoàng không tỏ ý ngăn bạn. Chàng nhìn kim đồng hồ. Đồng hồ nổi một hồi chuông báo thức nghe rất rền. Thế có vô duyên không?

Cả nhà vền vẹn chỉ có ba người đang không ngủ, đang nói chuyện mà khua vang lên để đánh thức ai? Hoàng dần tịt cái nút chuông xuống cho nó câm đi.

- Mới có năm giờ. Thế mày có thể biết trước được là hôm nào về không? Độ tuần lễ nữa, tôi có tí việc phải cần đến anh. Nếu trong một tuần mà chưa về được, phải báo ngay cho biết... Việc làm ăn chứ còn việc gì nữa. Chưa tiện nói rõ. Vậy hôm nào về?

- Bực mình nhỉ? Nó chết cái đã đi ra thì tính thế nào được ngày về cho đúng.

- Thôi cũng không sao. Cứ việc đi đi. Hôm ấy *toa* về được thì càng hay. Bằng không *moa* sẽ tính cách khác.

Nguyễn thu xếp một ít vật dụng tùy thân bỏ vào chiếc cặp da. Chàng gấp lại mấy chiếc mùi soa, bít tất và những quần áo lót mình. Hoàng ngồi nhìn bạn lom khom soạn hành lý, cảm thấy lòng mình sàu muộn vẩn vơ. Giữ bạn lại chẳng? Cũng chẳng có một cơ chính đáng gì để chàng buộc giữ Nguyễn ở lại Hà Nội. (Có khi, buổi sớm nồng nàn giữ nhau lại tưởng đâu buổi tối ngày ấy sẽ cùng chia sẻ những cái ngon ngọt gì, những cái bóng lênh bất thành linh của cuộc đời vô thường đem đến cho. Một ngày gần gũi thêm thất cò kè ấy chưa đi đến cái buổi tối của nó mà ngay buổi chiều ấy người ta đã cùng cảm thấy nổi bẽ bàng, rồi thành ra bần tỉnh, dâm ra cái kính. Chỉ vì gần kề nhau quá, một cái tình thân trọng đã thành ra sơ thường và kém thế nữa). Mà để bạn đi vắng mất thì Hoàng thấy mình sẽ thiếu thốn ở bên cạnh, hao hụt mất một cái gì khó định được giá, khó định được nghĩa.

Để tránh một cái buồn không có manh mối sắp xâm chiếm tất cả lòng chàng, Hoàng bèn làm việc - làm một công việc mà những con buôn quen sống với đời chác hàng họ và buôn Tần bán Sở đều gọi là vô ích.

Hoàng mở cái ngăn tủ cuối cùng, rút ra một quyển vở bìa đỏ

dầy đến hai trăm trang. Vở đã bị dùng đến quá nửa, trang nào cũng chỉ chút nhùng dòng chữ li ti vội vã trông có thể nhầm với một cuốn vở của một sinh viên ban đại học ghi chép lời các đấng thầy học cắt nghĩa bài tại giảng đường. Những trang chữ đen đặc ấy chỗ thì viết đăng tả, chỗ thì viết đá thảo, chỗ thì viết theo lối tốc ký, rồi mực xanh, mực tím, mực đen, mực đỏ và lại cả bút chì nữa - bấy nhiêu thứ mực bấy nhiêu màu chì, đã tổ cáo một lối làm việc không có bản viết nhất định, tiện đâu thì viết đấy, cần đến lúc nào thì viết ngay lúc ấy cho khỏi thất lạc mất ý tưởng. Có nhiều đoạn lại sửa chữa, thêm bớt, màu mực này đè lên mực khác, rồi chen vào những dấu thập ác, cái hình kỷ hà học, đóng khung lấy con chữ trông như thể một cái lá bùa trừ tà.

Trên một tấm bìa đỏ bóng như sừng bò tót và dày bằng một lá tôn, có đề một dòng chữ rỗng: "Tập VII" viết rất nắn nót, đội lấy một chữ "Hoàng" ký rất chân phương. Quyển vở ấy Hoàng không cho ai xem. Hình như Hoàng đã nhiễm phải cái tính giấu giếm rất chính đáng của thi nhân hay hủy những trang bản thảo sơ đầu dềnh dang và mệt nhọc của những bài thơ càng luyện càng rút ngắn lời. Những trang vở lèm nhèm ấy, chỉ là những nét chì chớp nhoáng phác họa giữ lại vài cái bóng dáng mau như cắt, đó chỉ là cái công trình vội và sơ đầu của một cái hoa tay ghi nhanh để lại mong sau này dựng lên được một pho tượng gì bằng những cái tang chứng linh tinh ấy cốp nhặt trong âm thầm.

Đến ngay Nguyễn và Lựu chàng cũng không cho xem.

Hoàng ngồi viết dưới ánh sáng cây bạch lạp gắn vào một cái vỏ chai xanh. Trông trang nghiêm đẹp đẽ quá chừng. Thành phố Hà Nội đang ngủ. Cả Hà Nội cứ ngủ nữa đi, không việc gì mà sợ. Nhân loại vẫn còn đáng kể lắm, khi có một người đang ngồi làm việc bằng tim và óc như Hoàng kia, Hoàng ngồi chép lại những cảm giác hỗn loạn về một đêm say và tỉnh say - mình được làm chứng cho những biến

chứng của tâm hồn mình dồn dập đến như thế nào. Mặt Hoàng già hẳn lại. Mặt Hoàng nhăn như một nhạc sĩ đang tìm tòi trên phím, càng tìm càng thất bại càng dún xuống phím, thanh âm lại càng trốn lánh xa vắng. Hoàng đang tự giải phẫu những u hoài lúc hiện lúc trốn trong lòng chàng. Một trang giấy phân tích về ngay cái tâm lý phản trắc của lòng mình, một không kém gì một cái định thức hóa học trong một phòng thí nghiệm của bác sĩ. Tồn thọ lắm nhưng mặc dầu, Hoàng vẫn cười với bằng lòng trên những dòng tư tưởng sâu rộng, thành thực. Rồi, để chấm hết cho trang nhật ký một ngày ấy, Hoàng viết nốt đoạn này:

"Nàng lấy những móng tay nhọn hoắt - đỏ như lá móng một ngày tết Đoan Ngọ - cắt những tảng nền đổ xuống mặt bàn, hình thù cổ quái như những cây thạch nhũ rủ xuống dưới vòm đá động. Những cục sập phi hoang quăn quại đau khổ dưới bàn tay đẹp của một người đàn bà căn cơ. Sao cái bàn tay ngón tháp bút ấy lại là một cái bàn tay của tiết kiệm?"

"Người ta có kể lại rằng ngày xưa, triều vua Lê Y XVI, trong cung nội sập thấp xa xỉ như cháy rừng, chưa hết cây này đã nổi thêm cây khác. Trông thấy mà tiếc của giới, có những người cung nữ hèn mọn đã hót những mẩu bạch lạp ấy đem bán trộm ra ngoài trăm họ. Những cái của một rơi vãi ấy, một đêm dự yến, đã đem lại hàng ngàn hàng triệu phật-lăng cho bọn cung nhân, đủ thành một cái gia tài để dưỡng cái tuổi già khi Thánh Thượng thái hỗi, cho họ trở về với cuộc đời bách tính. Cuộc Cách Mệnh nổi lên; những người đẹp tàn xuân và căn cơ ấy, bị cuốn theo luồng gió loạn ly, không kịp hưởng chỗ công của chất chiu nọ. Hỡi ôi!"

"Người ta còn kể chuyện thêm về những người hủi, bị xã hội lành mạnh bắt biệt trí ra một khu hoang tịch mà sống nốt cái sống thừa mỗi ngày từ chi mỗi thêm tê liệt, thịt co dần lại, xương mòn dần đi. Rồi có những người đàn bà quá lứa và nhớ nhàng trong

duyên phận, bỗng động lòng trắc ẩn, tình nguyện đem một cái xuân già vào hẳn giữa cái nhân loại tật bệnh căn khổ ấy, nâng khăn sửa túi đồng lần cho những tổ trùng Hansen và lúc được tự hoại hoàn toàn, còn lấy làm tự kiêu rằng sự hy sinh ấy mới đáng gọi là một cử chỉ từ thiện không cần mong đến sự đền đáp.

"EM ơi, sao EM chẳng được là những bậc thiêu phụ nguyên làm một nội tướng chung và khuất nhục của cả đám hủi ấy mà EM lại chỉ là một người cung nhân ngồi hót những giọt nước mắt bạch lap khô cứng của một đêm truy hoan bằng hồi tiếc và vị kỷ?"

"Chúng ta chẳng là gì cả. EM và tôi là không đáng kể, sống trên những ước lệ không đáng kể của một thứ luân lý đầy những thành kiến của di truyền. Bao giờ (...) EM ơi! Cái Buổi Chiều Lớn của Tỉnh Tỉnh?"

Gió buổi sớm, thay một bàn thấm, làm khô lần những dòng cuối của một trang tùy bút. Hoàng gấp vở lại, bảo Nguyễn đã soạn xong hành trang:

- Tôi cũng ra ga, anh chờ tôi với.

Quay lại phía Lữ:

- Em đóng cửa đi ngủ. Sớm nay không cần đi chợ. Buổi trưa anh về sẽ đem đồ ăn nguội về cho.

Sương đêm lạnh làm ướt bóng thân hình đoàn tàu Lạng Sơn. Không chịu lên vội để xí chỗ ngồi trước như trăm nghìn lữ khách kia, cứ mỗi lần đi thêm một đoạn đường là lòng lại mệt mỏi và héo chết thêm mất vài phần nữa, Nguyễn vẫn đi cạnh Hoàng dưới sân ga. Người bạn chàng theo chàng ra ga, đã làm chàng bận lòng. Nguyễn thấy buổi khởi hành của mình có giảm bớt đẹp vì những cái bận rộn đem lại bởi một người đang làm chứng cho buổi lên đường của mình. Thời thường mỗi lúc ra tàu đi đâu, Nguyễn không muốn có ai tiễn chân mình. Trông sốt ruột lắm. Đẹp nhất về buổi lữ hành, Nguyễn cho không ai hơn được cái người chỉ ra đi có một mình với

không một tí hành lý nào cả. Nếu cần phải có một chiếc va ly thì chiếc va ly đó chỉ nên là một chiếc va ly của tình cảm, đặt ngay trong cái buồng con tim của mình. Hùng dũng thay là một lữ khách không lưu lại tên mình, lủi thủi trên đường, ngoài cái sống bên trong của mình không còn biết cái gì khác nữa của ngoại cảnh!

Wong có Hoàng, Nguyễn đã không hoàn toàn chuyên chú được vào cái buổi lên đường của mình. Chẳng nhẽ lại cảm một người bạn thân đưa chân mình ra ga? Nguyễn cũng thừa hiểu Hoàng có mặt ở ga lúc này, vì mình thì chỉ có một phần, còn chín phần suy nghĩ khác ở bên cạnh một đoàn tàu là Hoàng dành riêng để săn sóc đến tâm thuật Hoàng.

Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về. Ngày về lại càng được là ngày vui và ngày vui nào mà lại không phải tốn đến tiền, ngoài sự tốn phí về tình cảm. Người ta tiêu tiền như là bắt được, như là tự mình in ra được, người ta thương yêu nhau như là cái tấm lòng mình chẳng bao giờ có thể cần cỗi đi và có một lúc phải khép kín lại...

Mỗi lần Nguyễn đi rồi lại được về, Nguyễn ngồi kể cho vợ chồng Hoàng nghe những chuyện phương xa, rồi hỏi thăm vợ chồng Hoàng về những phố phường Hà Nội từ bấy đến nay, thay đổi những như thế nào. Để chiều lòng một người phương xa vừa về, Lựu và Hoàng, ngay cái buổi ấy lại rủ Nguyễn ra đường. Người ta lại cùng ngắm đêm của phố, mỗi chân thì lại vào nghỉ ở quán rượu. Ngày vui ngắn quá. Năm vui cũng chẳng dài quá gang. Thấm thoát cái tình thân của vợ chồng Hoàng và Nguyễn đã đầy tuổi tôi, đã được bốn tuổi, rồi năm tuổi. Chóng vạy thay.

Mỗi năm của tình bạn được già thêm một tuổi đầu, Lựu Hoàng Nguyễn lại càng có nhiều ước vọng chung và mưu tính chung với nhau để phác lấy cái đại thể một chương trình sống khác. Sống như thế này cũng chẳng đáng buồn nào, nhưng mà nguy hiểm. Lựu, con sơn ca không biết buồn ấy, vốn lại là người dốt, thấy sống như thế là

cũng đáng sợ lắm và thật là phí quá, phải sống lại, lại sống lại. Rút cục, Nguyễn và Hoàng đã sống đi sống lại mấy lần rồi.

V

- **N**ày Lụa này tôi vừa gặp Nguyễn!
- Sao mình không lôi anh ấy về luôn đây? Lâu nay anh Nguyễn hình như không ở Hà Nội? Chắc đi xa về, tha được nhiều cái lạ về lắm? Vậy hiện nay anh ấy ở đâu? Thế nào tối hôm nay, chúng ta và anh Nguyễn cũng đi chơi nữa chứ? Đạo này em đi chân khá lắm rồi nhá. Những buổi đi chợ hoặc đi phố một mình em không có đi xe nữa. Đây, rồi tối nay anh xem.

Hoàng thương vợ, cười. Cười nửa miệng chưa xong, Hoàng đã lộ ra bao nhiêu là chua xót.

- Chẳng bao giờ chúng ta đi chơi như trước nữa, em ạ. Anh Nguyễn bây giờ bận lắm.

- Anh bảo thế nào?

- Buồn bã, mắt Hoàng nhìn đi chỗ khác.

- Lâu nay Nguyễn vẫn ở ngay Hà Nội này nhưng cô tình tránh vợ chồng mình. Nguyễn bây giờ khác trước rồi. Em nên nhớ lấy.

- Hay là chúng ta làm mất lòng anh ấy về một chuyện gì mà chúng ta không tự biết chăng? Tính Nguyễn hay hờn mất lắm. Nếu như có điều gì thì chúng ta phải bắt anh ấy nói rõ ra. Đã gọi là thân với nhau, có sao lại còn có những cái chấp nhất tâm thường như vậy? Mình phải hỏi anh ấy, bắt anh ấy cắt nghĩa cho nó vỡ lẽ ra thì phải hơn.

- Em bao giờ cũng là người bình dị. Ngoài cái hạnh phúc của gia đình, có lẽ em là người có được nhiều cơ hội hơn anh để tìm những cái hạnh phúc khác. Sao em lại cứ bắt người khác phải phân

trần, phải trần tình mỗi khi em bị đứng trước một đôi cái hành vi của người khác, mà em cho là khó hiểu? Có nhiều việc không thể nói lên nhờ được. Chẳng nói gì xa, anh lấy thí dụ ngay trong những chung đụng hằng ngày của vợ chồng mình. Lắm khi em tò mò một cách rất vô lý, hỏi anh lắm câu mà anh phải bỏ lửng. Không phải là khinh em đâu. Nhưng con người ta, đời đã cho mình cái điểm phúc là được sống gần nhau, đã cận và thân hơn những người khác, anh tưởng không còn gì khổ hơn bằng cái việc cứ mỗi lúc xảy ra một sự khó nhọc gì về tình cảm là lại có người bên cạnh đòi cắt nghĩa rõ. Đã gọi là sống cạnh nhau mà mỗi lúc còn phải giảng dẫn thì khổ lắm. Khổ sở một cách nhạt thường quá. Để cái thời giờ hoang phí ấy mà tổ chức lấy cuộc đời bên trong của mình. Hãy cố mà hiểu lấy mình đã.

Lưu trố mắt ra mà nhìn chồng. Nàng định đùa một câu nhưng thấy chồng có một phong thái nghiêm nghị, nàng dậm ra sợ, ngồi im. Chợt nhớ đến câu chuyện định nói với vợ, Hoàng đổi giọng:

- Anh Nguyễn đang bận làm nhà em ạ. Ừ, anh ấy làm nhà cho anh ấy, chứ còn làm cho ai nữa. Ở trong Cầu Mới.

- Làm nhà thì đã có thợ mộc, thợ nề và cai, tưởng anh ấy vẫn còn thừa thời giờ lại chơi với vợ chồng mình như trước chứ?

- Trước khác, nay khác. Nếu Nguyễn không lại được, chắc là vì anh ấy có một cái cơ riêng. Anh vừa gặp anh Nguyễn. Trông tất tươi lắm.

- Anh Nguyễn mà cũng thành ra người bí mật thì cũng lạ thực nhỉ. Làm nhà cửa thì cũng phải dự định năm sáu tháng trước sẵn, có khi một đôi năm cũng nên. Không thấy anh ấy ngỏ chuyện bao giờ cả.

- Về cái chuyện anh Nguyễn làm nhà thì bây giờ thế này nhá; tôi và mình không được đã động đến, nếu một hôm nào đấy anh ấy lại chơi với mình. Ví anh ấy đem ra bàn với mình thì mình lại cứ thành thực mà bàn điều hơn lẽ thiệt cùng anh ấy. Cuộc đời anh

Nguyễn đang đi sang một nếp khác; nó có thể là hay hơn trước hoặc tồi kém không bằng trước. Mặc dầu chúng ta là thân cận nhau, cuộc đời của chúng ta không có thể là cuộc đời của Nguyễn được. Phải để cho người ta thực hiện cái đời người ta. Mình không nên căn cứ vào một kỷ niệm hoặc những điều thêm muốn chung xưa cũ - nói lên trong một lúc thân yêu sốt sắng - để mà buộc người ta cứ phải nghĩ đến mình. Mình phải sống cho nó có độ lượng mới được.

Nghĩ một lúc lâu, Lựu đổi ra giọng cảm động:

- Hay là anh và em cũng kiếm một miếng đất con con nào ở vùng quê mà dựng lên một mái nhà. Có một cái nhà để mà có chỗ về chứ! Chúng mình đi mãi quá rồi. Nhiều tiền, ta làm nhà ngói; ít tiền, ta lợp tranh. Ờ, sao từ trước đến giờ, vợ chồng mình không nghĩ tới điều quan trọng này nhỉ?

Đêm ấy Hoàng vỗ về Lựu như chưa có thể bao giờ. Mắt người bạn, nhưng mà vợ vẫn còn.

VI

Tả ngạn sông Tô Lịch gần chỗ rẽ về làng Lũ, có một thửa đất rộng không đầy một sào, hình méo mó, không giống được một cái hình nào có sẵn trong kỷ hà học bình diện. Từ ngày thôi không giữ cái chân ký lục của nhà nước Bảo Hộ xứ này nữa, ông cụ Tú Quân đã mua miếng đất ấy, định cất lên một nóc nhà. Có người bảo rằng ý ông cụ bây giờ muốn được gần làng gần họ. Bao nhiêu năm đi làm ăn xa, đổi hết vào Quảng Nam, vào Khánh Hòa, lại đổi ra Nghệ Tĩnh ra Thanh và bây giờ về hưu. Còn đợi gì mà chẳng về làng, giữ lấy một chân trong hội tư văn! Cái ông Lý Bá ấy mấy phen cũng đã tốt lời mời. Thấy xoay về làng mà ở cũng là một chuyện hay hay, ông Tú Quân bèn mua ngay cái miếng đất méo mó. Nơi thôn ố, những

người trong họ gần họ xa, những viên kỳ cựu đều khen cái ông già ấy "Thế mà cũng khá, chưa đến nỗi là một người bỏ làng. Bây giờ đã có ý trở về để nhận phần đóng góp với chúng ta ở chỗ đình trung". Cái làng Mọc quê hương bản quán ông cụ Tú vốn lại thuộc về một cái kiểu đất ly tổ. Mỗi lần thấy có một người nào từ phương xa trở về ăn ở lại với làng mạc, các bậc cổ lão đều lấy làm mừng. Người ta càng khen ông Tú Quân là người trung hậu đối với một cái lũy tre xanh bây giờ được thêm có ông, thì còn ngại gì không có sự ấm bụi.

Nhưng có ai biết rõ được cái tâm sự ông Tú Quân, khi ông đòi mua cho được thửa ruộng đất làng ấy.

Ông Tú Quân lúc mưu tính việc làm ngôi nhà đã nghĩ đến đứa con trai lớn của ông nhiều hơn là nghĩ đến phận mình. Đứa con lớn nhất của ông là thằng Nguyễn. Tính Nguyễn đã lông bông, cuộc đời của Nguyễn lại càng khó định quá.

Ông cụ cũng biết mình bất lực nên cũng không tỏ ý gì giữ đứa con hoang tàng ấy ở luôn luôn bên cạnh. Nhưng nhiều buổi cái lòng một người cha già mỗi ấy cảm thấy nỗi trống trải hiu quạnh trong gia đình và nửa thương nửa giận, ông già ấy muốn thằng Nguyễn đừng lảng bãng sống một cách vô thường ngoài gia đình nữa. Ông Tú Quân vốn là người đạt, thức thời, biết rằng mình vốn sinh ra "nó" nhưng thời đại mới chính là "người" định cho nó tất cả những tính nết kia. Nguyễn thường vẫn cảm ơn thâm cha mình về chỗ rộng lượng đó. Và lẳng lẽ sống cuộc đời mình đúng theo với cái ý mình. Một năm vài kỳ về qua nhà, ngồi dưới gối cha, Nguyễn lại ngoan ngoãn hầu trà, hầu cơm, hầu đóm, hầu thơ, bố con lại yên vui và tưởng đâu bây giờ vẫn còn là cái thời xưa cũ hiền lành.

Tuế - vợ Nguyễn - thấy chồng về nhà, chỉ biết có vui, chứ không dám giở dối trách móc đến những ngày (ngày đây chỉ là những đêm) của chiếc gối lẻ và Tuế cũng không dám hỏi han gì

đến những hành tung của một người chồng khó hiểu và không bao giờ nàng nghĩ đến sự cần phải hiểu thêm, hiểu rõ. Quý và tin nhau. Thế là đủ lắm rồi. Tuế cũng không biết chồng mình có những ai là bạn. Giữa mấy tộp rượu, vui miệng, Nguyễn có nhắc đến tên những người bạn nào, thì Tuế cũng biết vậy và tự nhủ mình rằng nếu có dịp được gặp bạn chồng ở một chỗ nào, nàng sẽ rất xởi lởi cung kính và vồ vập. Trước mặt vợ, Nguyễn hay nhắc nhỡm đến tên vợ chồng Hoàng. Anh Hoàng thế nọ, chị Hoàng thế kia. Ngồi nghe chuyện một cách chăm chú, Tuế cũng không dám biết đến sự dò hỏi chồng cho mình được gặp những người bạn thân mến ấy. Nàng chỉ biết lấy cái trí tưởng tượng đơn giản trong đầu mình mà vẽ phác qua cái hình ảnh một đôi vợ chồng Hoàng nọ. Lúc nào được dịp chồng giới thiệu cho gặp, Tuế sẽ hay. Bao giờ chưa gặp thì nàng không tọc mạch. Nàng chỉ biết rằng được gần một người chồng "hậu ư thiên hạ, bạc ư gia" là một việc rất quý rất vui. Nhưng chỉ được độ vài ngày thôi, Tuế và ông Tú Quân lại đánh sống mất Nguyễn. Nguyễn lại đi rồi. Bố chồng và con dâu trao đổi cho nhau một vài ý nghĩ giận dỗi về Nguyễn và rút cục, người ta đều thấy thêm tiếc những cái ngày vui ngắn ngủi vừa qua ấy. Có Nguyễn ở nhà, ông cụ Tú và Tuế mừng một cách sợ sệt kín đáo như là bắt được một tí của trời vừa rớt xuống. Nói lên sợ lại động và hỏng. Hễ động thì Nguyễn lại vụt đi ngay. Nếu tỏ ý giữ ở nhà thì ngay lúc ấy, dầu cơm canh có gần bùng ra rồi, Nguyễn cũng cứ dùng dưng xách va ly ra tàu. Hỡi chồng! Con hỡi con!

Nhưng mà bây giờ, ông Tú Quân thấy mệt mỏi lắm. Ông muốn có ngay bên mình một cái gậy để chống, thuận tay và cần đến bất cứ lúc nào là cứ vớ lấy. Nguyễn phải ở cạnh giường ông và làm cái gậy đó. Riêng về Tuế, nàng đã đến lúc nhận thấy những ngày vui được gần chồng ngắn ngủi đó không còn là đủ nữa. Ngày vui đó phải triển miên kia. Con thì con đàn mà nàng sinh nở mãi, giờ thấy mỏi lắm. Chúng nó lại nhón như thối. Phải có thêm một người nữa ở cạnh

nàng để chăn nuôi lũ trẻ thơ gọi là đỡ hộ một tay cùng. Việc cho trẻ vào trường học chẳng nhẽ lại cũng vẫn đến nàng!

Ông cụ Tú bèn quyết định phải làm cho Nguyễn một cái nhà riêng định đánh bầy đứa con hoang toàng đó vào cái tròng thê nhi. Ông sẽ cho con dâu và tất cả lũ cháu kéo nhau ra Cầu Mới mà ở cho kín cái nhà mới. "Từ trước tới nay nó cứ phóng sinh phóng địa ra đây cho mình! Đại gia đình!" Rồi xem Nguyễn có phải ở nhà mà giữ lấy cái tổ riêng ấy cho ấm kín không? Có khi rồi ông cũng ra đóng luôn ở đây cho vui. Nếu đến như thế mà cũng không đánh lừa giữ được đứa con hoang toàng nữa, nếu như thế mà cũng không xong nữa thì ông chỉ còn đành ở với Giời cao trên đầu thôi.

Thửa ruộng méo ấy, chủ đất nhường cho ông Tú Quân đã năm sáu năm nay. Người làng đi qua đường cái quan, chỉ trỏ và kháo nhau rằng mai kia ở đây sẽ có một cái nhà đẹp. Làng cũng đẹp lây. Khi mà làng đã xoay ra thành một cái mặt phố, nhà chen nhau liền khít! Người làng chờ mãi chưa thấy khởi công, cũng đâm ra sốt ruột hộ thay. Ngày giờ cứ trôi qua trên một sào ruộng bỏ trống. Có người hàng xóm tiếc cái sức phì nhiêu của miếng đất béo màu và cao ráo, đã lên tiếng mượn thuê để trồng trọt. Ngô. Khoai. Đậu. Vừng. Lạc. Hết ngô, đến khoai, hết đậu đến vừng đến lạc. Một năm, hai ba năm. Chẳng một ai thấy chủ đất mới tỏ ý khởi công làm nhà.

Bỗng một buổi sớm mùa đông một năm Hồ nọ, người ta thấy bọn tuần phiên làng đào bới trên thửa ruộng cỏ hoang. À, bóc những cái mả vô thừa nhận. Có chín năm mồ vô chủ tất cả. Cốt nhiều quá. Đào sâu xuống quá hai thước ta, vẫn còn lượm được. Mấy người tuần phiên cẩn thận và tham việc lại còn cho lấy bừa bừa cái khoảng ruộng đầy cốt khí ấy lên nữa. Bỏ chung lẫn lộn vào những cái tiểu sành, mấy cái nắm xương tội nghiệp đó đã được táng ở mé gò bên. Và ông Tú Quân đã biện một cái lễ nhỏ để khấn những cô hồn linh thiêng này phù hộ cho nhà mình, nếu trong năm nay, mình khởi công

làm nhà được.

Cuộc khởi công dọn đất để làm nhà không được tiếp tục thêm. Ông Tú vẫn chưa có tiền. Nhưng năm ấy được hợp tuổi Nguyễn, ông cũng cứ cho dựng tạm lên đây một cái thượng lương nhà, gọi là lấy ngày tốt.

Ấy là một ngày cuối tháng chạp, hình như trước cái tết tiền ông tảo về giới một ngày chi đó. Công việc lại nhờ đến bọn tuần phiên người làng. Có ông Lý Bá là người quen biết, điều khiển hộ.

Người ta đã trồng xuống mấy lô đất thịt, bốn cây luồng, mỗi đầu hai cây bắt chéo lại, ngọn nhọn hoắt gai ngạnh như là ngọn một cái rào cánh sê. Cái thượng lương gỗ lim, gác lên bốn cây luồng, chênh vênh giữa trời, khoảng giữa đoạn gỗ dài là một cảnh thiên tuế bó lấy mấy vuông vải tây điều có viết năm chữ "Khuong Thái Công tại thử", kèm một dòng niên hiệu. Ông Tú Quân đứng đốc thúc công việc ngay trên đồng đất sét ướt và nói cùng ông Lý Bá:

- Kể cũng nặng đấy chứ, ông Bá nhỉ? Không có ông bảo anh em tuần phiên làm hộ thì cũng còn dènh dàng ra đến hết ngày nay. Việc gì nó phải có quen mới được ông Bá ạ. Ông bảo anh em lèn mấy lỗ chân luồng cho chắc thêm lại, rồi chiều nay tôi đãi anh em một bữa rượu ngoài chỗ đưa tiền công.

- Dạ, cụ cứ về với ra thế, rồi họ những nó quen đi. Giá cụ không thuê họ phân họ cũng cứ phải làm. Gia chi dĩ lại có tôi đứng lên, thì họ càng phải cẩn thận. Cụ về ở với làng cho, là một điều mà tất cả các cụ trong làng ta lấy làm quý rồi. Vậy lại đến sang năm mới khởi công được? Được rồi, cụ cứ cho làm cho sớm đi. Gạch ngói đã có tôi khảo giá cho cụ. Đầu xuân qua năm, cụ cứ cho làm đi. Sớm được ngày nào, làng ta vui ngày ấy.

Xuân sang năm, nơi thửa ruộng méo ấy cũng chẳng thêm được một nhát cuốc nhát thuổng nào. Cả một mùa xuân Kỷ Mão, mấy vuông vải tây điều nơi thượng lương những càng ê chề vì lớp mưa

phùn đầu năm. Mỗi lúc có gió khô, miếng vải đỏ ấy xe lại, lại phấp phới phơ màu còn thắm trên khoảng cỏ lúa xanh um. Vậy rồi mùa hạ. Nắng làm khô vàng thêm Tàu thiên tuế, đầu lá mỗi ngày một thêm nhọn sắc. Tiếp đến mưa Ngâu. Mấy chữ đề vào vải thượng lương nét mực tàu đã nhòe dần. Rồi năm gần hết. Ngày này năm ngoái, ông Tú Quân khăn áo tề chỉnh, đứng ngay ở mép ruộng đây làm lễ dựng thượng lương! Chónh quá thực.

Lũ tuần phiên có cái phận sự phải canh gác đến cái đoạn gỗ lim thượng lương gác ngang ở giữa giới kia - theo lệnh ông Lý - những đêm có trăng sông, bắt tay thước ra sau lưng bàn soạn cùng nhau về một cái kiểu nhà sau này sẽ sừng sững trên mẫu ruộng: "- Sao lâu thế nhỉ? - Kiểu Tây? Kiểu Ta?".

Còn có những người đi tàu điện vào ngày chợ tư Hà Đông qua quãng ấy đều chỉ trở miếng vải đỏ sắp đi màu dính vào một khúc gỗ nghênh ngang giữa đồng, phải trao đổi nụ cười với nhau về cái lối dựng nhà chọn lấy ngày tốt của người mình.

Bỗng đến đầu năm Canh Thìn, cạnh thửa ruộng của ông Tú, có mấy người vạm vỡ đang hì hục đào đất. Đầu tiên người ta ngỡ rằng có ai vừa chết và chủ ruộng kia được cho thuê đất để đào huyệt. Cái huyệt to sâu quá. Tưởng chôn bốn năm người nằm một lúc xuống đây cũng vừa. Không phải là cái huyệt. Chỉ là một cái thùng tôi vôi thôi.

Bà Tú đứng cạnh cái thùng tôi vôi, xem người ta cân vôi. Bà dòm ngó luôn luôn đến cán cân, chốc chốc lại phải to tiếng nặng nhời vì cái thói cân điều của bọn bán vôi. Lắm buổi cân vôi, bọn cân vôi ăn cắp ấy làm cứ tối cả mắt lại, hễ sếnh ra một cái là chúng cân non đi rồi đổ ụp cả mấy mươi tạ vôi thiếu cân xuống thùng tôi đầy nước; vôi đã nở sinh sịch trong thùng nước rồi thì có giới vào đây mà khám được. Biết trước thế, bà Tú đem kèm theo xuống đây một người nàg đầu thứ hai để khảo cân và trông nom đỡ mình.

Chẳng phải tò mò thêm nữa, lân bang cũng hiểu rằng năm nay bà Tú làm nhà. Bà đã thuê sẵn hai gian nhà gần ngay đấy để tiện công việc đi về trong nom chỉ bảo thợ thuyền nay mai.

Trông bà Tú quá tha thiết với công việc làm nhà cho đứa con trưởng, nhiều người đã phải ái ngại hộ. Tính bà căn cơ - cả một đời bà cụ này là tất cả những công chất chịu hàn gấm, buộc mồm buộc miệng, nhin ăn nhin mặc, suốt đời đụng đến lửa là chỉ dám châm đóm và khi nào quá lắm có phải dùng đến bao diêm thì bà cụ hay chẻ que diêm ra làm hai mảnh đã rồi mới đánh -, sau hôm rằm tháng giêng, bà đi từ Thanh ra Hà Nội, bà đã đem theo lên chuyến tàu ấy cả một vại dưa cải muối trường. Vại dưa to và kênh càng, chiếm mất nhiều chỗ trên toa xe đông, đã là cả một cái đầu đề cho sự mè nheo cãi cọ của đám hành khách ngồi gần bà. Nào có, thể thôi đâu. Lại còn nước mắm, tương, cà, rổ rá, chổi sể chổi lúa. Bấy nhiêu thứ vây lấy bà cụ. Bà Tú ngồi lọt thỏm vào giữa đã làm cho ông xếp tàu lúc soát vé phải tìm mãi mới lôi ra được cái bà cụ hành khách "đa mang" ấy.

Lúc đi ra Hà Nội để làm nhà cho con, bà Tú đã tính cả rồi. Công việc làm có chóng ra nữa thì cũng phải tháng rưỡi. Bà đã đếm từng củ dưa, đo từng chai nước mắm cho đủ dùng trong cái thời hạn phải ở luôn trông nom việc làm nhà đó. Bà tin ở ngoài Hà Nội cái gì cũng đắt và những người hầu hạ thì toàn hay ăn bớt cả. Chẳng tin được ai. Cái bà già cũ kỹ lại còn cẩn thận đến nỗi đem theo luôn với mình ra Hà Nội ba con gà sống và đôi vịt Mường Thạch Thành. Đôi vịt Mường nằm trong bu dưới gầm ghế toa xe chẳng hiểu có nhớ quê hương Mường hay không mà cứ quang quác mãi lên, tàu càng chạy nhanh đôi vịt càng kêu to, có khi át cả tiếng máy động trên đường sắt. Người ngồi cùng toa xe, đã khổ vì cái vại dưa đặt ở giữa toa - chốc chốc gặp luồng gió tạt lại đưa mùi khang kháng vào mũi bao nhiêu người ngồi cuối gió - chưa xong, giờ lại còn bị đinh tai nhức óc vì tiếng kêu của đôi vịt nữa. Họ trách bà cụ sao tha khuôn lắm

Hỡi các người cùng đi một chuyến tàu với bà cụ Tú! Các người có được bao nhiêu độ lượng, hãy lấy tất cả ra mà đãi bà cụ, thương bà cụ và cảm cái mồm đi! Các người há chẳng biết đây là một bà mẹ can đảm và can cơ bao nhiêu năm nay mới lần ra được cái xứ Bắc để làm cho đứa con hư thân ấy một cái nhà! Và con người ta đứng trước cái tình mẫu tử như thế, há chẳng nên tán thành và kính nhường và đứng nên ganh tỵ một chỗ ngồi. Các người có biết ba con gà và hai con vịt đang rắc phân hôi hám ra sàn tàu kia là bà cụ dùng để làm gì không? Đó đấy!

Bà Tú đã tính kỹ lắm rồi. Gà để cúng vào ba kỳ sóc vọng trong cái thời hạn tháng rưỡi giới ở luôn ngoài ấy trông nom việc làm nhà cho đến lúc hoàn thành. Còn đôi vịt thì để làm cho thợ ăn vào hôm xong nhà. Hiệp thợ mộc một con. Hiệp thợ nề một con. Chẳng biết bà cụ định mượn bao nhiêu thợ tất cả mà "chỉ" cho người ta ăn "những" hai con vịt? Mỗi người thợ khỏe mạnh kia rồi sẽ gấp độ mấy miếng ở cái mâm rượu hoàn hành nhà nay mai của bà cụ Tú? Thôi thì kẻ nào hay ăn nhiều là kẻ chẳng hiểu gì cả. Bà cụ lắm cấm, cẩn thận và tần tiện thế đấy. Ai muốn hiểu ra sao cũng được. Của tuy ít nhưng lòng thì nhiều. Lòng bà cụ Tú thành lắm. Thế là đủ rồi.

*

* *

Cả một buổi sớm ấy bà cụ Tú đi tìm Nguyễn. Hà Nội kể ra rộ thực. Mà xe pháo thì đắt đỏ quá. Bà hết chờ người đi tìm chán rồi bà lại đi tìm lấy. Khổ quá. Khó hơn là mật thám đi lùng một người quốc sự phạm sống tù đang chọc thùng biên giới. Vậy mà trời xui thánh dẫn thế nào, bà Tú đã được gặp Nguyễn. Bà Tú thầm cảm ơn các đảng quý thần xong rồi, liền vỗ về bảo Nguyễn:

- Này anh Cả ạ, về việc làm nhà ở Cầu Mới ấy mà, tôi muốn anh đỡ tôi một tay; mỗi ngày anh ghé xuống dưới ấy một lần. Chứ một mình tôi thì tôi chịu thôi. Bố anh thì phải ở luôn trong Thanh. Mà tôi ở ngoài này thì có một mình. Sốt ruột quá anh ạ... Gạch bây giờ bầy đồng rưỡi một nghìn mà chưa chắc đã mua được. Ngói bốn đồng một nghìn. Mua bán bây giờ cái gì cũng đắt đỏ quá. Nhứt nhứt mỗi cái, tôi lại phải nhờ ông bà Bá. Ở ngoài này tôi không thuộc chợ thuộc phường, sợ lạ mà đi mua lấy thì hơi mất.

- Thừa mẹ, thế còn về thợ mộc, thợ nề?

- Tôi lại phải đem từ Thanh ra, chỉ độ vài hôm nữa thì họ cũng ra đây đây. Chính vì chuyện ấy mà tôi phải đi tìm anh. Hôm nào họ ra, bố anh sẽ đánh dây thép cho anh. Anh ra ga đón họ rồi đưa tất cả về trong Cầu Mới. Chịu khó một tý con ạ. Và có đưa họ về, thì đừng có đi xe. Đi bao nhiêu cái xe cho xuể; nên hà tiện chứ. Ý tôi thì tôi muốn hôm ấy anh thuê một cái xe đạp đạp thông thả đi trước, rồi cho họ chạy bước một theo sau.

- Thế còn đồ đạc, hòm xiểng, đục cưa của họ thì làm thế nào?

- À, anh lại thuê thêm một cái xe bò cho họ bỏ tất cả lên đây. Anh cứ bảo thằng Khên người nhà cụ Hàn nó đẩy xe bò ra ga. Có lẽ từ mai, sớm nào anh cũng phải tạt lại đằng nhà cụ Hàn xem có dây thép dây thiếc gì ở trong nhà đánh ra không. Bớt chút thời giờ đi, bớt đàn đúm với chúng bạn đi. Thôi bây giờ tôi phải về, kéo họ xe vôi đến, vắng mình họ lại cân non đi thì chết. Hết đến bảy mươi tạ vôi đây anh ạ. Thế chiều nay, anh có xuống ăn cơm với tôi không? Trong ông Lý Bá hôm qua chả biết làm gì mà lại biểu nữa con gà. Tôi đem kho gừng cả. Hôm nào cũng rằm lại phải biểu lại ông Lý cái gì mới được. Anh nhớ nhắc tôi nhé.

- Vâng. Vậy thì độ sáu giờ chiều con về. Để ra cho được sớm. Tám giờ đã hết tàu điện rồi. Tối nay con lại phải ra nhà in.

- Đêm hôm mà người ta cũng ỉrả? Anh có vào những chỗ máy

móc thì nên cẩn thận lắm. Khiếp, hôm vừa rồi tôi có lại cái nhà in gì ở Hàng Buồm tìm anh, thấy cứ tối cả mắt lại. Nghe ầm ầm cứ như là vũ là bão. Gớm chết. Eo ôi! Nhà in.

*
* *

Nguyễn lững thững trên sân ga, chờ đón chuyến tàu Thanh tới ga vào khoảng mười một giờ. Chàng đi đón hai hiệp thợ mộc thợ nề. Cứ lời bức gia thư nhận trước cái dây thép hôm nay thì ra bọn thợ này là bọn thợ quen, trước kia đã làm cái nhà trong Thanh. Đám thợ mộc vẫn là cái đám người làng Hạ Vũ. Còn thợ ngôa thì ở làng Bọt Hưng. Cái lão cai thợ nề tên là Phảng ấy là người làng ông Trạng Quỳnh có khác. Tính bác ta vui, linh lợi và hay nghịch ngợm. Nguyễn nhớ đâu cái hồi mình còn ít tuổi ở Thanh, thỉnh thoảng lên đảo lại ngồi hoặc đáp lại những đường bờ nóc nhà, bác cai Phảng hay nói những chuyện quái quỷ tục tĩu cho Nguyễn nghe. Rồi Nguyễn lại ăn cắp từng nửa bao chè tàu của cha đem dúm cho cai Phảng. Thế mà đã mười mấy năm rồi thì có gớm không. Nguyễn chỉ còn nhớ cái lối tung gạch của bác cai Phảng thần tình đến thế là cùng. Chập hàng ba bốn viên gạch một, bác ta tung lên cho một người đứng đón bắt ở mép gióng, trăm lần chẳng nhỡ chẳng rơi lần nào.

Cái tàu Thanh Hóa đã lọt vào ga Hà Nội. Nguyễn nhìn ngay cái tàu đầu. Trong thư, ông Tú Quân đã dặn Nguyễn hôm ra đón thợ thì cứ sục ở cái toa đầu tiên. Ông Tú tính cẩn thận đã dặn họ nên ngồi toa đầu, tuy than bụi có nhiều nhưng không bị cái nạn cát toa chuyển đồ giữa đường.

Ở cái toa đầu vừa lướt ngang tầm mắt Nguyễn, có một bọn người nhem nhuốc lò đầu ra khỏi khung cửa reo ầm lên:

- A ha, cậu Cả đây rồi.

Họ xuống ga một cách hấp tấp, mắt cứ nghếch cả lên. Thấy bộ dạng hấp tấp và ngọc nghếch ngạc nhiên của bọn thợ, người ta phải nghĩ ngay đến những cái dáng dấp của hai sự nhỡ tàu và mất cắp đem cộng lại làm một. Một bác phó cả cứ nghênh ngang mãi giữa đám hành khách xô bồ, quay cuồng thế nào mà phang cả cái thân của trường vào đầu một ông đang đứng chờ ai ở sân ga. Rồi lúc sợ hoảng, lại ngã dúi vào người khác.

Cả một cái đoàn người ấy kéo từ cửa ga qua phố Khâm Thiên để trẩy xuống xóm Cầu Mới. Nguyễn đi xe đạp dẫn đầu, đạp rất thông thả, chốc chốc lại đạp ngược vòng xích, ngoảnh đầu trông lại, ổ xe đạp kêu những tiếng sè sè. Hai hiệp thợ nháp nhô chạy bước một theo sau. Để đóng hết cái đám rước này là một cái xe bò ngổn ngang những chiếu, hòm, bồ, tay nải, thước thợ, bay, cưa, v.v...

- Thưa cậu còn xa không? Cậu cho anh em dừng lại xem cái tàu điện đã. Này anh em ơi, trông hay quá nhỉ. Hôm nào làm xong nhà, cậu phải nói với cụ cho anh em đi một bữa tàu điện cho thật sướng.

- Đi cả vào bên tay phải kia, không có lại chết bỏ đời cả bây giờ. Được rồi, rồi hôm nào sẽ đi chơi tàu điện tất cả, rồi thì được đi cả ngày.

Trông Nguyễn đang quát bọn thợ, ngồi trên yên một cái xe đạp cũ dỉ, ông quần có cặp miếng sắt, người ta dễ bị nhầm với một bác cai thầu khoán dẫn lũ phu của mình đi làm việc.

Kể ra Nguyễn cũng là người có can đảm lắm mới dám ăn mặc như thế và dẫn một đoàn người áo ngắn xộc xệch chạy qua cái phố Khâm Thiên. Nguyễn nhớ đến nhiều buổi, bất cứ là đêm hay ban ngày, Nguyễn đã từng đi qua cái phố ăn chơi này với một cái xe lùn hoặc cái xe xích lô, miệng ngậm xì gà, tay chống ba toong trúc khoằm đầu, chân bắt lên lấy dáng và cả nhà cửa có cái gì đẹp nhất là đều mặc hết cả vào người.

là đều mặc hết cả vào người.

Những nhà hát phần nhiều đóng kín mít cửa. Giờ này là giờ các cô ấy nghỉ, ngủ. Nhưng ở một vài chiếc bao lon nhà gác, bên những nan hoa sắt vẫn có một vài bộ quần áo lụa nhân tạo trắng lỏm lỏp đứng chãi gỡ mở tóc vừa gội chưa khô ráo hết. Họ nhận ra cái người đang đi xe đạp dưới đường kia chính là cái anh say rượu của những giờ giao hoan các đêm nọ. Họ bèn cười suông sã, thì nhau mà réo ầm cả phố lên:

- Anh Nguyễn ơi, đi đâu mà trông khổ sở thế?

Nguyễn cứ lặng lẽ mà đạp. Bọn thợ đi theo chỉ trỏ, cười nói, giọng ầm ơ, trọ trẹ.

*
* *

Tiếp đến ngày hôm sau, Nguyễn lại ra ga một chuyến nữa. Ra phía sau ga, để lĩnh một toa gỗ phó từ Thanh Hoá ra. Gỗ đem từ trong ấy ra tính cả cước xe lửa và tiền tải tải từ ga về đến Cầu Mới, cũng vẫn cừ còn rẻ chán. Một thước khối gỗ lim đỡ được đến gần chục bạc. Bà Tú đã tính đúng như thế và tự tin vào những kinh nghiệm của mình về việc làm nhà.

Cái đoàn xe bò mười mấy chiếc chổng chất những đoạn gỗ so le; lần này về Cầu Mới, không phải đi qua Khâm Thiên nữa... Không phải là Nguyễn sợ xấu hổ gì với những đám son phấn phố ấy, nhưng đi lối Hàng Bột nó ngắn đường hơn. Từ cái cổng sau nhà ga ra, đi đường Sinh Từ tiện lắm.

Nguyễn lại vẫn đi xe đạp dẫn đầu, đến quãng Giám có ba bốn người ăn mặc đẹp chạy xô vào ghi đông xe Nguyễn, bắt xuống xe và hỏi Nguyễn rằng: "Sao độ này mày bán cửa nhà con Thuý? Chúng

tao vẫn xuống đây luôn. Tội cho con bé nó cứ nhắc mày luôn. Và thiếu chỉ có một mày, tất cả đều trở nên trơ vắng. Chúng tao đang vui đây. Trong lòng chúng tao đang có cả một cái hội tây đây. Gặp thêm được có mày nữa, thú quá. Bây giờ chúng ta cùng xuống đây đi..." Nguyễn nói vắn vẹn hai chữ "cám ơn", mặt vẫn lạnh như tiền và nhảy phốc lên xe, đạp vội đuổi theo đoàn xe bò đã bỏ xa mình mất một quãng. Bốn con người xiêm dúa kia nhìn theo Nguyễn, chung hừng. Phê bình về thái độ Nguyễn ít lâu nay, có một người bảo rằng "Không khéo thằng ấy thành ra dở người mất".

*

* *

- **N**ày anh Cả, thế anh cứ nhất định bắt tôi làm nhà theo cái mẫu vẽ ấy à?

- Thưa mẹ, miếng đất đã không được vuông vắn và lại hẹp, nếu không làm theo kiểu đó thì khó coi lắm. Cái kiểu nhà đó, con nhờ một anh bạn anh ấy vẽ không cho. Một cái kiểu nhà như thế nếu người ta lấy tiền thì cứ bốn năm chục bạc là ít.

- Ngày trước tôi làm nhà tôi chẳng phải nhờ đến ai cho kiểu cả. Đây anh xem, cũng ngấn nắp cao ráo khỏi ra đấy. Các anh chúa là hay vẽ chuyện, làm nhà theo kiểu tân thời tốn lắm. Rồi lại sinh đẻ ra bao nhiêu là kính là gỗ nữa. Lão phó mộc nó vừa tính thành ra hết thêm những bao nhiêu là gỗ nữa về chỗ cửa chớp và khuôn cửa kính, và kiểu kiềng gi mà nhà lại quay lưng ra ngoài đường.

- Quay lưng ra như thế là phải lắm. Vì thầy con bây giờ về hưu; thầy mẹ có về đây ở với chúng con thì điều cần nhất là được tĩnh dưỡng an nhàn. Mở cửa ra mặt ngoài đường phố, ồn và bụi lắm. Bịt phía trước và mở các cửa vào mặt trong vì mặt trong là hướng Nam

mùa nực mát, mùa đông tránh được gió bắc. Phải căn cứ vào hướng nhà, hình miếng đất và sự cần dùng ăn ở riêng từng người mà vẽ kiểu nhà. Vì thế mới có cái nghề kiến trúc sư.

- Ô, vẽ chuyện. Thế xưa nay, nước Nam không có kiến - anh bảo cái gì... phải, kiến trúc sư - nếu không có kiến trúc sư thì dễ thường không ai làm nhà ở nữa hay sao? Thôi anh ạ, không nên giở dối ra, tốn lắm. Bây giờ anh cứ nghe tôi, mở cửa ra ngoài mặt đường. Và làm cửa lùa. Đỡ được bao nhiêu gỗ. Không những thế lại còn tiện cho chị ấy về sau này buôn bán được nữa. Ờ, tôi sẽ cho chị ấy cân kẹo hoặc dọn cái hàng tạp hoá. Chứ kéo nhau về đây, ở quay lưng ra phố, cả ngày cứ xùm xụp ru rú một lũ trong nhà với nhau, làng nước phố phường người ta nói cho. Chỗ tiền lương hưu trí của bố anh, anh tưởng đã to lắm hay sao? Liệu bố anh mua thuốc ngày hai bữa đã đủ chưa? Phải buôn bán thêm vào. Rồi vợ chồng cuu mang lấy nhau. Đây nhà đấy, tôi làm rồi đấy. Tôi cho vợ chồng anh. Và tôi không biết gì nữa. Khéo tính liệu thì no lành. Bằng không thì rách đùm. Đừng có mè nheo đến tôi nữa. Bố anh ngày xưa đã làm khổ tôi nhiều lắm rồi.

Thế rồi bà Tú khóc. Trước còn sụt sịt, sau hoá ra bù lu bù loa. Giọt ngấn giọt dài bà kể lể:

- Anh thử nghĩ xem, từ ngày anh ra ở Hà Nội đến giờ, anh đã đem về nhà những cái gì? Anh nói rằng anh làm báo. Tôi chẳng biết báo là cái gì những mỗi chuyển anh về, anh lại báo hại tôi một ít tiền. Lũ con anh, từ cái tã cũng lại đến gái già này. Tôi khổ lắm, anh ạ. Bảy nhiều tuổi đầu rồi mà vẫn cứ phải lo nghĩ mãi. Đến bao giờ thì tôi mới được rảnh thân để theo người ta mà đi hội đền hội chùa, hở anh? Anh còn nhớ cái lần anh lòng lộn mãi lên để mở hàng sách? Không được hai năm, gần hai nghìn bạc, đã thấm chưa, hở Giời!

Mẹ con hết cần nhần nhau rồi đâm ra cãi nhau. Nguyễn lại bỏ đi. Gần mẹ thì chàng cầu nhau, xa được mẹ thì chàng lại hỏi. Ngay

tối hôm ấy, lòng hiếu của chàng bị thương tử lại còn dẫn chàng vào nhà một người đàn bà lạ. Đêm ấy, Nguyễn tiêu mất năm đồng bạc. Đây là tiền về chỗ mấy tiếng cười trong bóng tối trên một tấm vải phủ giường. Cái chai rượu mạnh ấy, lại đèo thêm vào hơn bốn đồng nữa.

Nhận được dây thép mời ra ngay có việc cần, ông Tú Quân đã đi thẳng một mạch xuống Cầu Mới. Ông Tú, bà Tú bàn tán và sau cùng bà Tú bảo Nguyễn đang ngồi ngắm bức họa đồ vẽ kiểu nhà:

- Thôi, ý anh đã muốn làm nhà theo đúng cái sở thích của anh thì tôi cũng phải chiều vậy chứ sao. Nhưng tôi phải bắt anh chơi một bát họ. Tôi sẽ lấy cho anh một bát họ năm trăm. Mỗi tháng, anh xem đóng được bao nhiêu thì liệu nhờ mà nói chuyện với người ta. Anh nghĩ cho chín đi. Việc tiền nong của người ta không phải là chuyện chơi... à, mà anh Cả ạ, anh có muốn bày vẽ theo kiểu gì đi nữa, anh cũng phải nghĩ đến một chỗ riêng trong nhà để đặt cái bàn thờ ông vải. Anh là con trưởng mà anh chẳng hiểu một tí gì cả. Giỗ tết chẳng bao giờ anh dòm ngó tới. Cúng lễ cũng không. Nhà này có ai đi đạo đâu. Bố anh cũng chẳng biết bảo anh lấy một tiếng. Ông ấy chiều anh, để cho anh làm loạn trong nhà. Thôi, anh sốt ruột muốn lên phố thì cứ đi đi. Hình như tàu điện đã đến rồi đấy!

*

* *

Đến hôm nay là xong xuôi cả cái nhà Nguyễn. Hai hiệp thợ đã ăn cỗ hoàn thành nhà mới và lĩnh hết tiền công. Nguyễn bèn đưa mấy bác thợ nề cùng thợ mộc đi xem nhà Gò Đa, ăn cao lâu, đi chơi tàu điện và tối hôm ấy lại dẫn cả bọn đi xem tuồng Quảng Lạc. Bọn thợ hể hả lắm, Nguyễn cũng vui sướng vì suốt tháng rười rờng, thợ thuyền vừa làm vừa hát. Nguyễn chỉ sợ nhất là nhớ xảy ra

chuyện gì với bà mẹ mình lẫn thẩn, bọn họ sẽ kéo nhau lũ lữ ra phòng Lao Động thì phiền bức không biết đến thế nào mà nói cho hết.

Bọn thợ ra tàu Thanh sớm hôm sau về quê thì ngay chiều ấy, bà Tú cũng ra ga với tên lão bộc quân gia.

Chiều hôm ấy ra ga đưa mẹ về Thanh, Nguyễn cảm thấy mệnh mông buồn. Cái nhà vừa làm xong: mẹ về; chàng băng khuâng như một khán giả ngồi sững lìm trước một cảnh chót vớ kịch đang hồi hộp mà đã hạ màn.

Hỡi ôi! Từ đây cuộc đời chàng sẽ mới, sẽ bước sang một giai đoạn khác. Chàng sẽ đem vợ con ra, rồi đếm củ dưa hành đo chai nước mắm, chàng sẽ sống như trăm nghìn người chung quanh. Chàng sẽ cố quên chàng đi. Chàng sẽ sống vì những người khác. Rồi thực hiện được hay không thực hiện được cái cá nhân của mình thì cũng chẳng là điều đáng quan tâm cho chàng như trước nữa. Nay là trật tự. Chàng sẽ ăn ngủ, ở ngay cái nhà của chàng, chứ không ngủ ở những nhà mọi người khác như trước nữa. Chẳng bay nhảy thì nằm ở nhà. Và cựa quậy lắm thì chỉ tổ sây sứt mình mẩy ra thôi. Chàng lại an ủi chàng.

*

* *

Cách đây sáu tháng một buổi chiều nhớ đến người bạn cũ lâu nay không có tin tức gì. Lự và Hoàng đi tàu điện về Cầu Mới tìm Nguyễn. Có một người đàn ông nhiều tuổi ra mở cửa.

- Ông bà hỏi thăm ai?

- Thừa cụ, chúng tôi hỏi thăm nhà ông Nguyễn.

- Phải, đây là nhà ông Nguyễn. Nhưng ông ấy không có đây. Chúng tôi cũng chỉ nghe thấy nói ông Nguyễn là con cụ Tú Thanh. Nhưng cũng chưa được gặp mặt bao giờ từ ngày thuê cái nhà này. Cũ cuối tháng thì chúng tôi lại gửi tiền nhà vào Thanh cho bà cụ. Ông bà vào chơi trong này xơi nước cái đã.

Thế rồi ông cụ thuê nhà kể chuyện thêm:

- Cái ông trưởng nam bà cụ Tú chủ nhà, tôi cũng không rõ là người như thế nào. Không có về đây đến một lần. Ông ta vẫn giữ lại một chái buồng bên kia chứa toàn sách và nhật trình cũ rồi khoá kín lại. Thằng cháu tôi tò mò, nhìn qua lỗ khoá dĩ, nói lại như thế. Thành ra bỏ phí mất một cái buồng xinh xắn quá.

ĐÔI TRI KỶ GƯƠNG

Ođôi chuyến tàu tốc hành hôm ấy, có hai hành khách trung lưu - vốn quen nhau đã lâu - cùng đáp một con tàu mà lại ngồi mỗi người riêng một toa.

Tính từ cái toa bưu kiện, thì Mọi ngồi ở toa thứ sáu và Nguyễn ngồi ở toa thứ bảy.

Đi từ Hà Nội, về Nguyễn và Mọi đều đến Thanh Hoá là hết đường.

Ở Thanh Hoá, Mọi có một cái đại gia đình.

Ở đấy, Nguyễn cũng có một cái đại gia đình.

Lúc sẩm tối cùng đi Thanh Hoá, họ đều có cái "ý kiến" trở về thăm lại nhà một chuyến. Và họ đã lấy làm bằng lòng lắm khi cảm thấy mình là hành khách của một con tàu tốc hành, mặc dầu họ chỉ là hành khách đi có một thôi đường, và chốc nữa - chỉ một chốc nữa thôi - cái tàu còn chạy rông rã những bốn năm mươi giờ, tít tắp mãi vào tận Cực Nam, đã thả họ một cách khinh bỉ xuống sân ga một cái tỉnh nhỏ xíu ở địa đầu xứ Trung Kỳ. Thế nhưng mà dẫu sao về Thanh Hoá bằng tàu tốc hành cũng vẫn cứ thích hơn là bằng những chuyến tàu thường khác chạy cứ rì rì, bò ra như rùa và bạ ga nào cũng đòi đỗ lấy được. Ai dại ngu gì mà lại trở về cái tỉnh xép quê hương mình bằng một chuyến tàu vét bao giờ. Nơi quê hương ấy đã tẻ ngắt sự đời, mỗi lần về là một sự cố gắng - và con tàu vét thì lâu và nặng và tối như đời một người không may.

Đã đến bảy tám năm nay, Nguyễn và Mọi không rủ rê nhau, mà đều bỏ Thanh Hoá đi Hà Nội cả. Lúc đi họ đều cho rằng muốn lập cả thân lẫn danh cho được phải chăng, thì phải sống ở một thành phố nào có những ánh sáng chói hắt lên. Chứ ở cái tỉnh tí ti này, đèn đóm của trăm nhà đều lù mù lảm. Ở đây mỗi khi đã động đến một tí chút gì có liên can đến cuộc sống, là mỗi người lại lặp lại câu "Đèn nhà ai rạng nhà ấy" mà họ cho là hay lắm, là đúng lắm. Ngọn đèn của mỗi nhà chẳng biết có đủ soi sáng được mỗi nhà không, chứ cả một cái thị trấn này, mỗi lúc mặt trời lặn sau ngọn tường gạch nếp thành xây từ đời Gia Long, tất cả bảy nhiều ánh sáng của trăm nghìn nhà đem cộng lại với đèn mấy mươi dãy đường cũng vẫn cứ lù mù thế nào ấy. Hơi lạnh của thứ ánh sáng leo lét ấy đã làm cho Nguyễn và Mọi có một hôm phải bỏ đi xa. Vào lạy cha lạy mẹ và vợ về em để đi Hà Nội, Mọi tin rằng mình là người có tài lớn và chỉ có đất Thủ đô mới dùng hết được cái tài của mình.

Cũng từ biệt vợ và hôn hít đàn trẻ để lên đường ra Bắc, lúc Nguyễn ló đầu vào cái cửa mắt cáo buồn phát vé ga Thanh Hoá, xin ông ký ga "cánh hẩu" kia một cái giấy hạng tư đi Hà Nội, Nguyễn cũng cảm chắc là mình hẳn cũng là một người có tài - chung quanh chàng ai chẳng bảo thế và lúc nói thế, họ không cười một chút nào, họ đều tỉnh táo lắm chứ có phải Nguyễn đã thết đãi họ ăn uống say sưa gì mà họ phải nịnh hót - và không ai đang tâm chôn cái tài ấy ở một nơi lèo tèo này làm gì, trừ phi với một lẽ bí hiểm hoặc một thành kiến riêng, người ta bằng lòng sống một cách oan uổng ở đây. Mọi và Nguyễn đã tin tưởng như thế và tự bảo rằng: "Rồi đời sẽ xem. Đời sẽ xem chúng tớ húc đầu vào ánh sáng. Chúng tớ là những cục vàng mười. Chỉ có cái hòn than tây ở ngoài ấy mới thử được cục vàng

mười này thôi. Rồi đời sẽ xem nhau".

Sẽ xem nhau! Tự phụ chưa.

Không định rủ nhau đi lập nghiệp mà tình cờ lại cùng đi một chuyến tậu sớm, cách đây bảy tám năm, một buổi sớm ấy, Mọi và Nguyễn, theo cái âm thanh lũng cùng rồi dần dần du dương của những vòng bánh sắt đầu tiên, đã lấy làm khoái trá vô cùng khi được vút lại cả một cái tỉnh nhỏ ra đằng sau lưng mình.

Tàu chạy qua ga Hàm Rồng. Mọi vênh mặt lên nhíu mắt lại, nhìn những gióng sắt chiếc cầu treo loang loáng lướt qua tầm mắt, Nguyễn thì nhỏ tràn nước bọt xuống đường và lấy làm giận những mảnh ván cầu đã ngăn giữ mắt thứ nước bọt khinh bỉ của mình không cho rớt tòm ngay xuống dòng một con sông làm bộ. Nếu không có những tấm ván gỗ lim đó thì "những cái xoáy nước dòng sông Mã kia, sẽ còn nhục nhã với ông"!

Xong rồi, Mọi và Nguyễn đứng khít vào nhau ở đầu toa, nắm nắm tay lại và cùng giơ lên. Cái cầu sắt sơn màu xám xám ấy lại tưởng là "chúng nó" chào mình. Lắm! Ai người ta lưu luyến gì với mà chào và hỏi. Người ta giơ tay lên bởi vì người ta muốn xấn tay áo lên thử thách với mấy cái dịp cầu cam đấy. Thật vậy, Mọi và Nguyễn đã lấy cái cầu sắt vĩ đại kia làm tượng trưng cho những ngày cũ của mình ở đấy, và từ đây được tin tưởng rằng mình sắp được sống những ngày mới, họ muốn dùng cái cầu này đánh dấu lấy một quãng đường đời. Và lúc tàu đi qua cầu, họ bèn giơ tay lên như phân bua với cái cầu sắt lạnh. Dáng điệu của Mọi và Nguyễn lúc ấy hung hăng sôi nổi.

Buổi đầu tiên rủ nhau đi làm người Hà Nội, nếu có một cái gì mà họ đáng nhớ lại để sau này kể lại cho đám hậu sinh, thì việc đó là Mọi bị mất cấp ở Bờ Hồ ngay chiều hôm đó và Nguyễn thì đánh tụt mất một chiếc giấy hạ cũng ngay ở buổi sáng nắng tươi ấy, lúc tàu gần vào cái ga ngổn ngang như một cánh rừng đồn gỗ và lộng

lấy như ngọc đá mấy mươi nếp lâu đài.

Thế rồi từ cái ngày bị mất cấp và tụt giấy, Mọi và Nguyễn lấy luôn thẻ của thành phố Hà Nội, mỗi lá thẻ dùng luôn trong năm năm trời và mỗi năm đóng một kỳ. Cái thẻ họ đang giữ trong người là cái thứ nhì và cũng nhuộm vàng - màu vàng hoàng đế - như cái thứ nhất. Thế nghĩa là từ khi xứ kinh kỳ đã quỵ rũ Mọi và Nguyễn thì nơi sở bộ thuê chính ngạch một cái tỉnh nhỏ yên ổn kia lại hụt đi mất hai suất dinh.

Hai cái tên dinh bổ Thanh Hoá còn lấy làm kiêu hãnh một cách rất rôm, mỗi khi đi đâu gặp nhà chức trách hỏi căn cước lại lịch họ được trưng ra cái thẻ giấy vàng của toà Đốc Lý Hà Nội. Cái thẻ ấy, phô trương ra trước mắt một tốp cảnh sát ở bất cứ một tỉnh nhỏ nào, sao nó có thể độ người tỉnh lẻ một cách nặng xị đến thế nhỉ!

Mọi và Nguyễn, sống nổi với cuộc đời chốn Kinh đô, nhiều khi thực đã là găng gỏi lắm. Vật thì đắt, và kể về người thì ma quỷ rất nhiều và hình như ai ai cũng muốn đè át cả chung quanh. Mỗi người đều có cái ý định phát huy cái cá tính của mình cho đến kỳ cùng. Kết quả cuộc phấn đấu về tinh thần là nhiều khi để lại bao sự thiệt thòi cho những người chung quanh, có khi là vô tội. Có những cái tia lửa lúc bùng cháy lên là đốt luôn cả những vật gần mình. Nhưng những tia lửa đó, đem gộp lại đã kết nên một kinh thành ánh sáng và làm vẻ vang cho một nơi vốn gọi là kết tinh của trí thức. Hà Nội người ta bảo rằng đây mới là trung tâm của Văn Nghệ.

Mọi hăm hở sống, Nguyễn cũng hăm hở sống. Sống lấy nhanh. Sống lấy nhiều. Mỗi người thiết tha về riêng phận mình nhiều quá, thành thử họ không còn có thời giờ nghĩ đến nhau, biết đến nhớ đến người bạn vẫn sống bên cạnh mình.

Cuộc đời mới mẻ đã dạy cho Mọi, đã dạy cho Nguyễn phải nên có một luân lý mới. Có như thế thì mới được để yên lại ở một xó lòng mình cái lương tâm quá tọc mạch của mình, để rồi cứ nhìn

thẳng về phía trước mà đi. Cái luân lý ấy là cái luân lý cá nhân dựng trên vị ngã. "Tôi hãy xây dựng cho tôi đã. Tôi hãy tạm cho tôi một chỗ đứng cho gọn để hít sao cho được nhiều khí giới và quơ lấy được nhiều ánh sáng. Tôi còn túi bụi lên vì tôi còn chưa xong nữa là nói chi đến lúc được thư nhàn trong lòng để nghĩ đến một người khác, mặc dầu người ấy đã cùng tôi ngẫu nhiên đi một chuyến tàu với tôi ra đây, một sớm bỏ nhà đi ra ngoài lập lấy thân".

Mọi nghĩ thế và Nguyễn cũng nghĩ thế, từ ngày đem nhau ra ngoài ấy để thí nghiệm những sở năng của mình.

Từ buổi ấy đến giờ, đã có bao là nước chảy dưới cầu.

Cầu Hàm Rồng Thanh Hoá là một cái cầu không có một chân nào cả. Nếu nó có ít ra là một chân bằng đá tảng xanh, thì cái thứ nước chảy quanh năm không biết mỗi và không biết từ đâu đến và sẽ đi tới đâu kia thì nước ở đoạn Sông Mã sẽ đẹp và gọi lòng nhiều lắm. Những xoáy nước cứ xoắn chặt mãi lại rồi mới dần dần ra như là cái cốt đồng hồ chết, chốc thành đầy, chốc lại tan nhoè ra trên mặt sông đùn đùn khói hơi lạnh.

Vậy thì dưới gầm sắt một chiếc cầu treo xám ngoét từ ấy đến nay đã có bao nhiêu là nước chảy xuôi.

... Để đến mãi hôm nay, mới lại có hai người cùng trở về. Hai người ấy lúc đi đã tình cờ thành nên đôi bạn đồng hành. Hai người ấy hôm nay trở về - có mũ đẹp, có áo đẹp - cũng lại nhờ sự tình cờ mà thành nên đôi bạn của một chuyến tàu đêm. Đi đôi với nhau trên đường đời, ra nhiều khi vẫn không có nghĩa gì cả. Chỉ là tình cờ. Tình cờ! Và ngẫu nhiên!

Đến ga Thanh Hoá, con tàu tốc hành đang thơm phưng phức những hương vị của đăng trình đã đỗ lại. Toa thứ sáu thả xuống một người, Mọi. Cái toa thứ bảy cũng thả xuống một người: Nguyễn. Hai người đâm sầm vào nhau. Ồ!

Mọi và Nguyễn xoè tay ra và vỗ lấy bàn tay nhau, lắc. Họ lại

dang cả hai cánh tay ra, nắm lẫn lấy hai đầu vai nhau mà rung, trông giống như cái sự tỏ tình tái kiến của những người Hoa Kỳ tráng kiện.

Cùng đi một chuyến tàu qua một thời đường dài những một trăm bảy mươi năm cây số, gần bốn tiếng đồng hồ tàu tốc hành, sau bảy tám năm cách biệt, vậy mà không biết có nhau! Khỉ thật! Cho được đền bù sự vô ý đó Mọi và Nguyễn cười nói vang lên một hồi và hình như lấy thế làm hả dạ lắm.

Ông ký soát vé cửa, hơi lấy làm sốt ruột và tự hỏi đến bao giờ họ mới chịu buông nhau ra để trả vé cho ông và cho nó xong công việc của ông đi. Người ta còn về ăn cơm chứ! "Cái chỗ này, cái nhà ga, tuy sự cản dưng về việc đài tải người đã bắt nó thành những nơi đoản trường đình của một thời đại kim khí, nhưng đâu có phải là chỗ để cho tất cả mọi người bày tỏ tình cảm mình một cách quá dềnh dàng như vậy".

Thật thế, tất cả hành khách xuống Thanh Hoá đều đã lách mình qua cửa ra cả rồi và đoàn tàu dài đã xịt khói hơi nước, lại đi nữa rồi mà Mọi và Nguyễn vẫn đứng ý ra đây để hỏi mãi nhau về cái mưa cái nắng của riêng đời mỗi người từ ấy đến nay. Hai va lý móm và mấy cái bồ con mới mẻ chứa phình lên những quà cáp để bên cạnh chân Mọi và Nguyễn vẫn giam buộc mấy người phu bắt-tê đứng loanh quanh đây.

Chừng như chẳng biết nói gì nữa ở một cái sân ga đã thừa thốt người, Mọi yêu cầu Nguyễn lấy ngón tay banh mí mắt mình ra và thổi hộ cái bụi than tàu lọt vào từ Đồng Giao. Mọi nháy mắt lia lia và cánh tay mân mê nắn hộ Nguyễn cái cổ áo sơ mi bị bẻ quíp lại đầu cũng từ ga Đồng Giao gì ấy, theo lời Nguyễn kể... Lúc ấy hình như chàng ngủ ngồi, đầu kê vào vai một người đàn bà xứ Huế. Cái người đàn bà ấy sở dĩ có sự thân mật với Nguyễn là vì cũng có tính cầu lợi; bởi vì đến Thanh Hoá - chỉ đến Thanh Hoá thôi - người đàn bà ấy sẽ được chiếm chỗ ngồi của Nguyễn. Rồi thì tha hồ mà rộng.

Lúc mới lên tàu, toa chật ních người, nghe thấy thiếu phụ ấy nói tiếng trọ trẹ, Nguyễn đã lấu cá tuyên bố to lên là "Thưa cô chúng tôi chỉ đi tới Thanh Hoá" nghĩa là "Thưa cô, chúng tôi chỉ làm bạn - đi đường - với cô được có một quãng thôi. Và rồi, chỉ trong vài giờ, cô sẽ ngồi luôn cả sang cái chỗ trống của tôi. Tha hồ mà rộng, cô ạ". Thiếu phụ né mình, khép lại nửa tà áo tím và đến Đồng Giao thì chàng và người đàn bà Huế đã gối lăn vào nhau mà ngủ, theo một chiều dọc. Đến bây giờ Nguyễn vẫn còn thấy phảng phất trong lỗ mũi cái dư hương mùi dầu dừa đặc biệt của người xứ Huế.

Chùng như tỉnh một cái mộng xinh và nhỏ, Nguyễn hát hàm hời Mọi:

- Thôi, đi ra chứ?

- Ủ. Nhưng mà bao giờ lại ra?

- À, ra Hà Nội ấy à! Chưa biết được. Vui thì ở một tuần, nửa tháng cũng chưa biết chùng. Thế còn Mọi?

- Cũng chưa định. Nhưng mà mai kia, chúng mình còn phải gặp nhau trước khi đi Hà Nội. Thế nào chúng mình chẳng đến nhà nhau.

Nguyễn mới vụt nhớ là cùng ở một tỉnh, tuy hai nhà có biết nhau - ở một cái tỉnh nhỏ dân số lèo tèo, kể vào mặt tạm gọi được là gia thế, thì nhà nào mà lại không biết nhà nào - mà thực ra, Mọi và chàng chưa hề để chân tới nhà nhau bao giờ cả.

Chàng nhường cho Mọi cái xe tay đầu tiên chạy xộc vào cửa ga và gật gù nhắc lại:

- Phải đấy, chúng ta phải tới nhà nhau.

Đến cái ngã ba kia, có hai cái xe tay chia đường và có hai người giờ tay lên đỉnh lại một câu ước.

Chuông thành tỉnh, nện một tiếng boong, ghi lấy một bàn điểm của tỉnh nhỏ, bóng đèn lù mù và bóng người lù rù.

Ôi, hai người không thân nhau mà lại có cái nhĩa ý mời người

bạn quen sơ sơ ấy lại chơi nhà mình thì cái sự tiếp đãi nó sẽ như thế nào? À, nó sẽ không khỏi như là bỡ ngỡ, như là ngượng nghịu. Chứ nó không thể như là cái gì khác thế được. Họ nghĩ lẫn vẩn trên cái xe chạy.

Ngày ngày hôm sau, Mọi lại thăm Nguyễn.

Nguyễn cho vợ con ra chào.

"- Bác Mọi cũng vừa ở Hà Nội về chuyến tàu tối với tôi, mình a. Bác, là trưởng nam cụ Phán... a, cụ Phán ở phường đệ lục ấy mà".

Tuy không biết người bạn chồng mình là thuộc về gia tộc nào - vì chồng kiêng không gọi tên cụ Phán sinh ra "bác" Mọi - vợ Nguyễn cũng à một tiếng và cười như là mình đã nhớ ra một điều gì lý thú và quan trọng lắm.

Ngày chiều hôm ấy, Nguyễn đáp lễ Mọi tại đại gia đình nhà Mọi. Lại cũng giới thiệu:

"- Thừa thầy mẹ, đây là bác Nguyễn, con cụ Ký Tú. Bác cũng làm ăn ở Hà Nội và về tàu cùng với con một chuyến vừa rồi".

Cụ Phán ông gật đầu, với một tiếng "à" vì cụ nhớ lại rằng ông cụ Ký Tú ấy cũng là chỗ bạn đồng liêu cụ, cùng ở một tỉnh, cùng thờ một cái chính phủ Bảo Hộ như mình. Và bây giờ cũng đã về hưu. Giờ con cụ Ký Tú lại là bạn của con mình! Tre già măng mọc, vui thay lẽ trời! Cụ bảo Mọi rót nước và cụ mời Nguyễn ngồi ngay vào cái ghế đầu sát chỗ cụ đang bắt chân chữ ngũ.

Cụ Phán bà nhổ bãi cốt trầu xong, liền cất tiếng giọng rất hiền từ: "Quý hoá quá. Anh em cùng tỉnh đi xa, lúc về lại biết rủ nhau cùng về một lần".

Nguyễn thấy bà cụ sinh ra Mọi có vẻ một người mẹ hiền và nghe một câu hồn hậu như thế, chàng trọng sự thực, chàng không muốn cụ Phán bà bị lừa, - lừa người già yếu là một điều hèn lớn, chàng muốn đứng dậy cãi chính ngay rằng Mọi và chàng, chỉ ngẫu

nhien mà cùng về chung một chuyến tàu đay thôi, chứ không hẹn hò gì như cụ đã tưởng lầm. Chàng lại còn muốn nói rõ thêm rằng, chính ngay ở giữa "đất Hà Nội", Mọi và chàng cũng chưa từng có biết tới nhau là ai nữa. Và hôm nay được cùng "anh Mọi nhà" gọi nhau là anh em, thì cũng là một sự rất mới mẻ quá cho chàng vậy.

Chàng định nói to lên những câu như thế, nhưng rốt cuộc chàng chẳng nói gì cả.

Chàng chỉ ngồi hầu chuyện trong bầu không khí im lặng có thể làm chết được cả người nói chuyện lẫn người hầu chuyện.

Thỉnh thoảng, chàng ngó ngoáy cái cổ, đưa cái đầu xoay theo cái trục cổ phía trái qua phía phải. Và dán cặp mắt khổ sở vào những đôi liễn giấy và cái bức trướng hàng tơ thêu chỉ kim tuyến, có những chữ Hán rất tốt, rất khỏe, rất bay bướm, nói đến cái việc cụ Phán thân sinh ra Mọi được từ đay về hưu trí và từ đay làm bạn với vườn hoa cây cảnh - vườn nhà cụ Phán, ngoài kia cửa sổ, có dăm cây ớt mọi và mấy bụi tử tô.

Nguyễn bèn đứng dậy xin phép về. Chỉ có ra về mới kết liễu cho được buổi hầu chuyện nặng nề này. Mọi, chùng như chỉ chờ đợi có thể, vội tươi hẳn mặt lên, don đả đưa Nguyễn ra cửa và nói riêng: "Chúng ta nên đi lại với nhau luôn luôn".

Khách đi rồi, cụ Phán bà bảo con: "Này Mọi ạ, mẹ cứ thấy người ta đồn ầm lên rằng bác cả con cụ Ký Tú đằng ấy là người chơi bởi ngổ ngược lắm. Lần này mẹ mới được gặp, thì xem người cũng thù mị và ngoan lắm. Ấy, những người như thế, nên đánh bạn lấy mà chơi. Chứ mẹ xem ra, ở chỗ tỉnh thành lớn, bây giờ người thì ít mà cái giống tai quái thì lại rất nhiều lắm đay con ạ".

Sau cái buổi đầu để chân tới nhà nhau, Mọi và Nguyễn vẫn còn đi lại thăm nhau đôi ba bữa một lần.

Rồi có một hôm, ông bà thân sinh ra Mọi đã giữ riệt Nguyễn lại, bắt chàng phải ăn cơm ở đay và rào đón trước một câu từ chối,

những bậc dùng tuổi ấy đã bảo Nguyễn rằng ở vào buổi đời mới này, người ta nên tự nhiên, không nên giữ lối khách sáo như ở thời cổ nữa.

"Với lại đảng này và trên cụ nhà ta, cũng như một nhà", cụ Phán bà cười và nói thế.

Nguyễn hơi ngạc nhiên. Chẳng không thế hiểu được nghĩa một câu nói thân mật quá như thế. Sao lại là như một nhà được? Đâu có dễ thế? Mãi đến lúc cụ Phán ông nói thêm vào thì Nguyễn mới hơi vỡ lẽ.

- Bác Nguyễn... bác Cả này...

Nguyễn hơi mỉm cười: bây giờ người ta đã kiêng tên tục chàng và lại lấy cái thi vị thứ của chàng ở gia đình chàng ra mà hô. Chàng liên tưởng đến một thói tục ở chỗ thôn ố hay lấy tên con mà điền thay vào tên tục người cha, kèm vào sau một cái chức Nhiều. Nhiều Nguyễn! Cả Nguyễn! Những cái thi dụ ghép tên ở trong trí Nguyễn làm chàng có những cảm tưởng vui nhe.

"- ... Bác Cả không biết chứ cụ đảng nhà và tôi khi còn làm việc bên Tòa với nhau, thường hay ngồi gần nhau lắm; những khi có tiệc yến trong dinh ba quan lớn tỉnh và lúc về chơi các vùng phủ huyện những ngày lễ hoặc chủ nhật cũng thế. Cụ nhà không uống được rượu như tôi nhưng được cái vui chuyện lắm. Cụ biết rất nhiều chuyện cổ tích về lúc quan Tây mới sang".

Mỗi lúc thấy cụ Phán ông hơi ngừng, Nguyễn dạ một tiếng chen vào câu chuyện.

"- ... Như tôi và cụ nhà đã đi lại với nhau, rồi bây giờ Mọi ở nhà này và bác cũng lại kết thân với nhau, cái lối giao tình từ đời nọ được kế tiếp theo đời kia, người Tàu ngày xưa gọi như thế là thế nghị. Nếu các con bác và nếu các cháu tôi - ấy bác cũng nên khuyên em Mọi nó lấy vợ đi thôi - mà lại cũng ưa nhau và giao du với nhau nữa thì các nhà gia thế lại gọi như vậy là tái thế diệt. Thế nghị là đáng quý lắm. Bây giờ thì thói tục đó có mấy nơi giữ được, trừ phi ở mấy nhà

gia thế còn phưởng phất cái mùi Nho học thôi.

Nguyễn lại dạ.

Nguyễn và Mọi có một phút nhìn trộm nhau. Ra họ chẳng hề nói với nhau một câu nào. Họ chỉ cầm như hến, ngồi ngấm nhau để trong lúc ấy, thì các bậc cha mẹ nói rất nhiều cho họ nghe. Họ thấy như thế là hồng. Định chơi với nhau mà lại cứ giao thiệp quanh quẩn trong hoàn cảnh đại gia đình thì thực là thất sách quá.

Tan bữa ăn, lúc Nguyễn xin về, cụ Phán bà còn nèo Nguyễn lại hỏi thêm một câu chuyện mà Nguyễn không biết đằng nào để trả lời.

- Như cụ nhà ta giờ về hưu, mỗi kỳ lương hưu trí chắc cũng nhiều lắm? Mỗi kỳ lĩnh bổng thế nào chả hơn trăm rưởi bạc? Chắc cũng như ông Phán nó nhà tôi đấy chứ gì?

Ra đến ngoài đường, Nguyễn thấy khoan khoái lắm. Chàng thấy mình trở nên tự nhiên. Chung quanh chàng chỉ có không khí bao la. Trên đầu chàng thì trăng sao vàng vạc. Mặt đất, bóng trăng tỏ tợ ban ngày. Ánh sáng trắng tỏ át cả ánh sáng đèn điện thành phố. Những chiếc bóng đèn điện mười lăm nến vàng ệch thật là bất có liêm sỉ. Định đo sức sáng của mình lúc đó với một nguồn ánh sáng lạnh và xanh và loãng của mặt trăng cũng không sao đo nổi; thì cháy to lên làm gì để càng bêu diếu đến cái văn minh nơi tỉnh nhỏ này hử? Giá những buổi tối trời như thế này, sở lục lộ nên truyền lệnh cho sở máy đèn cứ tắt phụt cả thứ đèn ồm yếu này đi mà lại hóa ra hay kia đấy. Sự giao thông của một thành phố chỉ huyền não bằng cái huyền não của cảnh phố phủ lúc thu không thôi thì sự giao thông ấy, lúc tối cũng chẳng cần gì có đèn điện hướng dẫn, đã có cái bóng trăng thanh lũng đũng ở trên đầu.

Không những thế, ngân quỹ thành phố lại đỡ được tiền chi phí về đèn trong ít ngày và ngấm phố phường người ta lại còn thấy ngoạn mục hơn.

Một đám xẩm soạn vít cần một cây đàn bầu cục mịch, ngồi

ngay ở chân cột đèn, hát chõ lên cái bóng đèn điện mười lăm nền: "Ngựa trông lên anh đêch thấy có ra gì... Bực... bùng bùng... a rằng... anh chỉ thấy tối, sì cái bóng... a... đen...".

Lông lộng trên chín tầng mây, cái bóng dáng tròn rớt một tia sáng lạnh xuống một đôi mắt thao láo những lông trắng cùi vãi. Bóng trắng còn soi xuống những cái cổ chân và những cái đùi trắng hều của một đám thiếu phụ truồng lưu ở cái xóm bình dân này ngồi dãi thẽ ra đây lấy đèn nhà nước làm đèn nhà mình, chưa được nghe một khổ xẩm thì nào đã chịu đi ngủ cho đâu.

Bất giác Nguyễn nhớ đến cái cảnh yên nhàn một cách tẻ ngắt ở vùng quê, ở những cái làng mạc gần đường cái quan, vào cỡ mùa màng xong rồi, gặp tuần trăng sớm, tối đến, người ta kéo nhau ra tụ họp ngay trên đường cái chính xứ. Có người thì ngồi xếp xuống, quần tam tụ ngũ chán rồi thì lại thui thui trở về cái mái nhà tranh của mình ở những khoảnh vườn tản mát bên dĩa đường, lấy những bóng đen cây cau chót vót làm đích dẫn lối cho bước chân lúc đêm khuya thanh vắng. Có người thì cảm thấy về nhà cũng không hơn gì là nằm ở quãng đường này; gió thì mát giăng thì trong, họ bèn ngả lưng luôn xuống lớp nhựa đường nhẵn thín rồi thiu thiu ngủ và ngủ luôn một giấc thiên cổ. Vì sau lúc ấy thế nào cũng có một cái xe hơi 6 mã lực, 24 mã lực của một vị "ân nhân" nào đi qua, nghiêng chết họ một cách mau lẹ để giải quyết họ cho họ một vấn đề sống khó khăn và đầy tử thâm.

Nguyễn cảm thấy cái tẻ ngắt mệnh mông của đêm Thanh Hóa. Mọi đưa tiễn chàng ra tới đây, đã xa nhà đến hai ba trăm thước rồi mà cũng chưa chịu lui gót. Hai người lặng thinh đi cạnh nhau như một đôi trai gái lúc đã bén tình, chỉ nghẹn ngào mà nuốt nước dãi, sau một lời thề thốt nặng. Đáng lẽ Nguyễn mời Mọi nên trở gót về đi thì phải. Đưa nhau, tiễn khách ra về không nên tiễn xa quá. Sự lịch thiệp của con người ta cũng nên có chừng hạn thôi, không thì lại đâm

ra giả dối ngay, đã nhiều người nhận thấy cái chân lý ấy. Thứ nhất là khi cái tình của hai người chưa lấy gì làm thân, chưa có một kỷ niệm chung đích đáng nào bảo đảm hộ cho.

- Hay là nhân thể chúng ta đi đây, ta đi thẳng luôn lại hiệu cơm tây bán món một kia mà "làm" mỗi người một chén cà phê. Cho nó tiêu cơm. Tôi mời anh.

Lòng Nguyễn muốn như hơi mỉm cười. À, Mọi lại mời mình đi uống cà phê và y lại gọi mình là anh. Lần đầu tiên hai người uống cà phê với nhau trong quán và lần đầu tiên, người nọ gọi người kia là anh. Trước tới giờ, họ chỉ nói trống không, những khi phải xưng hô. Thế nghĩa là từ bây giờ hai người đã được chính thức gọi nhau là anh, bởi vì Mọi đã bắt đầu gọi Nguyễn như thế. May quá! Và hay quá! Trước tới giờ Nguyễn mỗi lần gặp Mọi, chàng lúng túng mãi về cái điều xưng hô. Thưa ngài ư? Thưa ông, thưa bác? Khó quá!

Ngửi hương cà phê chàng mở miệng:

- Anh Mọi uống ba hay là hai thôi đường?

Mọi chộp lấy phần đường của mình để trong lòng đĩa, bỏ ba cục vào chén và hỏi lại Nguyễn:

- Anh cũng ba hay hai?

- Tôi cứ dùng vào cỡ hai thôi rưỡi là vừa.

Mọi cau mày "Hai thôi, hoặc ba thôi, chỉ có thể thôi chứ sao lại còn *rưỡi* vào đấy nữa. Cái thằng cha Nguyễn tính cầu kỳ quá. Thục ở Hà Nội, cứ thấy nhiều người bảo hấn là thằng lập dị, quả không sai".

Mọi dẫn lòng mà nhìn Nguyễn bề nổi một thôi đường, thả một nửa vào chén nước đen bốc khói. Mọi dẫn lòng như chịu lấy một nghiệp dĩ.

Chàng muốn tỏ lời công kích. Đáng lẽ phải công kích cái sự cầu kỳ đó. Nhưng nghĩ lại, Mọi nhận thấy dù sao mình với Nguyễn

cũng mới ở vào cái buổi sơ đầu của giao du và, tất cả những người bạn ở trên thế giới này chỉ có quyền bắt bẻ nhau khi nào giữa họ đã có sẵn một trình độ thân mật mà thôi. Còn ra thì ai muốn làm thế nào, nghĩ thế nào cũng mặc, mình không có quyền dự đến. Cứ đòi dự vào đời riêng của người khác với nét xấu với tật lớn và nhỏ của người ta khi mà mình không có một chút quyền tình thân, quyền tình cảm nào cả, như thế tức là sự tọc mạch xấu đó. Mọi vừa quấy cả phê vừa tự nhủ.

Tối hôm ấy, Mọi về nhà, suy một chén cà phê hai thỏi đường rười chàng đã để ý đến cái trường hợp của "me-sù" Nguyễn. Nguyễn đã trở nên một trường hợp. Tối một hôm khác. Vẫn trong cái quán ăn ấy. Hai người lại uống cà phê.

Lần này Nguyễn đãi Mọi. Nguyễn đòi đãi cho được. Mọi hôm ấy rức đầu, muốn thoái thác. Nhưng chàng đã nhận lời mời, cốt để cho bạn mình gỡ xong một cái nợ miệng cồn con và cốt để cho Nguyễn cảm thấy rằng Nguyễn là người xử thế đúng phép xã giao, trong trường ăn uống, phải nợ ai một tý thì canh cánh mãi bên lòng cho đến một ngày được đền trả lại.

Hai người kể đã là người lười thôi và cẩn thận quá. Hai con người cẩn thận và lười thôi ấy hôm nay lại uống cà phê, thì một người vẫn bỏ ba cục đường và một người nữa lại cũng vẫn bỏ hai cục rười.

Cái tiệm cà phê ấy, thế mà cũng đông khách. Đủ các thứ người các giới của một tỉnh lẻ lúc đi tiêu tiền.

Ấy là mấy ông Tri Châu ở đường ngược có việc phải về tỉnh. Ông thì khoe một cái bè gỗ cho trôi từ trên ngàn về đây. Ông thì xuống trình một cây quế chính sơn vừa tìm thấy ở hạt mình.

Mọi và Nguyễn lại quay sang cái bàn bên kia, bên kia và xa xa nữa.

Ấy là đám người trẻ tuổi tóc mượt, áo sơ mi màu cà cà, đang ca tụng một thứ hàng tuyt-so ngoại quốc.

Ấy là vài ba viên chức công sở đang hỏi nhau ăn xong có nên vô trong thành đánh tổ tôm nữa hay là về nhà đi ngủ cho khỏe để ngày mai đi làm cho tốt.

Ấy là một đôi thiếu niên đang nói xấu bố mẹ, chê vợ là không có nhan sắc và cảm thấy cuộc đời là đáng buồn lắm, họ bèn ghếch những chiếc giấy véc ni không có tắt lên thành bàn ăn, ca tiếp rí rã một bài Vọng Cổ Hoài Lang; lấy dao ăn gõ nhịp vào thành cốc vaj. "Coong dzan đành kêu sương... biểng Bắc".

Ấy là hai người ả đào tỉnh Thanh, đang nèo hai người du đấng kia cho mình đi theo vào Nghệ với "- Mai anh đi Vinh, các anh cho em vào *mấy*, - Không, các anh đi Hà Nội kia mà - Thế thì các anh ăn xong về nhà em hát, rồi sớm mai các em cũng đi Hà Nội *mấy*, đánh cho thực to rồi lấy tiền hồ ra mà chi hát anh ạ. - Thế nào em cũng ké cửa anh...".

Mọi và Nguyễn để ý nhất đến cái bọn lấu tấu kia đang bàn tán về việc sở xe lửa sắp cho ô-tô-ray đi qua Thanh Hóa, có đỗ ở đây và lại nhận cả hành khách nữa.

" - Thú quá nhĩ! - Thế nhưng mà bao giờ? A thứ hai và... - Ngày mai thứ hai đấy. - Phải rồi chuyến ô-tô-ray qua Thanh Hóa lần đầu tiên. - Tôi chưa thấy ô-tô-ray đấy, thế có quê không? - Thì tôi không đi nhưng thế nào cũng phải đi xem cho kỳ được. *Mấy* giờ nhĩ? Chín giờ sớm! Được rồi...

*

* *

Sân ga Thanh Hóa, sớm hôm sau. Nguyễn đã đứng ở đấy để xem tàu cùng với những người khác nhan nhản đứng ở kia, mặt người nào cũng hí hửng một cách lộ bịch như cái mặt của một

đám người lùn chơi hội tây.

Đêm hôm qua nghe người ta khảo chuyện ô-tô-ray trong tiệm ăn. Nguyễn về nhà trần trọc nghĩ ngợi đến cái ngày mình lên đường. Lại đi, phải đi, chứ ở thế nào mãi đây được. Cả đêm chàng nằm mơ thấy những chuyến tàu tốc hành vù vù lướt trong màn tối của những đêm phiêu linh ma quái nào.

Tỉnh mộng, chàng sấm sửa thật diêm dúa, đi tản bộ lên ga để xem một cái gì mà chàng tin chắc rằng sẽ gọi cảm vô cùng. Kìa, Mọi cũng đang đứng kia. Không hẹn mà nên! Giữa một tốp người ngốc nghếch đang hếch mũi mắt lên đầu ghi phía bắc, tuy còn lâu mới đến giờ ô-tô-ray tới. Đứng giữa họ, Mọi và Nguyễn đều cho nở vài cái cười tinh quái thay một lời chào nhau. Người ta đi xem ô-tô-ray có như là xem rước. Lúc tàu từ từ vào ghi có người khách lùn kiểng mũi chân lên, tuy đứng tự nhiên thế, họ cũng thừa trông thấy tàu đến. Nó to, nó cao như thế kia mà. Có người đem cả con đi. Nâng trẻ lên. Đứa trẻ sợ hãi quá dúi cả hai chân hai tay lại như một con mẫn sắp bị quăng xuống đất. Thế rồi ồn ồn ào ào, cái tàu nhìn những người đứng đây, mà từ từ đi tới và những người đứng đây thì hơi tỏ vẻ thất vọng. Cái tàu đứng dừng lại. Ồ, nếu vậy thì ra nó cũng chỉ là một cái tàu. Một toa đầu có máy và một toa thường móc theo, hai toa đều sơn trắng. Tàu không có ống khói và lại không chạy bằng hơi than đá. Lại chạy bằng nước xăng kia. Thế có bọc không. Và nghe đầu nó đã chạy thì nhanh lắm, phăng phăng như gió.

Chiếc ô-tô-ray thấy người ta dị nghị mãi về mình một cách ngu quá, không thể chịu được nữa, bèn nổi hiệu còi đi thẳng về phía xuôi trông chừng xứ Nghệ mà tiến phát.

"Bi bùm! Bom!" Hiệu còi nghe lạ tai. Bao nhiêu người cười rộ và lại còn cứ đòi buồn cười thêm. Còi kiểng gì mà nghe như bò rống. Không mất công đi xem mà nghe lấy bằng chính cái lỗ tai của mình, "thì thực cũng không biết thế nào mà nói kia đấy các ông các bà ạ".

Người ta ở ga kéo nhau về, như là cảnh tan rập tuồng. Giấy lê dệp lết, và guốc Sài Gòn lóc cóc gõ xuống mặt nhựa đường. Nghe đến là mấy dậy.

Có những người chậm chân quá, lên gần tới ga thì tàu đã đi mất rồi phải bỏ quay về với cái chạch lười ăn năn như mình đã bỏ lỡ mất một cơ hội để làm người.

Mọi và Nguyễn nhẩn nha đi theo đám người bình dị này, nhận chân thấy cuộc đời ở đây nhẹ nhõm và nhạt nhạt, một ngày qua cũng tợ như một ngày sắp đến, và một ngày qua thì cũng là cái hình ảnh một ngày của mãi mãi. Bất giác Nguyễn làm một việc so sánh và tự hỏi nên sống ở đây cho nó nhàn cái thân hay là cứ nên sống ở cái thành phố lớn kia, lúc nào cũng phải lấy ngay cái thân mình ra mà thí nghiệm một cách đau đớn và mệt nhọc. Ở đây người thì lành của thì rẻ, gần rừng, gần bể tôm cá nhiều, gỗ nhiều, quế nhiều; có sẵn tài hoa thì không phải thực nghiệm hoặc chứng tỏ và người thiếu tài thiếu cả học thì vẫn có quyền sống một cách đầy đủ và tự túc nữa. Ở đây không ai làm méch lòng ai, bởi vì ai ai cũng đều giống nhau, ở đây mưa và gió đều có chừng hạn; sự tiêu pha cả về tiền và tâm lòng đều có chừng mực; ở mấy ai đã nghĩ đến cái say sưa của một đời sống nguy hiểm, ấm lạnh vô thường.

Án ngữ trước mắt Nguyễn và Mọi, đôi vợ chồng kia vừa dềnh dàng ra đường, vừa nói chuyện.

- Thề này thì ví dụ mình và tôi hôm nào vào thăm ông ngoại ở trong Vinh kể cũng tiện lắm đấy nhỉ?

- Chín giờ ô-tô-ray mới chạy, chúng mình ăn cơm sớm vào đến Vinh đúng mười hai giờ, không phải ăn uống gì nữa. Ở chơi với ông đến hai giờ chiều lại ra tàu, bốn giờ rưỡi đã về tới đây. Lại vừa đúng bữa ăn cơm chiều. Mà cứ kể thì cũng chả cần phải nhờ đến cụ Tư ở bên cạnh sang trông hàng họ. Bảo chú Chín chú Ấy ở nhà, không ra sở Đạc Điền một buổi thì đã làm sao.

Cả một ngày rằm tháng tư năm 1940, chuyến ô-tô-ray thứ nhất chạy qua Thanh Hóa đã là một câu chuyện thời sự nằm sẵn ở đầu lưỡi mọi người ra về thành thạo ở đây.

Đoàn ô-tô-ray đã đi qua.

Người ta nhắc đến nó ở ngã ba đường cái, ở xóm Nhà Giòng, ở hiệu cao lâu chú Lit, ở sở Ba Bò, ở vườn ông Me Sừ, ở Ty Phiên - Ty Niết, ở xóm Cầu Chanh. Quán Giò, Cửa Hậu và vân vân.

Đối với cái tỉnh hiền lành và xinh xắn này, cái ngày có một cái tàu mới chạy qua tỉnh, quả đã là một niên hiệu có giá trị của một niên hiệu lịch sử. Nó cũng làm cho người ta nhón nháo lên như một ngày hai mươi ba tháng năm Ất Dậu của Huế thất thủ.

Mọi và Nguyễn một tối gần đấy tung chuyện nói cho nhau nghe, Mọi Nguyễn lại cùng nhau gọi đến một vài ngày khác của dĩ vãng tỉnh này, nó om sòm quá như thế này; nghĩa là hàng phố đầy đường, đám tôm cua cò cá che kín mặt hè và người ta mỗi khi ra đường là y như lại cứ va phải một bác bếp khổ xanh say rượu và nói bấn.

- Anh Nguyễn có còn nhớ cái lần mà có quan Thượng Reynaud ghé tỉnh mình và đi xem cái đập Bái Thượng không?

- Hừ, đâu đã ghé bằng cái chuyện đức Tiên Đế ngự giá bắc tuần có ghé ở đây. Năm Mậu Ngọ, phải rồi.

- Tức là 1918. Thế nhưng mà cũng chưa tợn bằng cái chuyện ông *Dốp* ở Tây qua Đông Dương, nhất định đến đây thăm cái cảnh cũ, bắt bầy lại trận Ba Đình và gọi ông Đội Vinh ra mà ban cho mẽ-đay Bắc Đẩu ấy mà. Hồi xưa lúc nhà nước Tây chưa đặt xong cuộc bình định ở đây, ngài Joffre mới chỉ là ông quan ba của toán quân giao chiến với các cụ Văn Thân và lúc bị thương thì ông cụ Vinh cõng ngài chạy. Hình như cái ông cụ Vinh gác nghĩa địa tây mất rồi thì phải.

Mọi và Nguyễn cũng đều cảm thấy cái vô vị của những mẩu

chuyện đại loại như thế. Nhưng hai người thỉnh thoảng vẫn cứ phải dùng đến để lừa dối phút hiện tại: Chẳng nhẽ gặp nhau mà không nói chuyện gì thì nó cũng trơ trẽn quá. Mà nói lên thì hai người lại càng cảm thấy cái đỉnh đoảng của phút tuy sống chung mà tâm trạng mỗi người thì đều ở riêng một thế giới tư tưởng của mình. Cái thái độ ấy thực không xứng đáng chút nào với cái nhân phẩm của hai người này về mặt tài đức. Đáng lẽ họ phải chuyện trò với nhau một cách khác kia. Mọi vẫn có tiếng là một người học rộng, ở Hà Nội chàng đã nổi danh là một cuốn Bách khoa tự điển sống. Cái học của Mọi không những đã có bề sâu, mà lại còn đáng kể ở bề rộng nữa. Ở một vài cái tiểu đoàn trí thức nơi Kinh sư, Mọi đã từng lưu được cái tên mặc dầu cái tuổi của chàng chưa là mấy. Người Mọi trẻ nhưng não Mọi đã chín lắm.

Kém Mọi về mặt học, Nguyễn lại hơn bạn được một chữ tài. Nguyễn là người sinh ra để mà thờ Nghệ Thuật. Nghệ Thuật với hai chữ hoa. Người ấy quý Nghệ Thuật hơn cả thân mình. Bảy tám năm nay ở Hà Nội, Nguyễn mưu sinh bằng Nghệ Thuật và sống cho Nghệ Thuật. Việc ấy tuy không có giấy tờ nào của nhà đương chức thông báo đi trong toàn hạt nhưng đa số chung quanh đều biết cả và công nhận cho việc ấy là một chuyện có như thế.

Để được gởi cái sở năng mình vào một công cuộc gì, trong mấy năm trời ở chỗ Kinh đô ánh sáng, Mọi đã cho trưng cái tên mình vào một vài tập nguyệt san. Mọi đang theo đuổi việc phát huy tinh thần nước bằng những tỉ mỉ và suy luận hàng ngày. Công việc trước thu lập ngôn có một chương trình vững chắc ấy đâu cũng đã có bóng mây hơi nước đến cả đến những chỗ thanh khí nhiệt huyết hẻo lánh. Và từ đấy, những cảm tình độc giả ở chỗ xa xôi đều lấy làm trọng cái tên ký Mã Giang Khách - một biệt hiệu của Mọi. Người Khách Sông Mã quả đã là một người trẻ tuổi có cái học sáng suốt đủ làm quảng cáo tốt cho tỉnh Thanh Hóa quê hương.

Trong khi ấy thì cũng ở Hà Nội, Nguyễn đã làm những cái gì để cho mỗi ngày đi qua không đến nỗi là một sự hoang phí, một cơ hận tiếc?

... Chàng sống! Chàng chỉ sống. Chàng đã dám sống. Nghĩa là chàng muốn chứng tỏ ra mình đã được là mình. Nguyễn đã lấy cuộc đời làm một chỗ thí nghiệm. Thí nghiệm bằng cả một kho tình cảm phong phú của mình, thí nghiệm bằng cả một quãng hoa niên tươi thắm của mình.

Những cuộc thí nghiệm thành thực và can đảm thường để lại vô khối là sứt sẹo trên thân hình một cái trí tuệ muốn ngược lại dòng chúng nhân, muốn vượt ra ngoài những khuôn sáo hèn nhát.

Tuổi hoa niên đã đi qua.

Thành Kính và Tin Tưởng cũng đã đi qua.

Bây giờ lòng Nguyễn mệt mỏi. Ở trong một người mệt mỏi ấy, tín thành đã nhường chỗ cho khô cạn và ngờ vực.

Cuộc thí nghiệm nào cũng trị giá rất đắt.

Và có một lúc, người ta không thể trì hoãn được món nợ đã tới kỳ phải thanh khoản.

Nguyễn đã trở nên hoài nghi và cay cú với nỗi sống. Từ một người trẻ tuổi bình dị, Nguyễn đã thành một kẻ có một tâm hồn phiền phức đến điều. Chốc buồn đấy, chốc vui đấy, ngủ lúc đứng, ăn lúc nằm, đi tản bộ trong cơn mưa rào; khi không, tại một tiệc thọ vui và đông lại đi khóc một người cố hữu đã khuất bóng từ bao giờ và gọi ra toàn những chuyện đề chủ cùng mũ mấn áo trăm thời giữa một tiệc cưới mà thực khách đều mặc toàn áo gấm chần. Với Nguyễn, những điều như thế, kể sao cho xiết.

Người chung quanh thực đã đến lúc không chịu được Nguyễn. Người ta không e dè nữa; người ta đã bất bình mà nói thẳng vào mặt Nguyễn rằng trước mặt họ, chàng là một cái bướu nhon, nếu chàng

chưa hẳn là một cái đỉnh, một cái gai. Trông chừng mắt lắm. Phải nhổ đi, nếu đôi bên còn muốn sống chung với nhau để mà "làm ăn"!

Nguyễn cũng thừa biết rằng giữa chàng và chung quanh, thực khó lòng mà có được sự hòa thuận. Cái hồ cách biệt mỗi ngày một rộng thêm mãi. Như thế này sẽ đưa đến cuộc ly dị. Muốn "cho được mình vẫn là mình" Nguyễn cứ phải găng mãi với chung quanh. Phải đương đầu. Phải khai chiến. Phải đánh nhau với chung quanh. Nguyễn vẫn bướng bỉnh. Chàng vẫn còn sung sức. Chàng tin chắc ở chàng, không sợ hãi chút nào.

Và chưa bao giờ chàng nghĩ đến chiến bại.

Bởi vì chàng thấy mình còn khỏe lắm, răng khỏe, miệng khỏe, chân khỏe, óc khỏe, chàng vội cần gì đến đời. Đời, chung quanh chàng, nếu cứ như thế này mãi thì chán mới đời!

Bao giờ tôi và yếu tràn ngập thân thể, bấy giờ sẽ hay.

Lúc bấy giờ có lẽ - có lẽ thôi - Nguyễn sẽ trông vào độ lượng của cuộc sống. Chàng sẽ bớt kiêu hãnh, bớt kênh kiêu, chàng sẽ nhượng bộ ít nhiều. Rồi có khi chàng còn phải đi ăn mày lấy cảm tình của chung quanh nữa kia. Để mà níu giữ nổi được chút ít tình cảm riêng của mình. Cái lúc suy yếu, biết đâu!

Ngay bây giờ, nếu chàng muốn được yên thân thì thực cũng chẳng khó gì. Chàng chỉ ngỏ ý giảng hòa với chung quanh một tiếng thì tất cả mọi người lại nhận chàng ngay. Người ta chỉ yêu cầu chàng có một điều là chớ nên làm khác với chung quanh. Phải sống với chung quanh. Làm khác, nghĩ khác tức là giặc, là không thể làm thế được.

Ở một chỗ mà mọi người đều cho cuộc đời Tào Hó đã an bài đến như thế là "cừ" lắm rồi, ở một chỗ mà mọi người đều lấy làm há hê với số phận, ai để yên cho "hắn ta" dấy loạn? Cho hắn ta làm khác? Thôi, nên hòa đi, nên nhường đi.

Những lúc này Nguyễn đã cần gì đời. Bao giờ phải cần đến sự đỉnh chung của thế nhân thì sẽ hay. Đời cái thằng Nguyễn ngổ ngược và can đảm này đầu sao cũng còn dài đằng đẵng, đã lấy gì làm vội, đã lấy gì làm chậm!

Vậy là Nguyễn cứ tin ở điều mình nghĩ và trên con đường đời, y lượm những hòn đá thực to ném lung tung, bất kể là trúng đích hay là trật sang bên cạnh. Chàng hãy cứ biết mình là phải ném đá. Chàng ném đá vào đầu vào mặt rất nhiều người. Cả người quen nữa. Có nhiều hòn lại dính cả máu người thân trong nhà. Viên đá quăng, có khi là tỏ một tiếng cười phẫn, nhưng thường thì đều là những lời khóc than.

Chàng đã cúi xuống nhặt những viên đá tai mèo cạnh dom dóm máu và tự nhủ rằng "rồi một ngày kia ta sẽ có dịp xây dựng nên một cái gì bằng những hòn đá có thương tích và tang chứng đồ ngòm này đây".

Thế rồi, cũng như những người khác tí toc, chàng cũng trước thư lập ngôn. Chẳng lập công, chẳng lập đức - ở cái thể kỷ "bố lão" này, ai dám cả gan nói đến chữ đức? - Chàng lập ngôn vậy.

Ngôn của Nguyễn lủng ca lủng củng đâm dẫn cứ như đâm vào họng. Đọc đến, nghĩa tối quá lời thâm ông Trọng. Người ta càng đọc, càng không hiểu Nguyễn định nói cái gì với chung quanh. Văn gì mà cầu kỳ quá, kênh kiệu quá và chẳng có chương tiết nào là hồn hậu cả. Người ta "kêu văn hấn không có hậu". Nghĩa là nếu Nguyễn có viết một cuốn *Kiều* thứ hai lẽ tất nhiên là không bao giờ có cái đoạn Kim Trọng tái hợp! Ở cái thời và cái xứ Nguyễn đang sống, người ta xét lời của sách có như là phê bình thơ bát cú Đường luật về quăng hậu bán thập cửu thể kỷ, nghệ thuật chưa hả hết mùi luân lý của thời đại.

Có những vị độc giả, muốn làm được một điều thiện rất ngu, rất kệch cỡm và rất hời giả dối với tác giả, đã bảo thẳng vào mặt

Nguyễn rằng muốn có nhiều độc giả thì "Chúng tôi xin ngài nên giản dị và sáng sủa cho nhiều nhiều vào".

Một người bạn đồng nghiệp có địa vị ngồi một chiều cặp điều riêng trái ở giữa làng văn, lúc đọc sách chàng đã phải đeo đến hai cặp kính tuổi trông lên nhau mới nhìn thấy mặt chữ, đã nói kháy tác giả, lúc tan một buổi họp thảo luận dự án về thể lệ Hội Nhà Văn.

- Tác phẩm của tiên sinh quả là đi trước thời đại, e những người đồng thời của tiên sinh không theo ngang cho kịp được. Nên kim cái đà của mình lại thì có hơn.

Nguyễn cũng biết ông bạn già có ý nói mát mình; ăn miếng phải trả miếng, chàng cũng lạm mượn luôn một câu của danh sĩ kia mà kính đáp:

- Thừa túc hạ, bỉ nhân cũng ngờ rằng độc giả của bỉ nhân chỉ rải rác ở tận tương lai thôi. Những lời túc hạ chỉ giáo, bậc này xin cảm ơn lắm.

Thế rồi bất chấp những lời chỉ giáo ấy, Nguyễn cứ lập ngôn một cách bướng bỉnh. Đời nó ngu thế, không bướng thì sao có được? Chàng đã thành thực trong cái bướng bỉnh, thành thực cho đến sống sượng, cho đến phũ phàng. Sự thành thực tàn bạo ấy đã làm cho người chung quanh lấy làm tung tức và từ chàng.

Nhưng cả một nỗi hậm hực của chung quanh cũng chẳng làm cho chàng thay đổi chiều mà phát ngôn. Bởi vì Nguyễn tin sự thành thực là một đức tính, là một quan điểm của nghệ sĩ chính hiệu.

Nguyễn đã dùng một quyển sách in để tỏ rõ cá tính mình. Cuốn sách đã đánh dấu sự chàng có mặt ở cuộc sống này - một cuộc sống đầy bất mãn và uất kết của người trong cuộc, phản lại nỗi lèm nhèm let đẹt, lờ mờ, luộm thuộm và bằng lòng của tất cả chung quanh.

Lúc Nguyễn mới giao thiệp loàng xoàng với chung quanh, người ta đã không chịu được chàng rồi. Bây giờ Nguyễn lại "làm sách" để

ghi lại những cái lỗi bịch mà sự chung đụng mỗi ngày càng vạch rõ thêm, người ta lại càng không thể tha thứ cho chàng được nữa.

Có người đòi đánh Nguyễn.

Chưa bao giờ Nguyễn thấy mình cô đơn đến thế.

Nói cho thực, có một người vẫn còn chịu công bằng đối với Nguyễn. Người ấy là Mọi.

Mọi không muốn a dua, không muốn thiên lệch và lại còn muốn lân tài nữa. Nhưng chết một nỗi, cái tài ấy lại là Nguyễn. Nguyễn lại là người không cho ai thương mình. Tài vốn hay tự phụ mà lòng tự phụ của Nguyễn bấy lâu nay đã thành một câu ngạn ngữ. Mọi thừa tư cách để bênh vực Nguyễn ở trước mặt mọi người, ở những nơi hội họp lựa lọc kỹ, quý hồ là Nguyễn có tìm tới mình để than thở với mình ít ra là một lần, bằng một giọng thân mật.

Mọi cũng là một người giàu lòng tự ái lắm. Chàng muốn người bạn cùng tình với mình phải khuất phục mình đi một chút và phải tìm lấy một dịp phải chằng nào để nhận mình cũng là một cái gì ở cõi đời này. Mọi nhất định tin mình cũng là một bó đuốc. Về một câu chuyện tự ví mình là một bó đuốc, đến bây giờ mỗi lúc nhớ đến, Mọi vẫn lấy làm cay cú mãi với Nguyễn.

Đâu một lần có một người hay đôi co mách lẻo, đã bảo Mọi rằng "Thằng Nguyễn nó có nói chuyện đến anh, nó cũng nhận anh là một bó đuốc thực đấy. Nhưng nó bảo cái bó đuốc ấy chỉ đủ dùng để bắt một con ếch ở một thửa ruộng đêm xâm xấp nước thôi".

Chẳng biết Nguyễn có ý bắn tin ấy cho mình để châm chọc khinh thị mình, hay là chỉ nói để mà nói theo một cái tính quen trào lộng - nhưng nghĩ đến, Mọi không thể không giận và không báo thù được.

"À ra nó lại khinh cả mình".

Tính Mọi dễ dãi và lại hay nhũn nhặn và thích đánh bạn. Đối

với những người quen biết vương phải sa ngã, chàng hay viện những trường hợp giảm đáng ra để bào chữa cho họ. Chàng không giận đối ai được lâu. Một chai rượu bé của một buổi ăn tạ lỗi là đủ gột sạch hết phiền giận cũ khỏi lòng chàng. Mọi thường lấy cái nghĩa trung dung ra làm cái đạo xuất xứ ở đời. Chưa hề bao giờ chàng đứng vào thái cực để nhìn tới một cái gì ở chung quanh.

Đời chàng vậy mà cũng cổ vại cái mộng.

Nhưng chưa bao giờ chàng dám mơ ước đến những cái to tát mặc dầu chàng cũng biết rằng những cái hoài bão hùng vĩ ấy chỉ là những vọng tưởng vui vui cần có, để giữ mình trong cái sống khó khăn và đậm đậm này. Chàng vốn không quen với những cái lồng lộng.

Về quan niệm nhân sinh, Mọi chủ trương rằng sự nghiệp con người ta là nên *hoành* chứ không nên *tung*. Tung thì nó vang dội âm lên một thời nhưng không bền bằng hoành. Mọi muốn tỏ hết cái khôn ngoan của mình khi nói thế.

Không ai chối cãi rằng Mọi không phải là một người khôn ngoan. Chàng lại khôn quá nữa kia. Trong cuộc sống riêng của Mọi, vì khôn ngoan quá mà chàng đã làm mất hết cả cái thú của việc mình tìm mình. Mọi khôn quá thành ra hèn nhất.

Đời chàng xếp tính gọn quá, thành ra không có một cái gì là bất thành linh cả. Cả đến những văn phẩm của chàng về mặt tiểu thuyết cũng thiếu hẳn cái đẹp của đột ngột. Những công trình ấy rất thông minh nhưng vẫn thiếu sôi nổi của cảm hứng mạnh, thiếu những hơi thở nồng.

Mọi là một người công chức cả đến trong công việc sáng tạo - cái công việc duy nhất có thể lưu một cái tên mình cho nghìn sau.

Những nhân vật, những anh hùng, anh thư trong tác phẩm Mọi, người nào cũng cẩn thận suy tính và khôn róc máu. Văn vốn là người. Ở hơ.

Nguyễn đã rẽ rúng Mọi. Vậy mà có lần Mọi lại làm thơ nữa. Con người như thế mà cũng bắt thiên hạ in thơ mình thì có gan dạ không? Đọc tập thơ Mọi, Nguyễn đã lấy làm khó chịu quá. Chàng phán xuống một câu

- "Thơ gì mà cục gạch thế này?"

Câu ấy chưa ác bằng câu này:

- "Hắn nếu có bỏ nghiệp văn theo nghiệp võ, làm đến Đại tướng thì có mặt kiếp cũng không dám hành binh bằng một cuộc đại tấn công nào. Chỉ có đánh úp vật vất mà thôi. Y như những cuộc chiến tranh sài mòn ở Y Pha Nho hồ Nã Phá Luân thời Đê Chính thứ nhất".

Câu ấy lại lọt vào tai Mọi. Lại giận nữa, lại thù nữa. Nhưng Mọi vẫn tự an ủi mình rằng những cái tài ở cùng một thời và một nước, lẽ thường là ít chịu phục nhau và dễ dèm pha nhau lắm. Trời đã sinh Mọi, sao còn sinh Nguyễn!!!

Ở Hà Nội, nhiều ngày đẹp như nạm xà cừ, buổi sáng cũng xanh đỏ trắng tím vàng, buổi chiều cũng xanh đỏ trắng tím vàng. Nhớ đến quê nhà Thanh Hoá, Mọi không thể ngồi yên mà làm việc được.

Chàng đội mũ đẹp đi ra đường.

Chàng muốn tìm một linh hồn bầu bạn để gạn sẻ vợi đi một chút lòng quê.

Chàng nhớ sang bên phải, chàng nhớ sang bên trái, chàng nhớ tới Nguyễn.

Ồ, cái thằng Nguyễn là một tâm hồn thi sĩ. Nó lại cũng đã sống nhiều với Thanh Hoá. Tìm nhau để ăn một cái gì, xem một cái gì, uống một cái gì. Vào khoảng hai tộp, vào khoảng hai miếng, hai người sẽ nhắc đến dăm bảy cái kỷ niệm cũ ở tỉnh nhỏ quê nhà nhì!

Đáng thương hại thay! Những người đi xa khỏi cố hương mà lại không có lấy ít ra là một người bạn ở cùng tỉnh với mình để mà nhắc nhỡm đến chốn chôn rau.

Mọi thành thực muốn cầu thân. Chàng liền đi tìm Nguyễn.

Chàng đã co cong ngón tay trở lên, định gõ ngay vào tấm cửa nhà Nguyễn trọ.

Nhưng Mọi lại bất giác nghĩ đến cái thái độ khinh bạc của Nguyễn. Chàng ngập ngừng rồi đành phải quyết định. Mạnh bạo, Mọi lại đặt mũ lên đỉnh đầu rồi đi thẳng con đường của mình.

Ánh sáng ngày vui lọc qua những vòm lá cây sấu mọc bên thông cù. Tia sáng ngày đẹp lọc qua lớp lá xanh trong thẳm xuống đường rộng, thẳm vào lòng Mọi đang cỗi mở. Chàng muốn trở gót lại gọi: "Nguyễn ơi! Bao giờ hai ta được gần nhau cho đỡ mệt trong sự sống?" Nhưng giữa Nguyễn và chàng vẫn day dứt mấy câu chuyện về "bó đuốc bắt ếch", "câu thơ cục gạch", "và những cuộc chiến tranh sài mòn ở xứ Y Pha Nho". Thế này thì quá lắm, Nguyễn ạ.

Mọi đành cứ để nguyên bộ quần áo đẹp quá như thế mà đi chơi một mình. Buổi chiều ấy chàng ăn tiêu vung lên như một cậu học sinh mượn tiếng đi du học phương xa gặp ngày cha mẹ gửi cho một tấm măng-đa thừa thãi.

Tiền vung lên đã hết, Mọi mới buồn rầu khi phát mình ra được một sự thực rất ghê gớm là cái bọn cầm bút chúa là hay đổ kị lẫn nhau.

Ông nào cũng một chứng một tật. Không ai chịu ai cả. Trong cái chính phủ Cộng Hoà của Văn Học, ra chưa có bao giờ người ta hoà thuận cả.

Từ cái buổi cầu thân hụt với Nguyễn, Mọi yên chí rằng không bao giờ hai người còn có thể gần nhau được nữa. Chàng đã đi quá sự chịu khó rồi.

*

* *

Nói cho đúng thì thỉnh thoảng hai người cũng có dịp bắt tay nhau ở những nơi đông đúc.

Ở một tiệc cưới, ở đuôi đám ma, ở cửa một hý viện hoặc ở gian hàng sách tây những ngày có kỳ tàu Pháp mới tới.

Có lẽ hai người đã gặp nhau nhiều nhất ở cái cửa hàng sách bán báo tây này. Hai người niềm nở bắt tay nhau.

- Ông Nguyễn lâu nay có về Thanh Hoá không?

- Kìa, ông Mọi. Tôi mãi chọn báo không nhìn ra ông, ông thứ lỗi.

- Lâu nay ông có năng về Thanh không?

- À... không ông ạ... ô, thế ra ông cũng không hay về. Vậy chắc hai cụ ở nhà lại phải năng ra chơi với ông?

- Hay là mai kia chúng ta cùng hẹn nhau về chơi Thanh một chuyến. Ông Nguyễn nhỉ? Ông nghĩ sao?

- Cái việc đó tôi cũng chưa từng nghĩ tới. Có lúc tôi cũng mong được như thế, nhưng tính tôi bất thường và bất định lắm. Chưa bao giờ tôi định trước được lấy nửa ngày, trước khi đi. Tôi đã đi là đừng một cái là tôi đi thôi ông ạ. Tôi đi đâu - giả thử có đi đến ngoại quốc chẳng nữa - thì cũng chỉ có cái cặp nhỏ, cùng giả lắm là một cái va ly. Gọn lắm, ông Mọi ạ.

Nguyễn cười rất xã giao rồi lại cúi xuống chọn tiếp đồng báo mới.

- Nay ông Nguyễn, tôi nói thực với ông, đến ngày kia tôi về Thanh đấy. Đi bằng ô tô nhà. Tôi sẽ lại đón ông nhé? Về một mình trong ấy, tôi không có ai là bạn tri âm cả. Buồn lắm.

- Không có tri âm thì cũng là đáng buồn thực. Nhưng này ông Mọi, ông tưởng chỉ có một mình ông là không có tri âm thôi hay sao? Còn vô khối người khác cũng bị khủng hoảng về bạn; có lúc cô quanh quá tưởng có thể lăn đùng ra mà chết ngay được. Nhưng tôi chưa thấy ai chết vì thiếu bạn cả. Trái lại, tôi chỉ thấy người ta chết vì "đã" có nhiều bạn quá, ông ạ.

Nguyễn khoan thai nói, chàng rất lễ phép: lễ phép ở khuôn mặt, ở cả hai chân, ở cả hai cánh tay. Thế mà xưa nay cứ tin vào lời người khác nói thì Mọi tưởng Nguyễn phải có những cử chỉ lâu linh đảm đảm và cả khía nữa kia.

Nhưng Mọi lại ngờ ngợ rằng những cách lễ phép đó là một khi giới riêng của Nguyễn dùng để giữ mình trong cuộc sống. Chẳng có lẽ một thằng tự phụ và khinh người như mẽ ấy lại tôn kính được mỗi người chung quanh một cách quá đáng đến dường ấy hay sao? Có lẽ Nguyễn dùng phép xã giao lạnh lẽo và lễ độ để ngăn rào mình và không cho chung quanh đứng gần khít mình quá. Hình như đã có một người quý tộc nào nói rằng: "Lễ độ là một cái gậy đặt từ khoảng mình cho tới một bọn thất phu - một cái gậy nó tránh cho ta khỏi phải đánh đập nữa kia".

Ngẫu nhiên nhớ một cách mơ hồ đến một câu tư tưởng bằng quơ, Mọi thấy bức mình quá. Nếu thực như thế thì ra cái thằng Nguyễn lịch sự kia là một thằng đều cẳng đến tuyệt luân.

Chàng lại thấy mình đại đột và hờ. Bỗng dưng đi lồi tù trong đầu ra cái câu nói cay chua của nhà quý tộc nọ mà làm gì?

Không, nhưng không phải thế. Nguyễn nó lễ phép là bởi vì nó lịch sự, là bởi vì nó là con nhà gia giáo, bởi vì nó có học. Chỉ có thể mà thôi. Đừng nên bàn ra bàn vào và mặc mải ra. Đã bới đến bèo thì thế nào cũng ra bọt. Mọi thấy diu diu trong người.

Muốn bắt lại câu chuyện ban nãy, Mọi bèn ghé sát vào Nguyễn.

- Người ta nói ông hay có tính khôi hài và trong đùa bỡn thường ngụ một ác ý. Vừa rồi ông khái luận sơ sơ về cái nghĩa tri âm, chẳng hay là câu nói đùa hay là câu nói đúng đắn? Có lẽ lần này là lần đầu tiên mà tôi với ông nói chuyện dài dòng với nhau.

Nguyễn lại để bó báo xuống. Chàng cố nhớ lại xem ban nãy mình đã thốt ra câu gì mà xem chừng cái ông Mọi này lấy làm băn khoăn lắm thế.

- A, tôi nhận thấy ông ihan thờ về sự thiếu tri âm ở quê nhà nên tôi cũng nói theo vào rằng xưa nay chính vì người ta có nhiều bạn mà sinh ra lụy. Ông tưởng tôi đùa sao? Ông ngẫm kỹ mà xem, xem có phải rằng cái người cướp vợ mình thường chỉ quanh quẩn ở đám bạn thân của mình không? Và biết được những nhược điểm của mình để hại mình đến không ngóc được đầu dậy nữa thì thường vẫn là một người tri kỷ của mình không? Người ngoài, người sơ giao mấy ai đã biết rõ lòng mình để hại nổi mình cho thấu đáo? Hại nổi được mình thì chỉ có hoặc là Giời hoặc là người tri kỷ thôi, ông Mọi ạ.

Nguyễn nin bật và hình như lấy làm hối tiếc vì mình đã nói nhiều quá. Chàng không ngờ rằng mình có thể vui miệng và rườm chuyện đến như thế, chàng tự nhủ: "Thôi thì lần sau nhớ gặp phải Mọi ta không như thế nữa. Ta sẽ không bép xép một cách tầm thường như vừa rồi. Ta chỉ lễ phép chào hỏi và nếu sợ như thế là không tiện thì ta hỏi thăm hỏi thêm một tý về sức khỏe của hắn, để cho hắn khỏi trách ta là lãnh đạm".

Mọi cũng không ngờ rằng Nguyễn lại có một cách nói chuyện vốn vã như bữa nay. Ô thế ra người chung quanh hay đặt điều thực. Ra họ đặt điều ra để nói xấu Nguyễn. Họ nói Nguyễn là một thứ người có một bộ mặt lạnh như người Ăng Lê và quả ngôn cũng như người Ăng Lê. Đâu có thể.

Một lần khác gần Nguyễn. Thấy chàng không có ý gì lánh mình, Mọi đánh bạo mời một câu:

- Chẳng mấy khi được gặp, nhân tiện hôm nay được gặp ông, ông ở đây, tôi muốn mời ông đi xơi cơm chiều cùng tôi. Chỉ có ông và tôi thôi.

Nguyễn vẫn nhìn xuống đồng báo hiệu sách. Mọi nói tiếp, giọng thân mật hơn:

- Chỉ có hai chúng mình thôi. Trời hôm nay đẹp lắm. Minh ở

đây đi ra ngắm vài phố tây rồi nhẩn nha đến hiệu ăn là vừa. Ông Nguyễn thường hay dùng cơm ở tửu điểm nào?

Mọi lịch sự, muốn dò ý xem Nguyễn thường hay thích ăn uống ở hiệu nào thì chàng sẽ mời luôn bạn đến ngay hiệu ấy. Mọi có được nhĩa ý ấy vì chàng vừa chợt nhớ đến một thói quen của những người đi hát lịch thiệp, người khổ chủ châu hát thường phải chiều bạn đưa ngay người bạn xuống nhà cái cô đào nhân tình thân của người bạn.

Nguyễn lễ phép không nhận bữa cơm mời, chàng đã nói dối rất khéo để từ chối.

- Tôi rất lấy làm tiếc, chiều nay tôi phải nhịn cơm vì vào khoảng tám giờ tối tôi phải đi tiêm thuốc. Thuốc Novar senobenzol. Tiêm vào mạch máu.

Mọi biết ngay là Nguyễn nói dối. Người hẩn chắc chắn như thế, tính không chơi bậy, trên người không có sẹo đe của chúng giang mai thì việc gì mà tiêm 914? Nhưng thôi được đã muốn xa nhau thì cũng xa nhau. Có khổ gì chuyện ấy. Nguyễn muốn lánh chàng thì hà tất từ rầy trở đi chàng có cầu thân nữa.

Thế rồi hai người trịnh trọng bắt tay nhau ở cửa hiệu sách. Cái bắt tay sốt dẻo ấy đã đánh lừa được hết thầy khách qua đường. Người ta gọi xã giao là một nước sơn xì rất loáng.

Còn gì khó chịu bằng sự hai người đã ồn ào từ biệt nhau rồi mà lại còn đi chung một đoạn đường, và lại cùng một bờ hè, cánh tay sát cánh tay. Mọi và Nguyễn bắt tay nhau rồi mà lại không ngờ rằng cùng phải đi ngược lên phố Bôn Be.

Bực nhất là đà chân người này lại đều ngang với chân người nọ. Hai người tuy không muốn, mà thành thử cứ song song trên lề gạch. Mỗi hòn gạch vượt qua bực như một ngày sống gượng.

Cái tình thế của hai người bộ hành Mọi và Nguyễn lúc này thực

là mập mờ và gian lận nữa.

Không muốn kéo dài nỗi bức mình cứ theo gót mình mãi, đến thăm nhà Địa ốc ngân hàng, Mọi rẽ ngang, vờ vào trong ấy, ngắm lũ cả vát bày nơi tủ hàng một hiệu thợ may tây.

... Từ đây trên những con đường Hà Nội... hai người không gặp nhau. Bây giờ thì hình như Mọi lại tránh Nguyễn.

Ác nhất là những người chung quanh, họ nói chuyện có lắm câu cứ như móc được từng miếng thịt lòng người trong cuộc. Thà họ cố tình hại nhau thì cũng không sao. Nhưng đảng này chỉ là họ vô ý thôi. Họ đã vô ý hỏi Mọi:

- Ông Nguyễn cũng người Thanh Hoá đấy ông Mọi nhỉ? Người cùng tỉnh mà sao các ông không hay chơi với nhau nhỉ? Người ngoài họ nói chán ra đấy. Họ nói chắc các ông có hiềm khích gì.

Muốn cho hết những lời bàn tán tò mò của chung quanh, Mọi đã vờ nói chuyện một cách úp mở, cố nói láo cho thật khéo để cho họ phải hiểu lầm rằng: giữa Nguyễn và chàng đã có một kỷ niệm đàn bà rất khó chịu.

"Có hai người đàn ông cùng tỉnh đã xa nhau vì giữa họ đã có một người đàn bà".

Cả một cốt chuyện; cái đầu đề ấy vui đấy và người chung quanh thế nào cũng "nuốt" phải. Mọi tự nhủ mình với một cái cười láu lỉnh.

*

* *

Hai người thiếu niên trí thức ấy tưởng suốt đời sẽ không bao giờ gần nhau. Họ đã nhận xa cách ấy như là nhận lấy định mệnh. Mọi và Nguyễn là Sâm và Thương trên một nền trời kinh đô.

Nhưng sự tình cờ của một chuyến cùng về đã làm cho họ gần nhau. Những ngày tẻ tẻ ở Thanh Hoá đã làm cho Mọi và Nguyễn được sống cạnh nhau. Nói là phải sống cạnh nhau thì đúng hơn. Lòng họ chưa chắc đã gần nhau. Nhưng hình xác họ đã chạm nhau ở một sân ga, ở bàn hiệu ăn, ở quanh những bữa cơm gia đình.

Ở Thanh, một buổi tối ngồi đánh đấm lòng mình vào đầy một cốc rượu đỏ như máu Chúa lúc xả thân cứu thế, Nguyễn ngồi co tay tính đếm đến những ngày nghỉ ngơi ở đây. Thế mà đã được đúng mười ngày rồi. Gọi là về chơi thăm nhà thì như thế cũng đã là nhiều lắm.

Nguyễn ngắc đầu nhìn lên bức tường tửu quán; ở đây có dính một bản cáo thị giờ xe lửa sở hoả xa vừa xếp đặt giờ tàu lại. Cốc rượu đỏ trên mặt bàn ăn kẻ ô con cờ màu xanh bề vằn bồng chồn sủi lên những cái tấm men.

Mọi hỏi Nguyễn.

- Anh đang nghĩ gì?

- Mai tôi đi.

- Tôi còn giữ việc nhà. Mất vài hôm nữa. Anh xem có thể nán lại vài hôm nữa được thì chúng ta sẽ cùng ra cả. Đã cùng về một chuyến tàu, giá lúc ra lại cùng đi với nhau một chuyến thì thú biết mấy.

- Ôi, vế. Ở người anh vẫn còn nhiều tình cảm lặt vặt quá. Thôi, mai tôi đi. Anh ra sau vậy. Chúng ta gặp lại nhau ở ngoài ấy.

- Nhưng khoan đã, ở đây ra về anh hãy tạt qua lại đằng tôi một lát. Nào ta cùng đi.

Ý Mọi muốn Nguyễn sẽ lại chào cha mẹ mình một tiếng trước khi đi Hà Nội. Chàng không muốn nói to cái điều nghĩ thầm ấy, bởi vì chàng vừa tính rụt rè và một phần nữa vì chàng tin sự giao hữu chưa lấy gì làm thân mật giữa hai người đâu đã cho chàng cái quyền đòi hỏi bạn một cử chỉ lễ phép đối với cha mẹ mình. Vả chăng, những

cử chỉ ấy để nó xuất tự lòng người ta ra hơn là tự mình mách bảo.

Chẳng hiểu Nguyễn có xét đến bản khoản đó của lòng Mọi không, hay là chàng có nghĩ đến mà không lấy làm đều. Chàng chỉ lạnh lùng bắt tay Mọi với một câu "Anh ở lại cho vui". Mọi nhìn Nguyễn thoăn thoắt bước đi, dáng cứng cỏi, cái mặt lạnh không một nét cười. Chàng không ngoảnh đầu lại, theo thường tình con người ta muốn lưu lại cho nhau chút dư vị của phút đã chia tay.

Mọi lại hồi tưởng đến cái tình thế giao thiệp rất căng giữa hai người ở "ngoài ấy", trước khi chàng và Nguyễn có dịp gần nhau trong ít ngày vừa rồi. Lúc hai người còn lấy chữ "ông" ra xưng hô chàng xét lại thì Nguyễn vẫn thế nào ấy? Cái tình giao hữu trong ít ngày vừa rồi ở Thanh, tuy ở phía chàng thì chàng đã chịu nhượng bộ rất nhiều mà Nguyễn thì vẫn đuंध đuंध lòng khùng không ra hàm dưỡng mà cũng không ra hẳn phóng túng. Nhưng nói cho cùng thì kỳ này về Thanh, có Nguyễn ở bên cạnh để nói chuyện phiếm thế mà cũng hay. Chẳng gì Nguyễn cũng còn lý thú hơn chán vạn kẻ ở đây. Trong cái đám bạn cũ của Mọi ở cái tỉnh nhỏ này thì họ tầm thường quá, họ thiếu cần quá. Kiến thức họ đã không có gì, mà xét về đời sống của họ tùn mủn lẫn cả trong cái đức cái nết làm người và cả trong những tật lỗi của hành vi.

Nguyễn đi rồi, bỏ trở lại Mọi cho cuộc đời bằng phẳng ở tỉnh nhỏ. Mấy lần trước thì không sao; nhưng chuyến này có Nguyễn ở cạnh để mỗi buổi tối dạo phố bàn hã về trời nắng trời mưa, bỗng chốc vắng Nguyễn, Mọi thấy thiếu một cái gì. Chàng vẫn đến cái từ điểm cũ để uống cà phê như mấy bữa nọ và tự hỏi lòng xem những lúc nao nao độc ẩm như thế này, có thật là mình đang thèm nhớ đến ai không. Và một người khinh bạc và chương và tự phụ như Nguyễn thì có đáng cho mình nhớ đến không? Cõi đời này thiếu gì thanh khí, thiếu gì người hay để chơi mà lại cứ phải đuổi theo hình ảnh của một người kiêu bạc đã xa vắng!

Sự giao tình giữa chàng và Nguyễn chẳng qua còn đang ở thời kỳ thí nghiệm. Một cuộc thí nghiệm ở trong hoàn cảnh không chắc chắn một tình nhỏ, thiện cảm của chàng đối với Nguyễn vẫn chưa có thể gọi là định được.

Dầu sáo buổi tối này, giá có được "hắn" ngồi cùng bàn với chàng, trước mắt chàng, thì chén cà phê của Mọi vẫn có thể dậy hẳn mùi thơm lên.

Nguyễn vừa trở về Hà Nội mới được có hai hôm thì có người bạn cố giao tên là Bình đến chơi và sùng sộ hỏi luôn ngay.

- Tao cảm mày chối. Có phải dạo này mày đã là bạn thân của tên Mọi không? Mày đang kết giao với nó phải không?

- Ai bảo?

- Hôm nọ tao cũng vào Sầm Sơn ba ngày. Tao thấy mày và thằng Mọi cùng tắm với nhau. Áo tắm của mày màu tím, thằng Mọi đỏ; tao cũng tắm ở gần cái mảng luồng mà bọn chúng mày không biết. Tao thấy mày và Mọi lấy tay vớt bọt bể sóng bạc đầu đưa cho nhau ném một cách thân yêu nhau quá, thành thử tao phải lánh đi chỗ khác. Tao không chịu được thằng Mọi cũng như nhiều lần mày đã cả tiếng phê bình như thế về nó.

- Sao thấy tao ở bãi bể mà mày lại cố tránh mặt tao hở Bình?

- Bởi ví lại chào mày, chẳng nhẽ lại không chào cả thằng Mọi thì nó cũng khó coi lắm. Tao đã làm một việc từ thiện mà chúng mày không biết đấy thôi. Tao tin rằng lúc ấy tao lại gần chúng mày để bắt được mày và Mọi đang quả tang đánh bạn với nhau thì chúng mày sẽ ngượng với tao lắm. Nếu tao không nhớ nhầm thì từ trước đến giờ, có hai đứa nào nói xấu lẫn nhau, thú vị nhất và nhiều nhất thì là mày và thằng Mọi. Mày mà "sục" được thằng ấy thì cũng là giỏi lắm đó.

Nguyễn mỉm cười, nghiêng mình dậy, thấp thêm một điều thuốc nữa, gửi tầm mắt vào khoảng không.

- Mà y có thể cho tao biết về sự hiển linh gì mà mà y lại chơi được với thằng Mọi không?

Câu hỏi đột ngột ấy đã làm Nguyễn phải suy nghĩ. Chàng suy nghĩ trong bốn hôm, năm hôm, trong cả một tuần lễ để đến một hôm thứ tám thì có một người quen tiến vào nhà với một lũ hành lý và bộ quần áo nhem nhuốc của đường trường. Kia Mọi, mặt và cổ Mọi lấm chấm những than bụi tàu hoả.

- Tôi vừa mới ra, ở ga về luôn đây.

Mọi chẳng cần phải nói, Nguyễn cũng thừa biết rằng chàng ở ga về luôn đây. Nhưng sao lại về luôn đây? Mấy ngày chung đụng vừa rồi ở Thanh Hoá đã lấy gì làm đảm bảo cho thân tình để một người có quyền xông vào nhà một người? Cái cử chỉ này của Mọi chẳng hoá ra hớ và sỗ lắm sao?

Nguyễn kéo ghế mời Mọi ngồi, rất lấy làm nghĩ ngợi. Chàng vốn là người khùng khỉnh ở chỗ công chúng nhưng lại là người rất lịch sự khi phải tiếp bất cứ là ai ở nhà mình, và thường thực hành phép xã giao với khách đúng với trường hợp tương đương. Nguyễn bèn gọi thằng nhỏ lấy thau nước để Mọi rửa mặt. Mọi vội cản lại.

- Thôi tôi đi ngay bây giờ đây mà. Tôi có cái này gửi anh.

Nguyễn trở mắt nhìn một cái nồi bằng a-luy-mi-nhôm. Cái nồi rất đẹp ấy lại chồng lên một cái nồi bằng sắt nhẹ khác, cũng đẹp như thế, nhưng miệng nhỉnh hơn một chút. Mọi để ra bàn cái nồi nhỏ ở trong lồng bông một thứ nước đỏ cảnh cạch.

- Đây là tôm he, mẹ tôi kho lấy để cho tôi mang ra ngoài này ăn. Mẹ tôi tưởng tôi ở ngoài này phải kham khổ trong sự ăn uống nên lần nào tôi ra, mẹ tôi cũng bắt đèo một vài thứ ăn ra. Ấy là không kể những lần mẹ tôi ra thăm tôi, linh kinh tha ra những là nem, giò, cua bể hoặc cá thu kho. Các cụ lắm lắm quá... À còn cái nồi này là mẹ tôi biếu riêng anh đấy... Mẹ tôi dặn đi dặn lại thế nào cũng phải đưa ngay lại đàng anh, kéo chậm thì lại hỏng mất. Tôm này tuy là

kho, nhưng kho nhạt, không thể để được lâu, tôi ở ga xuống, phải rẽ vào anh ngay, sợ về thẳng nhà ngủ quên đi một cái hay là hoặc có việc gì gấp phải đi ngay mà chậm đưa lại anh thì nó trở vị và uống cái công đem từ trong ấy ra. Gặp anh có nhà, giao tận tay được, tôi lấy làm bằng lòng quá.

Nguyễn định nói một câu mà chàng chưa kịp nghĩ ra câu gì, thì Mọi đã chào chàng, dùng dùng xuống cầu thang và nói với lên: "Thôi tôi mệt lắm. Phải ngủ. Mai kia chúng ta gặp nhau. Tôi sẽ lại tìm anh".

Sau những ngày chơi thử, chơi giỡn với Mọi ở Thanh Hoá. Nguyễn có thể dự đoán tất cả mọi kết quả xảy đến cho một cuộc làm quen tạm bợ, nhưng chàng không thể chờ đợi đến một việc như vừa rồi. Một nồi tôm kho. Trời ơi! Một nồi tôm do tay một bà mẹ hiền thương yêu con kho nấu lấy để cho đứa con ra ngoài này ăn để khỏi thấy sến nhà là thất nghiệp, là cực khổ! Bà cụ yêu con và lại còn nghĩ luôn đến người bạn của đứa con nữa.

Nhưng tiếc thay, Nguyễn đâu đã là bạn của Mọi. Bà cụ làm mất rồi! Nguyễn ngồi ngẫm nghĩ rất lâu, trước nồi tôm kho ngon đẹp cả trong ý nghĩ và cả ở hình sắc hương vị nữa.

Đây là một cái nồi bằng sắt nhẹ trắng, bóng như chùi, xứng đáng với một thời đại khoa học cơ khí. Trong cái nồi gọn gàng ấy nằm lặng im một chất nước lèo đỏ như son tàu đang nhấp nhánh những chùm sao mờ.

Nguyễn lấy làm khó nghĩ quá.

Dem trả lại cho Mọi chẳng? Sẽ lấy cái có gì biện ra để từ chối một món quà mà sự tổn phí về tiền không là mấy, nhưng về ý tình thì rất là nhiều? Đến ngay ban nãy từ chối được cũng là khó, huống hồ là bây giờ. Bây giờ chậm quá rồi.

Không trả được thì chỉ có việc nhận lấy rồi ăn đi. Nhưng ăn hết một nồi tôm ấy rồi chàng sẽ nói chuyện với chàng thế nào cho khỏi

mâu thuẫn đây? Giá Nguyễn mà lại được là bạn thân của Mọi; giá chàng đã chịu đựng được Mọi, chịu đựng được đến cả những tật xấu của nhau thì còn gì thù vị bằng sự đón nhận nỗi tâm này rồi đem bày thêm nó vào cái mâm cơm thường ngày.

Chàng hết sức bức mình và không ngờ một nỗi tâm vô nghĩa lý ấy lại có thể quấy nhiễu lòng mình mất cả một buổi chiều mà chàng ước ao được luôn luôn không bận bịu. Nguyễn nhất định chiều hôm ấy không ăn cơm nhà. Chàng sẽ đi ăn hiệu. Rồi thì sẽ mặc kệ sự gì sẽ xảy đến cho một nỗi tâm kho nhạt không có người đựng đũa tới.

Có anh Bình lại chơi, may quá!

Nguyễn chỉ luôn nỗi tâm vẫn còn để nguyên góc bàn giấy:

- Bình có thích cái món ăn kia không?

- Gì thế? Tôm he?

- Tôi có một bà đi ở Thanh ra trưa nay, đem cho. Bà cụ kho tôm có tiếng là khéo. Tôi tiếc hôm nay đúng vào ngày rửa ruột, phải nhịn ăn. Tôi xin biếu anh cả. Để thằng nhỏ nhà tôi nó đưa lên trên anh. Nếu không phải kiêng cữ, thì hôm nay tôi giữ anh ở đây ăn cơm và hai đứa mình sẽ thăm đến một món ăn giản dị mà tôi chắc nó cũng làm cho anh ngon miệng. Tôi nó phải cái vô duyên thế nào ấy anh Bình ạ. Động có ai bất thường rủ đi tiểu ầm hoặc đúng những ngày hẹn dự tiệc thì y như là trong người lũng củng. Phi trọng thương thì cũng ngúng nguẩy.

Nguyễn lấy làm khoái; chàng đã nói dối được một câu rất thông và rất lịch sự đẹp đẽ thế. Chàng lại còn sướng hơn nữa khi đùn được nỗi tâm cho Bình. Bình đi rồi, Nguyễn ngờ mình có ác ý trong việc vừa làm. Hôm nọ Bình chẳng lồng lộn mãi lên vì thấy mình lại đi đôi với Mọi và anh còn kêu rằng anh không thể nào "sực" được cái thằng Mọi, Anh không sực được Mọi nhưng hôm nay anh đã sực được nỗi tâm của Mọi. "Mai kia mà Bình đã tiêu hết món thực phẩm đó rồi, nếu ta nói rõ ra, thì cái mặt Bình lúc đó chắc

sẽ dùm lại. Chắc hay lắm".

Cuộc sống nơi thị trấn lớn không phải là cuộc sống nơi tỉnh xép. Người ta có cảm giác đầy đủ, chẳng cần phải gần ai, hoặc nhất định tìm riêng một ai. Ở Hà Nội ít người được chuyên nhất trong tình bạn, cũng như bây giờ có nhiều người đàn bà đẹp ở đây đã bằng lòng quên mất cái nét chính chuyên.

Mọi cũng không tìm đến nhà Nguyễn. Từ sau hôm ở Thanh ra, chàng tới nhà Nguyễn vền vền có hai lần. Một lần để đưa nỗi tâm kho của mẹ gửi. Một lần nữa để lấy lại cái nỗi không.

Và như thế cũng là hay. Vì Nguyễn cũng muốn tránh Mọi. Người đàn ông ấy lại tránh đàn ông có như là lánh mặt một người đàn bà mình biết không thể yêu thương được, nhưng nếu cứ năng gặp, lừa lâu ngày bén rom thì rồi thế nào cũng phải có con sống con chết với nhau.

... Nước hồ Tây chẳng chảy thoát đi đâu cả. Nước hồ Gươm cũng chẳng chảy đi đâu cả và chỉ quanh quất vỗ vào ven bờ rủ bóng liễu. Vậy mà cũng xong một năm Hà Nội.

Cũng vào ngày tháng ấy năm ngoái, năm nay Mọi lại về Thanh, Nguyễn cũng về Thanh. Hai người đều có chút việc nhà cả. Người ta ngờ việc ấy là một niên hiệu trong một gia đình ghi trong một gia phả, người ta ngờ việc ấy là một ngày kỵ, ngày giỗ.

Nhưng trái với năm ngoái hai người đã tình cờ được làm đôi bạn đồng hành thì năm nay trở về tỉnh quê hương, Mọi về trước một ngày, Nguyễn về sau một ngày.

Nguyễn ở ga về đến nhà thì vợ chàng, sau một mẻ chuyện hàn huyên, đã bảo chàng:

- Sáng nay bác Mọi đi qua đây. Bác có nhìn mãi vào nhà nhưng không trông thấy tôi.

Nguyễn ậm ừ để cho vợ nói sang chuyện khác. Nguyễn hỏi vợ

về tình hình cửa nhà, về sức khỏe đàn con. Đàn con lúc bảy giờ đã ngủ lản cả ra vì gần nửa đêm rồi còn gì nữa - lúc tàu tốc hành về đến ga thì đã mười giờ rưỡi đêm.

Vậy mà vợ Nguyễn vẫn cứ bắt lại cho được cái mẩu chuyện ban nãy:

- Chiều hôm nay tôi đi chợ có gặp bà cụ để ra bác Mọi. Bà cụ hồn hậu lắm, khác hẳn tính nết mẹ ở nhà, mình ạ. Cụ có hỏi thăm về mình và tôi có nói là đầu tối nay mình cũng về. Cụ có nhắn tôi mời mình lại chơi vì "em Mọi nó cũng đã về". Thường thường tôi đi chợ về vẫn gặp cụ luôn.

Nguyễn quay mặt vào tường cố ngủ ngay vì mệt lắm. Giấc ngủ chậm đến, bất giác chàng lại nhớ đến cái nỗi hôm bà cụ gửi cho năm ngoái. À thế này thì ra lỗi thôi lắm rồi đây. Trong một cuộc giao tình bấp bênh với Mọi, bây giờ lại có những người đàn bà đáng kính và rất hiền lành đòi chen vào. Một bà cụ Phán để ra Mọi chưa xong, bây giờ lại còn thêm vợ chàng nữa.

Sớm ngày sau, Nguyễn trở dậy, đầu còn nặng một câu chuyện đêm vừa rồi. Đứa con nhớn chàng vội khoe với chàng rằng: "Hôm qua con đi ngang hiệu cao lâu, bác Mọi gọi con vào và cho con ăn kem ca-ra-men".

Ồ, thế ra trong những việc tình cảm riêng của chàng đối với Mọi, những người đàn bà chen vào hình như chưa là đủ hay sao mà bây giờ lại có cả con trẻ nữa.

Nguyễn vẫn ngờ đến cái tình bạn của Mọi đối với mình cũng như chàng đã không tin chắc được lòng riêng mình đối với Mọi.

Trót đi lại với Mọi bắt đầu từ năm ngoái, vào giữa hồi này đây, chàng muốn việc ấy sẽ bị xóa nhòa đi, dùng để lại một vết gì trong lòng mỗi người. Chàng tin có lẽ Mọi cũng đã nghĩ giống như mình nên suốt một năm ròng ở Hà Nội, Mọi chỉ lại tìm chàng có hai lần, một lần để đưa một cái nôi - làm việc ấy, Mọi chỉ là tuân theo ý mẹ

muốn thế - và một lần khác để thu lại cái nôi của mẹ. Nghĩa là Mọi tìm đến chàng vì cở chuyện, chứ không phải là để kết giao cho khăng khít thêm.

Mà khăng khít thế nào được kia chứ. Mọi một tính, chàng một tính. Mỗi người một cá tính; tư tưởng không giống nhau, hoài bão không cùng chung, đây là nói tới những chuyện to lớn trong một đời người; đến như những việc vặt hăng ngày giải trí như sở thích riêng về môm, về tai, về mắt thì lúc ăn uống và lúc tìm thú giải phiền, mỗi người đều một chứng một tật, vậy thì chơi với nhau bằng chỗ nào.

Chàng có thể phục Mọi - ngồi xa xa, ở xa nhau mà phục nhau - nếu Mọi có rõ chân tài (nhưng đây lại là chuyện khác mất rồi). Nhưng đánh bạn thì là một việc không thể có được. Chàng và Mọi về phương diện "người" thật không có một mối tương quan nào cả. Nếu cứ miễn cưỡng mà buộc nhau đi sâu vào lòng nhau thì chỉ sinh ra chán nhau và oán nhau thôi. "Người ta không quen nhau, không được đánh bạn với nhau nhiều khi thì lại là hay. Đã không chơi với nhau thì có bao giờ phải nói đến hai chữ phụ nhau. Cái lầm của nhiều người là cứ đi vét lấy những linh hồn bầu bạn để rồi về sau lại làm đau khổ lẫn nhau, phụ lẫn nhau".

Nguyễn - cái người hoài nghi ấy - đang có một luận điệu tiêu cực như thế về tình bằng hữu thì từ một góc nào của cuộc đời, Mọi đã hiện ra và va mạnh vào đời chàng.

Cuộc gặp gỡ ấy bây giờ lại có những người thân thích của đôi bên - một bên là bà cụ Phán sinh ra Mọi, một bên là vợ và con Nguyễn - định lấy những cử chỉ vật vãnh nhẹ nhàng, nhưng rất chắc ra để giữ cho nó đừng tan, đừng đi qua như cái bóng, để nâng nó thành hẳn một biến cố đánh dấu vào hai gia đình vô tội và vô can. Đã nguy hiểm chưa?

Nguyễn và Mọi, năm nay ở Thanh Hóa lại vẫn cặp kè nhau nói chuyện phiếm như dạo năm ngoái. Người ta lại cùng đi cao lâu với

nhau, và xem tuồng và đi hát và ra ga xem tàu chạy. Ở một cái tỉnh xếp, tuồng có được bấy nhiêu cuộc chơi chung, kể cũng đã là nhiều lắm rồi.

Một buổi tối, muốn đổi thú chơi. Mọi và Nguyễn bèn nảy ra cái ý kiến là rủ nhau đi ăn bánh cuốn đêm và phải ngồi ngay cạnh bếp lửa nhà hàng ấy thì mới thú. Ngọn lửa nơi gian nhà gianh kia đã cho họ thấy cái hứng thú của phút phóng túng hình hài. Chẳng thế mà sau buổi đi chơi đêm ấy, Mọi lại tặng Nguyễn một cuốn sách của mình mới cho xuất bản và đề luôn vào đấy:

"Tặng anh Nguyễn, với cái kỷ niệm một đêm Thanh Hóa, chúng ta ngồi bên một cái bếp lửa đỏ rực những cảm tình".

Nguyễn cũng biếu Mọi một tấm ảnh nửa người với một câu tặng: *"Vô hạn cảm"*.

Phút nồng nàn cao hứng đã qua, trấn tĩnh lòng mình lại, nhìn cuốn sách Mọi tặng, đọc lại dòng đề tặng, Nguyễn buồn rầu mà than một câu tràn trề những từng trải về lòng người: "Mỏng mang thay chút kỷ niệm này". Bây giờ đọc câu đề tặng này, kể cũng vui đây. Nhưng có một ngày rất gần đây, giờ đọc lại ta sẽ thấy vô nghĩa. Và rồi có một ngày nữa cũng gần đây, Mọi cũng bề bàng khi ngắm lại bức ảnh mình vừa đưa. Nguyễn mệnh mông buồn cho mình, buồn cho lòng mình và lòng người. Và tự hỏi rằng sao đã biết như thế mà vẫn còn cứ đi lại với Mọi. Nguyễn thấy cái sức mạnh của thói quen mà ghê quá. Ra người ta cứ có dịp gần nhau là dung được nhau, chịu đựng được hết cả.

Nguyễn đã hiểu rõ tại làm sao có những gia đình có những lứa đôi mà mỗi người là một người của một thế giới riêng, họ chịu luộm thuộm sống cạnh nhau trong một tình trạng tâm tưởng lơ mờ cho đến lúc cùng bạc đầu mà không một ai dám nhờ đến lý dị giải quyết hộ. Sức mạnh của thói quen. Ôi! Chẳng nghĩ đến cái đẹp của giải tán.

Những ngày trở về Thanh riêng đối với mỗi người đều chỉ đầy những nhạt nhạt. Mọi và Nguyễn đều biết trước rằng những cuộc xê dịch ngăn ngắt này là do bốn phận đùn đẩy họ. Bốn phận đối với nhà.

Cứ mỗi năm đúng vào ngày, vào mùa ấy, bốn phận lại cho nổi lên một cơn gió. Gió đã lên, hai hạt bụi ấy của nhân gian lại đổi chỗ từ một cái đô thành lớn để cùng rụng xuống mặt đất một cái tỉnh nhỏ. Và Mọi cùng Nguyễn lại có dịp được gặp nhau, lắm phút nồng nàn thành thực, hai người lại than thở, lại tường thuật tâm sự lẫn cho nhau nghe nữa kia. Nhưng hễ động trở lại Hà Nội thì họ lại "không phải" gần nhau nữa. Có khi gặp nhau ở giữa phố mà họ làm ra bộ lạ nhau.

Chẳng cần phải trở về đến hẳn Kinh đô, Mọi và Nguyễn mới cảm thấy gần nhau là thừa, là tẻ. Họ đã xa nhau từ trên cái chuyến tàu mỗi lần đem họ từ Thanh ra trả lại cho đời sống Hà Nội. Đến Nam Định họ nói chuyện đã đâm ra nhát gừng. Tới Phủ Lý, câu chuyện đã thành ra chuyện của người mơ ngủ. Đến ga Hàng Cỏ, họ lật đật rời nhau, đưa những bàn tay nhũn nhùn nhùn ra để chào nhau trong một cái bắt tay rất chóng vánh.

Tâm lý hai người ấy trên một chuyến xe lửa bắt đầu từ ga Thanh cho tới ga Hàng Cỏ khác gì tình trạng tâm tưởng của một du học sinh Việt, lúc trang xong nợ sách đèn, trên con tàu bể về cố hương, được làm quen với một vài vị quan cai trị vốn ở Đông Dương nghỉ giả hạn về Pháp, mà bây giờ lại sang cung chức lại. Rồi bến Marseille, người ta có cảm tình với nhau ngay vì cùng là bạn đi cho đến chỗ cùng tốt của một chuyến lữ hành sang Cực Đông. Trong lòng bể Địa Trung Hải, phía tay trái. Kia là những ven bờ rất cổ tích. Bờ Ý, sâu quá trong đó là La Mã. Bờ Hy Lạp. Quê hương của cổ điển, của nghệ

thuật, của đẹp.

... Và cuộc kết thân của Mọi và Nguyễn cũng chỉ đến ga Hà Nội là hết. Ở đấy, mỗi người đã có một cuộc sống riêng chờ đợi mình.

Tình cảnh này quả phải là một nếu cứ kéo dài như thế mãi để làm cho lòng người ta mòn dần; mòn đến đâu thì hồi tiếc đến đấy.

Nhưng có một Ông Trời rất thương người, đã bắt những kẻ kia không phải chịu đựng cực hình ấy lâu quá sức họ. Ông đã bắt một người trong hai người phải chết đi để cho cái người còn sót lại khỏi phải bận lòng vì một cái tình giao hữu gắng gượng.

Ôi, nếu không có cái chết rút được Mọi ra khỏi cái lòng phiền phức của Nguyễn thì mỗi lần về Thanh Nguyễn lại càng bực dọc đến chừng nào? Vạn tuế cái Chết! Cái chết phải có mãi.

*

* *

Mọi cảm xoàng có một hôm mà chết ngay được. Ra chết được cũng không phải là một việc khó khăn như cô Kiều đã nói xưng xưng lên trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Mọi chết ở Thanh, ở bên cạnh cha mẹ. Con người ta ăn ở lành thì được nhắm mắt trong cảnh thuận là thế.

Đi theo đám, Nguyễn đi gần cổ đôn. Lúc đám phải rẽ ngoặt đường vuông thước thợ đến 90 độ, chàng đi ở đuôi đám, được trông thấy cả đầu đám và trông thấy bức trường dạ xanh chữ nhung đen của mình phúng có năm chữ "Du du tổng biệt tình". Cạnh chàng có một người đàn bà nạ giọng rất xấu, rất bẩn, vừa ăn trầu vừa hút thuốc lá tổ sâu kèn ướp hoa ngâu, vừa nói một câu chuyện mà chàng chỉ nghe rõ thấy một đoạn có những tiếng: "Ôi, nghĩa tử là nghĩa tận..." Nguyễn muốn được biết cái tình nghĩa giữa người đàn bà nạ giọng

này với kẻ chết lúc còn sinh thời là như thế nào, và chàng có cái ý cầu kinh muốn cùng với người đàn bà nọ đi tách ra ngoài đóm đám để sống vài phút hội đàm trong cái kỷ niệm của kẻ đã khuất bóng cách lời.

Nguyễn theo đám đến tận huyết, cũng bốc một hòn đất ném xuống một cái hố mới đào, còn có những đoạn giun bị nhát mai mới xén đang quần quai trong lòng huyết xâm xấp nước. Hòn đất ném xuống đụng ván thiên kêu đánh bộp một tiếng rất hồng. Cái tiếng không chắc ấy đã tả đúng cái tính hơi hợt bề ngoài của Mọi và Nguyễn. Có những vật vô tri và nhỏ bé như thấy rõ được lòng mình khi nó bị xô động bật lên thành tiếng.

Nguyễn lấy làm xấu hổ vô cùng khi bà cụ Phán, bù lu bù loa vịn vai chàng: "Ồi bác ôi, tôi trông thấy bác, lòng tôi càng đau. Bác Nguyễn còn đây, bạn của con còn đây mà con bỏ mẹ con đi đâu, ới Mọi ơi, Mọi ơi! Ơ hờ hờ...".

Nguyễn muốn kính cẩn gửi mấy lời đại tâm sự vào lòng người mẹ đang thương con: "Thưa cụ, đến bây giờ mà cụ vẫn còn nhầm. Lúc anh Mọi còn sống con không dám nói rõ. Giờ anh Mọi nhà chẳng may không được làm người của cõi đời này nữa, con muốn thưa lại để cụ biết cho rằng chưa bao giờ con là người bạn của anh Mọi. Anh Mọi con cũng nghĩ như thế. Tất cả phần lỗi đều ở anh Mọi đã không trình rõ cụ hay. Để đến nỗi tình thế ấy kéo dài mãi, dài mãi cho đến lúc này đã có một người chết. Con sờ dĩ có mặt ở đây, vì con "đã trót" quen một người trong lúc sống, và để cho một số người quen con không khinh con là một người thiếu luân thường, đối với việc bạn bè lúc chết. Thực khổ lắm cụ ạ. Nhà con nó cũng hiểu nhầm như cụ".

Nhưng đứng trước một suối lệ không ngăn được của một bà già tiều con, Nguyễn không dám gây thêm phiền não cho lòng người nữa. Chàng im, tưởng mình đã làm được việc thiện, và lại tự nghĩ

rằng: Mọi đã chết, và khi người ta đã chết thì cũng chẳng cần phải cải chính nữa. Vì thế, có một người chết đã được nằm yên và yên chí rằng mình vẫn còn có một người bạn gửi lại trên cõi dương. Lại cũng vì thế có một bà cụ già, những lúc nhớ đứa con bây giờ chỉ còn là ma, lại tìm đến nhà Nguyễn. Nếu Nguyễn còn ở Hà Nội chưa về thì bà cụ lại dềnh dàng chuyện vãn với vợ Nguyễn. Những lúc được gần những người có dính líu với con mình lúc nó còn sống, bà cụ thấy lòng mình cũng vui vợi.

Kỳ giỗ đầu Mọi năm ấy, bà cụ Phan khẩn khoản mời cả hai vợ chồng Nguyễn lại ăn giỗ. Trông thấy Nguyễn góp thêm phần nhang vào bát hương còn mới, cụ Phan sụt sịt. Tiễn khách ra cửa, cụ mếu máo "Tôi chả dám buộc hai bác nhớ ngày giỗ em. Nhưng khi nào tôi lại mời các bác hoặc tôi bận làm cơm cúng em mà người nhà dưới này lên trên ấy mời hai bác, thì xin các bác quá bộ xuống cho. Em nó mất đi rồi, nhà vắng lắm". Nguyễn thấy lòng mình nao nao một cách rất thành thực.

Và, bây giờ mỗi lần về Thanh đúng ngày ấy tháng ấy như mọi năm, ngoài cái kỵ chính nhà mình, chàng lại còn phải đi ăn giỗ ở nhà cụ Phan nữa. Đi ăn giỗ Mọi.

Ngồi ở nhà cụ Phan phảng phất mùi hương hoa, và khói nến béo ngậy xa xôi, Nguyễn lại liên tưởng đến những lần đi đến thăm nhà các người bạn đồng chí cũ hiện đang đi tù, bị phát vãng ra đảo, ở nhà chỉ còn trơ có một ông cụ già, một bà cụ già, hoặc một người vợ băng khuâng. Những lúc ấy sự đời nhạt nhẽo đã bắt chàng phải tư lượng nhiều cũng bằng lúc này.

Trở ra Hà Nội, nhân gặp lại Bình, nhân đưa cho Bình xem cuốn sách có lời Mọi tặng mình một đêm ăn bánh cuốn nọ, Nguyễn đã kể hết những tình cảm của mình đối với Mọi và chàng bảo Bình:

- Trong đạo ngũ luân, trong năm tình vua tôi cha con vợ chồng anh em bè bạn, bốn tình trên đều có dính dấp đến phép nước.

Những trường hợp của bốn tình trên, luật pháp có sẵn sóc đến và phải can thiệp tới vào những lúc cái tình ấy sinh biến.

Tại làm sao nhà làm luật lại bỏ lửng mất cái thiên bằng hữu? Sao một cái tình giàu như thế, phiền phức như thế, hay bị diễn lảm như thế mà lại không có cái gì định nghĩa cho nó và quy nó vào những trách nhiệm nhỉ? Xã hội chưa ngã vạ ai, phạt tù ai, vì một người bạn đã lợi dụng, đã phụ một người bạn khác hoặc lừa dối nhau trong tình tình.

Người ta chỉ nói: Chớ nên đùa với ái tình.

Chưa ai nói: không nên đùa với sự bằng hữu.

"Ở đời, chơi được với nhau là khó lắm.

Đánh bạn tức là lụy.

Đánh bạn gương lại càng mệt nữa".

Bình nhìn cái đầu điều thuốc có tàn đỏ dài:

- Bởi thế nên tôi có dám tham lam trong sự giao du đâu. Vợ vét cho lắm, chỉ thêm nặng lòng mình và có khi mang hận suốt đời. Hóa cho nên, ai muốn nghĩ thế nào thì cứ nghĩ, riêng tôi, tôi cho giữ nổi được những người bạn cũ thôi, cũng đã là giỏi lắm rồi.

Không nên làm quá cái sức mình.

1940

CHUYẾN XE TÌNH

Cũng như mọi lần, sớm nay, Nguyễn lại đi xe của nhà tài Vây. Xe của nhà tài Vây không những chắc chắn lại còn chạy nhanh, ít khi om hành khách ở giữa đường. Và thường chính ông tài Vây cầm tay lái.

Đồng hồ buồng phát vé điểm sáu giờ từ đã lâu. Thế mà trời vẫn tối như đêm. Đêm mùa lạnh, giọt sương đọng nhiều trên lá bàng trút mạnh xuống mũi chiếc xe đài tải. Tiếng giọt sương nặng kêu lộp bộp đã đổ dồn rất nhanh như nổi một hồi trống tan canh rất mau chấm cái dấu chót cho đêm dài.

Nguyễn không có hành lý. Tay trái, cầm mẫu giò lụa, tay phải cầm chiếc bánh tây nóng, Nguyễn vừa đi bách bộ ở sân, vừa ăn lót dạ, chốc chốc chàng lại ngẩng cái đầu không mũ, điểm mặt một vài hành khách hấp tấp vào lấy vé.

Sân chứa xe hàng đã có sinh khí.

Bây giờ Nguyễn mới đứng đỉnh vào lấy vé. Chàng hút một điều thuốc để quên sự chờ đợi. Ánh sáng lửa diêm đã chiếu rõ mặt bà tài Vây lấp ló ở lỗ cửa buồng phát vé.

- Kia, ông Nguyễn, lâu nay ít thấy ông tới.
- Chào bà.
- Ông lại vào châu Như Xuân đây chứ?
- Thưa vâng.

Túm túm, Nguyễn nhà mẩu thuốc, nói tiếp:

- Chứ bà còn bắt tôi đi đâu nữa?

Tính người vốn lẳng lơ, bà tài Vầy nguyệt Nguyễn, đặt tấm vé vào lòng bàn tay Nguyễn và đã vội vàng quát một người nhà quê đang chia mấy hào, chỉ mới vào lỗ cửa bán vé:

- Cái người kia đi đâu?

Một tên tài xế phụ hí hục mãi mới quay nổi bộ máy nguội. Tiếng động cơ nổ rầm rầm, Nguyễn hít mùi nước xăng, khoan khoái trong lòng. Chàng đã chợt nghĩ thấy mùi thơm gắt của đường trường. Xe hôm nay đông khách vì gặp ngày phiên chợ. Họ lên xe ngồi đã đông kín hết cả. Những tiếng tranh giành chỗ ngồi và đùn đi đẩy lại, người nhón trẻ con kêu í oái, tị nạnh nhau lại càng làm bà tài Vầy phải to tiếng thêm:

- Kia ông Nguyễn không lên xe đi, còn đợi gì nữa?

- Tôi còn đợi ông nhà ta. Ông nhà ta chưa lên xe thì đã đi đâu mà vội.

- Không, xe sắp chạy rồi đây. Hôm nay nhà tôi bận không cầm lái được.

- Tiếc nhỉ, chẳng biết tay lái lạ đi có chắc chắn và đúng giờ cho không. Tám giờ, tôi đã phải có mặt ở châu Như Xuân rồi đấy.

- Được rồi, mời ông cứ lên đi cho.

Người tài xế vận lái xe thay chủ, đã lui xe ra đường cái. Nguyễn chạy theo nhảy lên bậc bên trái, ép sát mình vào sườn xe. Từ trong chiếc xe tối om và lộn xộn, tiếng bà tài Vầy đưa ra:

- Này ông Nguyễn, xe còn rộng. Mời ông vào trong này. Ông đứng như thế không quen, có chóng mặt lại trách tôi.

- Bà không nên ngại. Tôi đi đường xa đã quen rồi bà ạ. Vả lại trong ấy có mùi nước mắm và cá khô. Đứng ngoài này tuy thế mà hơn.

Gió sớm phả vào mặt Nguyễn. Đến chỗ ngã tư ra khỏi thành phố, có một ông già cũ kỹ cầm ô vậy; xe tạm ngừng, bà tài Vây đã chạy đến cạnh Nguyễn và một lần nữa, mời Nguyễn lên vào trong xe mà ngồi. Bà tài Vây đã tỏ ra là người không đứng đắn trong giọng nói:

- Khổ lắm, ai đẩy dọa ông mà ông cứ phải bám vào thành xe. Ấy tôi bảo thực đấy, khéo không mà lại cảm...

Tiếng động cơ nổ rất mau, rất đều, làm vui tai Nguyễn. Chàng không nghe thấy những lời bà chủ xe hàng ái ngại hộ mình.

Thế này thì có thích không: buổi sớm mùa rét mà lại giống hệt một buổi sớm mùa xuân. Cây cỏ đều tươi tỉnh dưới một bầu trời sáng sủa. Đường cái quan ẩm ướt đã tránh cho khách đi đường cái nạn bụi cát bay mù. Nguyễn say sức nhanh, hít mạnh khí lạnh đầy hai lá phổi và so sánh màu xanh các ngọn núi chen nhau đứng sừng trước tầm mắt.

Bỗng Nguyễn thấy ở gáy mình hơi âm ẩm. Chàng ngoảnh cổ nhìn lại thì ra từ lúc nào, bà tài Vây đã nhảy lên bọc xe đứng đằng sau phía chàng. Hai người gần nhau quá. Bà chủ xe vận tải đã thở những hơi thở nồng vào gáy một người hành khách đang mê man với cảnh đường trường. Nguyễn hay có máu buồn, chàng rung mình mỉm cười và quay mặt đi.

Chặng đường thứ hai, qua khỏi chiếc cầu si-moong Bến Sung, xe đứng trước một quán nước. Bà tài Vây, đôi chân gọn gàng trong giày dầm đế cao su đã nhảy phắt xuống địa đường. Tay bà tung tăng cái túi gai đựng xu hào kêu loảng xoảng. Chưa vào hẳn trong hàng nước, bà Tài chấp hai tay vào bụng, nheo nheo cặp mắt lá dăm chăm chú nhìn Nguyễn, có ý mời Nguyễn xuống để cùng sòng đôi vào quán nước. Nguyễn đã ngồi vắt chân chữ ngũ bên thành giường uống nước, đối diện với bà tài Vây. Hôm nay Nguyễn mới nhận rõ mặt một người đàn bà. Chàng nhận thấy bà chủ xe dù sao cũng có một

lối đẹp, nếu chàng đừng khó tính lắm trong sự phê bình cái đẹp của một bộ mặt, vào một vài trường hợp. Bộ mặt và dáng điệu kia cũng có thể làm cho lòng người ta nao nao.

Trên con đường quần quèo lần vào cánh rừng châu Như Xuân, chiếc xe hàng vẫn mở máy đều đều. Lần này bà chủ xe ngồi vắt vẻo trên tai xe và Nguyễn vẫn đứng ở bệ lên xuống ngắm người đàn bà quay lưng lại mình. Sao cái gáy người đàn bà phần nhiều xinh đến thế. Mà cái gáy người ngồi trước mắt Nguyễn lại tròn trĩnh như gáy một pho tượng đàn bà Chăm.

Vào những ngoặt đường thước thợ cong gần tới chín mươi độ, chiếc xe hàng chềnh hảnh đi như sắp lật úp. Chiếc xe nhiều lúc gần mất trung tâm trọng lực. Nhờ cái gáy đẹp của bà tài Vầy ám ảnh óc thẩm mỹ mà Nguyễn đã quên cả cái hồi hộp của nguy hiểm nơi đường nghèo. Sức nhanh của xe càng ru lòng Nguyễn đang mở tung như một hoa sim rừng trước sự khiêu khích của gió ngàn. Bên đường những nông phu đi gặt nối nhau theo hàng một kết thành một đoàn bộ hành rất dài. Họ đều mang mỗi người một chiếc đòn xóc hai đầu nhọn hoắt. Nhiều khi họ trở tay mỗi, quay ngang đòn xóc vào hằn lòng con đường. Đường hẹp, xe lướt qua mình họ và đã mấy lần, chỉ thiếu một chút những đòn xóc nghênh ngang đã cắm phập vào ngực và bụng Nguyễn như một mũi lao có đà mạnh. Đã mấy lần chàng sượt qua những mũi nhọn trở nên giết người rất mau lẹ vì sức mạnh xô tới. Cái chết trên thoi đường này cách Nguyễn chỉ có mấy phân tây.

Nguyễn sờn gai ốc khắp người. Chàng tự hỏi lòng mình: "Nếu vừa rồi ta có bị mũi đòn xóc xuyên qua người là tại ta tự gây lấy nghiệp. Nếu chui vào trong xe mà ngồi thì làm gì có những sợ hãi vừa qua. Chỉ vì vài nét đẹp nhất thời của cái gáy một thiếu phụ mà ta đã đi sát cái chết".

Bà chủ xe hơi vẫn gọn gàng ngồi ở mũi xe, mắt đắm nhìn con đường đất đỏ cứ rút ngắn lại phía mình. Thỉnh thoảng xe đi qua một

dẩy nhà lẻ tẻ bên đường, bà lại quay cổ lại bảo người cầm lái đi chậm lại một chút. Thế rồi xe vẫn không ngừng, bà đã kiểng người lên, nghiêng nhìn ra khỏi xe, giao một lá thư hay một cuốn sổ cho một đôi người đứng đấy chờ sẵn chiếc xe qua. Trong cái vội vàng, bà vẫn không hấp tấp và trong cái sức nhanh của xe bà cử chỉ gọn gàng đặt lá thư vào đúng cái tay xoè của người đứng bên đường, hình như là đã tính theo số học không sai một giây. Những sợi tóc đen dài bị gờ tung diên cuồng vờn theo một chiều gió. Bà tài Vây đẹp như một pho tượng "Say với Tóc Lụa".

Nguyễn nửa muốn vào ngồi trong xe, nửa muốn đứng mãi ở bệ xe để được ngắm đầy đủ một cái đẹp tới tởm, đi thõa pha trộn lẫn vào cái lỏng lẻo của một bộ máy lớn muốn ngón lẩy ngón để cả một dải đường đồ nhiều đoạn thẳm như gạch cua bể.

Nguyễn trở nên nghĩ ngợi.

"Ồ, thế ra con người ta, mỗi người có một địa hạt để tỏ rõ cái đẹp của mình. Mỹ Thuật vốn không là bà con với Luân Lý của thời đại. Một thằng ăn cắp đã trở nên đẹp đẽ vô cùng khi hắn cất túi người ta rất gọn, rất nhanh. Bà chủ xe hơi này, trong thế giới vận tải bằng xe hàng, bà ta có những dáng điệu và cử chỉ đẹp lạ. Bà đẹp trong cái hoàn cảnh của bà". Vụt một cái, một mũi đòn xóc lại trượt qua vai Nguyễn. Chàng chưa kịp khùng khiếp thì một cành cây thấp rủ xuống đường lại đập mạnh vào mặt chàng. Qua nhòm tuyến bị mù quảng, Nguyễn lơ mơ nhận thấy một ít lá khô lá tả rụng bay về xuôi, khi chàng dụi mắt nhìn về phía sau để tránh luồng gió bạo và nhìn lại cái cành cây dữ tợn. Cái vẻ đẹp hỗn độn của người đàn bà ngồi đầu mũi xe giữ chàng chôn chân ở bệ xe. Nguyễn đã hoàn toàn mê si trong phút này. Phía xa, những nông phu cầm nghênh ngang đòn xóc vẫn hiện lên lơ lửng. Nguyễn vẫn cứ đứng ngoài bệ xe. Và tự bảo chữa cho sự lộng hiểm của mình, Nguyễn nói với lòng:

"Ở đời mấy khi có dịp làm người si tình để được coi nhẹ tính

mệnh. Vả chẳng chết được cũng khó lắm chứ. Và khi nào cái đòn xóc cắm trúng vào người, bấy giờ ta sẽ liệu".

Thế rồi Nguyễn cứ nấn ná mãi không chịu vào ngồi trong xe. Mặc dầu bây giờ, lòng chiếc xe hàng đã thừa nhiều chỗ.

Chiếc xe leo lên đến dốc đồi, phải dừng lại vì tắc máy. Bác tài xế bước xuống khám lại máy. Bà chủ xe ngồi vào thay tay lái và ấn ga. Động cơ vẫn rú lên, nhưng người tài xế cứ phải nằm bò trên mũi xe mở nắp để dò xét cái máy hỗn hển và đòi dờ chừng. Chiếc xe ỉ ạch và căn cơ rút từng thước đường gồ ghề. Lúc này ngồi cầm bánh lái, chân tay làm việc luôn với máy móc rất nhẹ nhàng, bà tài Vây đã phát huy hết cái đẹp của bà trong một không khí thể thao.

Sớm nay đi kiểm soát vé trên đường vào châu Như Xuân, khi cho xe chạy chậm chậm qua mấy dốc đồi bà đã chở luôn qua rừng xanh cả một cái tỉnh một buổi của một hành khách không cầu mong sự đền bù.

Đến châu Như Xuân, xe dừng bánh. Bà tài Vây loạng choạng đặt chân xuống mặt đất Mường. Rồi bỏ chiếc xe mới có vài chục thước, bà trơ trên như một kếp hát thiếu mất ánh sáng của đêm sân khấu. Thiếu không khí quen thuộc, bà đã vụng về như cái bước chân của một gã lính thủy đổ bộ ở một thành phố nào.

Rất đứng đắn, Nguyễn chào bà tài Vây đang mệt và đang xấu. Một cái gì vừa nhòe vỡ trong thế giới hình và sắc.

CÁI CÀ VÁT ĐEN

Tặng Đoàn Phú Từ

Từ bỏ cái áo the thâm quốc phục, đổi sang ăn mặc tây, trong phục sức mới, Nguyễn khổ bận nhất về chiếc cà vát tét mũi ở cổ! Tiền sắm cà vát, chàng quăng ra kể cũng đã nhiều lắm. Mua cứ hàng hộp. Xa xỉ. Nghĩa là không thiếu, không rách, không cũ nhàu.

Cổ Nguyễn lộ hầu đã hứng chịu lấy cái buộc trời của bao nhiêu là dải lụa dệt đủ hình bài trí và sáng ánh đủ các màu sắc, hoặc là hòa hợp hoặc là tương phản. Đã có bao nhiêu thân cà vát đặt giá ăn ở với cổ Nguyễn. Đã có bao nhiêu đời cà vát lìa rời khỏi tủ pha lê lữ lái xa xỉ phẩm để đến gá nghĩa với da thịt một cái cổ lúc nào cũng thềm đến sự tô điểm của tơ nồn, của màu đẹp.

Nhưng những dải lụa diêm dúa ấy cũng chỉ sống đủ cái đời của một dải lụa. Và đâu có phải là chúng thiếu cái đức bền vững của vật tốt.

Thật tình ra, những cà vát của Nguyễn đều là thứ dệt bằng hàng tốt. Vò không nát, tuốt mạnh không đứt, rút không dãn, sợi không giãn thớ. Nguyễn còn muốn gì nữa.

Nguyễn vốn có một lối sống hỗn độn. Trong lòng chàng và thứ nhất là trên đời chàng, luôn luôn có mưa gió và bão giông. Bọn cà vát lụa sinh ra là để sống một cuộc đời yên nghỉ ấm rợp của mỹ nhân, vì thế cũng phải theo luôn Nguyễn mà đi sâu vào cái mưa gió nó cứ quện lấy tháng ngày của Nguyễn, chỉ biết có xê dịch và xa lìa. Hối thương ôi những dải lụa màu! Cứ theo Nguyễn mà lẫn xả vào cái thất thường ghê gớm của thời tiết - với sương muối gió nồm, nắng chói lòa và trùng của ẩm mốc - thì nhan sắc nào mà chẳng sớm tàn. Cái gì quá đẹp thì lại chóng tàn. Trong cái phút giây chớp mắt của mùa lên đường, cánh bích đào ngày này năm này đã có đủ cái nhợt phai của đào năm trước.

Ấy thế mà đám cà vát tơ kia đã không đến nỗi phụ Nguyễn, người nhân tình bất diệt của lụa màu. Tất cả màu sắc luôn luôn khôi ngô trong treo trên các giải lụa dẹt lòng thông trong tủ áo Nguyễn chúng như muốn trêu nhạo cả thời gian - cái thời gian tuyệt đối mỗi lướt trên mọi vật tươi sáng là chỉ muốn mọi vật trở nên cũ xấu và hóa theo cái bản sắc vàng bệch của mình.

Những giải lụa yêu của Nguyễn vẫn tươi bóng không chịu úa rầu xuống mặt.

Ấy thế mà Nguyễn đã phụ tình. Ngày nay chàng đã quên, chàng đã ghẻ lạnh với lũ lụa màu. Lại còn giam cầm. Trong cái tủ áo kia, những thân tơ óng ả ấy đã là những phạm tù của không biết đến bao giờ. Bao nhiêu dây cà vát rù rù rù trong cái đen ngòm của tủ đứng đã khép kín hai cánh. Ở đây, lạnh lẽo vô cùng và tối om om vô cùng. Tơ nồn dẹt màu ấy sinh ra là để được phô phang, trình bày cái diễm lệ của mình ra giữa cái sáng thơm tho của Tự Nhiên hay giữa cái sáng ma túy quyến rũ của quán rượu gác ca có tiếng cười chen tiếng

xô động của thủy tinh và sứ mỗi rớt xuống thêm là lại làm xao xuyến cả một bầu không khí đượm phấn ngát nước huê nồng. Lũ tơ non dẹt màu ấy giờ đã phải đau khổ âm thầm với Nguyễn đã ý mình nhiều tiền, lấy về để rồi mà ghê lạnh và hạ ngục. Chiếc tủ áo là một cái đề lao xinh xinh, là một thừa lãnh cung và bấy nhiêu cà vát là tất cả số phận của những cung nhân bị bỏ rơi - ngày đêm thăm trộm nhớ đến một khuôn mặt rỗng ở xa trên những nơi chín bệ. Tiếng đàn ca thừa nhặt nảo nùng của một đô thành hoa lệ, nhiều đêm khô nỏ và thuận chiều gió về đã lên qua kẽ tủ gương mài cạnh và dội vào nơi lãnh cung này của đám cà vát bị thất sủng, bị rẻ rúng, rẻ rúng cho đến tàn cái kiếp một sợi tơ tằm nhuộm thắm.

Ở những đâu đâu xa xôi đùa vui là thế mà trong tủ gương này chỉ có lạnh vắng. Đùn đùn hơi ẩm. Dềnh dặc mùi mốc. Giấy lát một con gián bị luồng long nảo băng phiến đuổi theo sột soạt chạy, quảy nhầu cái tịch liêu của lãnh cung. Có những con nhậy con dài đuôi phụ họa vào. Rồi pha thêm vào những mùi thuốc sát trùng ấy là cái mùi phân gián và chuột chù nhiều khi rất tanh rất đặc. Đã tội nghiệp thay cho cái đời của những màu sắc bị đẩy ải vào đen tối và tẩm mình trong hôi mửa.

Khi không, Nguyễn đã trở nên một bạo chúa trong lịch sử loài tơ quần cổ. Người ta héo dần trong oán tiếc ở các thâm viện bạo chúa của sứ xanh như thế nào thì ở đây, trong cái tủ gương sáng chói chỉ có bề mặt ngoài này thôi, bọn cà vát cũng giậm chờ khổ đợi như thế. Cái tủ gương đứng có khi hàng mấy tuần, Nguyễn không mở đến. Có những buổi chiều mà một giới ráng vàng còn cố níu lấy hoàng hôn chưa cho trụt xuống vội, tủ gương lách cách tiếng thìa khóa đâm quay trong họng ổ khóa đã đi.

Đám cà vát tỉnh giấc và mừng và hy vọng như lũ tội nhân, cảm cố đợi phút được đưa từ buồng tối ra chỗ ánh sáng muôn năm. Luồng gió lạnh tạt từ ngoài vào làm động đập mấy dây cà vát cọ mình vào

nhau. Lũ dải tơ ngả ngốn lá loi, xê xích lại. Lũ phi tần nghìn xưa gần kề nhau trong thâm viện rồi xì xào tâm sự với nhau xem hôm nay dê của Thánh Thượng dùng xe trước bó lá dâu phòng nào thì cũng hồi hộp đến nhường ấy thôi.

Bấy nhiêu dải tơ dệt màu, mỗi cái đẹp một vẻ. Cái thì kẻ ô vuông xanh màu thạch xương bồ chen vào những gạch chéo màu lục ngày nắng tháng năm - hình như đây là thứ cà vạt dùng vào buổi lễ hành. Cái thì nhờ nhờ màu hạt trai điểm những hình quả đậu tươi sáng. Cái thì trong vắt sắc da giòi lác đác ít ngôi sao màu cá vàng. Cái thì biêng biếc một màu âm thầm của nước biển chiều trên ấy chạy ít đường sóng lạch, nhăn nheo như mình lá hồ thiệt. Có thứ lại đẹp một lối chắc chắn khiêm tốn với màu huyết dụ toàn thể hoặc tím than một sắc. Và chao ôi, từ ngày thời thượng phục sức bước vào một kỷ nguyên mới, người ta đã dệt được bao nhiêu là thứ hình cầm thú, cây cỏ và hoa lá, rất xinh và cũng rất quái đản để làm nền cho một dải cà vát. Nói ra cho hết, sao cho tới chỗ cùng được.

Nghe tù động tiếng khóa mở, chiếc cà vát nào cũng tự cho mình là đẹp, là đủ điều kiện đẹp để hôm nay rời khỏi lãnh cung ra mà vòng ôm lấy cổ người yêu đã có một phút nghĩ lại.

Nguyễn mở rộng hai cánh tù, điểm hết mặt bấy nhiêu dải tơ. Hai mắt Nguyễn rầu rầu.

Đám cà vát ông ả bị tay Nguyễn quơ phải, giạt cả về một phía, nép sát mình vào nhau, tỏ rõ cái yếu thơ rất khiêu khích của một giống đẹp sinh ra để mà làm nũng và biết lấy ngay cái sở đoản kiêu nhược của mình ra mà làm một thứ khí giới lợi hại. Có mấy chiếc cà vát khỏe quá, tươi thắm quá lại đứng riêng ra một chỗ nơi đầu dây, như chiều ta đây không muốn lẫn vào với đám chị em tầm thường, đã chẳng dám tách riêng ra mà can đảm đòi lại quyền sống ngoài ánh sáng.

Bữa nay tù cà vát nhộn nhịp.

Sợi dây cà vát rung rinh rồi mấy mươi dải cà vát cũng đều rung

rinh theo trong bóng tối. Một luồng ước vọng thấp thỏm vừa chạy qua tâm linh đám mụn tở. Chưa cái cà vát nào biết rõ trước là "chị" nào sẽ được ra khỏi chỗ tối tăm này, dầu là chỉ có một buổi. Quyền lựa lựa ấy là quyền của đảng chủ nhân - đảng chủ nhân thì chỉ có một mà họ, những lựa đẹp, thì là rất đông. Tủ cà vát đợi, phút dài như năm.

Nguyễn rầu rầu gởi mắt vào lòng tủ mà không để tâm đến dải cà vát nào cả. Chẳng uể oải tháo mũi một dải cà vát đeo ở cổ không biết từ bao giờ, rồi vứt nó xuống cạnh đám cà vát cũ kia. "Ta lại chôn vào đây một ngày vui nữa đi qua". Nguyễn lẩm bẩm, đóng ập cửa tủ đang kêu một tiếng râm.

Thì ra đám cà vát hy vọng và thất vọng kia lại đang thêm được một số phận bạn bầu nữa, bị vứt vào đây để làm lạnh thêm không khí tủ đã thừa mùi thê lương. Nơi lãnh cung, Thánh Thượng lại vừa thêm được một nàng phi thất sủng.

Khốn nạn, đa không dùng đến đám cà vát này nữa, đã không muốn thất cà vát lộng lẫy nữa thì Nguyễn nên đem mà nhường lại cho các bạn thân, hoặc tiện và thấp xoàng hơn nữa, thì nên đem cả cái lô hàng tốt ấy gửi vào nhà hàng tầm tầm nào cho họ bán đấu giá đi như cái lối bán đồ vật của những vị Tây phải hai năm mươi ở xứ này. Không muốn cho "người ta" ở với mình nữa thì nên phóng thích người ta ra, thả cho về, để cho người ta đi tìm những bộ cổ xinh tròn khác mà làm bạn mà gởi thân. (Cuộc đời chung quanh đâu phải là không còn có cái cổ nào nữa. Người đao phủ vẫn còn thêm sống kia mà). Giữ làm gì người ta trong một cái tủ lạnh hơi người vắng mùi hương ấm để cho nó mai một những màu sắc chóng vánh nhất thời ấy đi. Đã phụ tình nhau thì nên buông tha nhau ra, chẳng có hơn sao.

Chiều nay ngồi tháo giấy bên tủ gương mài cạnh, cổ sơ mi để hở, Nguyễn lắng lòng mình. À, cái đời tiềm tàng của riêng mỗi

người, Nguyễn chán lắm rồi, không thể chán hơn được thế này nữa. Chàng đã mất hết cả tin tưởng trong cái lối sống riêng biệt mà trước kia chàng cho là màu nhiệm kỳ thú lắm.

Ra cái hạnh phúc con người ta không thể đặt lên Truy Hoan được. Khi mà người ta thừa thãi sức khỏe và tiền bạc, và lại được hai đấng cha mẹ thừa bát ăn để cho mình ăn học để có lấy một quan niệm đại khái về sự sống theo chiều mặt, thì ai mà lại chẳng vui và đùa hát và nói to cho nó qua ngày đoạn tháng. Đã từ một ngày xa thẳm nào, Nguyễn tưởng cứ ướm mãi được nụ cười như thế trong ca hát và lúc nào cũng nấn mãi được một mùi cà vát xinh tươi trước cúc áo cổ sơ mi. Nhưng có một buổi chiều không gian nặng trĩu như sũng thuần túy, Nguyễn đã bị không khí mới sai bảo dắc lực và hiểu cuộc đời theo một chiều sâu để rồi lại đem mình lắng mình vào một đời sống bên trong. Thì Nguyễn mới nhận ra rằng một cốc rượu máu đào nồng men cũng như một món tóc thề, cũng như một miếng dê béo, đều đã không nói cho chàng nghe thấy một điều gì hết. Hay là tất cả bấy nhiêu chỉ có bảo cho chàng hiểu rằng tất cả bấy nhiêu là vô vị, là nhạt nhẽo, là thối nát và chàng không tiếc gì mà thay bỏ hết.

Cái lô cà vát kia là dấu vết của một thời đã được coi là đứt đoạn hẳn. Và để đánh dấu lại cái bóng quang âm ấy của một thời đã đi qua, Nguyễn đã cất hết bấy nhiêu cà vát đẹp vào tủ kín. Rồi để lúc nào buồn lại thử mở ra xem. Trong cái tủ áo cánh gụ chặt khóa, nhiều kỷ niệm lắm. Nào là những buổi chiều lộng lẫy và hí hửng bên một vòng đua ngựa. Nào là những buổi sớm ngày chúa nhật đàn đúm đi rong phố Tây sắm những đồ vật không cần dùng gì cho sự sống hằng ngày, nào là những đêm... Ôi! Mỗi dải lụa tơ dệt màu là một ngày nào động được hồi tưởng đến. Ví chẳng khác một cuốn an-bom lúc được giở lại từng tờ một.

Bây giờ Nguyễn đi tìm những thức ăn mới và đã biết trôn

xa những nơi hội họp cũ. Nguyễn đã muốn thay thực đơn cho lòng mình.

Và Nguyễn đã thay luôn cả cái bề ngoài của mình. Những cái gì là lộng lẫy là hào nhoáng, chàng thái hết. Và giờ, trước ngực nơi cổ, người ta chỉ thấy chàng tết có một nút cà vát đen kịt. Có người trưởng tộc ngựa mồm, biết trong họ nhà - về chi Nguyễn - không có ai nằm xuống hồi gần đây, hội nghị chàng là để trở ai thế, thì Nguyễn trả lời rất gọn rằng "Thưa cụ, cháu đang để tang cháu đấy ạ".

MỘT NGƯỜI CHA VỀ ĂN TẾT

Tặng Đỗ Đức Thu

Chiều hai mươi chín tết, vợ chồng anh bạn trước khi đáp chuyến tàu cuối cùng về quê, đã bảo Nguyễn: - Cái đó tùy anh. Nếu anh muốn ăn tết ở đây để "tìm cảm giác của tha phương", thì cái nhà này bao giờ cũng vẫn là nhà của anh. Sẵn đây có, sẵn rượu thuốc, giò bánh và cá kho và trầm hương. Nếu anh đổi ý kiến sau khi vợ chồng tôi đi rồi thì anh cứ về. Hay là về? Cũng nên về nhà, Nguyễn ạ. Đã mấy năm, anh không ăn tết ở nhà, anh không thấy để phiên cho thân quyến hay sao? Nhưng nếu anh về, anh làm ơn gửi nhà lại cho ông cụ Tư bên hàng xóm nhà. Dặn qua ông cụ mấy tiếng. Thôi đến giờ tàu rồi, vợ chồng tôi đi, và gửi lời chúc anh ăn tết cho... cho được... thôi chúng tôi đi.

Đêm ấy, Nguyễn uống rượu cảm khái trong một căn nhà bạn đã về quê.

Đứng trên bao lơn, Nguyễn chênh choáng nhìn xuống cái nhộn nhịp của đêm tết Kinh thành. Nửa chai đã cạn. Chỉ có rượu vào mà thơ không thấy ra, Nguyễn khoác áo ra đường. Trời rét đã khuyên chàng chỉ nên đi bộ, mỗi bước dài đủ tám mươi phân. Nguyễn thêm hút thuốc chưa guồn nhồi trong một cái tẩu thuốc mà nôi hút phải sâu lòng. Chàng rẽ vào một hiệu tạp hóa thực phẩm của Khách Phúc Kiến, tìm thuốc và tẩu thuốc. Hộp thuốc lá thơm thái nhỏ mất một

đồng bảy hào. Cái tẩu thuốc chỉ có một đồng. Nguyễn nhớ tiếc cái thời phong lưu xưa cũ, trong nhà, trên giá tẩu, lúc nào cũng có đến năm sáu cái tẩu đủ kiểu, cầm đến cứ nhẹ như không và hút không nóng cổ.

Đứng ở đầu ngã ba, chàng bảo người bán cà phê rong pha cho một cốc cà phê đặc. Thói quen đã bảo chàng ngâm một ngụm cà phê không bỏ đường chún nước đắng vào ruột tẩu để tời cái tẩu mới.

Nguyễn đứng trước tủ kính một hiệu giày, ngắm lô giày dép trẻ con. Rất giày trẻ con. Thật là một thể giới chân ấu trĩ. Chàng thấy lòng rung động, nhớ đến lũ con chàng không biết bây giờ đang ngủ hay là đang làm những trò gì ở nơi xa vắng ấy. À, còn hai hôm nữa thì chúng thêm một tuổi và bố chúng thì kém đi một tuổi rồi. Nguyễn hút một mồi thuốc tẩu, cau mặt đánh một cây diêm mà mắt vẫn không rời khỏi lô giày tí ti xinh xắn. Chàng lẩm bẩm làm một cái tính nhẩm. Thằng Tuyền mười một tuổi... Con Khuyên... tám tuổi. Con Tương... Thằng Châu... Con Hường... Cộng cả lại chúng nó được đúng ba mươi tuổi. Một mình chàng cũng ba mươi tuổi. Tam thập nhi lập. Lập cái gì? Lập công? Lập đức? Lập ngôn? Hay là lập dị như người ta thường bảo chàng? Ô! Thế sự! Nhớ đến tên lũ con, chàng lại buồn cười cho ông nội sao đặt tên cho cháu toàn đặt chữ đôi. Đọc nghe Tàu quá. Cái con Tiêu Tương bằng ti tẹo thế mà ông nội cũng đã tìm chữ cho cháu gái dùng làm biệt tự. Tiêu Tương tự là Sở Đoà! Nguyễn nhớ đến một câu thơ Chinh phụ. Những cái tên cùng một bộ thủy, đẹp như thế này, chẳng biết mai sau có đứa nào làm nên cái trò trống gì không?... Lại còn có những người lúc được hiển đạt - họ được hiển đạt vì một quê hương toàn người mù họ còn được cái may, có một con mắt mở - lại muốn xóa bỏ khỏi tầm căn cước, nơi giấy khai sinh một cái tên rất bố cu mẹ đi tố cáo một nguồn gốc quá ti tiện.

Nguyễn đã quay gót rảo bước được một quãng rồi mà hình ảnh

lũ con chàng vẫn âm ảnh hoài. Chàng giữ lại hiệu giấy ấy, đòi mua luôn một lúc năm đôi giấy trẻ con đủ màu da láng xanh đỏ đen nâu.

- Thưa ông chân các cháu số mấy? Người chủ hiệu giấy tùm tùm hỏi.

Nguyễn lúng túng. Chàng nhớ cách đây sáu tháng, một lần vội vã tạt về nhà, chàng đã lấy bút chì xanh khoanh kiểu chân lũ con vào một tờ bìa. Nhưng tìm đâu cho ra cái tấm bìa ấy bây giờ? Và nếu có tìm được thì chưa chắc đã dùng để làm mẫu cho đúng được. Sáu tháng rồi, chúng nó nhớn như thổi. Vợ Nguyễn viết thư ra cho chồng, thường lúc nào cũng viết một câu như thế để vào lời tái bút.

"Này ông hàng giấy này, con tôi đưa đầu lòng mười một tuổi, đưa nhỏ nhất đứng cuối số là hai tuổi. Tôi có tất cả năm cháu. Nhà tôi cứ hai năm ở cũ một lần. Ông liệu mà xếp giấy. Rộng một chút cũng không sao".

Nguyễn bung bọc giấy ấy về nhà, đi qua hiệu tạp hóa chú Khách ban nãy còn mở cửa, chàng mua luôn một cối pháo toàn hồng và một chai rượu Cognac, thứ nhỏ và mình lọ đẹp. Cái dáng lọ ấy bỏ vào túi áo trong ba-đờ-suy tiện và xinh quá. Có thể đem theo luôn trong mình để lúc lỡ gặp vui hoặc gặp buồn ở giữa đường, người ta chỉ phải ngậm lấy cổ lọ và tu đánh ực một ngụm rất gọn ghẽ.

Thằng đầy tớ chưa đi ngủ. Nó đang ngồi phá trận với một cỗ bài tổ tôm đã mòn hết góc cạnh và mất cả hình vẽ. Nguyễn bảo nó đốt ngay cối pháo trong nhà. Trong khói đặc như mây thung lũng, lửa pháo dẹt những sợi sáng nhanh tựa chớp. Tiếng pháo nổ xé không khí gian phòng kín vương mùi diêm sinh ngạt. Trong bài trí của khói diêm đứng im không chịu đi đâu và xác pháo trụy lạc ở mặt thềm, Nguyễn ngồi ngắm lũ giấy trẻ con. Chàng ngừng uống rượu để hút tẩu thuốc. Rượu và thuốc đem vào đầu Nguyễn một cơn thiên đầu thống nặng trĩu. Và đến lúc chàng mở mắt dậy trên trường kỷ lạnh

tụt mất cả nệm phá Lào, chàng nhìn cửa tay áo cháy thủng một lỗ to bằng quả cam đường. Miệng chàng chát xít một mùi tàn tro. Đồng hồ đeo tay của Nguyễn chết từ lúc hai giờ đêm.

Xa xa tiếng tiu cảnh leng keng. Chẳng biết có phải là tiếng vọng một đám lễ tất niên một nhà hàng xóm chậm trễ không?

Nguyễn đánh thức thằng nhỏ dậy:

- Con bỏ cái va ly trên đầu tủ xuống, lau bụi đi... Đây cậu cho đồng bạc giữ lấy mà ăn Tết. Cậu đi vắng nên trông nhà nhiều hơn là đi chơi. Cậu mợ con ngoài giêng có ra sớm, con nói cậu phải vắng nhà độ mấy hôm.

- Cậu lại không ăn Tết ở Hà Nội?

- Ừ. Con nhớ để cái đĩa pha lê ra giữa bàn nhà ngoài cho những bạn của cậu mợ con đặt danh thiếp nhá.

Một tấm cửa sáng mở rọi đúng vào một đêm tuế mộ mò mò. Gió đêm thổi thốc vào miệng thằng nhỏ đang: "Lấy cậu về..." với một giọng buồn tiếc. Cậu Nguyễn lại cũng về quê nữa!

Nguyễn đặt chân ra ngoài hè cũng không biết lúc ấy là mấy giờ. Đêm hai mươi chín tết rạng ngày ba mươi, trời tối như trát mực tàu. Ngược làn gió nay mai sẽ giao thừa, chàng lần về nẻo ga.

Mấy người phu đổi thùng chậm trễ, tay lòng thông cầm cái thứ đèn chụp làm bằng vỏ chai rượu ty của đáy, túm tụm ở cửa một ngõ ngang bàn nhau ngày mai nấu chung một nồi nước nóng có ngâm hạt mùi già để tẩy mình cho hết cái ô uế trong một năm giữ việc vệ sinh chung cho thành phố.

Trên con tàu, Nguyễn móc củ thủy tiên vào cái mấu sắt ở trần toa. Lúc sáng hừng thì hoa ấy, đêm qua còn ngậm cười, đã toạc nở hai đóa giữa quặng Phô Tia - Cầu Guột trong con tàu tết trườn trên đường sắt dài. Hoa chớm nở đượm một mùi thơm của sự được đổi rời. Nguyễn nhìn ra cửa sổ tàu, nhìn con đường nhựa thiên lý song

song đánh bạn với con đường sắt. Và trên đường, có một quả hồ lô máy đang ịch nuột từng tắc đường dài. Người phu lục bộ làm phần đường đã cho chở cả lên xe lăn một cái hòm mới gỗ nhuộm màu nước vàng và hai man vàng Sét. Nguyễn ngùi ngùi nhìn lại cái bóng người hèn mọn đang lùi xa lại với con lăn trong đám cỏ cây gần thay hết lớp lá già cũ. Đường nhựa, dưới trời mưa phẫn rĩ rã, bóng và lạnh như một thỏi thép rộng bản. Sớm ba mươi Tết, Nguyễn nhận ở hình ảnh người phu đường ấy cả ý nghĩa sự quyến luyến của con người ta đối với phần hương và cố lần mò về góp mặt cho kỳ được với quê hương, mặc dầu mình chỉ là một mẩu đời tũn mủn chẳng đáng nên góp vào đâu tất cả. Mà Nguyễn thì đã hơn gì người phu phần đường kia (!).

Còn nửa chai Cognac con giắt theo, Nguyễn dốc nốt, chàng xuống ga về nhà, ngửi cái mùi vôi mới quét ở ngoài cổng. Chàng uể oải bước vào nhà, đứng ngắm mẹ đang chỉ bảo người lấy trầu đánh bóng bộ đồ đồng ngũ sự. Mẹ Nguyễn thở dài một tiếng, rồi cúi luôn mặt xuống. Ông cụ để ra Nguyễn đi vắng, mang các cháu nhón lên chơi chùa. Vợ Nguyễn đi chợ, thằng Tuyền bạn đi họp bạn Sói Con. Nguyễn cảm thấy hình như không một ai có ý chờ mình về. Mấy kỳ Tết, chàng có về đâu mà chờ với đợi. Chàng về Tết, nói cho cùng, cũng chỉ như một người đi tù về. Tủi tủi và rầu rầu. Nguyễn thấy mình có trở về nhà trong ngày long trọng này cũng chỉ là vì một thói quen đã cũ. Không về thì không đành lòng mà về tới thì... ối dào...!

Chàng vào cái buồng cũ đầy mùi ẩm mốc, chui luôn vào chăn bông ngủ một giấc say, trả nợ cho mắt phải thao láo vì mấy đêm thao thức trước ngày về. Con Hưởng đang ngủ say quá. Nằm cạnh con gái út hai tuổi, chàng thấy ấm, ấm hơn cái lồng ấp có than hồng.

Chàng ngủ không biết mấy giờ. Lúc mở mắt dậy, thấy có những cái gì vương vãng chung quanh mình. À, ra con Tiêu Tương và lại

cả thằng Châu nữa. Hai đứa nhỏ này chui vào chăn tự bao giờ. Nguyễn lắng thấy ngoài cửa sổ khép có những tiếng quen quen đang nói chuyện. Đúng là tiếng thằng Tuyền nó đang hỏi mẹ nó:

- Cậu đã về đấy mẹ?

- Ừ, con bảo em Khuyên khê chứ để cậu ngủ. Thôi con không phải thay quần áo nữa. Cứ để nguyên cả quần áo sì cút đấy, đợi cậu dậy rồi ra mà khoe luôn. Cậu đã thấy con mặc lỗi Hương Đạo đâu?

Một lát lại có tiếng cha nói với mẹ:

- Thôi bà đừng nói gì với nó nữa.

- Tôi tưởng năm nay nó lại cứ ăn tết với những bạn nó.

- Thì đạo bằng hữu cũng đáng phải kể trong ngũ luân chứ? Nhưng thôi, tôi cũng rồi đấy, bà lên cúng đi để cho các cháu nó lễ... Cái thằng ấy thế mà tốt số. Năm nay nhà mới giết lợn gói giò làm chả, thì nó về. Mà không biết nó ở đâu về, xem ra mệt nhọc thế.

Nguyễn thấy trong mình đang rào rạt những tình cảm mới lạ. Rồi Nguyễn phàn nàn cho mình đã không đem được tí gì về nhà gọi là góp vào cái tết trong gia đình. Một chút hối lỗi buồn bã này làm gì đã đủ. Con Tiêu Tương đã trở dậy. Nó cười ngay. Và khoe luôn với Nguyễn cái ống tre bỏ tiền của nó đã đầy nặng. Nguyễn mới nhớ ra mình đã để đồng xu cuối cùng của mình vào lòng tay người phu xe kéo từ ga về ban nãy. Con Tiêu Tương giờ ra cái đôi tất trắng sạch nhưng mà cũ. Nguyễn vụt nhớ đến lũ giày dép của trẻ con, mở va ly ước cho con Tiêu Tương một đôi hơi lỏng một chút. Thằng Châu cũng choàng dậy và méo mào:

- Thế của con đâu? Cậu có mua cho Châu không? Có mua que đan và cuộn len để chị Khuyên đan áo cho con không?

Nguyễn gật liau và chàng vừa ngáp vừa nhớ lại tất cả những lần vợ ở cũ thì chàng đều không có mặt ở nhà. Chàng cảm thấy mình chỉ là một đứa ích kỷ quá và không xứng đáng tí nào đối với cái độ

lượng của tất cả già trẻ và người bạn lứa đôi kia. Chàng thấy mình đã nghĩ đến mình nhiều quá đến nỗi quên hẳn những nguồn sống chung quanh gần nhất.

Đêm giao thừa ấy, lúc cúng ở giữa trời, ông cụ thân sinh ra Nguyễn lắng đêm, hóa vàng và lúc nghe thấy mèo kêu sau lúc pháo các nhà đón Xuân đã tắt bèn nói với Nguyễn đang lom khom trút rượu ở bàn cúng:

- Mèo kêu rậm rù. Năm nay rồi động rừng, rồi dữ rừng lắm đây, Cả ạ. Không nên đi các vùng xa.

Tết Nguyên Đán Kỷ Mão

LỬA TRẠI

Gởi cho một người con

Cái đêm thức vừa rồi sao mệt đến thế. Ấy là cái đêm trắng không có nhựa độc pha thêm nữa vào mà còn thế đấy. Nếu có nha phiến thấm tràn vào người như những năm trước thì phải biết! Có mà giặc đã ập ngay đến lúc này thì mới dưng nổi được Nguyễn dậy. Nguyễn bẻ tay kêu lắc rắc.

À, cái thằng Xuân lại đang ôn lại những bản nhạc cổ điển, nắn nót nhún nhảy, mài mười đầu ngón tay trên lũ phím ngà chiếc dương cầm lù lù chiếm mất hẳn một góc phòng. Sao hôm nay người bạn đàn hay và du dương đến thế. Xuân, cái người bạn tốt - đã vui vẻ đánh chó và mở cửa cho Nguyễn vào ngủ nhờ một đêm - thấy Nguyễn cựa mình, tay vẫn nhún phím đàn, ngoái đầu lại, nói chớ vào tấm màn trắng rung rinh.

- Còn sớm, ngủ lại đi; để tôi tìm một bài gì ngộ ngộ đàn cho anh ngủ thêm nhá. Bài "Bữa Cỗ Của Con Nhện". Anh thử nghĩ kỹ xem cái đoạn giữa bản đàn có toàn là những tiếng ruồi tiếng muỗi rung vẩy cánh chực phá bung cái lưới tơ nhện dăng không nhá?.

Mặc kệ bạn đánh bài "Bữa Cỗ Của Con Nhện" Nguyễn thăm lặng đuổi theo những ý nghĩ mình đầy tiếc thương và rẻ rúng. Chao ôi! Đêm qua Nguyễn lại đi chơi. Đến lúc này mà vẫn còn trong mồm chàng, trên da lưới chàng, nơi đáy họng chàng cái mùi vị chất xít và ma túy của mấy bình rượu. Cánh tay sơ mi đưa lên mũi, có mùi thơm của chất dầu bôi tóc đàn bà. Và ở đây vẫn còn đọng lại chút hương

phần của một thứ phân đằm. Lại còn cái gì mà đồ lem nhem thế này nữa? Trời! Sáp môi.

Đêm qua, lúc gần về sáng, Nguyễn mò về nhà Xuân xin ngủ nhờ. Cái giường vẫn thừa chỗ cho hai người nằm, tại sao Xuân lại không cùng nằm chung với chàng? "Tôi ngủ đây giấc rồi. Cho anh nằm một mình cho dễ chịu. Tôi dậy làm việc đây. Tôi dậy làm việc đây! Mấy giờ thì đánh thức anh?". Nguyễn suy nghĩ về câu nói và cử chỉ của Xuân. Có lẽ người bạn tốt của chàng đã ghê tởm chàng. Nguyễn đã tha lê về đây bao nhiêu dư vị, dư hương chẳng thơm tho ngon lành gì của một đêm chơi nhảm. Xuân có quyền coi thường chàng. "Và tính vốn kín đáo, nó đã giả vờ dậy làm việc để khỏi phải ngủ cạnh mình. Tính Xuân nó sạch sẽ và lòng nó trong sạch, chốc nữa mình đi rồi, chắc chỗ vải gối vải giường vải bọc chăn này, nó sẽ đưa ra thợ giặt hết". Nguyễn lại đưa hai cánh tay sơ mi nhàu lên mà ngủ. Chàng thấy mình đang chán mình. Nguyễn càng thấy chán hơn nữa: Cách cái tâm cảnh rời rạc của chàng có một thước, người ta đang làm việc rất vui vẻ và lương thiện. Xuân nó đang đánh đàn. Xuân nó đang tìm tòi một cái gì trong cõi thanh âm huyền bí. Bên một cỗ đàn dương cầm bóng nhoáng, Xuân nó đang càn cù phụng sự cái lý tưởng của nó. Đẹp vậy thay là âm nhạc. Đẹp vậy thay là anh bạn Xuân đang khảo phím cỗ đàn.

- Thế nào? Anh lại mặc quần áo đi đâu? Chưa đến còi mười giờ mà.

- Ra thư viện và tạt qua nhà in một lát.

- Có cần viết gì, sẵn cả giấy bút ở bàn ấy. Người anh trông mệt lắm, đi làm quá gì. Ở đây đến trưa đợi tôi đi dạy mấy bài đàn về rồi cùng đi ăn cơm. Có buồn ngủ đấy. Quần áo tây và sơ mi tôi, anh mặc vừa, có cần thay thì cứ lấy mà thay. Ừ, hôm nay vừa kỳ thợ giặt tới lấy quần áo, đồ cũ của anh cứ vứt vào bồ kia cho nó giặt luôn thể. Sao? Độ này anh có viết được quyển gì mà tự mình lấy làm bằng

lòng không? Lâu không thấy họ in tên anh.

Nguyễn giở một cuốn tự vị lơ đãng nhìn mấy hình vẽ, lắc đầu. Chàng đã vội vàng bỏ một bàn tay ngón mềm nhũn lạnh toát mồ hôi vào lòng bàn tay ấm áp rắn rỏi của Xuân. Xuân tiễn chàng ra cửa, nhìn theo người bạn bơ phờ đang lữ một bước chân, lúc tạt ngang qua đường phố, loạng quạng suýt đâm vào một cỗ xe rác.

Bác tuý phái nhà in đưa cho Nguyễn một bức thư.

- Thừa ông, thư này tới đã một tuần lễ. Không biết chỗ ở nhất định của ông, nên đành phải giữ lại đây.

Nguyễn bóc thư - một bức gia thư.

Thưa Cậu,

Con vừa được lên đoàn trên. Đúng ngày kia con làm lễ tuyên thệ. Anh đoàn trưởng có viết giấy lại đảng nhà mời Cậu và Mợ đi dự lễ tuyên thệ của con. Mợ con bảo con viết thư ra mời Cậu về. Có Cậu cùng đi thì Mợ con mới đi. Vậy thế nào Cậu cũng về. Các em đều ngoan cả. Em Thi vẫn đi học. Còn em Thu thì kỳ vừa rồi, cô giáo bắt phạt vì đi học đến trường chậm luôn và hay khóc.

Cái mũ nồi giờ không dùng được nữa, cái mũ nồi chỉ dùng được khi con còn đi họp đoàn Sói Con thôi. Bây giờ con là thiếu sinh đoàn Hương Đạo. Phải đội mũ khác. Bằng vải vàng mây, có vành rộng. Cái thứ mà chòm mũ bóp thành quả nùm có bốn múi ấy. Cậu ạ. Cậu mua mũ như đầu con số 48.

Ký tên: CON

T.B. - Hôm qua em Vinh đánh đổ cả chai mực tím vào áo lụa. Mợ con đánh cho đến mấy cái phát trần. Rồi cả em Vinh và Mợ con cùng khóc. Mợ con bảo Cậu đi vắng mãi thì các em con đến hư hết thôi... À, cái con sáo đã bay mất rồi, Cậu ạ. Thế là từ giờ, không còn gì đem ra mà tắm chơi nữa, Cậu ơi. Lại còn mấy con lợn đất đựng tiền của chúng con. Mợ con hôm vừa rồi cũng đập ra hết lấy cái mua

sữa cho em bé. Ông nội đi Huế đã gần một tháng chưa về. Nhà vắng. Bà nội hay gắt và mắng chúng con là đi ra Hà Nội với thằng bố chúng mày. Mỗi lần bà nội gắt là Mợ con lại kêu rức đầu, bỏ ăn đi vào buồng nằm. Thành ra các em con đùa nghịch bên mâm cơm, đánh nhau chí chöhe, đổ canh đổ nước mắm ra giường, con thường bị bà nội mắng lầy".

Nguyễn dạo qua các phố, dính mũi vào nhiều miếng kính tử hiệu bán mủ. Chàng ngắm mãi cái mủ hương dạo vừa chọn xong. Tuy là vải vàng máy chỉ vải mà đẹp khéo vô cùng. Sẵn tấm gương của nhà hàng, Nguyễn đặt mủ lên đầu, ướm thử. Phiến gương to trả lại cho chàng bóng một cái mủ rất bé đặt chênh vênh trên một cái đầu lớn quá. Đầu mình và mủ trẻ làm bạn với nhau một cách không xứng đáng đã gọi cho Nguyễn thấy hình ảnh bộ mặt một hề xiếc hay đội và mặc lối lẳng để làm trò cười cho thiên hạ. Tay vẫn nghênh ngang cầm chiếc mủ vải vàng đi giữa phố, Nguyễn gặp dăm bạn tay chơi quen.

- Mày làm cái điệu gì mà nghênh ngang giữa phố với cái mủ kia thế. Định đội à? Lập dị thế! Mày mà đội mủ thì trời sập đó. Mấy năm nay, có ai thấy mày mủ măng gì đâu.

Trái với cái tính chàng mọi ngày hề gặp những bạn tay chơi là khôì hài ngay, Nguyễn nhìn họ rất lâu, rồi trả lời, mệt mỏi:

- Tôi mua về cho thằng con vừa được lên đoàn Hương Đạo.

- Nói đùa hay thực?... Khốn nạn, nào ai biết được ông là bố trẻ con. Trông cái mặt nghịch ngợm thế kia và được rõ cái lối sống bặt mạng của ông, ai dám ngờ ông đã lập gia đình. Với lại ông có khai ra bao giờ. Nhưng hãy gác chuyện đứa con ông lại đã. Nhận gặp ông đây, chúng tôi vui về báo cho ông một cái tin buồn này: là chiều nay, chúng tôi kéo nhau ra ngoại ô đánh chén. Một con dê. Mà chỉ có ba người ăn. Có ông nhập vào nữa thì vương cổ. Ăn xong, lại rủ nhau sang nhà con Tuyệt gầy. Ông nghĩ sao?

Chẳng cần nghĩ sao cả, Nguyễn không nhận nhời và không kèn càng chuyện gẫu thêm như mọi lần, chàng rảo bước đi thẳng. Lũ bạn ngạc nhiên nhìn theo Nguyễn đang lom khom ở quãng cây cột đèn trên, cúi xuống rãnh nhất một cái gì cho một đứa trẻ hàng phố đang chỉ tay vu vơ và sụt sịt khóc.

Tối hôm ấy, Nguyễn đã về đến nhà, sau bốn giờ tàu tốc hành. Chàng đánh thức ngay thằng Tuyền đang ngủ dậy. Lồm ngồm trở dậy, thấy đèn sáng trưng, thằng bé Tuyền hấp háy dụi mắt. Nguyễn đội ngay lên đầu trẻ cái mũ ca ki si cút, xoay đi xoay lại mấy vòng. Mũ vừa đầu con, Nguyễn cười, trẻ Tuyền cũng cười, lộ hai hàm răng không đều và chưa đủ. Thế rồi nó lại lăn ềnh ra ngủ. Nguyễn thấy đứa con ngủ ngon lành như vậy, chàng lại nhớ đến những giấc ngủ đứng ngủ ngồi của mình vào những đêm nể bạn cũ phải căng mắt và rộng miệng cả hơi làm vui cho bạn ngả ngón bên đèn và bên hoa. Lại nhìn thêm đến lũ con nhỏ khác ngủ rải rác ở mấy bộ giường. Nguyễn không muốn đánh thức chúng dậy vì, trót cầu thả trong việc về thăm nhà, chàng đã chẳng mua được tí quà bánh và đồ chơi cho trẻ, giờ lại đi khua chúng dậy, bố con nhìn nhau, lại có điều tủi bẽ thêm chẳng! Nguyễn chỉ vội thực hành ngay một ý vui vừa chớm qua đầu óc. Rón rén chàng lật tà áo cánh mỗi trẻ lên, buộc một đồng kèn năm vào đầu dải rút mỗi chiếc quần hồng dưng. Rồi trở ra bên mâm cơm bắt thường vợ vừa bung lên, Nguyễn đã xoa tay với sự bằng lòng của một ông cụ Noel sau một đêm phát chẩn tết Giáng Sinh. Cơm có rượu, chàng lại uống, vừa uống vừa ngẫm. Quái, cũng là một thứ rượu ấy - chàng đã nâng mãi cái chai rượu nút còn nguyên vẹn dầu xi vừa mở có dán nhãn hiệu rất quen thuộc kia lên, đọc đi đọc lại tên rượu - mà hôm nay chàng nhấp thấy ngọt dịu chứ không cay gắt và đắng như mọi lần uống với đám anh em tưu đồ ở "ngoài ấy". Ngất ngưỡng một mình trên cả một cái gác, đêm đó, Nguyễn lại muốn làm thơ, để ca tụng đến cái hương thơm dịu được mùi xúc cảm bốc lên khỏi chén rượu của một "Cuộc trùng lai của đứa con

hoang toàng".

Từ buổi mang mũ về cho thằng con đứng đầu lũ con đàn. Nguyễn lần nữa ngày một ngày hai, không chịu trở vội lại Hà Nội và mặc kệ bao nhiêu "những thằng những con Hà Nội", chàng không trả lời một lá thư nào cả. Có lúc nhận những cái bì thư hoa mỹ này, chàng đã muốn xếp xó lại đấy, nhất định không mở đọc, giống như cái lối chán chường của một người nợ nhiều quá, lúc phải nhận những bì thư đảm bảo của chủ nợ thúc. Mỗi buổi ăn cơm được luôn luôn đổi bữa bằng những món tằm thường như cá kho tương, riêu cua cà bung, tay bí xào, nộm khoai, thịt sườn, Nguyễn cảm thấy cái sinh thú cảm dỗ của cuộc sống có gia đình. Bây giờ chàng mới thấy cơm cao lâu là nặng và rượu nơi nhà hát là cay. Mỗi buổi ăn điểm vài chén rượu - vài chén thôi - cho ngon miệng lúc và cơm, mỗi lúc mâm cơm bung đi rồi, vợ chàng quét giường giải chiếu khác. Nguyễn nằm đùa với lũ con đàn. Nguyễn ít ở nhà, lũ con nhỏ không quen mây, chưa dám đùa ngay, chúng giạt cả vào phía tường, trốn mắt nhìn. Có đùa sợ quá lại òa lên khóc, mặc dầu có mẹ chúng cũng ngồi đấy, Nguyễn hơi cúi với trẻ. Vợ chàng lại một phen phải đứng ra nói nhiều câu đến là buồn cười để hòa giải cái việc hiểu lầm giữa chồng đùa nhả đùa vụng và lũ con trẻ đàn đang sợ người lạ. Một hôm, hai hôm... dần dần bọn trẻ cũng hiểu được cái người lạ hay đùa với chúng kia là ai rồi. Chúng không sợ nữa, nhưng những cuộc đùa nghịch trên giường kia, trông nó vẫn đĩnh đoảng thế nào ấy. Ở mọi nhà, bố con họ đùa với nhau, trông nó vui và dịu êm dịp dàng hơn kia. Vợ Nguyễn đứng quạt màn trong buồng nhìn ra, lấy làm ái ngại cho một người bố trẻ con vì lối đạo đã lâu ngày rồi nên dầu mấy bữa nay tập tành riết mà vẫn chưa chơi được với đàn trẻ cho nó nên hồn. Nàng cười rất có lượng "Bấy nay chồng mình chỉ quen đùa với những đàn ông và đàn bà lớn tuổi ở chỗ ngoài gia đình thôi!" Nguyễn cũng biết mình chưa lấy được tin nhiệm của đàn con, chưa quen những thói tục, chưa nhiều cái kỳ cục thực. Chúng lấy một cái

buồng cau tươi đã bị cắt hết quả. Chúng kẹp hai chân cuồi lên một bộ xương cau xanh, giả làm cuồi trâu cuồi ngựa không ép âm i vui vẻ như thể được luôn mấy ngày liền mà không chán thì cũng thú thực. Nguyễn ngồi rình lũ con nô đùa và cố hiểu những ngón chơi của chúng. Cái thế giới nhi đồng ấy có nhiều cái bí ẩn bắt Nguyễn phải nhận chân đến một thứ nghệ thuật làm cha con trẻ. Hiện bây giờ chàng chỉ là đang tập làm bố.

Chờ mãi, mãi tới nay thẳng Tuyền mới đi họp bạn si-cút và đốt lửa trại thì trời lại phân phần mưa. Nguyễn đưa vợ con ra bãi cắm trại chen lẫn với đám cha mẹ kia cũng đang đi xem con cái mình điếu qua trước một ngọn lửa và chút nữa sẽ làm trò. Đứng trên bãi cỏ ướt đầm, vợ Nguyễn chỉ cái đống củi tạ cháy đỏ ngòm và nói chuyện với chồng rằng: "Trông y như là Tết nấu bánh chưng ấy". Lũ con nhỏ thì say mê với những cái tàn lửa nổi bật lên nền trời mưa và nghĩ đến những cái pháo hoa cải được đốt hồi đầu năm chơi Tết mua bằng cái tiền ông bà nội phong bao cho lúc chúng mừng tuổi. Chúng thì thảo:

- Mãi mà chưa thấy anh Tuyền ra đóng trò vua Lê Lợi nhỉ?

Hạt mưa màu vắn xèo xèo trên ngọn lửa xanh li đang vật vờ đè lên mặt cỏ bãi lấp lánh những cái bóng người áo cụt, đầu mũ tay gậy, linh động như bóng một chiếc đèn kéo quân sống và to tát. Rải rác trên bãi, nhiều lều lẻ loi ngọn đèn soi vào cái bóng một tráng sinh cầm gậy đứng gác bên cửa lều như một người lính canh thành. Nguyễn nhìn ngọn lửa cháy vù vù. Cùng với tiếng lửa reo, trong lòng Nguyễn có cái gì mới lạ muốn trào ra khỏi khóe mắt vì cảm xúc. Nguyễn muốn đem nửa đời tội lỗi của mình đánh đổi lấy một đêm đốt lửa thiêng liêng của cái nhân loại Sói Con ấm sáng trong trẻo kia. Nguyễn muốn đem bao nhiêu là năm hoài nghi cũ của mình nhờ cái lò lửa trung tâm bãi trại này chế hóa họ ra thành được một giấy lát tin tưởng chân thành của người tráng sinh yêu đời và đang

vui sống kia.

Đã đến lượt thằng Tuyền ra làm trò vui bên ngọn lửa trại. Tưởng chồng chưa nhận ra đứa con trá hình để hát và múa kia, vợ Nguyễn giật lay vạt áo chàng. Đứng cạnh vợ, Nguyễn đành ngây cứng ra như đá tượng. Cặp mắt Nguyễn bị ngọn lửa cháy đang thôi miên. Bằng sức dẫn của thương đau và tủi nhớ, Nguyễn giật lùi về một cái quá vãng tối mò.

1941

1945 - 1956

QUÁN TƯƠI

Khâu đeo ba lô vào tỉnh sớm quá đấy. Mấy dãy lều chợ thị xã chưa ai ngồi. Nhưng không hề gì. Chẳng mấy chốc sẽ tắt nắng, chợ chiều sẽ họp. Khâu nhớ câu của anh bạn về đây chuyển trước: "Mình bây giờ nhiều hơn thời để quốc. Chiến tranh mà lại hóa ra đông người thêm thế có lý thú không! Cứ chiều đến là các nơi ngồn ngộn người đi, người đứng, người ngồi, chợ phố ê hề miếng sống miếng chín và ngùn ngụt hơi người, tiếng người". Qua dãy lều hớt tóc, Khâu đều nhô đầu vào cười một cái, ngắm bóng mình trong gương to của mỗi gian. "Xin mời anh cứ soi tự nhiên". Tất cả bấy nhiêu anh thợ xén nhếch mép theo Khâu, cái tay rồi việc vắn lách tách chiếc kéo nghề. Khâu đi thẳng ra ngoài tỉnh, ngắm nghía một quán cà phê không có gì là "máy chém" lắm. Cô bán cà phê không lộng lẫy, phích phiếc, cốc kiếc, người, thủy tinh đều sạch sẽ một vẻ trung bình.

- Không tôi không uống cà phê. Chỉ cho tôi một cốc trứng đường.

Thế rồi Khâu lại chồm ra đường cái reo to: "Hay quá lại sẵn hiệu và dép ngay đây". Miệng nói, tay tháo phăng dép đưa luôn cho ông cụ đeo kính ngồi giữa một thể giới da, một lớp cao su đen, cao su đỏ: "Xin cụ cho cháu mấy mũi vào hai chỗ quai gần đứt này. Cháu lầy ngay đấy ạ". Đằng sau lưng Khâu một người nói qua vai chàng, nói vào trong hiệu dép: "Cụ làm sớm cho tôi tôi đi ngay đây cụ ạ". Khâu chợt để ý đến một cổ yên ngựa giữa hàng lòng thòng mấy sợi

chỉ gai dính dở vào cái bàn đạp. Cô cả phê nói vọng sang: "Mời ông về xơi trứng kéo nguội".

Có tiếng ầm ầm inh inh gần mãi lại. Khâu lắng. Không khéo lại tàu bay! "Thưa ông, tiếng xe bò đấy ạ. Vâng, xe bò". Cô hàng không nói đùa, nhưng Khâu cứ bước ra ngoài. Đoàn xe bò thật, nhưng cái xe rất mới, thùng xe ăm ắp áo quần đồng phục mới tinh màu lá coi và chân kháng chiến thì vô kể là bó đang nhảy nhảy theo đà xe. Anh Vệ quốc mặc quần áo mới đẩy xe mới chạy băng băng, anh nào cũng có vẻ phớn. Ra đều thông thạo, anh đồng chí có cổ yên ngựa khâu dở, cắt nghĩa ngay cho mọi người: "Chả là năm nay rồi cái gì cũng đều tiến tới chính quy hết. Quân trang, quân lương phải là xe bò mới được. Không thể gánh được như trước nữa. Gồng gánh trông không khoa học một tí nào. Ấy, bây giờ là mình đều đắp lại, nắn lại những đường đào mà lại! Này khéo không mà dép của ông cụ đâm ra hỏng kiểu đấy nhá. Ông cụ không thấy các cấp chỉ huy bây giờ toàn đi giày da có cổ cả đấy à! Cuối năm nay, cả binh nhì chúng tôi cũng đều là tiến tới đi giày mà hành quân tất cả kia đấy". Ông cụ cứ khâu tiếp nhìn anh đồng chí nửa ngờ nửa tin.

Ở dưới này, ra cái gì trông cũng hay cả. Đến cái nắng buổi chiều vàng nhạt trên mái gianh cũ gianh mới trông cũng lung linh tẹt. Ở chỗ cơ quan trên ấy, Khâu nhớ hình như nắng buổi chiều nó lãng nó tái hơn chứ không vàng lòe thiết tha như ở phố dưới xuôi này. Nắng lỏe nhảy trên những chiếc ca có quai, chiếc đèn bão con lấp kính, chiếc loa thông tin một cửa hiệu thợ thiếc. Khâu không thể ngồi im được nữa, tu vội cốc trứng, nhảy luôn sang cái khoảng nắng tắm tràn trề cả một bên đường. Khâu mân mê đèn, ca, loa và hộp sơ-ranh đựng ống tiêm. "Cái loa này mang về làm quà cho Thông tin xã thì anh ấy thích lắm đây! Cái hộp này mua đựng ống tiêm để bảo vệ sức khỏe cho anh em nhà. Còn cái đèn này bỏ vào ba lô có thể làm việc đêm ở trạm nghỉ được tiện quá đi mất. Làm thế nào mà tha được hết cả về nhỉ!". Ông cụ thợ thiếc dẹo tay kéo,

luôn tay cắt các mảnh sắt tây. Giữa lò lửa, cái mỏ hàn nằm chờ vẩy thiếc hàn. Nhanh như khía kim cương, cạnh nét những phôi sắt tây xoắn cong nhấp nháng sáng. "Không cần nhiều, giá cứ rủ được độ một ông thôi, lên trên ấy bán đèn bán loa thì chợ vùng núi sẽ đông thêm". Có đến ba bốn con ngựa hí giống như đánh hơi cái, có con đá vung cả lên và xô gần mũi vào hiệu thợ thiếc. Khâu lại chạy sang hiệu lò rèn bên cạnh, chống tay vào đầu gối, đứng xem người ta bắt móng ngựa. Bể thợ hiệu rèn đều đều tiếng. Trên giá vách lem luốc vài mẫu mã tấu dao găm đầu mắc búp đa lại cả kiếm rèn theo kiểu Nhật. Bên những vật sắc nhọn chống giặc, lưỡi và mũi lóng lánh theo ánh lửa lò, nhô lên vài chiếc lưỡi liềm quá mùa gặt, Khâu thấy mẩn tất cả những cái ở quanh đây. Hiệu rèn vùng vãi gió than, đen bẩn lổn nhổn. Nhưng Khâu yêu ông cụ lò rèn, cảm tình với cái đe, cái kim, cái búa, với cô bé lênh nghênh kéo bể, với con ngựa ngoan ngoãn đương co chân sau chờ bắt móng ngoài cửa hàng. Cái đồng chí khâu yên ngựa ban nãy đứng ngay bên con ngựa đóng móng, chào Khâu, nét cười mở rộng. Hai người nói chuyện như là đã quen nhau lâu, rồi lại cùng kéo nhau về ngồi bên quán trứng. Bây giờ Khâu mới biết quán có một cửa con ăn thông sang hiệu dép. Và cô cà phê lại đi từ cửa bên ấy về bên này mà bảo chàng: "Thưa anh, dép khâu xong rồi đây ạ". Anh đồng chí yên ngựa vui vẻ: "anh Kha có hay về nhà không hả chị Vinh". Bỗng dưng Khâu biết tên người bán cà phê. Chị Vinh đưa thêm một đĩa bánh ngọt: "Anh Kha em hôm nọ cũng có về qua đây. Về một lúc, vớt dép cũ đây, rồi lấy của ông cụ em đôi giày da lộn bày mẫu hàng. Ông cụ em khôi hài bảo sao không đi mà tước giấy của tây mà lại về tha giày của nhà đi". Đồng chí yên ngựa chen vào: "Ông cụ khâu yên ngựa khâu dép cho chúng ta ở bên kia là để ra anh Kha và và chị Vinh. Anh Kha trước hoạt động ở Hồng Quảng và lập nhiều chiến công ở Tây Bắc. Tôi trước ở đơn vị anh Kha. Anh Kha hay cho tôi sách và giấy để sinh hoạt". Thế là Khâu biết hết cả.

Khâu thấy càng mến thêm ông cụ chữa dép và người em gái "anh cán bộ Kha" hồn nhiên linh lợi như một cô học sinh trung học các vùng tự do.

Bên lò rèn gọi với sang: "Mời đồng chí về lấy ngựa. Xong móng rồi". Khâu nài đồng chí ăn thêm cái bánh ngọt, anh đồng chí xin khiếu vì "vừa ăn cơm xong", đứng thẳng người chào, tạt nhanh sang bên kia đường, Khâu quyến luyến nhìn theo, nhớ lại những ý kiến của anh đồng chí vừa rồi về "lúc vào phố, có khu trục đến bắn, không gì khổ bằng có dất ngựa theo. Nó khổ hơn cả cái nông nổi đi mua thóc hằng ngày cho nó trong suốt cái thời kỳ ăn độn khao hạn chế đạo nọ". Nhiều quang gồng, nhiều gánh hàng xén, nhiều người đi vội theo một chiều vun vút lướt qua quán.

- Đồng bào đi đâu mà đông thế chị Vinh nhỉ?

- Thừa anh, đi họp chợ đây ạ. Chợ tỉnh vui lắm. Gia đình nhà em tản cư dọn hàng đến đây là chẳng thứ mười sáu mười bảy mà chưa thấy nơi nào đông vui như đây. Chiều đến cứ như là hội. Ban ngày thì vắng sợ tàu bay.

- Tôi cũng ra chợ bây giờ. Ban nãy tôi qua chợ sớm quá.

- Vậy, bây giờ thì đang đông lắm. Dép của anh xong từ ban nãy. Ở dưới gầm bàn ấy.

Người và nhiều người quá ở ngoài đường. Ban nãy, Khâu vào tỉnh chỉ thấy vền vền có vài anh công an, dăm bảy bóng cao đen ở đơn vị Bắc Phi, ít anh thợ cắt tóc, còn thì là gạch vụn ngói rêu và trùm lên tất cả là những vòm cây xanh um rậm dày khiến người đi qua có cảm tưởng đây là cửa rừng để riêng cho chim làm tổ. Tiến theo mọi người về phía chợ, Khâu thấy tất cả những chằm đậm nhạt gồng gánh mang xách nhắp nhô vào chợ chiều lúc này cũng vẫn là những thứ chim đang về tổ. Tiếng nói rào rào âm âm vang rộng đến quãng đường. Khâu đang xóc tới. Người ta nối vào nhau, người ta vượt nhau, ừn ừn, lữ lữ. Dép cao su trắng, cao su đen, dép

da sống da chín quệt mạnh quệt nhanh trên nhựa, tiếng đều hơn miết hơn các tiếng chổi quét lá sớm mai của người phu lục lộ ngày xưa. Có người hồi hã quá, lại đi tắt qua những đồng gạch tiêu thổ, đổ ra phía sau những cửa hàng lộ thiên bán quần áo cũ của một góc chợ giời con con. Chết chết, người gì mà đông như là đi biểu tình nghe Tuyên ngôn độc lập thế này: xe đạp đưa theo vào chợ, ngựa cũng đi theo vào chợ, ngựa thồ, ngựa cuỡi lóc cóc bước một, len qua khối già trẻ gái trai đông đảo nghìn nghịt. Cũng lơ thơ một số bóng chậm chạp nhưng mà sao bò ở đâu mà đi mãi, dất mãi qua chợ làm người ta sốt ruột thế này! Ba bốn lái bò chạy theo bộ đội dất bò năn nì: "Các anh mua ở vùng trên ấy có bảy nghìn cả chỗ ba con này. Em xin giả ngay là một vạn hai. Lãi gần gấp đôi rồi, đồng chí bán lại bò cho em". Anh đồng chí dất chỗ ba con bò cười nhe bộ răng đen lại nói cái câu đã nói rồi: "Không được, đã bảo không bán mà. Của đơn vị đấy. Sức khỏe của đơn vị đấy, không ai bán đâu". Ngựa, áo chàm, bò Đông Bắc, chợ Trung du gọi một chút gì biên giới. Người đi chợ, xuôi ngược thành hai dòng rõ rệt. Khâu thấy hai tay mình đâm ra cồng kềnh. Khâu nhìn, nhìn rất nhiều, nhìn rất kỹ. Một anh bạn cũng về xuôi đi lớp huấn luyện bị tụt lại sau, hẹn chiều nay gặp Khâu ở chợ. Trước gian hàng bán thuốc Âu Mỹ có mấy người trông ngơ ngợ đang ngồi xỏm kháo giá thuốc. Tí nữa Khâu vờ vai nhầm. Chắc lại cũng cán bộ đường ngược hoặc quản lý cơ quan vùng trên ấy đây. Cuối chợ, chất tươi nhiều quá. Rau xanh củ trắng, cà chua đỏ mọng, muối lấp lánh phau phau, lợn gà cựa quậy xao động nhốn nháo hơn cả người đi chợ. Khâu đi xuống, đi lên, đi xuống rồi lại đi lên nữa. Người bán người mua ai cũng trợn mắt múa tay nhả nhỏ kêu oai oái về tiền rách, nhưng rốt cục, ai cũng đều là bỏ tiền ấy vào túi, vào ruột tượng cả. Ai cũng mè nheo kêu thóc gạo cao vút, nhưng Khâu thấy trong chợ không có một người ăn mày nào. Vải len nham nham, giấy ngoại hóa giấy bản chông chắt và sao lại có thể nhiều tấm khăn

mặt nội hóa sạch sẽ nồn nà đến nhường này! Ánh sáng kéo vàng, phai nhạt trên các màu đồ ăn thức dùng. Đèn đóm thấp lên trong các gian hàng từ lúc nào Khâu không nhớ nữa. Khâu chỉ còn mang máng là cái lúc nhọ mặt người vừa qua, dân chúng, quân đội, cán bộ chen lách nhau, hình như nhiều hơn lúc đồ đèn chợ này. Khâu nghe tiếng leng keng, bèn tìm đến cái hòm ảnh ống nhôm đặt ở giữa phố chợ kê lên một đôi mễ đường hoàng và lão chủ hòm nhôm ngồi ghế nghênh giữa chợ đông như là bất chấp tất cả đang đun đẩy lẫn nhau qua hai dãy lều quán. Lão khoe lão làm ăn với cái hòm nhôm này từ ngày đế quốc vẫn còn mạnh kia. Khâu bỏ ra hai đồng, chống hông nhôm vào hòm ảnh sáng rực, xem một "bài" những mười hai cảnh, nào là cảnh "đánh Nha Trang, bắn tàu chiến Pháp", nào là "mặt trận Lào Việt bên sông Mê Công", "đánh Hồng Gai" - "đồng bào Mọi kháng chiến ở Tây Nguyên" - "đốt mỏ, chém đồn điền cao su Nam Bộ". Nghĩa là cứ theo lời giải thích của chủ ống nhôm thì những cảnh, những ảnh có thật ấy người Việt Nam chân chính nào lúc này đều cũng phải bỏ tiền ra mà xem cho nó há. Lão lấu cá, ảnh ở đâu đâu chụp một đặng, lão chú thích một nẻo lão bịa đặt chuyện, lão xuyên tạc ảnh để ăn đồ tiền của tất cả những công dân giữa chợ. Khâu biết thế, nhưng lâu lắm, không được sống lại những phút sống còn trẻ, chàng thấy thu thú ghé mắt vào ống nhôm để ông lão đánh lừa mình. Sự thật nghe lão nói thích hơn là xem của lão. Lão nói nhăng nói cuội, cũng nhớ thời sự ra phết, lão giải thích cả những tấm ảnh mà lão gọi là "Ngày mừng sáu tháng ba"; lão hát giọng ê a như là giọng chạy bài tổ tôm điểm. Chợ vui người. Nhiều tiếng hỏi nhau to nhỏ xem đêm nay đã có chỗ ngủ chưa. Khâu chợt nhớ là mình cũng chưa biết ngủ đâu và đồng thời càng thấy đói. Anh đồng chí yên ngựa ban nãy mách Khâu nên tìm cái hiệu cơm gần cột đèn, thì có nước mắm ngon, có dưa giá và hay có tôm cá nữa. Khâu đến trước một cái quầy sáng có mấy bát tôm rang đồ mực đầy vút ngon và ngò ngợ trước một

người đang chặt thịt quay trên thớt hàng. Nhận ra người chặt thịt chính là ông cụ vá dép ban chiều, chàng vui sướng hỏi:

- Cụ ở đây à?

- Kia đồng chí! Mời đồng chí vào xơi cơm. Chả là cứ đến chiều tối thì tôi không khâu vá giày dép nữa, giao cho cháu Vinh hạ cửa xuống và ra chợ đỡ tay cho u cháu Vinh đây.

- Vui quá nhỉ. Cả nhà ta thành ra dọn những ba cửa hàng. Tôi chưa thấy mấy gia đình chịu khó tháo vát như gia đình nhà ta đấy. Mỗi cụ lại ở một góc phố, kể cũng có điều diệu vợi đấy.

- Thì mỗi người cũng phải xoay sở cho nó đủ ăn đủ mặc. Mới trông thì thấy là phân tán ra nhiều sở, chứ chúng tôi vẫn thống nhất đấy ạ. Chốc nữa hết khách ăn là bà cháu lại dọn cả về quán cà phê cháu Vinh. Hai gánh thôi. Được cái miếng chín ở hàng tôi hôm nào cũng bán hết.

Cái bàn ăn bên cạnh, có tí rượu thành ra vui nhộn gôm. Đúng rồi, lâu ngày họ mới tình cờ gặp lại nhau trong buổi chợ tối. Anh trong cùng nói chuyện công tác ở khu Ba. Anh ngoài cùng kể những mẩu sinh hoạt sốt dẻo của Bắc Giang chạy khủng bố chống càn quét, có những nhận xét rất quý về việc gặt thóc giấu thóc tháng mười. Còn anh ngồi quay lưng lại Khâu thì đang tả cảnh bên Cây Đa Nước Chảy và lên án cái thằng "có răng vàng bắt bí khách ăn cơm bữa nhờ độ đường ở Châu Tự Do". Cái đám ngồi ăn nhanh ở đầu ghế sát đường thì đang xĩa răng, bàn nhau nên thuê đồ riêng hay là đáp đò chợ xuôi về kè Đức Lân. Ở đây là một cái ngã tư lớn của vùng tự do Việt Bắc có khác. Ngoài đường, người ta đốt đuốc, đốt ruột cao su, đốt mép lốp ô tô sáng rực cháy bùng bùng, mùi khói nửa mùi khét lốp và bóng người lũ lượt múa đông ơ ơ gọi nhau, chẳng khác gì cảnh nhân dân liên hoan với bộ đội sau những đêm nhổ đồn Tây trên đường số 4 Khâu có dự một vài lần.

Khâu gọi chuyện với ông cụ về vấn đề tìm chỗ ngủ.

Nếu ở đây mà không quên ai, thì vào giờ này cũng hơi khó đấy. Nhà ai cũng có người ngủ nhờ đã dặn từ chiều. Chỗ hiệu dép của tôi không được rộng sạch, nhưng anh em đi công tác qua, cũng có nghỉ lại vài bận.

Khâu nhận ngay, yên trí đeo ba lô xin về trước và ra đường mua hai đồng hai bó đóm. Đường phố sáng trưng, từng đồng gạch hiện rõ dưới ánh đuốc tan chợ. Chị Vinh lại chào Khâu trước:

- Anh đi chợ về?

- Tôi có ăn cơm ở quán nhà ta. Lâu không được ăn tôm cá, vừa rồi tôi ăn nhiều quá. Và may hơn nữa, cụ lại dặn về bên hiệu dép nghỉ đêm nay.

- Anh có cần đèn làm việc tối thì để mua thêm dầu ta. Thịnh thoảng những anh bạn anh Kha em đi công tác nghỉ lại đây, anh nào cũng thức thật khuya và ngồi viết cả đêm ấy.

- Chị cho tôi một quả cam Bó Hạ. Cam trông thích quá thế này mà anh em ở quân y được một quả mà ăn thì sưng lắm đấy. Hồi mới đánh nhau còn có ai là dám nghĩ đến những thứ này, có phải không chị Vinh?

- Chẳng cứ cam, đến cả nhiều thứ khác nữa, như là ảnh chẳng hạn. Cái năm nó ào ạt lên, thật không ai dám tưởng đến còn có ngày gộp nhật ảnh kỷ niệm. Năm nay thì lại nhiều ảnh quá. Anh Kha em bảo mỗi người cán bộ, trong túi hết bấy giờ ai cũng có một quyển an bom dán ảnh gia đình, ảnh mặt trận, ảnh hậu phương. Ở thị xã đây cũng có đến ba bốn hiệu ảnh. Em thấy họ phơi những phim ảnh mặt trận của cán bộ đi qua đưa rửa nhiều phim trông đẹp và lạ lắm.

Khâu tiến lại phía bàn con, nó nhỏ như cái bàn học, có một cậu em dáng thon thả lật trang sách dưới đĩa đèn. Vinh nhìn theo Khâu và gọi:

- Em Lai đứng dậy để anh ngồi. Em đưa cam vào.

Khâu giữ Lai cứ ngồi nguyên, và ghé vào cuốn an bom ảnh. Lai đang giở xem. Một tấm ảnh to in rõ hình ông cụ bà cụ, Vinh, em Lai và một thanh niên đội ca-lô khỏe đẹp, tất cả đứng chụp chung trước quán, cái biển: "Quán Tươi" rõ từng nét.

- Có phải đây là anh Kha không hả chú Lai?

- Anh có biết anh Kha em à? Nghe nói anh Kha em sắp đi mở chiến dịch mới phải không anh?

Khâu lắng ra ngồi vào cái bàn vuông giữa quán, khách vừa đứng dậy. Người quân nhân ngoại quốc còn đứng chờ giả lại tiền kia đang dở câu chuyện với một cán bộ người mình: "Nếu người ta cứ kêu mãi về họ tức là không biện chứng tí nào. Lòng tay những người tiểu trí thức ấy đã có chai. Những người chuyên môn ngồi xe cao su dạo phố ấy đã có những thành tích hành quân xéo lấm qua đá, qua gai Việt Bắc. Tôi còn nhớ hồi ấy là khoảng giữa năm 1947, tôi ngồi nhìn họ hành quân qua bên Bình Ca. Buổi sớm một tốp khiêng cái bộ phận chính khẩu đui-xét. Mãi đến trưa mới thấy cái nòng trở dua diễu qua. Gần chiều mới thấy mấy người khiêng cỗ chân đang ngơ ngác tìm hai tốp trước. Tôi đã dè dặt không dám phát biểu ý kiến hồi ấy. Nay thấy họ nền nếp lớn mạnh sau ba năm chiến đấu càng dẻo dai càng gân guốc, tôi phục cái đơn vị ấy trong công việc xây dựng chung của quân đội Cách mạng Việt Nam. Thần tình và khả quan lắm!".

Quây lấy cái bàn giữa, Lai và Vinh và Khâu chụm đầu lại xem cuốn an bom. Khâu nhấp cốc nước cam. Có tiếng trống ếch nhì đồng vọng từ xóm xa về. Không, trống nghe cũng gần đây thôi. Nghe rõ cả tiếng hát đồng ca nữa. Vinh cười với Lai.

- Đám Thiếu sinh quân về đóng gần đây rồi. Chắc lại sắp có lễ kỷ niệm.

- Thế nào chị cũng nói với anh Kha lần sau cho em đi Thiếu sinh quân khu, chị nhà. Ở nhà chỉ bưng cà phê và trứng, chả bao giờ

được hát to cả.

Khâu nhìn Lai, buột miệng gọi Lai là chú:

- Chú Lai thích hát thì rồi đi với anh.

Lai ta vỗ ngay lấy câu chuyện học hát, hỏi đồn Khâu là đi có xa không và đi bao nhiêu ngày. Khâu cười cười bảo Lai là thế nào cũng xin phép anh Kha cho Lai đi. Chàng ngấm Vinh, trở vào cái biển nèn giầy:

- Nay chị Vinh này, sao quán nhà lại đặt tên là "Quán Tươi"? Nghe hay đấy.

- Thừa anh trước gọi là Thủ Đô. Tên này là mới đặt. Ông cụ em kêu chữ Quán Tươi ngô nghê cộc cạch nhưng anh Kha em thì bằng lòng lắm. Chả là em cứ thấy các anh ấy qua lại đây lúc nào cũng nói đến chữ tươi nên em đặt luôn cho quán. Cái tên cũ thấy nhiều quá rồi. Nhiều Thủ Đô quá.

Ông cụ, bà cụ ở chợ về, đám đuốc rừng rực trước quán. Vinh ra đỡ gánh cho mẹ. Và Lai thì chạy vù sang gian dép bên thấp sần đèn. Chắc mọi ngày vẫn thế. Ông cụ nhìn Khâu cười cười, rủ luôn Khâu cùng sang gian bên cạnh: "Đồng chí sang bên này. Hôm nay cứ kể còn tôm rang thì còn bán được nhiều. Ngày mai ta đi mua nhiều tôm mà làm hàng, u con Vinh ạ. Hôm nay đồng chí nằm giường kia với tôi. Còn Lai thì nằm chõng kia". Khâu hơi tiếc. Giá được nằm một giường với "chú Lai" thì thích hơn. Chàng vụt nhớ đến những chú giao thông liên lạc của cơ quan trên ấy, hay nằm chung với Khâu hay ù cho Khâu những đêm núi đá toát lạnh nhiều quá.

Còn ít thịt luộc mang về ông cụ mang ra đánh chén ở cái bàn bừa bộn dùi, kéo, chỉ, dao. Chú Lai đặt một chai rượu và hai cái chén. Ông cụ lại cười cười: "Đồng chí lại đây. Tôi cứ xong hàng, tối nào về nhà cũng làm mấy chén trước khi đi ngủ". Khâu xin kiếu nhưng cũng lại ngồi gần bàn có chú Lai ngồi sẵn đấy, châu hẫu nhìn ông cụ đang nói. Trong này ông cụ nói, bên gian cà phê bà cụ cũng

nói. Vinh và bà cụ đang nhẩm tiền hàng và thu dọn nhiều thứ. Ông cụ uống rượu vui tính. Chuyện đang xoay quanh vấn đề dép cao su. Khâu không nhớ rõ tại sao lại sang đến vấn đề cao su. Lúc đầu nói về trốngếch ông cụ bảo "trốngếch bây giờ thay cho trống đình trống cái", thế rồi không biết nó chuyển sang giấy dép từ lúc nào. Ông cụ chỉ cái lô dép và cái đám lóp, ruột lóp còn nguyên nghĩa chưa phá cắt, vuốt râu: "Ấy, chính vì cái thứ hàng này mà tôi dọn nhà lên thị xã Bắc Cạn, giải phóng không đầy một tháng là tôi về làm ăn ở đây. Bây giờ nhiều sấm, nhiều lóp quá chứ hồi ấy cao su còn có giá trị lắm. Bây giờ thì chỗ nào cũng bày bán dép đen, chứ hồi ấy, chiều chiều ra bến đò sông Cầu mà nhìn thuyền tải sấm lóp ô tô, bánh cơ giới, là tôi cứ mê toi cả người, bỏ cả ăn. Chỗ cầu bê tông, đã có lúc gọi là bến Cao Su đấy. Lắm quá đi mất. Thế này thì còn gì là "nó". Chết cứ như rạ. Thái độ ông cụ phân minh hơn nữa khi ông cụ cầm những chiếc dép bên cạnh chai rượu giơ lên kéo dài giọng ra: "Đây là ruột non, ruột già chúng nó đấy. Đây là ruột đen ruột đỏ quân giặc đấy!". Khâu chen vào:

- Thừa cụ vâng ạ, đây là những kết quả cụ thể các trận truy kích phục kích đường số 3 đường số 4. Nhưng thật ra, đây cũng còn là máu mủ của đồng bào Nam Bộ nữa.

Hà, thế này thì cũng hơi khó hiểu đấy. Ông cụ ngừng chén chớp chớp mắt chờ Khâu cắt nghĩa thêm. Khâu mới trình bày cho ông cụ dép nghe về câu chuyện các đồn điền cao su Nam Bộ, Cao Miên, sự bóc lột thặng dư giá trị cần lao trong ấy và vấn đề tiêu thổ của Nam Bộ, một phần lớn là phá hoại các đồn điền cao su, chém gẫy hàng trăm triệu gốc cao su xanh tươi rườm rà và đốt cháy cơ man là bát mủ thùng nhựa ra gio ra than. Chiến tranh cao su kích thích chú Lai và Lai lờ mờ tìm ra một mối tương quan giữa "chiến tranh mủ" và cái súng cao su chàng nạng gỗ ổi chú dắt dưới đáy bị từ hồi mới theo mẹ, theo chị chạy về các thôn xóm ngoại thành. Lai giục Khâu:

- Anh Khâu nói chuyện về chiến tranh cao su nữa đi anh!

Riêng đối với ông cụ, "chiến tranh cao su" làm tốn rượu thêm mấy chén nữa, quả hẳn cái mức uống mọi tối.

Ngoài cửa liếp, nhiều tiếng giầy đinh lộp cộp trên đường đá. Tiếng xe bò. Tiếng móng ngựa thò. Hàng đoàn ngựa thò. Ông cụ nhấp chén rượu cuối cùng để đi ngủ, chỗ chỗ ra ngoài đường, hạ thấp giọng: "Minh đấy! Bộ đội mình lại chuyển đây. Rầm rập cả đêm cả ngày. Lâu nay là cứ liên miên như thế. Tôi khâu vá kể cũng đã nhiều cho anh em mà cũng chẳng còn biết đảng nào mà nhận ra ai nữa. Người nào trông cũng tài hoa lỗi lạc, nói năng lễ phép. Ông nào cũng nhận là con nuôi của phố này cả. Hay thật. Tây mà cứ nhảy dù xuống đây là có châu dù đòn". Khâu lách cửa đi ra ngoài. Đã khuya thế mà vẫn còn nhiều nhà có đèn. Khâu dạo một lúc. Trong các nhà sáng, nổi lên nhiều tiếng máy may rền đều như không bao giờ ngừng hết. Khâu vào đến ba bốn hiệu giả vờ hỏi giá máy. Ba bốn hiệu đều nhất loạt: "Chúng tôi không dám nhận thêm của ai nữa. Và còn bận đến mấy tháng liền nữa. Ấy toàn của bộ đội địa phương cả đấy. Lại còn bao nhiêu bộ ka ki phải làm ngay nữa. Nghe đâu ta sắp có phái đoàn các nước tới thăm, ai cũng may sắm chờ đón tiếp cả. Nghĩa là chúng tôi may cả ngày cả đêm, cứ tối mất tối mũi lại đẩy anh ạ. Tiếng máy khâu sè sè vui đều trong phố thức khuya. Khâu nhớ lại những tiếng máy may năm Bốn năm đâu đâu cũng hồi há may cò, mua cò, làm cò. Mấy nhà sáng đèn góc phố, không có tiếng máy khâu, nhưng nhiều bóng người đang cong lưng cúi xuống hàng đồng công việc. Đây là một hiệu khắc gỗ, khắc tranh vẽ báo tranh áp phích, dao trở linh động, ý nhị tia gỗ mềm như là gọt thủy tiên ấy. Đằng kia là một cửa hàng thêu, có nhiều phụ nữ thùa mép kim tuyến cho phù hiệu sao vàng của năm chính quy. Khâu trở về thao thức cả đêm vì những hình ảnh kỳ diệu dồn dập của sinh hoạt quanh mình và cả ngay trong lòng mình. Tiếng giầy đinh lộp cộp mãi, tiếng ngựa, tiếng xe bò ngân dài loang rộng

mãi qua thị xã đã từ lâu không còn mảnh tường đứng nào. Khâu dào dạt cảm xúc và chuyển này về núi, buổi lửa trại thân mật trong cơ quan nào cũng kết quả khi chàng đứng ra nói chuyện trung du cho toàn thể anh em nghe.

Khâu chớp mắt có một lúc mà gà đã gáy sáng. Ông cụ ho. Có tiếng ù ù như gần như xa. Khâu ngồi nhồm dậy chăm chú. Ông cụ khuyên cứ ngủ tiếp đi: "Bố nó cũng chả dám dù chỗ này. Tiếng xe goòng của công đoàn ra lấy than đấy mà". Ngoài tám liếp đóng, lại vẫn rất nhiều tiếng người đi, tiếng giầy đinh, tiếng móng ngựa trượt trên đá. Hình như cả đêm, có rất nhiều người không ngủ nổi nhau mà đi trên đường cái.

Sáng đã lâu. Khâu ngồi uống cà phê, mắt không rời mặt phố. Người nào đi qua, túi cũng dặt một cái bút máy hoặc sắm một cái bút chì vào sắc cốt da bên cạnh. Rồi là kiu kịt, loang loảng qua "Quán Tươi" không biết bao nhiêu là gánh bột tre, bột dó. Năng sớm mai nhấp nhánh trên nhiều phiến đá li tô trắng bóng vuông vắn áp trên vai một đoàn người vận tải áo nâu. Tất cả bút mép túi, bút sắc cốt, gánh bột giấy và đá in, tất cả những người gánh người đi linh tinh ngẫu nhiên nối lẫn nhau vào kia đều như là một bức hoạt cảnh có sự xếp đặt để tuyên truyền cho một phong trào học tập sôi nổi. Khâu ít hút thuốc lá nhưng các gói thuốc bày hàng có những tên đặt dễ ư: Bắc Sơn, Lô Giang, Công Đồn, Công Kiên, Công Thành, Phấn Công. Khâu thở khói thuốc nhìn nắng hừng trên đường. Thôi chàng không đợi người bạn chạm nữa, chàng xóc ba lô, chào ông cụ, chào chị Vinh và quyền luyến nhiều với chú Lai. Cả nhà ai cũng đều bảo Khâu lần sau đi công tác qua thì cứ đến "Quán Tươi" mà nghỉ đêm.

Qua bãi rộng ngoài tỉnh, Khâu đứng lại xem bộ đội mặc quần cụt đá bóng tròn. Tiếng còi trọng tài, tiếng chân sút bóng da bình bình trên cỏ ướt. Khâu thấy lạ tai lạ mắt. Mấy năm đánh nhau với

Tây, giờ Khâu mới lại nhớ lại những biểu diễn này và quả là sự sống kháng chiến đến năm thứ tư này đã được bình thường hóa một cách thú vị. Giá biết là có đá bóng vui thể này thì lúc đi Khâu đã rủ em Lai cùng ra bãi chơi. Bây giờ quay về thì cũng không tiện. Chàng nhắm tính độ đường cho ngày hôm nay, nhất quyết lần sau về qua đây thể nào cũng cố nèo ông cụ cho Lai theo mình về cơ quan. Khâu tin chắc sẽ rủ được Lai, đem Lai về văn thư cơ quan, nâng đỡ Lai. Lai chỉ ở với cơ quan trong một thời kỳ là sẽ "trưởng thành" trước lứa tuổi. Cái phố nhỏ chằng đường này cũng nhộn nhịp ra dáng. Lại xe đạp vận tải, lại quang gánh, ba lô, bị còi, điệu nâu. Khâu đi miết trên đường còn những hai chục cây nữa mới đứng chặng nghỉ, nhất định không nghỉ vật. Nhưng cái hiệu bán cơm và bán cả sách này trông hay quá. Dây gai giăng đầy mặt hàng, lòng thông báo chí sách mới và phơ phát nhiều tấm lịch 1950. Khâu bật bật những tờ a-đăng-đa rộng khổ in ngày tháng bên cạnh. Lại có cả những khẩu hiệu mới và những tranh to để ghi thành lịch thi đua. Khâu mua một cuốn ký tên lên bìa bỏ ngay vào túi.

- Năm bốn bẩy tưởng như là kháng chiến thì không còn làm gì có ngày tháng nữa, tưởng không còn in được lịch vào đâu nữa ông hàng nhí!

- Vâng, bây giờ lịch in nhiều và đẹp. Người mua cũng nhiều. Tôi có cái ý kiến là càng lúc gần thắng lợi, ngày tháng càng được chú ý hơn. Tâm lý ai cũng thấy là cần ghi chép, tính toán ngày giờ để xếp đặt công việc.

Ngoài hè quán có mấy gánh vừa đổ xuống trông khác thường. Khâu ghé gần, sờ mó vào, cầm xem những mảnh sắt nhẹ đũa-ra, chặt cắt ra từng miếng nhỏ sáng bóng, cạnh rất sắc. Mấy anh gánh nhôm thân tàu bay nhìn Khâu không nói gì, chỉ tòm tòm rất là hóm hỉnh. Không khi nào Khâu lại còn đi hỏi mấy anh vận tải Xê Bê ích này xem nhôm kia là lấy ở đâu, gánh đi đâu, để làm gì. Khâu nhớ

lại, cố nhớ lại những cột báo đã đăng về tin hạ máy bay gần đây. Người gánh nhòm và người xem những mảnh vụn thân tàu bay đang gặp nhau trên khóc mắt phản chiếu một nỗi hãnh diện thâm, một sự tự tin hể hã không cần nói ra ngoài. Khâu thân mặt: "mời các anh ăn cơm" để năm bảy người gánh đũa-ra ngoài chõng vui vẻ nói vào: "Xin mời đồng chí". Tay vẫn cầm bát đũa, đôi lúc Khâu dang trí: "Đũa-ra, Đũa-ra! Địch là dùng làm đầu đạn moóc-chi-ê đây".

Việt Bắc xuân 1950

Tạp chí văn nghệ

số 20, 21 tháng 2, 3 - 1950

MỤC LỤC

1932 - 1940

• Vườn Xuân Lan tạ chủ	7
• Đánh mất ví	14
• Gỡ cái vạ vịt	22
• Một vụ bắt rượu lậu	29
• Chiếc đĩa sứ Giang Tây	36
• Mười năm trời mới lại gặp cổ nhân	44
• Đông phương là Đông phương	
Tây phương là Tây phương	53
• Thời sự	62
• Vang bóng một thời (<i>Tập truyện ngắn</i>)	72
• Bữa rượu máu	75
• Những chiếc ấm đất	85
• Thả thơ	94
• Đánh thơ	101
• Ngôi mã cũ	111
• Hương cuội	123
• Chữ người tử tù	132
• Một đám bắt đắc chí	140
• Chén trà sương	149

• Đền đêm thu	155
• Trên đỉnh non tảo	168
• Khoa thi cuối cùng	186

1940 - 1945

• Một người muốn đập vỡ đàn	205
• Có một người không muốn ỏm nữa	213
• Con sư tử một năm Quý Sửu	220
• Giá đồng quan giám sát	227
• Một cảnh rước dâu chạy tang	233
• Mượn cái vui của người khác	241
• Một người tỉnh rượu đốt cháy rừng trúc	248
• Xác Ngọc Lam	253
• Rượu bệnh	273
• Đói - Roi	285
• Lửa nền trong tranh	292
• Loạn âm	304
• Nguyễn (Tập truyện)	319
• Nhà Nguyễn	320
• Đôi tri kỷ gương	378
• Chuyển xe tình	424
• Cái cà vạt đen	431
• Một người cha về ăn tết	438
• Lửa trại	445

1945 - 1956

• Quán tươi	455
-------------	-----

NGUYỄN TUÂN

Truyện ngắn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 8 294684 - 8 294685

Fax: (04) 8 294781

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Nguyễn Văn Lưu**

Biên tập: **Nguyễn Anh Vũ**

Trình bày: **Kim Long**

Vẽ bìa: **Lưu Chí Cương**

Chế bản: **Đông Tây**

In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 tại Xưởng in Khảo sát & xây dựng.

Giấy đăng ký KHXB số 48/128 QLXB - CXB ngày 15/3/2004.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2004.

NGUYỄN TUÂN

TRUYỆN NGẮN

truyện ngắn nguyên bản

1 004102 200961 54.000 VND

0 68 05 512481 86

Giá: 54.000VNĐ

Website: www.thuaxuathuongbay.com.vn